Kinh Pháp Cú song ngữ chú giải - tập 3 (Thích Phước Thái)

Kinh Pháp Cú [Dhammapada Sutta - The Path of Truth]

Kinh Pháp Cú Tập 3

Phẩm Hỷ Ái . (Piyavaggo)

209. Chuyên tâm làm những việc không đáng làm, nhác tu những điều cần tu, bỏ việc lành mà chạy theo dục lạc, người như thế dù có hâm mộ kẻ khác đã cố gắng thành công, cũng chỉ là hâm mộ suông. Giving himself to things to be shunned and not exerting where exertion is needed, a seeker after pleasures, having given up his true welfare, envies those intent upon theirs.

Kệ tụng.

Làm việc, không đáng làm,
Không làm, việc đáng làm,
Bỏ lợi, theo hỷ ái,
Ghét bỏ kẻ tự lực
Chú thích

Hâm mộ suông: Ý nói những Tỳ kheo vì bị dục lạc mê hoặc, bỏ việc hành đạo để sinh hoạt theo thế tục, sau thấy kẻ khác tu hành có kết quả lại tỏ lòng hối tiếc hâm mộ, nhưng kỳ thật tự mình thì trống rỗng không được gì cả.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ba người đệ tử.

Theo truyện tích kể lại, tại Xá Vệ, có một gia đình sanh ra duy nhứt có một người con trai. Người con trai này được cha mẹ thương yêu nuông chiều như trứng mỏng. Hai ông bà trông giữ đứa con không cho đi ra ngoài. Ông bà là người Phật tử rất sùng mộ kính ngưỡng tin tưởng Phật pháp.

Một hôm, ông bà thỉnh chúng Tăng đến tư gia để cúng dường ngọ trai. Thọ trai xong, chư Tăng tụng một bài kinh hồi hướng công đức. Cậu con trai nghe thấy thế, liền phát tâm hâm mộ và có ý muốn đi xuất gia. Nhưng cậu ta biết rõ, nếu xin cha mẹ đi công khai, thì chắc chắn cha mẹ cậu sẽ ngăn cản không cho đi. Cậu ta suy nghĩ, chỉ có cách duy nhứt là phải tìm phương cách trốn đi. Thế là, cậu ta liền thực hiện theo ý định bằng cách nói dối gạt mẹ, để đi đến tinh xá xin Phật xuất gia. Cậu ta được Phật hứa khả chấp nhận cho xuất gia và nhập vào hàng ngũ tăng chúng tu học.

Khi biết được, người cha đến tinh xá, thấy con đã xuất gia mặc y vàng, ông cha liền nghĩ, con ta đã xuất gia, vậy ta còn ở ngoài đời làm gì. Thế là ông cũng xin Phật xuất gia luôn. Đến khi bà mẹ, không thấy chồng về, đi đến tinh xá tìm kiếm. Thấy cả hai đều xuất gia, bà mẹ cũng đi đến bên tinh xá chư Ni xin xuất gia. Tuy cả nhà đều xuất gia, nhưng tình thân thuộc quyến luyến vẫn còn, cả ba người thường hay tìm cách ngồi

chung nhau để bàn chuyện. Thấy thế, Phật liền quở trách và nhân đó, nên Phật nói Pháp cú này. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy, cả ba vị đệ tử này, tuy thân đã xuất gia, nhưng tình thân thuộc luyến ái trong gia đình vẫn còn. Họ hay tìm cách gần gũi để chuyện trò

với nhau. Điều này, nếu đứng về phương diện xuất thế mà nói, thì trái với hạnh nguyện của người xuất gia. Vì cội gốc của sanh tử luân hồi là do lòng ái dục mà ra. Nên có câu nói: “Niệm bất nhứt bất sanh Tịnh Độ, ái bất nhiễm, bất sanh Ta bà”.

Vì thế, trong Pháp cú trên, Phật dạy: “chuyên làm những việc không đáng làm”. Việc không đáng làm là sao? Là người xuất gia, lẽ ra, là phải đoạn dục khử ái, cần siêng năng nhìn lại nội tâm để tư duy quán chiếu nguồn tâm, tìm lại cái chân thật của chính mình. Đằng này, ngược lại, đã là người xuất gia tu hạnh xuất thế mà còn đam mê theo ái dục, còn nhiễm trước chạy theo dòng đời, thì Phật cho đó là: “biếng tu những điều cần tu”. Những điều cần tu, đối với người xuất gia, phải thường xuyên quán chiếu nội tâm để chuyển hóa vô minh phiền não. Có thế, thì mới mong thoát khỏi khổ đau của sự ràng buộc trong vòng luân hồi trầm luân sanh tử.

Người tu mà còn để tâm hướng ngoại tìm cầu, đắm nhiễm theo dục tình, ái nhiễm, thì làm sao tương ưng với hạnh nguyện xuất thế? Nếu mình không tự khắc chế lòng dục vọng tham muốn của mình, thì dù mình thấy kẻ khác tu hành có đạt được kết quả cao, rồi đem lòng hâm mộ quý mến, nhưng nhìn lại mình thì là kẻ trống rỗng không có được chút lợi lạc gì! Như thế, thì Phật nói: “sự hâm mộ đó chỉ là hâm mộ suông vô ích mà thôi!”

210. Chớ kết giao với người đáng ưa, chớ kết giao với người không đáng ưa. Không gặp được người thương yêu là khổ, gặp người cừu oán cũng khổ. Seek no intimacy with the beloved and also not with the unloved, for not to see the beloved and to see the unloved, both are painful.

Kệ tụng
Chớ gần gũi người yêu
Trọn đời xa kẻ ác
Yêu không gặp là khổ
Oán phải gặp cũng đau

211. Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu bị biệt ly là khổ. Nếu không còn những niệm yêu ghét, thì không điều gì ràng buộc được. Therefore, hold nothing dear, for separation from the dear is painful. There are no bonds for those who have nothing beloved or unloved.

Kệ tụng

Do vậy chớ yêu ai
Ái biệt ly là khổ
Những ai không yêu ghét

Không thể có buộc ràng
Lược giảng

Hai pháp cú trên, Phật nêu ra và nhấn mạnh sự đau khổ vì mối hệ lụy ràng buộc của tình cảm. Trong đời sống, không ai lại không có tình cảm. Nhưng có thứ tình cảm thương yêu cao thượng, và cũng có thứ tình cảm yêu thương bi lụy thấp hèn. Tình yêu cao thượng, chỉ có, đối với những con người, mà họ có trái tim rộng mở bao dung tha thứ, luôn thiết tha muốn làm đẹp cho mình và cuộc đời. Đó là thứ tình yêu xả kỷ, mở rộng cõi lòng vị tha nhân ái.

Ta có tình yêu rất đượm nồng
Yêu đời yêu vật lẫn non sông
Tình yêu chan chứa trong hoàn vũ
Không những riêng yêu khách má hồng
Nếu khách má hồng muốn được yêu
Thì trong tâm trí hãy xoay chiều
Hướng về phụng sự cho nhơn loại
Sẽ gặp tình ta trong khối yêu
Ta đã đa mang một khối tình
Dường như thệ hải với sơn minh
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh
(Đức Huỳnh Phú Sổ)
Ngược lại, là thứ tình yêu thấp hèn vị kỷ, chỉ biết có lợi cho mình, mà không nghĩ thương tưởng đến ai. Dẫu cho họ có tỏ ra thương yêu người khác, nhưng kỳ thật, cũng chỉ vì bản ngã của họ mà thôi. Đây là thứ tình yêu vị kỷ đau khổ, luôn luôn héo mòn tàn tạ và trái tim của họ mãi khô cằn và rồi chết dần chết mòn theo năm tháng.

Pháp cú 210, tại sao Phật dạy chúng ta không nên kết giao với người đáng ưa? Và cũng không nên kết giao với người không đáng ưa? Thông thường, người ta thích giao du qua lại với người mà mình có cảm tình ưa thích. Nhưng tại sao ở đây, Phật bảo chớ nên kết giao với họ? Điều đó có chống trái với thói đời xã giao thường tình hay không?

Mới xét qua, ta thấy việc khuyên bảo của Phật điều đó, dường như có hơi khắt khe quá đáng, Nhưng, nếu bình tâm xét kỹ, thì chúng ta thấy Phật rất thấu hiểu tâm lý tình cảm của con người. Vì thương hay ghét đó là hai phạm trù đối nghịch, nằm trên bình diện tình cảm xử thế bề ngoài của thế nhân. Người mình ưa thích, tất nhiên, mình sẽ bị dính kẹt hệ lụy vào họ rất nhiều. Đối xử tử tế làm vừa lòng họ, thì họ vui, bằng trái lại thì họ ghét. Nếu hôm nay, họ đối xử với mình tốt, thì mình có cảm tình ưa thích giao du tới lui với họ. Ngược lại, nếu vì một lý do nào đó, họ làm mình buồn phiền, khó chịu, tất nhiên, là mình sẽ tức giận và rồi sẽ đi đến xa nhau. Thế là, tình cảm giữa hai người sẽ bị rạn nứt sứt mẻ ngay. Và nếu không khéo đối xử, có đôi khi trở thành thù hận. Bạn thân trở thành thù, đó là chuyện thường tình ở thế gian. Vậy, tốt hơn hết, là ta nên ứng dụng bốn câu này:

“Đã biết có thương thì có ghét,
Thà rằng đừng ghét cũng đừng thương.
Mong sao giữ tánh không thương ghét,
Mới thoát ra ngoài cái ghét thương”.
Cho nên, sự thương ghét ở đời, nó thay đổi như trở bàn tay. Yêu nên tốt, ghét nên xấu. Thuở xưa, Di Tử Hà rất được vua nước Vệ yêu dùng. Theo luật, ai trộm xe vua phải tội thì sẽ bị chặt chân. Thế mà, khi hay tin mẹ đau nặng, nửa đêm, Di tử Hà lấy xe vua đi, vua biết được khen Di tử Hà là người con chí hiếu. Biết tội chặt chân mà vẫn lấy. Lần khác, Di tử Hà theo vua dạo chơi ngoài vườn, đang ăn quả đào ngon, còn nửa trái dâng cho vua. Vua khen, đang ngon mà nhường ta.

Về sau, khi vua hết tin dùng, không còn yêu thương nữa, liền hài tội và rồi truyền lệnh trị tội Di tử Hà về những tội khi quân trước kia. Cho hay, Thói đời là như thế. Thương ghét của con

người giống như thời tiết, nóng lạnh bất thường. Khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua.

Nếu mình không muốn hệ lụy phiền toái rối rắm trong lòng, thì tốt hơn hết là mình không để cho tình cảm của mình bị người khác lợi dụng làm lung lạc. Đừng để cho họ dễ sai khiến mình. Vì người mình ưa thích, thường là mình hay tỏ ra chiều chuộng họ. Mãi lo sợ làm mất lòng, mà tình thân bị sứt mẻ. Kinh nghiệm xử sự ở đời cho chúng ta thấy, người nào mà mình quá tỏ ra thương yêu chiều chuộng họ nhiều, là chắc chắn, mình sẽ khổ lụy với người đó nhiều. Chi bằng, tốt hơn hết, là ta cứ xử sự ở mức độ bình thường. Nên tránh tình trạng “thương nhau cho lắm, thì cắn nhau đau”.

Khi mình nặng lòng thương ai, thì mình hay sanh ra cái tâm ganh tỵ, khi thấy người mình thương có đệ tam nhân xen vào. Càng ganh tỵ, thì càng làm cho người mình thương, họ cảm thấy bực bội khó chịu, vì bị tổn thương lòng tự ái, tự trọng của họ và như thế rất dễ xa nhau. Thôi thì, dù người đó có đáng ưa cách mấy, ta cứ giữ ở mức độ tình cảm qua lại chừng mực bình thường. Không nên lúc đầu thấy có cảm tình rồi ta ra mặt tỏ tình xử tốt, dồn dập vội vả quá, mà sau nầy phải chuốc lấy ân hận. Cứ xử sự qua lại bình thường mà tình bạn được lâu dài. Chúng ta đừng quên câu nói này: “món nợ lớn nhứt của đời người là tình cảm”.

Ở đây, Phật muốn khuyên dạy cho chúng ta có một đời sống nội tâm an vui, hạnh phúc. Muốn thế, thì ta cần phải vượt lên trên hai phạm trù đối nghịch: “ưa hay không đáng ưa này”. Vì trong cái ưa thích, nó đã chứa sẵn cái mầm mống không ưa thích. Nếu chúng ta chịu khó nhìn sâu xét kỹ, thì chúng ta sẽ thấy rất rõ điều đó. Thế thì, người mà ta ưa thích, thì ta cũng khổ mà không ưa thích, thì cũng khổ. Đó là nói sự xã giao thường tình là như thế.

Nếu tiến sâu hơn một bước nữa qua lãnh vực tình yêu nam nữ, thì ta thấy, yêu mà không gặp gỡ nhau, thì quả thật rất là đau khổ. Ở đời, có biết bao cặp thanh niên nam nữ, vì không thỏa mãn được sự gặp gỡ của tình yêu, nên đã tự kết liễu đời mình bằng cái chết rất thương đau, vì sự ngang trái ngăn cách éo le bẽ bàng chua chát nào đó! Mà

cả hai không vượt qua được sự ngang trái đắng cay này.

Thanh Trì có một bài thơ “Chớ Vội Yêu” để nhắn gởi thức nhắc cùng những người bạn trẻ, nên cẩn thận khi bước chân vào địa hạt của tình yêu. Ông khuyên các bạn trẻ không nên vội yêu cẩu thả, bốc đồng, thiếu sự suy nghĩ, cân nhắc, đắn đo kỹ lưỡng. Các bạn cần phải tìm hiểu chín chắn đối tượng người mà mình đã thực sự gởi trọn trái tim tin yêu, nếu không, thì sau này sẽ phải tự chuốc lấy khổ hận.

Chớ vội yêu

Hỡi những kẻ tâm hồn còn trong trắng
Còn trinh nguyên trọn vẹn tuổi ngày xanh
Còn vui ca khúc nhạc mãi trong lành
Xin chớ vội bước vào đường yêu đau khổ
Có lắm kẻ đặt tình yêu không đúng chỗ
Mà vẫn yêu mang nặng khổ thương tâm
Một lần yêu dở bước lỡ sai lầm
Tim tắt lịm rét căm buồn áo não
Đừng giỡn mặt ái tình chơi kiêu ngạo
Đường tình yêu hung bạo lắm ai ơi!
Phút sa chơn là ân hận cả cuộc đời
Chuốc khổ lụy ngập trời đau nhức nhối
Đời con gái nhẹ lòng nhiều nông nổi
Nghe lời đường mật ngọt dễ tin yêu
Cho thật nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu
Khi biết rõ bội tình tiêu thân xác
Trang tình sử chứng minh nhiều bi đát
Bởi khi yêu trao trọn cả cuộc đời
Chuyện yêu đương không phải chuyện trò chơi
Xin chớ vội trách trời cao chẳng ngó
Biết bao kẻ bị người yêu ghét bỏ
Phải âm thầm gạt lệ suốt đêm thâu
Trên trường tình lắm kẻ đã vùi đầu
Chôn thể xác trong vạn sầu thương nhớ
Cũng đừng trách tình duyên nhiều cắc cớ
Nhiều éo le ngang trái bẽ bàng chua
Vì tình yêu không phải chuyện chơi đùa
Vui một phút cay chua trong muôn thuở
Biết bao kẻ sa lầy tay nham nhở
Bước phiêu lưu dang dở cả cuộc đời
Thuyền lênh đênh giữa bão tố bể khơi
Sống dở sống chết không ra người chi hết

Lê kiếp sống trong bụi đời đầy chán mệt
Nghe lòng đau hoặn thắt mấy tầng mây
Đừng trách người tàn nhẫn lắm đã gây
Mà phải trách lại mình nhiều nông nổi
Yêu là chết, yêu là càng gây thêm tội
Vì đã yêu lặn lội để gặp nhau
Một lần yêu nghe chết cả tế bào
Nghe vũ trụ không gian ngừng nhịp thở
Xin nhắn gởi tuổi ngây thơ đừng ham hở
Nếu chưa yêu xin chớ vội tìm yêu
Để tâm hồn bình thản tuổi xuân kiều
Hưởng trọn vẹn ngày xuân tươi trẻ đẹp.

Trong tình yêu chân thật, khi yêu ai người ta đều có ước muốn là phải hiểu, cảm thông và chia sẻ nhau những vui buồn cho đến trọn đời. Cho nên, ta cần phải xét đoán thật cẩn thận, đừng vì đam mê nghe theo lời đường mật của buổi ban đầu gặp gỡ, mà ta lại vội bước vào một cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm và sẽ sa lầy trong niềm chua cay khổ hận sau này. Đó là điều mà các bạn trẻ nên cẩn thận dè dặt khi đặt chân vào lãnh vực tình yêu. Vì tình yêu không phải là chuyện chơi đùa. Có lắm người bạn trẻ mới lớn lên, vì nông nổi, chưa có kinh nghiệm trong trường tình, nên đã vội yêu mà không cần có sự tìm hiểu cặn kẽ chín chắn. Kết quả, sau đó là một sự đổ vỡ tan nát buồn khổ thật lắm tang thương bi đát.

Khi thương nhau, mà không gặp nhau thì khổ đã đành, ngược lại, nếu gặp lại kẻ mình ghét, thì cũng khổ. Đây gọi là oán tắng hội khổ. Thế nên, Phật nói, con người có rất nhiều nỗi thống khổ. Ngoài cái khổ oán ghét gặp nhau, còn có cái khổ thương yêu mà phải xa lìa. Đây là hai nỗi khổ, trong tám thứ khổ lớn của kiếp sống con người. Sống trong cuộc đời tương đối vô thường sanh diệt, tất nhiên, không một ai tránh khỏi những nỗi thống khổ buồn đau hệ lụy này.

Thế nên, hai pháp cú trên, Phật dạy chúng ta cần phải cẩn thận trong lãnh vực tình cảm. Vì yêu hay ghét, cũng đều khổ như nhau. Khổ là vì tâm ta phiền muộn bất an. Người tu là muốn cho tâm an. Mà tâm an, thì đó là an vui hạnh phúc. Như thế, Phật muốn cho chúng ta có được sự an lạc hạnh phúc trong đời sống thực tế hằng ngày. Vì thương hay ghét đều gây ra rắc rối bận lòng ta cả. Do đó, Phật khuyên chúng ta không nên có những ý niệm yêu ghét, và như thế thì sẽ không còn điều gì ràng buộc được ta cả.

212. Từ hỷ ái sinh lo, từ hỷ ái sinh sợ ; xa lìa hết hỷ ái, chẳng còn lo sợ gì. Therefore, hold nothing dear, for separation from the dear is painful. There are no bonds for those who have nothing beloved or unloved.

Kệ tụng

Tình ái sinh ưu tư

Tình ái sinh sợ hãi
Ai giải thoát tình ái
Không ưu không sợ hãi.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một vị đệ tử cư sĩ.

Theo truyện tích, có một vị cư sĩ, vì thương đứa con trai mới chết, nên ông ta thường lui tới nơi chỗ hỏa táng buồn khóc thảm thiết không nguôi. Sau khi quán sát căn cơ chúng sanh, Phật biết, ông cư sĩ đó có khả năng chứng Thánh quả. Thế là, khất thực xong, Phật cùng với một vị thị giả liền đi đến nhà ông. Sau khi thưa hỏi, ông mời Phật vào trong nhà. Phật hỏi duyên cớ, ông trình bày cho Phật biết nỗi buồn của ông. Nhân đó, Phật khuyên ông không nên buồn khổ vì cái chết của đứa con, và rồi Phật nhắc lại chuyện quá khứ của ông, bằng một bài kệ:

Như rắn lột bỏ da
Người đi về cõi khác
Bỏ lại sau thân xác
Thân thể đã chết rồi
Đâu còn biết buồn vui
Trong lúc ngọn lửa bốc
Thiêu rụi thân mình đó
Hắn đâu nghe tiếng khóc
Tiếng than của bà con
Vì thế ta đâu còn
Khổ buồn vì hắn chết
Hắn đã đi, và đến
Tới nơi hắn phải đi.
Sau khi nghe qua Phật kể lại chuyện tiền thân, ông ta bừng tỉnh và những nỗi khổ niềm đau trong lòng của ông ta từ bấy lâu nay, nó tan biến một cách rất nhanh chóng. Từ đó, ông nỗ lực tu hành và chẳng bao lâu, ông đã chứng được Thánh quả. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Ái dục là cội gốc của khổ đau và của mọi thứ lo âu sợ hãi. Nỗi lo sợ lớn nhứt của con người là sợ chết. Nhưng dù có lo sợ đến đâu, cuối cùng cái chết cũng phải đến. Chết là một hiện tượng xa lìa người thương. Một sự chia ly vĩnh viễn không có ngày tái ngộ. Nhưng, theo đạo Phật,

chết không có nghĩa là mất hẳn như người đời lầm tưởng. Mà chết chỉ là một hiện tượng đổi thay từ cảnh này sang cảnh khác. Tùy theo nghiệp thiện ác đã gây tạo, mà con người chiêu cảm quả báo có khổ vui khác nhau mà thôi. Như mây tan, chuyển qua một trạng thái khác là mưa. Mưa là sự tiếp nối biểu hiện của mây. Hạt mưa tùy duyên mà biểu hiện qua nhiều hình thái khác. Cứ thế mà chuyển biến không ngừng trong định lý tương duyên sinh khởi. Hiểu thế, thì con người sẽ không còn gì phải lo âu sợ hãi

trước cái chết nữa.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, đó là nỗi khổ đau thống thiết của nỗi lòng ân ái biệt ly. Ông cư sĩ khóc buồn vì con chết, mà quên ăn bỏ ngủ, thương tiếc không nguôi. Thử hỏi trên đời này, có mấy ai không buồn đau vì người thân thương yêu ruột thịt của mình đã mất? Nhưng nỗi buồn đau đó, khi ông gặp được Phật an ủi giải bày cặn kẽ, thì không mấy chốc nỗi buồn nó tan biến ngay. Và từ đó, ông không còn bi lụy đau khổ nữa. Bởi vì đã có sanh tất phải có tử. Đó là một định luật chung, không một ai tránh khỏi.

Chết là định luật xưa nay
Mấy ai tránh khỏi, mấy loài thoát ra.
Chi bằng niệm Phật Di Đà
Cầu cho người mất, vượt qua khổ nàn.
Sanh già bệnh chết trần gian
Diệt sanh, sanh diệt vẻ đàng trò chơi.

Diệt sanh, sanh diệt chỉ là hiện tượng giả dối không thật. Khác nào như hoa đốm giữa hư không, hay như bóng chớp chiều tà, như vẽ một lằn chơi trên mặt nước. Tất cả đều là ảo hóa hư huyễn. Sanh tử cũng thế. Chỉ là vẽ đường trò chơi mà thôi! Hiểu thế, thì ta không có gì phải bận tâm lo âu sợ hãi hay thương tiếc. Bởi vì có thương tiếc cho lắm, thì hoa cũng vẫn rụng. Vì thực chất của hoa là vô ngã, do nhân duyên giả hợp, vô thường. Do đó, nên hoa sanh rồi hoa rụng, đó là lẽ thường nhiên. Việc sanh tử còn mất của con người cũng thế, không khác gì đóa hoa kia. Có loài hoa nào nở ra mà không tàn. Có người nào sanh ra mà không chết. Khi hoa tàn biến thành rác, chính rác kia lại làm phân bón hữu cơ để trở lại nuôi dưỡng cho hoa lá sinh trưởng tốt tươi. Như vậy, nhìn rác, ta có thể thấy được hình ảnh đóa hoa tiềm tàng trong rác, hay nhìn hoa ta cũng có thể thấy được rác đang tiềm ẩn trong hoa. Rác tức là hoa mà hoa cũng tức là rác. Đó là lý sắc không của bát nhã. Nhìn sự vật bằng tuệ giác như thế, thì thử hỏi còn gì mà không giải thoát?

Chúng ta hay có thói quen nhìn sự vật theo lăng kính "Biến kế sở chấp", nên mới có nhiều tri giác sai lầm. Nhìn sự vật, bị kẹt mắc trên sự tướng, nên ta không thấy được cái vô tướng của sự vật. Thấy hình tướng của hoa, mà ta không thấy được cái vô tướng của hoa. Bởi nhìn mắc kẹt trên sự tướng như thế, nên khi hoa rơi rụng, ta cứ ngỡ là hoa mất hẳn đi, rồi ta đâm ra sầu khổ bi lụy khóc than, nhưng ta không thấy được cái trở thành rác của hoa. Như vậy, thì hoa nào có mất đi đâu. Chỉ là một sự chuyển biến từ hình thái này qua hình thái khác của hoa mà thôi.

Khi trở thành rác thì rác lại tùy duyên mà biểu hiện ra những đóa hoa hay những loài thực vật khác. Đã thế, thì ta có gì phải lo âu sợ hãi hay buồn tủi khóc than. Bóng đèn xài lâu, tất nhiên phải bị đứt bóng. Nhưng nguồn điện lực kia thì làm gì có đứt? Bởi vì điện không hình tướng, nên không hệ thuộc vào luật vô thường, sanh diệt chi phối. Ngược lại, bóng đèn vì có hình tướng, nên có sanh có diệt, bị luật vô thường chi phối hủy diệt. Điện lực là dụ cho nguồn sống miên viễn của muôn loài. Cái nguồn sống đó trong khế

kinh thường gọi là Phật tánh, hay pháp tánh, tức là thể tánh bản nhiên của mọi sự vật. Điện chỉ tùy duyên mà phát sanh và biểu hiện ở một hình thái khác thôi. Kỳ thật điện không bao giờ mất.

Nếu nói một cách nghiêm khắc hơn, thì "mọi hiện tượng trên đời này không có cái gì mất đi mà cũng không có cái gì tồn tại". Tất cả đều phải chịu chung một luật tắc hệ thuộc vào lý duyên sinh vô ngã, nhân quả luân hồi. Sống hay chết, chỉ là một hiện tượng được biểu hiện trên bề mặt của dòng sống mà thôi. Có thiền quán sâu sắc như thế, ta mới không còn lo âu sợ hãi và sẽ vượt thoát mọi hệ lụy khổ đau trói buộc của cuộc đời.

213. Từ tham ái sinh lo, từ tham ái sinh sợ ; xa lìa hết tham ái, chẳng còn lo sợ gì. From affection springs grief, from affection springs fear. For him who is wholly free from affection there is no grief, whence then fear?

Kệ tụng

Luyến ái sinh ưu tư
Luyến ái sinh sợ hãi
Ai giải thoát luyến ái
Không ưu, không sợ hãi.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến nữ thí chủ Tỳ Xá Khư.

Bà Tỳ Xá Khư thường nhờ cậy cô cháu gái tên Dattà, chăm sóc các Tỳ kheo khi bà vắng nhà. Ít lâu sau Dattà chết. Bà Tỳ Xá Khư hỏa táng thi hài cháu gái xong, quá buồn khổ bà đi đến chỗ Phật đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi: Này Tỳ Xá Khư! Có việc gì ngươi ngồi đây đầy vẻ buồn khổ, rơi nước mắt khóc than? Tỳ Xá Khư kể chuyện: - Bạch Thế Tôn, đứa cháu gái thân yêu rất thật thà và trung tín của con vừa qua đời. Con sẽ không còn thấy lại nó. - Này Tỳ Xá Khư, có bao cư dân trong thành Xá Vệ này? - Bạch Thế Tôn, con có nghe Ngài nói khoảng 70 triệu. - Giả sử tất cả những người này đều là người thân yêu của ngươi như Dattà, ngươi có thích không? - Thưa vâng, thích. - Có bao nhiêu người ở Xá Vệ chết trong một ngày? - Bạch Thế Tôn, rất nhiều. - Trong trường hợp đó, chắc chắn người sẽ không đủ thời giờ than khóc, ngày đêm ngươi sẽ chẳng làm gì ngoài việc khóc lóc, kể lể. - Thưa Thế Tôn, đúng vậy. Con đã hiểu. - Tốt lắm, đừng ưu sầu. Ưu sầu hay sợ hãi chỉ khởi lên từ ái luyến. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập II, Viên Chiếu, tr 402)

Qua truyện tích dẫn chứng trên, cho chúng ta thấy rằng, bà Tỳ Xá Khư tuy là một Phật tử thuần thành, tu học khá, nhưng trước cảnh cháu gái của bà chết, bà cũng không ngăn được giọt lệ ai bi sầu thảm. Đó là do tập khí tham ái của bà quá sâu nặng. Chứng tỏ, sức huân tu của bà còn rất yếu kém. Bà chưa có đủ tuệ giác quán chiếu sâu vào sự chết hay lý vô thường. Cho nên, khi vô thường xảy đến, nhứt là người thân thương yêu ruột thịt của mình mất, bà không thể chế ngự được tình cảm xúc động khóc than bi lụy.

Phần nhiều người ta kêu gào khóc than kể lể, thật ra, đó chưa phải là họ thật thương yêu người chết, mà đó chỉ là một sự biểu hiện toát ra từ cõi lòng hối hận thống trách cùng cực của họ mà thôi. Vì khi người chết lúc còn sống, họ không biết trân quý sự có mặt của người đó. Chẳng những thế, mà đôi khi họ còn làm khổ cho người thân của họ rất nhiều.

Ngược lại, có những người họ không than khóc kể lể, không phải là họ không thương người thân yêu của họ, nhưng vì họ đã đối xử tử tế và hết lòng trân quý đối với người thân của họ khi còn sống, nên bây giờ, họ cảm thấy không có gì phải hối tiếc. Vì khi sống, họ hết lòng quý kính, chăm sóc và phụng dưỡng, nên khi chết, thì họ chỉ thành tâm hết lòng cầu nguyện. Như thế, mới thực sự là thương yêu. Chớ không phải khóc nhiều mới là thương yêu. Đây là thứ tâm trạng không phải chỉ riêng bà Tỳ xá khư, mà đa số chúng ta đều mắc phải.

Khi người thân còn sống, thì ta đối xử với họ một cách quá tệ bạc, không chút trân kính yêu thương, đến khi chết thì ta lại than khóc nhỏ lệ dầm dề. Chứng tỏ cho mọi người đều biết là mình hết lòng thương yêu quý kính. Nhưng kỳ thật, đó chỉ là thứ tình thương yêu xúc động giả dối bề ngoài, chỉ mua lấy được tiếng khen mà thôi.

Song có điều, bà Tỳ Xá Khư được phước duyên rất hy hữu, là bà gặp Phật và được phật chỉ dạy, dẫn dụ cho bà nhận thức rõ về sự vô thường sanh tử trước cảnh chia ly. Nhờ đó, mà bà liền tỉnh ngộ và hết ưu sầu.

Hầu hết chúng ta, khi mất người thương, ta rất buồn tủi, vì không biết rõ người mình thương đi đâu? Kẻ ở lại buồn nhớ thương người chết đã đành. Còn người chết, thì ra đi cũng rất đơn độc. Một cuộc hành trình mù mịt tối tăm, không biết sanh về đâu! Dù người có tu hay không tu, thì ai ai cũng đều có nỗi lo sợ như nhau. Tuy nhiên, đối với người biết tu hành chút ít, nghĩa là hiện đời họ không gây nhiều nghiệp ác, thì khi nhắm mắt lìa đời, họ không đến nỗi phải lo lắng sợ hãi nhiều. Dù sao, họ cũng biết là họ không đến đổi phải thác sanh vào những cảnh giới tối tăm khổ đau sâu nặng. Đó là nhờ họ khéo biết tài bồi tích lũy nghiệp lành của họ nhiều trong đời sống thường nhựt.

Ngược lại, nếu là người hiện đời tạo nhiều nghiệp ác, thì khi nhắm mắt lìa đời, họ rất lo âu, sợ hãi bấn loạn, vì không biết mình sẽ thác sanh đọa lạc vào cảnh giới nào?! Đó là tâm trạng buồn khổ cả hai, kẻ ở cũng như người ra đi đều có những nỗi ưu tư khắc khoải buồn khổ lo lắng như nhau. Song có điều, với con mắt nhục nhãn, chúng ta không nhìn thấy được sự khổ đau hay vui sướng của người thân mình đã chết. Chỉ có tuệ nhãn của Phật hay Bồ tát mới nhìn thấy rõ mà thôi.

Nỗi buồn của người còn lại, thì ai cũng thấy biết. Nhưng không ai thấy biết được nỗi buồn của người thân mình đã chết ra sao! Thực tế, cuộc chia ly nào, cả hai cũng đều có những nỗi buồn thương đau thắm thiết cả. Vì đó là nghiệp lực của mỗi người. Tuy nhiên, nếu chúng ta thật thương người thân của mình ra đi, thì ta không nên tỏ ra đau thương bi lụy khóc than cho lắm, vì như thế, chỉ làm cho người ra đi càng thêm bịn rịn nhớ thương, chớ thật không có ích lợi gì.

Do đó, nếu thật thương, thì những người thân trong gia đình chỉ nên hết lòng niệm Phật và nhắc nhở người thân yêu của mình trong lúc hấp hối nhớ Phật niệm Phật, để cho sự ra đi của họ được nhẹ nhàng an thoát mà thôi. Đó mới thật sự là thương. Còn như chúng ta khóc lóc kể lể, chỉ gây thêm làm động tâm niệm người sắp chết, luyến ái duyên trần không đi được, thì đó quả là ta đã vô tình thương hại, chớ không phải là thật thương. Nếu chúng ta là người Phật tử, nên khéo nghe theo lời Phật Tổ chỉ dạy, mà cố gắng dằn lòng xúc động, để hết lòng tụng niệm

cầu nguyện cho người mình thương được ra đi an ổn, nhẹ nhàng. Như thế, chúng ta mới thật là người biết thương yêu thân nhân ruột thịt của mình.

Lời chỉ dạy thức nhắc của Phật, không những chỉ cho bà Tỳ xá khư, mà đây là lời cảnh tỉnh thức nhắc chung cho tất cả chúng ta rất lớn. Pháp cú trên, Phật luôn nhấn mạnh đến lòng tham ái của con người. Vì tham ái là cội nguồn của sanh tử luân hồi. Còn tham ái dù chỉ một hào tơ, chắc chắn chúng ta vẫn còn phải tái sanh. Chỉ khi nào dứt hết tham ái, thì chúng ta mới thật sự chấm dứt vòng luân hồi đau khổ. Và khi đó mới thật sự là hết buồn lo sợ hãi. Hiểu được như thế, thì kẻ còn người mất, cả hai đều được lợi lạc cả. Bằng trái lại, thì cả hai: kẻ còn và người mất đều có chung một mẫu số là đau khổ như nhau.

214. Từ tham dục sinh lo, từ tham dục sinh sợ ; xa lìa hết tham dục, chẳng còn lo sợ gì. From attachment springs grief, from attachment springs fear. For him who is wholly free from attachment there is no grief, whence then fear?

Kệ tụng
Hỷ ái sinh ưu tư
Hỷ ái sinh sợ hãi
Ai giải thoát hỷ ái
Không ưu, không sợ hãi
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá gần Vệ Xá Ly (Vesàli), có liên quan đến hoàng thân dòng Lệ Xá.

Theo truyện tích kể lại, vào một ngày hội, các hoàng tử Lệ Xá trang điểm đỏm dáng với đủ kiểu đồ trang sức, ra khỏi thành phố đến chỗ hội hè. Khi Phật đi vào thành khất thực, gặp họ trên đường, Ngài chỉ cho các Tỳ kheo: - Này các Tỳ kheo! Hãy nhìn theo các hoàng tử Lệ Xá! Ai chưa từng thấy chư thiên cõi trời Ba mươi ba, hãy nhìn những hoàng tử này thì biết. Trên đường đến chỗ lễ hội, các hoàng tử gặp một kỹ nữ, và mang cô theo. Trước người đẹp, họ ganh tài nhau, đi đến đánh nhau gây thương tích, máu chảy dường thành sông. Dân chúng phải xúm khiêng các công tử về hoàng cung. Đức Phật và chư Tăng thọ trai xong, trở về tinh xá, bắt gặp cảnh tượng đó. Các Tỳ kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Hồi sáng sớm, các hoàng tử Lệ Xá rời thành lộng lẫy như chư thiên, vậy mà bây giờ chỉ vì một cô gái họ trở nên thảm hại thế đấy. Phật dạy: - Này các Tỳ kheo! Ở đâu có tham dục, ở đó có buồn khổ, lo âu. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập II, Viên Chiếu, tr 403)

Tham dục là nguyên nhân gây ra đau khổ. Chuyện dẫn, chỉ vì một cô gái xinh đẹp, mà các hoàng tử, từ thân thương trở thành thù hận. Họ tranh giành đánh nhau chí tử. Đây là một tâm lý thường tình của con người. Xưa nay, trước sắc đẹp, họ không còn nghĩ gì đến đạo đức tình người. Thời xưa đã thế, thời nay thì sao? Thời xưa ở vào thời đại có Phật ra đời, là thời của chánh pháp, mà lòng dục vọng ham muốn của con người trước sắc đẹp vẫn còn say mê đắm đuối, nên mới xảy ra cớ sự như thế. Đối với thời nay, cách Phật rất xa, là thời mạt pháp, ma vương lộng hành, đạo đức suy vi, trách gì không xảy ra những tệ nạn tranh giành chém giết

lẫn nhau vì sắc đẹp! Thế mới biết, bất luận thời nào, con người thiếu phẩm chất đạo đức tình người, đều gây ra nhiều tác hại đau thương cho đồng loại.

Pháp cú trên, Phật nhằm khuyên nhủ nhắn gởi đến mọi người, muốn có cuộc sống an vui hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội, thì mỗi người nên ý thức hạn chế bớt lòng tham dục. Và người nào muốn chấm dứt khổ đau, thì Phật dạy, phải xa lìa hẳn lòng ái dục. Như thế, thì không còn gì phải ưu tư lo sợ nữa.

215. Từ lạc dục sinh lo, từ lạc dục sinh sợ ; xa lìa hết lạc dục, chẳng còn lo sợ gì. From lust springs grief, from lust springs fear. For him who is wholly free from lust there is no grief, whence then fear?

Kệ tụng

Dục ái sinh ưu tư
Dục ái sinh sợ hãi
Ai giải thoát dục ái
Không ưu, không sợ hãi.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện của chàng trai Anitthigandha Kumàra.

Theo truyện tích, Kumàra từ cõi trời Phạm thiên tái sanh trong một gia đình quyền quý ở thành Xá Vệ. Cậu bé này, từ lúc chào đời cho đến lúc trưởng thành, chàng ta không thích gần phụ nữ. Đã nhiều lần, cha mẹ khuyên chàng cưới vợ, nhưng chàng ta đều từ khước. Có lần, chàng bảo những người thợ kim hoàn đúc cho chàng một pho tượng thiếu nữ thật xinh đẹp.

Khi cha mẹ chàng dùng mọi cách bắt ép chàng ta phải lập gia đình, thì chàng chỉ vào pho tượng và nói: “nếu có cô thiếu nữ nào xinh đẹp như pho tượng này, thì con mới chịu kết hôn”.

Vì để thuận theo ý con, cha mẹ chàng đã cho người mang pho tượng đi khắp nơi để tìm kiếm. Khi người ta đặt pho tượng bên hồ tắm, không ngờ có người bảo: pho tượng này giống hệt cô chủ của họ. Họ liền tìm đến, quả thật có một cô gái nhan sắc kiều diễm tuyệt đẹp, nàng ta đẹp còn hơn pho tượng nữa. Được tin, có người con gái đẹp hơn pho tượng, chàng Kumàra có ý mừng thầm và mong sớm gặp được cô gái đó. Nhưng không

may, trên đường đi đến nhà chàng, thì cô gái đã ngã bệnh và chết.

Thế là niềm hy vọng mong mỏi của chàng ta phút chốc đã tan tành trở thành mây khói. Chàng ta rất đau khổ! Phật biết, có thể độ cho chàng này mau chứng thánh quả, nên Phật đến nhà chàng và được người nhà mừng rỡ cúng dường thức ăn. Sau đó, Phật dùng nhiều lời khuyên bảo Kumàra. Cuối cùng Phật nói một câu nói ngắn gọn: - Này Kumàra! Vì ái sinh sầu muộn, sầu muộn và sợ hãi phát sinh từ ái.

Nghe xong, Kumàra chứng quả Tu đà hoàn. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Người ta đau khổ héo mòn thân xác và tinh thần, cũng chỉ vì không thỏa mãn lòng tham ái. Kumàra là chàng trai từ nhỏ đã không ưa thích gần gũi phụ nữ. Dù con nhà giàu có và được cha mẹ thương yêu nuông chiều rất mực, đã nhiều lần, cha mẹ của chàng khuyên chàng nên tìm người sớm lập gia đình, để nối dõi tông đường. Nhưng cứ mỗi lần khuyên là mỗi lần bị chàng ta cự tuyệt chống đối quyết liệt.

Để tránh cái cảnh cha mẹ khuyên ép hoài, nên chàng ta nghĩ cách tạo thành pho tượng nữ thần cực kỳ mỹ lệ xinh đẹp. Chàng ta đinh ninh rằng, trên thế gian này sẽ không có người con gái nào đẹp giống như pho tượng này. Không ngờ lại có người đẹp hơn. Thế là, khi hay tin có người con gái đẹp hơn pho tượng, bấy giờ, chàng ta như bị một tiếng sét ái tình đánh mạnh vào tim chàng, nên chàng tương tư rất mơ ước mong mỏi được gặp nàng. Nhưng cuối cùng, chàng ta bị thất vọng não nề, vì người mình mong đợi đã vĩnh viễn từ giả cõi đời.

Thật là chua chát! Chàng ta đâm ra đau khổ ngút ngàn. Chỉ mới nghe tin thôi, chớ chưa gặp mặt, mà chàng ta phải thương yêu đau khổ đến thế. Thế mới biết sức mạnh mãnh liệt của tình yêu. Nói rõ hơn là sự khao khát thèm muốn của lòng ái dục. Một lượn sóng dục tình có sức mạnh nhận chìm con người còn hơn một cơn đại hồng thủy. Tình yêu sôi nổi, nồng nàn, cuồng nhiệt, thật là lãng mạng, như nhà thơ Xuân Diệu, ông hoàng của thơ tình yêu đã diễn tả:

Như kẻ hành nhân quáng nắng thiêu
Ta cần uống ở suối thương yêu
Hãy tuôn âu yếm lùa mơn trớn
Sóng mắt, lời môi, nhiều thật nhiều...
Trời cao trêu thử chén xanh êm
Biển đắng không nguôi nổi khát thèm
Nên lúc môi ta kề miệng thắm
Trời ơi, ta muốn uống hồn em.

Cũng may cho chàng Kumàra, trong lúc chàng ta đang đau khổ tràn ngập như thế, thì được đức Phật xuất hiện, như một vị cứu tinh đời chàng. Nghe lời Phật dạy phân tích về sự tai hại của lòng ái dục, Kumàra liền thức tỉnh và chứng quả ngay.

Ngày nay, có biết bao chàng trai cũng mê say đắm đuối, khổ sầu bi lụy vì người yêu. Yêu đến nổi như muốn uống và nuốt luôn cả hồn em. Nhưng có điều không được cái may mắn như Kumàra là được có người khuyên giải an ủi cứu thoát khỏi sóng tình

nhận chìm. Thời đại này, rất cần đến những trái tim khéo biết lắng nghe những tiếng kêu than đau khổ khóc hận vì tình, để kịp thời chạy chữa, cứu thoát. Đó là hạnh nguyện lắng nghe của Bồ tát Quán Thế Âm. Chỉ có tấm lòng từ bi cam lộ của Bồ tát mới thực sự chịu khó lắng nghe, và mới có khả năng cứu thoát con người khỏi cảnh đọa đày hệ lụy của lòng tham đắm mê say sắc dục mà thôi. Pháp cú trên, Phật nhằm cảnh giác khuyên bảo mọi người, nên xa lìa mọi thứ dục lạc, vì mọi thứ dục lạc ở thế gian chỉ đem lại cho con người thêm đau khổ, lo lắng, sợ hãi mà thôi.

216. Từ ái dục sinh lo, từ ái dục sinh sợ ; xa lìa hết ái dục, chẳng còn lo sợ gì. From craving springs grief, from craving springs fear. For him who is wholly free from craving there is no grief; whence then fear?

Kệ tụng

Tham ái sinh ưu tư

Tham ái sinh sợ hãi Ai giải thoát tham ái Không ưu,không sợ hãi.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn.

Theo truyện tích, có một người Bà la môn tà kiến, thường ngày ông làm ruộng ngoài đồng. Khi gặp Phật, ông không cung kính chào hỏi. Thấy thế, Phật hỏi: - Này Bà la môn! Ông đang làm gì thế? - Tôi đang dọn đất, Cồ Đàm! Cứ thế Phật hỏi ông nhiều lần, mỗi khi Phật đi ngang qua và tùy theo câu hỏi mà ông ta trả lời. Sau nhiều lần hỏi đáp, ông có cảm tình với Phật và ông kết thành bạn. Ông còn hứa khi nào lúa chín, ông sẽ chia phần cho Phật. Nhưng không may cho ông, khi sắp gặt, thì bị một trận bão làm tan nát cả đám ruộng, không gặt được một cọng lúa nào. Buồn quá! Ông nằm dài không ăn chẳng nói, vì ông đã thất hứa với Phật.

Biết thế, Phật đi đến nhà ông. Người nhà cho biết, ông mừng quá vội vả chạy ra gặp Phật. Ông trình bày cớ sự rằng, ông sầu khổ vì thất hứa với Phật. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật khuyên ông và rồi Phật nói pháp cú trên.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, ta thầm khen cho ông Bà la môn này. Mặc dù lúc đầu, ông tỏ ra bất kính với Phật. Nhưng sau đó, được Phật gợi chuyện hỏi han ông và từ đó ông có cảm tình với đức Phật. Đây cũng là cách nhiếp hóa của Phật. Tùy căn cơ mà hành xử hóa độ.

Sau khi có cảm tình, ông bèn hứa với Phật, tới mùa lúa chín, ông sẽ chia cho Phật một ít. Nhưng vì bị thiên tai bão lụt, nên ruộng lúa ông đều bị tiêu tan hết. Bấy giờ, ông đâm ra sầu khổ lo buồn vì cái tội thất hứa.

Ở đây, ta nhận ra được cái tấm lòng quý giá của ông ta. Dù là người nông dân chất phác chân lấm tay bùn, nhưng một khi đã hứa với ai điều gì, thì ông không bao giờ nuốt lời mình hứa. Ông buồn khổ, không phải vì mùa màng thất bát không có lúa ăn, mà ông buồn rầu chỉ vì đã lỡ thất hứa với đức Phật. Thật là tội nghiệp! Đó mới thật là một con người hiền hòa đạo đức thật hiếm có.

Nghèo khổ, không nghĩ đến sự đói kém cho bản thân, gia đình, mà buồn ăn mất ngủ chỉ vì một lời hứa. Trên đời này, thật khó tìm được một con người biết tự trọng như thế. Phật biết ông đau buồn, nên tìm đến để an ủi khuyên lơn ông. Quả thật, khi gặp lại Phật, bao nhiêu nỗi lo buồn của ông, đều tan biến hết. Chỉ cần nghe Phật nói một câu nói, lòng ông cảm thấy thật nhẹ nhàng như trút đi một tảng đá nặng ngàn cân.

Người ta sinh ra lo sợ, dù có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính vẫn là ái ngã. Vì mọi sự lo lắng, buồn khổ trên đời, cũng do lòng ái dục quá yêu thương mình mà ra. Đó là do lòng ích kỷ nảy sanh ra bao nhiêu thứ tệ hại. Vì ái tự ngã, nên không muốn ai hơn mình và cái gì cũng muốn đem về mình. Đó là nỗi khổ lớn của nhơn loại xưa nay.

Qua những pháp cú trên, ta thấy, Phật lặp đi lặp lại về những vấn đề tham ái. Tại sao Phật phải lặp đi lặp lại nhiều lần như thế? Lời khuyên dạy đó có thừa lắm không? Thật không có dư thừa chút nào. Vì sao? Vì tính chất của nó quá quan trọng trong sự tu hành thoát khổ. Bởi

mọi sự khổ đau trên đời, đều do lòng tham ái chấp trước của con người mà ra. Do đó, nên Phật nhắc đi nhắc lại, để cho mọi người phải ghi nhớ khắc sâu, ý thức đến sự khổ đau mà lo diệt trừ lòng tham ái.

Câu hỏi được đặt ra ở đây là phải diệt trừ nó bằng cách nào? Bằng cách chống lại nó ư? Coi nó là kẻ thù không đội trời chung của chúng ta ư? Chắc chắn Phật không dạy chúng ta phải chống diệt nó bằng cách đó. Vì chống tham dục cũng vẫn lại là tham dục. Coi chừng không khéo chúng ta lại bày ra một bãi chiến trường chém giết nhau trong tâm thức của chúng ta. Như thế, thì ta thực sự chưa hiểu lời Phật dạy.

Tham dục nó không phải là đối tượng để ta tiêu diệt. Bởi nó cũng khởi lên từ tâm thức của ta. Khác nào như sóng khởi lên từ nước. Chả lẽ, nước lại đi tiêu diệt sóng sao? Mà tiêu diệt làm sao được? Khi một niệm tham dấy lên, ta chỉ cần có chánh niệm nhận diện nó. Ta nên lưu ý, nhận diện khác hơn đàn áp. Đàn áp hay đè ép, đó không phải là biện pháp hay. Vì đó tạo thành một đối tượng tiêu diệt.

Thí dụ, như một niệm giận nổi lên, ta dùng câu thần chú, hay câu hiệu Phật hay bất cứ đề mục nào khác, để ta trấn áp nó. Phương pháp này, khác nào như chúng ta lấy đá đè cỏ. Dùng sức mạnh để trấn áp, biện pháp đó, chưa đủ sức để làm cho nó an ổn. Nghĩa là không thể phục hồi cho nó trở lại như lúc chưa khởi lên cơn giận.

Theo tôi, chỉ có biện pháp hay nhứt là chúng ta cần phải thắp sáng ngọn đuốc chánh niệm lên. Vì chánh niệm là một năng lượng, có mặt hoàn toàn của ta trong giây phút hiện tại. Chúng ta đừng quên rằng, cơn giận nổi lên, nó cũng là năng lượng một phần của tâm. Có nghĩa là nó cũng chính là một phần của ta biến ra. Do vọng tưởng hay tri giác sai lầm mà ta mới có ra sân hận. Năng lượng chánh niệm có khả năng nhận rõ cơn giận. Khi nhận biết rõ nó, ta cần thương yêu vỗ về nó, hơn là đàn áp chống đối, như bà mẹ thương yêu vỗ về an ủi đứa con đang tức giận khóc la. Với hành động ý thức thương yêu của bà mẹ, tất nhiên, là đứa bé sẽ từ từ êm dịu trở lại.

Cũng thế, khi có mặt chánh niệm nhận rõ ôm ấp vỗ về xoa dịu chuyển hóa cơn giận, tất nhiên, là cơn giận sẽ dịu lại và từ từ nó sẽ tan biến ngay. Khi nó tan biến, là ta đã thành công. Vì ta không còn khổ đau bởi do nó hoành hành dắt dẫn ta nữa. Nếu như ta đánh mất chánh niệm, không kịp thời nhận diện, mà chúng ta theo nó hành động, thì hậu quả xảy ra sẽ không thể nào lường trước được.

Khi nhận biết nó rồi, thì nó không thể nào có cơ hội lộng hành, tác oai tác quái dẫn ta theo nó được. Đó là cách xoa dịu vỗ về chuyển hóa hay nhứt. Nếu cần, chúng ta cũng nên lập tức trở về với hơi thở, theo dõi hơi thở ra vô và nhận diện rõ ràng. Chúng ta phải thiết thực nhận diện và giữ thật yên lặng vài ba phút. Được vậy, thì cơn giận sẽ bị khắc chế điều phục và chúng ta sẽ lấy lại sự tỉnh táo an bình ngay. Bạn cứ thử thực tập một cách thiết thiệt, thì bạn sẽ thấy sự kỳ diệu của nó. Điều này là một chứng nghiệm chớ không phải nói ngoa. Mong bạn cố gắng thực tập và để tâm sâu sắc về vấn đề này.

217. Đầy đủ giới hạnh và chánh kiến, an trú Chánh pháp, rõ lý Chơn thường, viên mãn các công hạnh, ấy mới là người đáng ái mộ. People hold dear him who embodies virtue and insight, who is principled, has realized the truth, and who himself does what he ought to be doing.

Kệ tụng

Đủ giới đức trí đức
An trú Pháp, chân lý
Tự làm tròn bổn phận
Là người đáng kính mến.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến câu chuyện năm trăm thanh niên.

Theo truyện tích, trên đường vào thành Vương Xá khất thực, đức Phật và Thánh chúng gặp năm trăm thanh niên, trên vai họ mang bánh đi đến chỗ lễ hội. Khi đó, họ chỉ khẻ chào Phật và tiếp tục đi. Họ không mời Phật và các vị Tỳ kheo ăn bánh.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ kheo, tuy họ không cúng bánh cho chúng ta, nhưng không lâu, chúng ta sẽ hưởng được những quả bánh này, vì có người sẽ bảo họ dâng cúng. Thật vậy, trong khi Phật và thánh chúng đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, thì cả bọn thanh niên này đến dâng bánh cúng dường cho Phật và chúng Tăng. Sở dĩ họ dâng cúng, là vì họ nghe theo lời chỉ dạy của Ngài Ca Diếp đi phía sau Phật.

Thấy thế, các vị Tỳ kheo tỏ ý bất bình, nhân đó, Phật nói: - Này các Tỳ kheo! Một Tỳ kheo như Đại Ca Diếp rất được trời người kính mến, đối với vị như vậy họ rất hân hạnh được dâng cúng tứ sự và rồi Phật nói kệ pháp cú này. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, Phật nêu rõ người đáng được kính mến, phải là người có đầy đủ giới hạnh và chánh kiến, rõ lý chơn thường và viên mãn các công hạnh. Trong hàng thập đại đệ tử của Phật, Tôn giả Đại ca diếp là có biệt hạnh đầu đà đệ nhứt. Ngài nổi tiếng về

sự tu khổ hạnh. Giới đức của Ngài không thua gì Phật, nên Phật đã nhiều phen khen ngợi Ngài. Tuy được Phật tán dương khen ngợi về đức hạnh, nhưng Ngài không lấy đó làm kiêu hãnh, mà trái lại, Ngài rất hạ mình khiêm cung với các bạn đồng tu.

Đối với người xuất gia, Phật không tán dương về học lực, vì đó chỉ là phần phụ, mà Phật luôn ca ngợi tán thán về đức hạnh. Vì đức hạnh là căn bản phải có của người tu. Mà muốn có đức hạnh, thì người tu phải gìn giữ giới luật trang nghiêm. Có nghiêm trì giới luật, thì người tu mới có đức hạnh. Phật dạy, người xuất gia phải luôn hành trì ở nơi Tam đức. Tam đức là: "Đoạn đức, Trí đức và Ân đức". Ba đức này là uy quyền của con đường đạo đức tâm linh. Người tu, thiếu một trong ba đức này, thì chưa tròn phẩm hạnh ở nơi chính mình và như thế sẽ không làm sao cảm hóa kẻ khác.

Đoạn đức, có khả năng chặt đứt hết cội rễ vô minh. Mà hiện tướng của nó là những thèm khát, những đam mê, những dục vọng đòi hỏi tha hóa trụy lạc...Có chặt đứt hết cội rễ của nó, thì mới đem lại sự an vui hạnh phúc cho mình và tha nhân. Mà muốn chặt đứt như thế, tất người tu cần phải có trí huệ, đó là trí đức. Nhờ có mặt trời trí huệ soi sáng mới phá tan được bóng tối si mê. Bóng tối si mê không còn, thì ngay đó thể tánh thanh tịnh sáng suốt hiện bày. Tất nhiên, là sẽ chấm dứt mọi khổ đau hệ lụy. Ân đức là nói lên đức tánh chấp nhận rộng lượng bao dung và chuyển hóa, tha thứ. Người tu phải có tấm lòng từ bi vị tha khắp cả muôn loài.

Đó là con đường hóa giải mọi tranh chấp hận thù và đưa con người sống trở lại đầu nguồn của cuộc sống tươi mát gần nhau hơn.

Chánh kiến là con đường dẫn vào chánh pháp. Có chánh kiến thì mọi nhận định sai lầm sẽ không còn. Người ta đau khổ nhiều là bởi do những tri giác sai lầm. Câu chuyện thương tâm giữa thiếu phụ Nam Sương và chàng Trương là một chứng minh cụ thể cho việc nhận định của tri giác sai lầm này. Vì nghe lời đứa trẻ thơ con mình kể chuyện về cái bóng, mà chàng Trương hiểu lầm tưởng là vợ mình ở nhà ngoại tình với người đàn ông khác. Từ đó, chàng Trương âm thầm ôm hận ghen tuông mà không một lời thố lộ. Chính cái thái độ đối xử lạnh lùng nghiêm khắc của chàng ta, mà làm cho thiếu phụ Nam Sương cảm thấy thật vô cùng bực mình áy náy khó chịu và nàng cũng không hiểu lý do tại sao. Từ thương yêu trở nên thù hận. Bởi cả hai người đều ôm nặng mặc cảm, âm thầm chịu đựng. Không ai chịu mở lời để thiết lập truyền thông cởi mở tìm hiểu rõ nguyên nhân của vấn đề. Do đó, người thiếu phụ xấu số kia đành phải âm thầm nuốt tủi gạt lệ khóc thầm mà quyên sinh kết liễu đời mình. Nàng từ giả vĩnh viễn cõi đời mang nặng nỗi niềm uất hận nghẹn ngào không một lời giải tỏa.

Về sau, khi nghe đứa bé chỉ vào cái bóng của chàng Trương, nói rằng đó là ba nó, bấy giờ chàng Trương mới vỡ lẽ hiểu ra là mình đã hiểu lầm và chính mình là nguyên nhân hành hạ đưa đến cái chết cho vợ mình. Đó là hậu quả quá thương đau vì lòng ghen tức căm thù không nói nên lời. Khi hiểu ra, hối hận, thì chuyện đã rồi! Thế là, chàng ta đành ôm nặng nỗi lòng ăn năn hối hận ray rứt cho đến ngày nhắm mắt lìa đời. Đó là một bài học rát bổng về những tri giác sai lầm mà ta cần phải lưu tâm để ý.

Hiện tại, có biết bao cặp vợ chồng, ông bà, cha mẹ, con cái trong gia đình vướng mắc cái chứng bệnh u uất hiểu lầm này. Mỗi người giữ thái độ im lặng âm thầm ghìm nhau mà căm hận. Vì tự ái tràn ngập nên không ai chịu mở lời trước để thiết lập truyền thông cởi mở giải bày cho nhau. Cuối cùng, đưa đến cái hậu quả lắm tang thương là gia đình tan nát đổ vỡ. Có đôi khi đưa đến cái chết tức tưởi như nàng thiếu phụ Nam Sương. Ôi! thật là đáng tiếc biết bao! Khi hối hận thì mọi việc đã quá muộn màng. Chi bằng ta nên thông cảm cởi mở tìm cách giải quyết cho nhau. Được thế, thì còn gì quý giá đẹp đẽ cho bằng. Đó là phương thuốc thần diệu để bảo tồn mái ấm hạnh phúc gia đình.

Trở lại vấn đề nói trên, bởi do nhìn đời bằng những cặp kính màu "Biến kế" chủ quan, nên từ đó nhơn loại đã gây ra biết bao cảnh tang thương làm khổ đau cho nhau. Muốn hết khổ đau, con người phải mau gấp rút tháo gỡ những cặp kính màu "nhị nguyên đối đãi" xuống. Hãy nhìn sự vật đúng theo lẽ thật của nó. Đó là nhận rõ lý chơn thường của vạn pháp. Nhìn đời không vọng tưởng phóng đại, không vẽ rắn thêm chưn, thì mọi ý niệm tương tranh sẽ lập tức chấm dứt ngay. Chừng đó, con người sẽ chung sống trong một thế giới an lạc hòa bình hạnh phúc.

218. Khát cầu pháp ly ngôn, sung mãn tâm cứu xét, không đắm mê dục lạc, ấy là bậc thượng lưu. One who is intent upon the Ineffable (Nibbana), dwells with mind inspired (by supramundane wisdom), and is no more bound by sense pleasures – such a man is called "One Bound Upstream".

Kệ tụng

Khát cầu pháp ly ngôn

Tâm xúc cảm thượng quả
Không đắm say ái dục
Thật Xứng bậc thượng lưu
Chú thích
Bậc thượng lưu (Ubddharmsoto), chỉ cho quả vị Bất hoàn (Anagami) gần đến Niết bàn A la hán.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một vị trưởng lão đắc quả A na hàm.

Một ngày kia, các đệ tử của vị trưởng lão hỏi thầy mình như sau: - Bạch thầy, thầy đã đạt Thánh quả chưa? Vị trưởng lão nghĩ: "Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả (A na hàm) . Để đợi khi ta chứng Tứ quả rồi sẽ nói với chúng". Và vì ngượng thầy không nói chi. Không bao lâu, thầy viên tịch và tái sanh lên cõi trời Ngũ Na hàm. Các đệ tử của thầy khóc lóc than thở, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, cũng còn than khóc. Phật hỏi: - Vì sao các ông khóc? - Thầy chúng con đã mất, bạch Thế Tôn! - Không sao cả, các ông chớ buồn, đó là luật vô thường. - Thưa vâng, chúng con biết điều ấy. Nhưng chúng con đã hỏi người chứng quả hay chưa, mà người mất, không trả

lời chúng con. Vì thế chúng con buồn. - Này các Tỳ kheo, các ông chớ lo lắng, thầy các ông đã chứng Tam quả và nghĩ rằng: “Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả. Khi nào chứng Tứ quả, ta sẽ nói với chúng”. Vì ngượng nên ông ấy không nói. Khi mất, ông ấy tái sinh vào cõi Ngũ Na hàm thiên. Các ông hãy vui mừng, thầy các ông đã thoát ngũ dục. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập II, Viên Chiếu, tr 415)

Pháp ly ngôn là pháp không còn bị hạn cuộc trong phạm trù nhân duyên đối đãi. Pháp nầy, không thể dùng lời nói để suy nghĩ luận bàn. Nó thoát ra ngoài mọi danh ngôn sắc tướng. Ngôn ngữ chỉ diễn tả được những gì có hình tướng. Đến chân lý tuyệt đối, thì ngôn ngữ phải đầu hàng. Người tu dù xuất gia hay tại gia, mục đích chính cũng đều nhắm đến pháp ly ngôn này. Nói cách khác cho dễ hiểu là pháp gốc hay bản tâm chơn thật của mọi người. Pháp này ai ai cũng đều sẵn có. Đó là một thực thể sáng suốt, là bản nhiên thanh tịnh tiềm tàng trong mọi vật thể. Thực thể này, đối với các loài hữu tình, thì gọi là Phật tánh. Đối với các loài vô tình, thì gọi nó là pháp tánh.

Pháp ly ngôn ở đây, Phật muốn ám chỉ cái thể tánh Niết bàn của A la hán. Niết bàn này là đồng nghĩa với vô sanh. Vì vô sanh nên tự thể của nó là ly khai mọi ý niệm vọng chấp. Đến đây, bặt dứt ngôn ngữ diễn tả luận bàn. Nên nói, nó là pháp ly ngôn. Thiền sư Ngộ Ấn đời Lý (1019- 1088) thuộc dòng thiền Vô Ngôn Thông, trước khi thị tịch, Ngài có để lại bài kệ thị chúng như sau:

Diệu tánh hư vô bất khả phan
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận
Liên phát lô trung thấp vị càn
Dịch nghĩa:

Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin
Tươi nhuần sắc ngọc trong núi cháy
Lò lửa hoa sen nở thật xinh
(Thiền sư Thích Thanh Từ)
Người tu, muốn đạt được Niết bàn này, Phật vạch bày ra nhiều con đường, hay nhiều pháp môn. Con đường theo hệ giáo lý Nguyên Thủy, thì hành giả phải theo con đường mòn: “Niệm, Định, Tuệ”. Niệm là sự có mặt của cái biết hiện tiền. Cái “Biết” tinh sáng thuần túy không xen lộn với bất cứ tạp niệm nào khác. Cái biết tràn đầy mà Phật nói là: “sung mãn tâm lự sát”. Niệm là bước khởi đầu của Định. Định là dừng tất cả mọi vọng tưởng nghĩ suy tính toán. Như nước đã lóng trong đứng yên, không dao động. Khi đã có định, tất nhiên sẽ phát huệ. Huệ là trí sáng nhận rõ từng niệm vọng khởi hiện tiền. Biết rõ những gì hiện có mặt và đang xảy ra. Đến đây, hành giả không còn đắm mê mọi dục lạc. Tất sẽ đạt được Niết bàn an lạc, mà ở đây gọi là bậc “thượng lưu”.

Người tu hành chơn chánh không đặt thành vấn đề chứng hay không chứng. Vì tu hành mà còn thấy có chứng, có đắc, thì đó không phải là bậc chơn tu. Tại sao? Vì còn có bốn tướng: “ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả”. Mà tự thể bản nguyên của sự vật vốn là

ly khai tất cả tướng. Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy: “Ly nhứt thiết tướng, tức nhứt thiết pháp”. Kinh Kim Cang Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng, tức kiến Như Lai”. Như Lai là thể tánh thanh tịnh sáng suốt bất sanh bất diệt. Còn tướng là còn sanh diệt. Thế thì, sao gọi là chứng đắc? Thế nên, câu chuyện trên, vị trưởng lão, khi được các đệ tử hỏi thầy mình về quả vị chứng đắc, ông không trả lời, cũng bởi lý do đó.

219. 220. Người khách ly hương lâu ngày, từ phương xa trở về an ổn, được bà con thân hữu đón mừng như thế nào, thì người tạo phước nghiệp cũng vậy, khi từ cõi đời nầy sang cõi đời khác, phước nghiệp của họ là kẻ thân hữu đón mừng họ. When, after a long absence, a man safely returns home from afar, his relatives, friends and well-wishers welcome him home on arrival. As kinsmen welcome a dear one on arrival, even so his own good deeds will welcome the doer of good who has gone from this world to the next.

Kệ tụng

Khách lâu ngày ly hương
Từ viễn xứ về làng
Bà con cùng thân hữu
Hân hoan đón chào mừng
Cũng vậy các phước nghiệp
Đón chào người làm lành
Đời nầy đến đời kia
Như thân nhân chào đón.
Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại Lộc Uyển có liên quan đến Nandiya.

Nandiya là một thanh niên con của một gia đình Phật tử rất thuần thành ở thành Ba la nại. Vì là người hiền hậu có nhiều đức tánh tốt, nên chàng ta được gia đình cho làm thị giả chư Tăng. Khi đến tuổi trưởng thành, cha mẹ chàng quyết định cho chàng kết hôn với một cô gái tên là Revati, nhà đối diện. Nhưng chàng ta không chịu, vì nàng này không có lòng tin kính Phật pháp.

Bà mẹ chàng thấy thế, mới chỉ vẻ bày cách cho Revati để chinh phục lòng chàng. Kết quả, chàng ta đồng ý và làm lễ thành hôn. Từ đó, Revati trở nên một cô gái hiếu thảo và rất tin kính cúng dường Phật và chúng Tăng. Sau thời gian sống chung, hai người cho ra đời hai đứa con trai kháu khỉnh. Cả hai đều sống rất hạnh phúc. Không bao lâu, cha mẹ chàng đều lần lượt qua đời để lại gia tài giàu có cho hai người cùng hưởng.

Cả hai đều hết lòng cúng dường Phật và Thánh chúng thường xuyên. Ngoài ra, Nandiya còn bố thí vật thực cho những người nghèo khổ. Chàng còn xây cất tinh xá cho Phật và chúng Tăng trú ngụ. Nhờ công đức cúng dường mà chàng ta được phước đức rất lớn. Nghĩa là, trên cõi trời Ba mươi ba có nhiều cung điện sang trọng dành riêng cho Nandiya. Khi Tôn giả Mục kiền liên du hành ở cõi trời này đã chứng kiến tận mắt và

sau đó trở về bạch lại cùng với đức Phật.

Phật nói rằng, những tòa lâu đài cung điện đó, sẽ được đón tiếp Nandiya sau khi chàng ta bỏ thân này và sanh lên đó. Chư thiên đón tiếp như một người thân yêu rời xa quê hương nay đã được trở về quê hương với biết bao niềm vui sướng mừng rỡ. Họ tranh nhau đón tiếp một cách chân tình nồng hậu vậy. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Phước hay tội đều do chúng ta tạo ra từ ở nơi ba nghiệp: thân, miệng và ý. Nếu hiện đời, chúng ta gây tạo nhiều phước đức, thì chẳng những sau khi chết, chúng ta sẽ hưởng quả báo tốt đẹp an vui, mà còn ngay cả hiện đời này, chúng ta cũng gặt hái những quả báo tốt lành. Đó là theo luật nhân quả nghiệp báo không sai.

Quả báo có được thù thắng hay không, còn tùy thuộc vào cái nhân mà chúng ta đã gây tạo phước đức nhiều hay ít. Và khi tạo phước, điều quan trọng là ở nơi tâm ý. Nếu chúng ta cúng dường hay bố thí, hoặc giúp đỡ người nghèo khổ v.v... tất cả đều tùy thuộc ở nơi tấm lòng của chúng ta có thành tâm hay không. Phước nhiều hay ít là ở nơi cái tâm, chớ không phải ở nơi đồ vật dâng cúng hay bố thí nhiều ít. Nếu chúng ta làm phước với cái tâm bất kính, ngạo mạn khinh người, thì chắc chắn cái quả báo mà ta hưởng sẽ không có bao nhiêu. Chẳng những thế, mà đôi khi còn trở nên có tội nữa không chừng. Cho nên, khi làm phước ta nên cẩn trọng ở nơi tâm ý. Phải có tấm lòng cung kính thương yêu. Có thế, thì việc làm phước của ta mới có ý nghĩa và mới được lợi ích lớn. Bằng ngược lại, thì chỉ thêm mang trọng tội mà thôi!

Qua câu chuyện lược dẫn trên, ta thấy, Nandiya sở dĩ được phước báo lớn lao như thế, là vì chàng ta cúng dường bố thí bằng tất cả tấm lòng cung kính ở nơi Phật và chúng Tăng. Ngược lại, nàng Revati, thì không có cái tâm cung kính đó. Và cuối cùng, nàng ta bị chuốc lấy một hậu quả lắm tang thương là rơi vào địa ngục. (Theo trong chú giải Vimàna- Vatthu kể lại, sau khi Nandiya sanh thiên, Revatì thôi không cúng dường chúng Tăng, mắng chửi Tỳ kheo và bị ném vào địa ngục lúc còn sống).

Có người khi làm phước giúp đỡ cho ai, thì hay kể công lao hoặc có tâm khinh mạn. Hết chê trách người này, đến mạt sát kẻ kia, tưởng như thế là chứng tỏ mình có công lao ngon lành lắm. Nhưng họ không biết rằng, chính cái thái độ ngã mạn, cống cao hách dịch lòe thiên hạ đó, thật là một hậu quả tai hại rất lớn lao! Hiện tại, họ không được người ta quý kính nể nang,

tương lai, họ lại rơi vào con đường tối tăm đau khổ. Cái nhân như thế, thì bảo cái quả phải tốt đẹp sao cho được?! Cứ nhìn vào cái bóng của mình thì biết rõ. Hễ mình ngồi, thì bóng mình cũng ngồi. Mình đi thì bóng mình cũng đi... Nhân quả trả vay như bóng theo hình, một mãy may không hề sai chạy.

Là Phật tử, chúng ta nên hết sức cẩn trọng, không nên có tâm khinh thường nhân quả mà chuốc lấy khổ lụy vào thân. Chừng đó, dẫu mình có ăn năn hối hận thống trách, thì cũng đã muộn màng lắm rồi! Không ai cứu thoát cởi trói cho mình được đâu! Hãy tự mình thắp sáng ngọn đuốc trí huệ lên mà đi. Nhưng phải thắp lên với chánh pháp.

XVII. Phẩm Phẫn Nộ (Kodhavaggo)

221. Xả bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tánh kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc, người không có một vật chi ấy, sự khổ chẳng còn theo dõi được. One should give up anger, renounce pride, and overcome all fetters. Suffering never befalls him who clings not to mind and body and is detached.

Kệ tụng
Xả bỏ long giận dữ
Trừ bỏ tánh kiêu căng
Vượt ngoài mọi ràng buộc
Không chấp trước danh sắc
Người chẳng còn một vật
Khổ không sao theo dõi.
Chú thích

Danh sắc (Namarapa): danh là tên gọi, sắc là màu sắc vật chất, tức là chỉ cho tinh thần và vật chất hay thân và tâm. Danh là chỉ cho tâm, sắc là chỉ cho thân.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại rừng Banyan, có liên quan đến Rohinì, một thiếu nữ Sát lợi.

Theo truyện tích, một hôm, Tôn giả A nậu lâu đà trở về thành Ca tỳ la vệ với năm trăm Tỳ kheo tùy tùng. Được tin mọi người trong hoàng tộc đều đến tinh xá đón chào, ngoại trừ cô em Rohinì.

Nhìn không thấy cô em gái, Tôn giả liền hỏi duyên do, mọi người cho biết Rohinì vì bị bệnh mụn nhọt đầy người, nên hổ thẹn khi ra ngoài. Tôn giả ra lệnh bảo phải đến. Thế là Rohinì, không thể ẩn mặt, phải đến gặp Tôn giả.

Sau khi hỏi han vấn đáp qua lại, Tôn giả bảo Rohinì nên bán hết đồ nữ trang của nàng để xây dựng tinh xá, thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Rohinì vâng lời làm theo và sau khi hoàn thành, nàng thỉnh Phật và chư Tăng đến, bỗng nhiên bệnh mụn nhọt của nàng tan biến hết.

Cúng dường xong, Phật nói rõ nguyên nhân mà nàng đã phải mang chứng bệnh mụn nhọt đó. Phật nói, chính do lòng sân hận gây nên. Nghe Phật nói thế, nàng ta thắc mắc hỏi Phật. Phật kể lại chuyện tiền thân quá khứ của nàng.

Xưa kia, chính nàng là hoàng hậu, chỉ vì lòng ganh tỵ với một cô vũ nữ, mà nàng đã nhẫn tâm làm hại cho cô đó phải mang bệnh ghẻ nổi khắp mình. Do nguyên nhân đó, nên nay nàng phải trả cái quả báo xưa kia đã gây. Đó là do lòng sân hận ganh tỵ mà ra. Tuy nhiên, Phật lại nói tiếp cho chúng ta biết, vì nhờ tấm lòng chân thành phát khởi tín tâm cúng dường của nàng, nên sau khi mạng chung, nàng được sanh lên cõi trời Ba mươi ba để hưởng nhiều phước lạc. Khi sanh lên đây, nàng có thân tướng rất đẹp. Sắc đẹp của nàng kiêu sa lộng lẫy, đến nổi tứ thiên vương phải tranh nhau. Cuối cùng, nàng về tay của Thiên chủ đế thích và từ đó, nàng ta vui hưởng một cuộc đời tràn đầy an lạc hạnh phúc. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Sân hận là một tánh xấu thuộc căn bản phiền não. Nó có gốc rễ rất sâu dầy, thật khó trừ khó đoạn. Nó là thứ lửa dữ, đốt cháy cả mình và người.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, hậu quả của lòng sân hận. Rohinì là một cô gái bị bệnh mụn nhọt nổi đầy mình. Thử hỏi một cô gái đang tuổi xuân xanh, mà mắc phải chứng bệnh như thế, thì có nỗi đau khổ nào bằng! Suốt ngày, nàng không dám bước chân ra ngoài, vì sợ người ta nhìn thấy chê cười. Nhưng nỗi khổ đó, không phải tự nhiên mà có. Phật kể lại chuyện tiền kiếp của nàng. Nếu Phật không nói, chắc không ai biết được.

Bài học này cho ta thấy, bất cứ việc gì xảy ra cho ta và người trong hiện tại, đều có nguyên nhân của nó. Vì lòng sân hận ganh tỵ tìm cách hại người, tưởng rằng như thế là không có gì, nhưng nhân đã gây, thì khó tránh khỏi cái quả báo. Dù hiện đời không trả, đời sau cũng phải trả.

Hiện trạng của xã hội ngày nay, đã xảy ra biết bao cảnh tang thương bi đát, vì lòng sân hận này. Trong gia đình, cha có thể hại con, con có thể giết cha, chồng có thể giết vợ, vợ có thể hại chồng, mẹ có thể hại con, con nhẫn tâm giết mẹ, bà con thân thuộc cấu xé tàn hại lẫn nhau v.v... rộng ra là cả quốc gia xã hội, rồi đến thế giới, tất cả, cũng chỉ vì không hóa giải được lòng sân hận mà ra. Do đó, nên mới có biết bao thảm trạng hệ lụy khổ đau. Sân hận là một thứ tập khí rất nguy hiểm. Một thứ hạt giống không được tưới tẩm bởi giọt nước cam lộ từ bi, nên càng ngày nó càng phát triển mạnh theo chiều hướng ác nghiệp.

Khi có chuyện bất bình trong gia đình, người ta không chịu tìm hiểu nguyên nhân để tìm cách hóa giải. Cứ mỗi lần xảy ra là mỗi lần dồn nén đưa nó vào trong vô thức hay tiềm thức, lâu ngày hạt giống sân hận càng mạnh, đương nhiên đến một lúc nào đó, thì nó sẽ bộc phát mạnh mẽ dữ dội, có thể cầm dao hay súng bắn giết người mà không một chút gớm tay.

Ta nên nhớ rằng, sân có ra là từ lòng tham. Mà gốc của nó là từ si mê. Vì si mê, nên mới buông lung tâm ý thất niệm. Vì thất niệm, (tức không có mặt của cái biết trong giây phút hiện tại, để nhận diện những gì đang xảy ra cho ta và người)), nên mới gây ra khổ đau cho nhau. Đó là chuyện thường tình của con người xưa cũng như nay. Đó là vì chúng ta thiếu tu. Người có tu là tất có an lạc hạnh phúc. Ngược lại, nếu chúng ta thiếu tu, không có chánh niệm, thiền quán, hằng quán niệm hơi thở, thì chúng ta sẽ chuốc lấy khổ đau tràn ngập vậy.

Pháp cú trên, Phật bảo chúng ta phải xả bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tánh kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc, người không một vật chi ấy, sự khổ chẳng còn

theo dõi được. Nếu nói ngược lại, sở dĩ chúng ta khổ là vì chúng ta còn giận dữ, kiêu căng, chấp trước ở nơi thân tâm (danh sắc). Bởi do những nguyên nhân đó, nên chúng ta chưa được giải thoát. Muốn giải thoát, thì chúng ta phải không còn mang nặng một vật chi ấy, phải buông tất cả mọi gánh nặng chấp trước ở nơi thân, tâm cũng như ngoại cảnh, nói gọn là hằng chiếu kiến ngũ uẩn giai không, như thế, thì mới mong vượt qua

mọi khổ ách vậy.

222. Người nào ngăn được cơn giận dữ nổi lên, như dừng được chiếc xe đang chạy mạnh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ mà thôi. He who checks rising anger as a charioteer checks a rolling chariot, him I call a true charioteer. Others only hold the reins.

Kệ tụng

Ai chận được cơn giận
Như dừng xe đang lăn
Ta gọi người đánh xe
Kẻ khác, cầm cương hộ.
Chú thích

Cầm cương hộ : Ý nói, người nào nếu tự chủ, ngăn trừ nóng giận kịp thời, mới thực sự là người chế ngự giỏi, ngoài ra toàn là những kẻ cầm cương hờ mà thôi, chớ chưa có thể chế ngự được con ngựa hoang.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Aggàlava, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích, kể từ khi Phật cho phép các thầy Tỳ kheo sống ngoài tinh xá, các vị trưởng giả ai nấy đều lo xây cất những ngôi thất cho các thầy. Có một thầy Tỳ kheo ở Àlavi tự đốn cây để xây cất. Thầy đốn một cây mà trên cây đó có một vị nữ thọ thần, bà ẩm đứa con nhỏ của mình hiện ra trước thầy năn nĩ. Nhưng sự năn nĩ của bà vô hiệu quả, vì thầy đã quyết chọn cây này không còn cây nào khác. Thấy lời năn nĩ của mình không được, bà liền nghĩ cách là đưa đứa bé lên cành cây để ngăn lại, nhưng không ngờ lỡ tay thầy Tỳ kheo đã chặt đứt một cánh tay của đứa nhỏ. Thấy thế, nữ thọ thần nổi giận định vặn chết thầy Tỳ kheo, nhưng bà ta kịp thời dừng tay lại. Bà nghĩ, thầy Tỳ kheo này là bậc hiền thiện, nếu giết chết ông, thì ta sẽ rơi vào địa ngục. Chi bằng, tốt hơn hết là ta nên tìm đến bậc thầy của ông ta để giải quyết. Thế là bà ta tìm đến đức Phật.

Sau khi nghe bà thuật lại đầu đuôi câu chuyện, Phật liền khen ngợi : - Lành thay! Lành thay! Ngươi đã cư xử rất tốt khi kềm hãm cơn giận như thắng chiếc xe lao nhanh. Phật liền nói kệ, nghe xong, nữ thần chứng được sơ quả và cả hội chúng đều được lợi ích.

Nhưng sau đó, nữ thần vẫn đứng khóc. Phật hỏi duyên do vì sao? Nữ thần bạch Phật là không còn nhà cửa để trú ngụ. Phật bảo, ngươi hãy đến trú ngụ ở một cái cây gần hương thất của ta, nơi đây, chắc chắn là sẽ yên ổn, vì không có ai dám đến khuấy rầy nhà ngươi nữa. Nhân đó, Phật liền chế giới cho các thầy Tỳ kheo “không được chặt đốn cây cối”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Thắng chế ngự được lòng sân hận đang trào dâng lên, thật đó không phải là chuyện dễ làm. Nếu không thắng kềm hãm được, thì lập tức hậu quả sẽ xảy ra không thể lường được. Chuyện lược dẫn kể trên, cho ta một bài học rất lớn về sự chế ngự lòng sân hận.

Giả như nữ thần kia, không chận đứng dập tắt được ngọn lửa sân hận trong lòng, thì hậu quả sẽ rơi vào địa ngục như tên bắn. Bởi thế, người xưa nói: “Nhẫn nhứt thời chi khí, miễn bá nhựt chi ưu”. Nghĩa là chỉ cần nhẫn nhịn trong một hơi thở thôi, mà tránh khỏi lo sợ khổ não cả trăm ngày.

Muốn chế ngự được lòng sân hận, Phật dạy chúng ta phải tập huân tu hạnh từ bi. Vì có tình thương chân thật, chúng ta mới không bực tức nổi giận. Mà muốn có tình thương yêu, tất nhiên, chúng ta cần phải có sự tìm hiểu. Hiểu là nền tảng vững chắc để xây dựng tình thương. Thiếu yếu tố “Hiểu” này, chúng ta sẽ không bao giờ có được tình thương. Có hiểu ta mới cảm thông. Có cảm thông, ta mới dễ rộng lượng tha thứ. Mỗi người ai cũng có biệt nghiệp. Hai hạt giống xấu và tốt ai ai cũng đều sẵn có. Nhưng hạt giống xấu thì nhiều mà tốt thì ít.

Sở dĩ nổi sân là vì chúng ta không hài lòng với người nào đó qua lời nói, thái độ hoặc hành động của họ. Khi ta hiểu rõ tật tánh của họ rồi, thì ta không còn buồn giận họ nữa. Khi nghe một lời nói trái ý, lập tức ta hãy thiết lập trở về với chánh niệm hơi thở ngay. Hơi thở là nhịp cầu thiết yếu để ta lấy lại sự bình tĩnh. Khi an trú vào hơi thở chánh niệm, cơn giận tức của ta sẽ từ từ lắng dịu lại. Nó không còn có cơ hội bộc phát mạnh bạo nữa.

Thử hỏi có bao giờ ta nổi cơn thịnh nộ lôi đình với một người đang mắc phải chứng bệnh tâm thần nặng không? Chỉ có người điên mới giận kẻ khùng. Còn người tỉnh táo ai lại giận người mê. Người thức mà chửi mắng kẻ ngủ, thì hóa ra người đang thức kia cũng trở thành là kẻ đang ngủ mê. Nghĩ thế, thì ta là người tỉnh, không lý do gì, ta lại đi nổi giận ăn thua đủ với người mê. Do quán chiếu thường xuyên như thế, thì hạt giống sân hận trong tâm thức của chúng ta sẽ từ từ suy yếu giảm lần cường độ rất nhiều.

Muốn làm người chế ngự giỏi hay làm người thắng xe giỏi, không phải tự nhiên mà làm được. Tất nhiên, ta cần phải học cách chế ngự và cách thắng. Học không chưa đủ, mà ta còn phải huân tu thật hành mỗi ngày. Ta phải tập rà thắng thường xuyên chính bản thân ta, mỗi khi ta thốt ra lời nói hay hành động. Ta nên ý thức rằng, một niệm sân giận nổi lên, thì ngàn cửa nghiệp chướng đau khổ mở rộng chờ ta. Đừng khinh thường một niệm sân nhỏ. Một tàn thuốc có thể đốt cháy cả khu rừng. Đó là chuyện rất bình thường. Thế thì, để có được một đời sống an ổn hạnh phúc cho ta và người, Phật dạy chúng ta phải là kẻ chế ngự, thắng xe giỏi. Ngoài ra, chỉ là kẻ cầm cương và thắng hờ mà thôi. Xin mọi người chớ nên lơ là khinh thường cái giây cương, tay thắng giới luật và chánh niệm của chính mình.

223. Lấy không giận thắng giận, lấy lành thắng chẳng lành, lấy cúng dường thắng xan tham, lấy chơn thật thắng hư ngụy. Overcome the angry by non-anger; overcome the wicked by goodness; overcome the miser by generosity; overcome the liar by truth.

Kệ tụng

Lấy Từ thắng nóng giận
Lấy Thiện thắng Ác hung

Lấy Thí thắng Xan tham
Lấy Chơn thắng Hư ngụy
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, sau khi thọ trai tại nhà Uttarà, có liên quan đến nữ cư sĩ Uttarà.

Punna là một người nghèo khổ, làm thuê cho trưởng giả Sumana. Chàng có một vợ và một người con gái tên là Uttarà. Cả hai đều làm nô tỳ cho ông trưởng giả Sumana này.

Những người làm thuê cho ông trưởng giả đều nghỉ lễ thời gian bảy ngày. Riêng Punna thì vẫn đi làm như thường lệ. Sáng sớm, hắn dắt bò ra đồng đi cày. Trước khi ra đồng, Punna nói với người vợ, là nàng đem cơm cho chàng vào buổi trưa.

Hôm ấy, sau khi quán sát căn cơ chúng sanh, Tôn giả Xá Lợi Phất nghĩ thầm, ta nay nên độ cho Punna, vì ông ấy có duyên với ta. Thế là, Tôn giả mang bát đi ngang qua cánh đồng mà Punna đang cày. Tôn giả dừng chân đứng yên. Thấy thế, Punna nghĩ thầm, chắc là Ngài cần tăm xỉa răng. Punna liền đem tăm xỉa răng đảnh lễ dâng lên Ngài. Tôn giả trao đãy lược nước và bình bát cho Punna. Punna múc đầy nước trong bát dâng lên cho Tôn giả.

Đến trưa, người vợ mang cơm ra đồng cho chồng, thấy Tôn giả, bà liền dâng cúng thức ăn cho Ngài Xá Lợi Phất. Và Tôn giả đã cầu nguyện hồi hướng công đức cho bà.

Trong khi đó, Punna quá đói bụng mà không thấy vợ đem cơm ra. Chàng ta ngồi nghỉ trông đợi. Bà vợ về nhà nấu phần ăn khác. Bà biết chồng quá đói bụng, nên khi mang thức ăn ra, bà ta nói thật cho chồng biết là phần cơm trước đã cúng dường cho Tôn giả Xá Lợi Phất. Nghe xong, Punna chẳng những không tỏ ra buồn giận mà chàng còn vui vẻ tùy hỷ việc làm của vợ. Chàng ta còn nói, hồi sáng này chính chàng ta đã dâng tăm xỉa răng và nước uống cho Tôn giả.

Vì quá đói ăn vào mệt, nên chàng ta gối đầu lên chân vợ và ngủ. Bấy giờ, tất cả đất cày lên từ sáng đã biến thành vàng. Được vàng quá nhiều, Punna liền mang hết dâng lên cho vua. Khi vua nhận được vàng, mọi người liền nói, đây là tài sản của vua. Lập tức tất cả vàng đều biến trở lại thành đất hết. Mọi người tâu lên vua, nhà vua kinh ngạc, bảo phải nói lại: đây là tài sản của Punna. Lập tức tất cả đất đều biến trở lại thành vàng. Mọi người đều chở vàng về cung điện. Nhà vua trao hết số vàng và tặng cho Punna một cây lộng báu. Punna không nhận, chỉ xin một chỗ trú ngụ. Nhà vua liền cấp cho Punna một khoảnh đất rộng rãi xinh đẹp. Xây cất nhà xong, Punna làm lễ khánh thành và cúng dường trai tăng bảy ngày.

Sau đó, Punna gả con gái mình là Uttarà cho con trai ông trưởng giả. Uttarà sau khi về nhà chồng không có cơ hội cúng dường Phật và nghe pháp, nàng ta rất buồn. Uttara tìm cách dùng tiền mướn Sirima, một cô gái kỹ nữ về phục vụ cho chồng để nàng được có thời giờ làm việc phước.

Một hôm, nhìn thấy người chồng mỉm cười với Uttara, Sirima bắt gặp và nổi cơn ghen với Uttara. Sirima lấy nước bơ nóng tưới lên đầu Uttara. Thấy thế, các gia nhân xúm lại

đánh đập Sirima. Uttara khuyên ngăn và đở Sirima dậy. Đồng thời, nàng không trách móc mà còn cám ơn Sirima lo cho chồng để nàng có thời gian đi làm phước. Sirima cảm thấy tủi hổ và xin lỗi Uttra. Uttara nói, nàng hãy đến xin sám hối với đức Thế Tôn, bao giờ được đức Thế Tôn tha lỗi, thì nàng sẽ tha thứ.

Sirima nghe lời và làm theo. Biết được cớ sự, đức Phật rất khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay! Uttara! Đó là cách đúng nhất để dập tắt cơn giận. Từ bi có thể xóa sạch hận thù. Dùng không mắng chửi để thắng mắng chửi, dùng bố thí thắng xan tham, dùng thật ngữ thắng vọng ngữ. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Người có một tấm lòng bao dung rộng mở tha thứ, phải là người có sức huân tu đạo lực khá. Phải hằng thực tập tu hạnh từ bi. Có tấm lòng hiểu thương người, mới thực sự biết tha thứ. Uttara là một cô gái đã thật hành hạnh tu từ bi. Bị người vũ nữ mướn về để phục vụ lo lắng cho chồng, mà có thái độ ghen tuông ngược lại, dùng nước bơ nóng tưới lên đầu, thế mà nàng ta không nổi giận trách mắng hành phạt. Trong khi đó, thì những gia nhân nổi tức xúm lại đánh đập Sirima. Uttara cản ngăn và nàng còn an ủi tha thứ lỗi lầm.

Với thái độ hành xử rộng lượng bao dung từ ái đó của Uttara, Sirima cảm thấy thật vô cùng hổ thẹn áy náy khó chịu. Sirima cảm thấy đau đớn trong lòng còn gấp hơn ngàn lần bị những tên gia nhân đánh đập. Thà bị đánh đập, mà nó chỉ đau đớn về thể xác bên ngoài. Còn hơn là bị đau đớn ray rứt trong tâm. Bị thương tích đau đớn ngoài da, người ta dùng thuốc xoa bóp trị liệu rồi cũng hết. Nhưng cái đau đớn thương tích trong lòng mới là cái nhức nhối dai dẳng khó chịu vô cùng.

Sirima đến xin lỗi Uttara, thay vì Uttra tha thứ, nàng ta bảo hãy đến bạch trình với đức Phật. Đó là điều mà nàng ta muốn có sự chứng minh và xác nhận của đức Phật, cho tấm lòng rộng lượng tha thứ bao dung của nàng ta, đúng theo hạnh từ bi mà Phật đã thường khuyên dạy. Đó là một cách hành xử thật vô cùng khôn khéo của Uttara.

Giả như Uttara lấy uy quyền của một người vợ cả, hành hạ đánh đập Sirima, thì hậu quả sẽ ra sao? Tất nhiên là nó sẽ chồng chất cao thêm hận thù. Một hành động tha thứ như thế, đối với chúng ta thật không phải là chuyện dễ làm. Nhờ vào lòng từ bi nhân ái tha thứ của Uttara, mà Sirima mới hết lòng cảm phục và hổ thẹn. Đó là Uttara đã thực sự hóa giải hận thù. Quả đúng là "lấy cái không giận để thắng cái giận". Từ đó chúng ta suy ra, lấy thiện thắng bất thiện, lấy bố thí thắng xan tham, lấy chơn thắng hư ngụy, đều là như thế cả.

Người ta đối xử với mình không tốt, thì mình vẫn lấy cái tốt, cái thiện đối xử lại với họ. Tất nhiên là ta phá vỡ được cái tâm lý gây sự bất an xung đột ngăn cách giữa hai người. Một người giận, người kia không giận, lấy cái không chọi lại cái có, tất nhiên, là cái có sẽ biến thành cái không. Cũng như ta đưa tay đánh mạnh vào hư không, thử hỏi có gây thương tích gì cho hư không không? Và cái cú đánh của ta đó, quả thật là vô nghĩa lý. Chẳng những thế, mà nó còn phản tác dụng ngược lại, là ta vô cùng hối hận cho cái cú đánh vô nghĩa lý của ta. Đánh mà không có đối tượng để nhận cái cú đánh đó. Đốt lửa vào hư không, chỉ là việc làm vô lý buồn cười mà thôi. Như thế, ta thấy những lời Phật

dạy trong pháp cú trên, nếu ta cố gắng tu tập như Uttra, thì đời sống của ta thật là an vui hạnh phúc vô cùng.

Punna và người vợ, tuy nghèo khổ sống cực khổ bằng nghề làm thuê ở mướn. Nhưng cả hai đều có một tấm lòng rất tốt. Cả hai người đều hết lòng kính tin Tam bảo. Bằng chứng là cả hai đều phát tâm cúng dường thức ăn cho Tôn giả Xá Lợi Phất. Nhờ vào lòng thành tâm cúng dường, không chút hối tiếc, nên mới được cái phước đức lớn lao như thế. Đất biến thành vàng, đó là chuyện hy hữu ở thế gian. Điều này, nói lên cái tấm lòng vàng của hai vợ chồng nghèo. Cúng dường là bằng tất cả tấm lòng, chớ không phải ở nơi vật chất nhiều ít.

Phước ai nấy hưởng. Vàng chở đến cung điện dâng lên cho vua, nói là tài sản của vua, ngay đó, vàng liền biến trở lại thành đất. Thấy thế, nhà vua nói: “đây là tài sản của Punna”. Lập tức đất biến lại thành vàng. Chuyện như hoang đường, nhưng ý nghĩa thật là lý thú. Nhân ai gây

người đó hưởng. Không thể người này ăn, mà người khác lại no. Đó là trái với luật nhân quả. Chứng minh rằng, luật nhân quả một mãy may không hề sai chạy. Làm lành được phước báo hiện tiền. Ngược lại, làm ác cũng thế. Đây là bài học lý thú để chúng ta noi theo mà cố gắng gây tạo nghiệp lành.

224. Nói chân thật không giận hờn, san sẻ cho người xin; đó là ba việc lành đưa người đến cõi chư Thiên. Speak the truth; yield not to anger; when asked, give even if you only have a little. By these three means can one reach the presence of the gods.

Kệ tụng
Nói thật không nóng giận
Bố thí người đến xin
Nhờ ba việc lành nầy
Đưa người gần thiên giới
Chú thích
Người xin: trong nguyên văn là chữ “thiểu”, có nghĩa là ít (Appam) , tức là mình có vật gì, cũng có thể chia sớt cho người đến xin được.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Mục Kiền Liên.

Theo truyện tích, một hôm, Ngài Mục Kiền Liên lên cung trời dạo chơi, bất thần, Ngài thấy một vị trời có thần lực rất lớn đang đứng trước cung điện của mình.

Sau khi chào hỏi, Ngài Mục Kiền Liên muốn tìm hiểu về cái oai thần lực này. Đôi lần hỏi, nhưng vị thần đó từ chối không chịu trả lời. Cuối cùng, vị thiên thần đó mới nói: - Thưa tôn giả, tôi không có làm việc phước đức chi, “chỉ có nói thật mà thôi”.

Tôn giả đi sang qua một vài cung điện khác, thấy các thiên nữ đang vui chơi, ngài hỏi một vị thiên nữ. Vị thiên nữ không thể che giấu, thưa thật với Tôn giả là chỉ “không hờn giận ai”, khi bị người khác la rầy chửi mắng. Do đó, nên được phước báo như thế này.

Tôn giả hỏi đến một vài vị khác, họ đều trả lời là nhờ "công đức cúng dường chúng Tăng", nên mới được phước báo như thế này.

Sau đó, Tôn giả trở về bạch trình hỏi Phật về những duyên do: có phải vì nói thật, vì chế ngự cơn giận, vì cúng dường chút ít phẩm vật mà được phước báo sanh thiên như thế chăng?

Phật nói: vì sao ông hỏi ta điều ấy? Tất cả thiên thần không kể rõ cho ông biết sao? Tôn giả trả lời: thưa vâng, con tin rằng chỉ vài điều thiện nhỏ như thế cũng đủ sanh thiên. Phật dạy: - Này Mục Liên, chỉ với lời nói thật, chỉ với việc chế ngự cơn giận, hay tặng một quà nhỏ, người được sanh thiên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó Phật nói pháp cú này.

Đời có quá nhiều gian xảo giả dối. Trong khi giao tiếp qua lại giữa người với người, người ta không ngần ngại dùng mọi mánh khóe xảo quyệt để lường gạt lừa bịp lẫn nhau. Mục đích cũng chỉ vì quyền lợi riêng tư nào đó, mà người ta muốn chiếm đoạt.

Trên thương trường hay chính trường, nói láo trở thành một thói quen trên đầu môi chót lưỡi của những nhà ngoại giao. Sự nói láo tráo trở lật lọng này, không phải ai cũng có thể nói được. Họ nói có lý luận, thủ đoạn rất tinh vi, đánh mạnh khai thác vào tâm lý người nghe. Không ai biết họ là người đang nói dối. Đó là một thủ thuật cao cấp của những chiến lược ngoại giao. Bạn cứ hứa hẹn đi, để chinh phục lòng người, thủ lợi trước mắt, còn mọi việc sẽ tính sau. Miễn sao chiếm hữu vị thế thượng phong bắt người ta tùng phục nghe theo mình là được.

Đức Phật đã thấy rõ cái tai hại của sự nói dối này. Từ một đứa trẻ thơ cho đến người cao tuổi, không một ai là không nói dối. Vì đó là hạt giống sẵn có. Có mặt ta là đã có nó. Do đó, người mà suốt đời không nói dối, không phải là chuyện dễ làm. Chính vì điểm này, nên Tôn giả Mục kiền liên thấy một vị thiên thần có nhiều oai lực, hỏi ra mới biết là họ không có tu tạo phước đức gì khác, chỉ giữ gìn có một điều duy nhứt là:"suốt đời chỉ nói toàn sự thật".

Không giận hờn lại là điều khó hơn. Giận người đã đành, có đôi khi tự mình lại giận tức lấy mình. Người làm trái ý nghịch lòng, thì mình giận. Còn mình giận mình thì sao? Khi làm một điều gì mà chính bạn cảm thấy không hài lòng với chính bạn, bạn cũng đâm ra có sự giận tức. Như vậy, mới thấy lòng sân hận của con người thật quá mạnh bạo tràn trề. Chúng như là những quả bom nặng ký đã gày sẵn. Chỉ cần một đóm lửa nhỏ châm vào là chúng sẽ bùng nổ ngay. Năng lực của chúng tàn phá rất ghê gớm dễ sợ. Do đó, người chế ngự được lòng sân hận đã là khó lắm rồi, chớ nói chi đến chuyện không giận.

Nhưng nếu bạn muốn có hạnh phúc, tất nhiên, bạn phải cần học hỏi cách tháo gỡ những quả bom sân hận trong tâm bạn. Phương pháp tháo gỡ không có gì khác hơn, là mỗi khi bạn nổi giận lên, thì lập tức bạn phải có chánh niệm để nhận diện cơn giận của bạn ngay. Phương pháp nhận diện để tháo gỡ này chúng tôi đã có nói đến ở pháp cú 216.

Theo kinh nghiệm của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh cho chúng ta biết về phương pháp trị liệu này. Vì đây là một vấn đề rất hệ trọng, cho việc bảo vệ hạnh phúc cá nhân cũng như gia đình. Muốn có hạnh phúc, không gì khác hơn là mỗi người phải tự chuyển hóa khổ đau. Chuyển hóa bằng cách chịu khó thực tập hai nguyên tắc: "ái ngữ và lắng nghe". Phải cố gắng thực tập hạnh nguyện cứu khổ của Bồ tát Quán Thế Âm. Mục đích là để thiết lập truyền thông trong sự giải bày nổi khổ niềm đau để tạo niềm hòa khí thông cảm với nhau.

Trong tác phẩm "Giận" (do nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn ấn hành năm 2007) có đoạn Hòa Thượng viết như sau: "Một người mà lời nói đầy sân hận, căm hờn là vì người ấy đang vô cùng đau khổ. Vì đau khổ mà người ấy nói ra những lời chua chát, cay đắng, trách móc khiến cho ta khó chịu và tìm cách xa lánh. Muốn thấu hiểu và chuyển hóa cơn giận thì phải học cách thực tập hạnh lắng nghe với tâm từ bi và sử dụng ái ngữ. Có một vị Bồ tát có khả năng lắng nghe với tâm từ bi rộng lớn, đó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Chúng ta phải thực tập hạnh lắng nghe sâu như Ngài thì mới có thể hướng dẫn một cách cụ thể khi một người đầy sân hận tìm đến xin giúp đỡ để tái lập truyền thông". Bố thí là hiện thân của tấm lòng Bồ tát. Bồ tát thì không có phân biệt về tình thương thân sơ. Trải rộng lòng thương ra, thì bạn sẽ thấy tươi mát cõi lòng hơn. Khi nổi giận lên, là bạn đã đánh mất sự tươi mát trong lòng bạn rồi. Người đến xin mình, đó là điều kiện tối thiết yếu để mình có cơ hội làm phước. Không có người đến xin, hay bất cứ đối tượng nào khác, thì thử

hỏi làm gì bạn có cơ hội tạo phước để bạn hưởng. Như vậy, bạn phải tỏ ra mang ơn rất nhiều cái đối tượng mà bạn ban cho. Nhờ đó, mà lòng bạn cảm thấy vui tươi an lạc hơn. Hạnh phúc không tìm đâu xa, chính nó nằm sẵn trong trái tim của bạn. Nếu bạn khéo mở rộng trái tim ra, là bạn sẽ có rất nhiều niềm an vui hạnh phúc tuyệt vời đến với bạn rồi.

Ba việc lành Phật nói trên, nếu chúng ta cố gắng thật hành áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày, thì hiện đời ta được lợi lạc biết bao nhiêu. Chắc chắn tương lai, chúng ta cũng sẽ tiếp tục hưởng được cái quả báo lành này.

225. Không làm hại người thanh tịnh, thường chế phục thân tâm, thì đạt đến nơi bất tử chẳng còn ưu bi. Those sages who are inoffensive and ever restrained in body, go to the Deathless State, where, having gone, they grieve no more.

Kệ tụng
Không hại người thanh tịnh
Thường chế ngự thân tâm
Đạt được cảnh bất tử
Đến đây, không sầu bi
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy trong thời gian Phật ở Anjanavana gần Sàketa, có liên quan đến câu hỏi của chư Tỳ kheo.

Theo truyện tích, một hôm Phật và chư Tăng đi vào Sàketa khất thực, thì có một người Bà la môn đến ôm chân Phật kêu lên: - Con thân yêu! Sao lâu quá con không về nhà để cho cha mẹ ngày nhớ đêm trông. Con hãy về nhà thăm mẹ con đi. Phật lặng lẽ âm thầm theo ông lão về nhà. Bà vợ ra đón chào và xưng mẹ với Phật. Đồng thời kêu các con ra chào Phật. Cả nhà đều mừng rỡ cúng dường thức ăn và khẩn cầu đức Phật nên thọ trai ở đây suốt đời.

Đức Phật nói, chư Phật không bao giờ thọ trai một nơi cố định. Họ yêu cầu Phật cho biết những ai mời Phật thọ trai để họ mang thúc ăn đến dâng cúng. Kể từ đó, nếu không có ai mời, thì Phật dùng bữa tại nhà ông. Nhờ công đức cúng dường và nghe pháp, không bao lâu cả hai ông bà đều chứng Tam quả (A na hàm).

Nhân chuyện này, các Tỳ kheo bàn tán về cách xưng hô gọi Phật bằng con của hai ông bà này. Đúc Phật biết được sự thể liền giải thích cho chúng Tăng biết về nhân duyên mối giây liên hệ tình phụ mẫu trong nhiều kiếp giữa Phật và hai ông bà Bà la môn này.

Suốt thời gian ba tháng ở Sàketa, Phật thường lui tới thọ trai tại nhà của hai ông bà và không bao lâu cả hai đều đắc quả A la hán và nhập Niết bàn. Khi hỏa táng thi hài hai người, mọi người tỏ vẻ ưu sầu và rất kính trọng, vì họ biết hai ông bà này là cha mẹ nhiều đời của đức Phật. Nhân đó, Phật nói bài kệ như sau:

Đời sống thật ngắn ngủi Một trăm năm chưa qua

Người ta đã phải chết Dù ai có sống lâu Rồi cũng sẽ chết già

Các Tỳ kheo thắc mắc hỏi Phật về việc tái sanh của họ. Phật cho biết: - “Này các Tỳ kheo, trường hợp của các A la hán thánh nhân như họ không có kiếp sau. Họ đã đến Đại niết bàn, cõi bất tử, vĩnh hằng”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện) Và nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Người tu, đôi khi chỉ vì một việc nhỏ xưng hô, cũng gây ra lắm nỗi phiền muộn bất an trong lòng. Khi nghe hai ông bà Bà la môn này gọi Phật bằng con, các thầy Tỳ kheo đã có ý bất bình. Trong khi đó, Phật vẫn yên lặng. Vì Phật đã biết rõ nhân duyên tiền kiếp nhiều đời giữa Phật và họ có mối quan hệ thâm tình phụ tử. Do đó, Phật khéo léo tùy duyên độ họ và cả hai đều chứng Thánh quả.

Tu hành, còn nặng lòng chấp ngã theo danh tướng, nên khi bị người ta đối xử xưng hô thiếu lễ độ với mình, thì mình cũng dễ nổi sân giận họ. Tuy đây là việc nhỏ nhặt, nhưng nếu chúng ta thiếu sự thực tập huân tu chánh niệm già dặn, thì cũng dễ gây ra tai hại cho mình và người. Tuy rằng, tên gọi chỉ là giả danh, nhưng nếu chúng ta còn bị dính kẹt ở nơi ngã tướng sâu nặng, tất nhiên cũng dễ nổi cáu, bất bình. Thế mới biết, đánh giá sự tu tập của mỗi người, không cần phải cao siêu hay ở đâu xa, chỉ cần một việc nhỏ nhặt đó, người ta cũng có thể biết được sự khắc phục hành trì tu tập của mình tới đâu. Do đó, là người tu hành, chúng ta nên cẩn thận chớ có khinh thường việc nhỏ nhặt này. Hãy noi gương đức Phật mà hành xử với mọi người, dù họ gọi mình bằng thứ gì cũng được. Người ta không chết vì những việc lớn lao, mà lại chết vì những chuyện nhỏ nhặt, tầm thường. Chúng ta nên cố gắng học cách chế ngự ở nơi thân tâm, qua cách

hành xử của Phật.

Với cái nhìn cục bộ theo nghiệp thức, thì làm sao chúng ta có thể biết được nhân duyên nhiều đời trong quá khứ? Một việc xảy ra trên đời có liên hệ với ta và những người chung quanh. Phật nói, tất cả đều có nhân duyên chằng chịt với nhau nhiều kiếp trong quá khứ. Trong vòng lục đạo luân hồi, chúng ta đã trải qua nhiều đời trôi nổi xuống lên. Cứ mỗi đời đều có gây nhân thọ quả, ân oán chồng chất lên nhau, thử hỏi làm sao chúng ta biết được? Chỉ có Phật mới thấu suốt được tất cả. Chúng ta là những người tập tu, đang đi trên con đường giác ngộ, noi theo dấu chân Phật Tổ mà nỗ lực tu tâm sửa tánh hành thiện, thì chúng ta nên cố gắng nhứt quyết không làm hại ai. Ta hằng quán chiếu nhìn kỹ lại mình để chuyển hóa vô minh phiền não và quyết đạt cho kỳ được quả vị giải thoát Niết bàn an lạc.

226. Những người thường giác tỉnh, ngày đêm chuyên tu học, chí hướng đến Niết bàn, thì mọi phiền não dứt sạch. Those who are ever vigilant, who discipline themselves day and night, and are ever intent upon Nibbana – their defilements fade away.

Kệ tụng

Những người thường giác tỉnh
Ngày đêm siêng tu tập
Chuyên tâm hướng Niết bàn
Mọi lậu hoặc được tiêu
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại núi Linh Thứu, có liên quan đến Punna, đầy tớ gái của trưởng giả thành Vương Xá.

Theo truyện tích, Punnà vì mang thân phận của người ở đợ, nên nàng đã phải giã gạo làm quần quật từ sáng tới tối mà không được ngủ nghỉ. Có lần, nàng thấy các thầy Tỳ kheo, đi theo ngọn đuốc cháy sáng của vị thần Dabba the Malla dẫn đường. Nhân thấy ánh sáng, nàng thầm nghĩ: “cớ sao những thầy Tỳ kheo kia không chịu ngủ mà phải đi trong đêm khuya như thế? Có phải các vị đó đau ốm hay là bị rắn cắn chăng”?

Hôm sau, trên đường đi ra sông tắm, nàng mang theo thức ăn và nước uống để dùng. Giữa đường bỗng gặp Phật, nàng dâng hết thức ăn bánh nướng và nước uống đơn sơ để cúng dường cho Phật. Phật nhận thức ăn và rồi nàng quỳ xuống đảnh lễ Phật. Nàng mong phật ban phước cho nàng. Phật nhận lời và chú nguyện chúc phúc cho nàng.

Nàng thầm nghĩ, dù Phật đã nhận thức ăn, nhưng chắc Ngài không dùng, vì Ngài sẽ chê dở và quăng nó cho các loài chim thú ăn. Phật biết ý nghĩ của nàng, nên Phật ngồi xuống bên đường và dùng thức ăn của nàng. Ăn xong, Phật liền quở Punna. - Nầy Punna, tại sao ngươi phỉ báng đồ đệ của ta. - Bạch Thế Tôn, con đâu có. - Vậy ngươi nói gì khi thấy họ? - Bạch Thế Tôn, con chỉ nghĩ đơn giản là có thể một vài vị bị bệnh hoặc rắn cắn chi đây? Phật bảo: - “Này Punnà, trường hợp ngươi khổ sở vì không được ngủ. Nhưng các đệ tử của ta luôn luôn tỉnh giác nên không ngủ”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện) Nhân đó, Phật liền nói pháp cú này.

Tỉnh giác là điều tối ư quan trọng của hành giả tu theo đạo Phật. Tỉnh giác đồng nghĩa với chánh niệm. Có tỉnh giác hành giả mới nhận diện được những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Khi nhìn đóa hoa hồng tươi thắm, người tỉnh giác là biết mình hiện có mặt đang ngắm hoa. Nếu có ý niệm khen chê hoa hồng, thì ta đã đánh mất chánh niệm rồi. Đó là thất niệm. Thất niệm đồng nghĩa với vọng tưởng loạn động. Khi thất niệm, là ta đã trở thành kẻ bị động nô lệ cho đóa hoa hồng. Ta không còn có mặt thực sự với sự mầu nhiệm của đóa hoa hồng kia nữa. Như thế, là ta đã đánh mất thực tại.

Người tu chỉ hơn nhau ở chỗ có tỉnh giác hay không tỉnh giác mà thôi. Dù cho ta có tu lâu bao nhiêu năm không biết, nhưng nếu ta luôn để mất chánh niệm, thì chưa có thể đánh giá ta là người thực sự tu hành. Hạnh phúc của người tu chỉ có, khi nào người đó hằng sống trong tỉnh giác. Vì tỉnh giác hay giác ngộ là cốt lõi của đạo Phật. Mất đi yếu tính này, thì đạo Phật không còn là đạo Phật nữa.

Chùa to, Phật lớn, địa vị cao, quyền uy, danh vọng v.v... chưa phải là an lạc hạnh phúc. Nếu không khéo, ta sẽ bị những thứ đó khống chế ràng buộc làm cho ta mất hết tự do giải thoát. Đời sống của đức Phật thật đơn giản. Ngài ăn uống, ngủ nghỉ đơn sơ, đạm bạc. Ai cúng gì ăn nấy, không đòi hỏi cầu kỳ. Dù người dâng cúng thức ăn, đó là một kẻ hèn hạ làm thuê ở mướn, nhưng Ngài vẫn thọ nhận không chối từ. Và để được vui lòng người tín cúng, Phật không ngần ngại ngồi ngay bên vệ đường thọ thực. Một nếp sống thật cực kỳ đơn giản và hạnh phúc. Đó là một hình ảnh an lạc giải thoát mà ta cần phải chiêm nghiệm, học hỏi noi theo.

Người tu hành thời nay, nhìn lại, thật không đơn giản như vậy. Thực tế, là ta đã bị không biết bao nhiêu thứ khống chế trói buộc. Thậm chí, ta không còn có đủ thời giờ để thiền quán. Ta đã bị cuốn hút vào vòng hệ lụy trần ai, bởi những cơn trốt vật chất thời đại. Vì đáp ứng theo nhu cầu đổi mới xã hội, đời sống tâm linh của ta càng ngày càng bị xa gốc, héo úa khô cằn. Phải thành thật mà nói, ta đã đánh mất năng lượng chánh niệm của ta quá nhiều so với thời Phật. Ta thiếu sự chuyển hóa làm mới. Dù có biện minh dưới hình thức nào, ta chỉ là người tự lường gạt với chính ta mà thôi. Vì đó là sự thật. Ta phải thật lòng nhận diện điều đó.

Hiện nhơn loại đang đứng trên bờ vực thẳm của nền văn minh kỹ thuật vật chất. Nhiều nhà văn hóa cho đó là một nền văn minh mất gốc. Đạo đức đang trên đà tuột dốc thê thảm. Đời sống tâm linh thay vì, đóng vai trò chủ đạo, nay lại bị nhơn loại khinh thường đưa xuống hàng thứ yếu.

Chính vì thế, nên có biết bao tệ nạn xã hội ngày càng xảy ra với tốc độ thê thảm khốc liệt trầm trọng. Nếu như nhơn loại chỉ biết một bề chạy đua hơn thua tranh nhau đọ sức về khoa học kỹ thuật nguyên tử năng, thì chắc chắn nhơn loại sẽ chuốc lấy một thảm họa khổ đau chưa từng thấy. Vì càng chạy đua hơn thua tranh đoạt, con người càng rơi vào vòng khổ đau không lối thoát. Bằng chứng, là những thảm họa nhơn tai do con người gây ra: chiến tranh, khủng bố, phạm pháp, tù đày, trộm cướp, băng đảng, hút xách xì ke ma túy v.v...Họ bắn giết thanh toán nhau đã và đang xảy ra hằng ngày khắp nơi trên thế giới. Nhơn loại sống không có ngày yên. Thế thì, làm sao nhơn loại có

được đời sống an bình hạnh phúc đây? Câu hỏi này, xin để mọi người, mọi giới sẽ tự tìm phương giải đáp thích đáng cho chính mình và cho xã hội nhơn loại hiện nay.

227. A Đa La nên biết: đây không phải chỉ là chuyện đời nay, mà đời xưa đã từng nói: làm thinh bị người chê, nói nhiều bị người chê, ít nói cũng bị người chê; làm người mà không bị chê thực là chuyện khó có ở thế gian nầy. O Atula! Indeed, this is an ancient practice, not one only of today: they blame those who remain silent, they blame those who speak much, they blame those who speak in moderation. There is none in this world who is not blamed.

Kệ Tụng

A Tu La nên biết
Chẳng phải chuyện đời nay
Đời xưa cũng từng nói :
« Làm thinh bị người chê
Nói nhiều bị người chê
Nói ít cũng bị chê
Làm người không bị chê
Thật chuyện khó đời nầy »

228. Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả, là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra, và vị lai cũng không dễ gì thấy được. There never was, there never will be, nor is there now, a person who is wholly blamed or wholly praised.

Kệ tụng

Xưa nay và tương lai
Đâu có sự kiện nầy
Người hoàn toàn bị chê
Người hoàn toàn được khen.

229. Cứ mỗi buổi mai thức dậy, tự biết phản tỉnh, hành động không tỳ vết, trí tuệ hiển minh, giới hạnh thanh tịnh, đó là người đáng được kẻ trí tán dương. But the man whom the wise praise, after observing him day after day, is one of flawless character, wise, and endowed with knowledge and virtue.

Kệ tụng
Mỗi buổi mai phản tỉnh
Hạnh vô cấu, sáng suốt
Đầy đủ giới định huệ
Kẻ trí khen người ấy.

230. Phẩm chất đúng loại vàng diêm phù, thì ai chê bai được? Đó là hạng Bà la môn, được chư Thiên tán thưởng. Who can blame such a one, as worthy as a coin of refined gold? Even the gods praise him; by Brahma, too, is he praised.

Kệ tụng

Hạnh sáng như vàng ròng
Ai dám chê vị ấy
Chư thiên cũng tán dương
Phạm thiên cũng khen thưởng
Chú thích
A đa la (Atula) : Đây là tên của một người Phật tử thời xưa.
Diêm phù kim (Jambunaba) là tên đặc biệt để chỉ một thứ vàng phẩm chất rất quý. Ý nói vàng nầy từ sông Diêm phù mà có.
Lược giảng

Đức Phật nói những pháp cú: 227, 228, 229, 230, tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến nam cư sĩ Atula (Tu lại)

Theo truyện tích, Atula là một thiện nam sống ở Xá Vệ cùng với một nhóm bạn năm trăm Phật tử. Một hôm, ông cùng nhóm bạn này đến tinh xá nghe pháp. Đầu tiên, ông đến gần bên Tôn giả Ly bà đa, nhưng Tôn giả lặng thinh không nói một lời. Họ thất vọng, mới cùng nhau đến Tôn giả Xá lợi phất, cung kính trình bày về việc họ đã bất mãn khi đến gặp ngài Ly bà đa không giảng nói một lời.

Khi ấy, Ngài Xá lợi phất bảo họ ngồi xuống và Ngài thuyết giảng cho họ nghe về giáo lý A tỳ đàm. Ngài thuyết giảng thao thao bất tuyệt tràng giang đại hải, A tu la và cả bọn họ nghe không hiểu chi cả, nên bực mình liền kéo đến hội kiến với Tôn giả A nan. Sau khi cung kính chào hỏi, A tu la liền trình bày những việc đã xảy ra khi gặp Ly bà đa và Tôn giả Xá lợi phất cho ngài A nan nghe.

Ngài A nan liền giảng một bài pháp ngắn gọn cho họ nghe, nhưng họ vẫn không hài lòng, bực tức, liền kéo đến gặp Phật. Sau khi đảnh lễ Phật, họ liền bày tỏ cho Phật biết những việc bất bình của họ. Họ chê Ngài Ly bà đa chỉ biết lặng thinh, Tôn giả Xá lợi phất thì nói quá dong dài, Ngài A nan thì nói quá ngắn gọn.

Nghe xong, Phật quở trách bọn họ rằng, trên đời này từ xưa tới nay, không ai mà không bị khen chê, kể cả Như Lai cũng bị khen chê. Phật dạy tiếp: “Lời khen chê của người ngu không quan trọng. Nhưng khi người học thức, thông minh khen hay chê, đó mới là đích thực”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện) Nhân đó, Phật dạy những pháp cú trên.

Qua câu chuyện lược dẫn và những lời Phật dạy trên, cho chúng ta một bài học quý giá về việc thị phi khen chê của người đời. Ca dao có câu:

Ở sao cho vừa lòng người
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.
Cao chê ngỗng, thấp chê lùn
Béo chê béo mập béo tròn
Gầy chê xương sống xương sườn lòi ra.(Cao dao)
Chê người không nghĩ lại ta
Lương mà chê lịch cũng là giống nhau

Chân mình bùn lắm xiết bao
Không lo tẩy rửa cho mau sạch bùn
Nhà mình rác rến lung tung
Mà đi lo quét nhà cùng kế bên
Chuyện ta lo liệu cho nên
Mặc ai xuyên xỏ vững kiềng ba chân.

Đến như trời đất vô tư, không hề thiên vị một ai, vậy mà cơn mưa nắng cũng còn có kẻ ưa người ghét thay ! Trời đất mặc nhiên tĩnh lặng không nói gì, và cũng không biết tỏ ra thương, hay ghét, dèm pha hay nịnh bợ với bất cứ một ai, thế mà vẫn còn không tránh khỏi cái miệng chê khen của người đời, nói chi đến con người đầy nghiệp chướng, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi cái luận điệu khen chê?

Trời là cao mà miệng thế còn bia
Cơn mưa nắng kẻ ưa người trách
Đời trăm tuổi đố ai giữ sạch ?
Khổng Thánh còn bị Đạo Chích chê bai
Kẻ thì ưa tiếng ngắn tiếng dài
Người thì chịu lời chân lời thật
Ai nhẫn nhục bằng Tiên bằng Phật
Mà Đề Đạt Đa hại rất nhiều phen
Ai hiền lành bằng nhẫn nhục Tiên
Mà vua Ca Lợi chặt tan thân thể
Trang hiền đức Châu Văn Vương ai chẳng nể
Mà còn mang câu vũ lý chi tù
Xét ở đời có kẻ trí với người ngu
Cũng khó nổi lấy ngao mà lường biển
Nín thời dại, nói ra thời nhiều chuyện
Gẫm con người cái miệng rất nhiều lời
Cơ hàn quần áo tả tơi
Thì họ cho rằng đồ thất nghiệp
Giàu có đủ trên dù dưới dép
Thì họ cho rằng làm phách kiêu căng
Thấy kẻ nghèo đáng bác gọi thằng
Xem người giàu có đáng con mà kêu cậu
Gẫm con người hữu nhãn vô châu...

Lặng thinh như Tôn giả Ly bà đa cũng bị bọn Atula chê cười. Nói nhiều như Tôn giả Xá lợi Phất, cũng bị bọn họ không thích. Nói ngắn gọn hay nói ít như Tôn giả A nan, cũng bị bọn họ không vui. Thế thì làm sao cho họ vừa lòng hết đây? Những vị này là những bậc thầy đáng kính, phần lớn, các Ngài đã không còn phiền não ghét thương, thiên vị, như thói đời. Thế mà, các Ngài cũng vẫn còn bị người ta không ưa thích nói xấu. Thậm chí đến như đức Phật, Ngài đã hoàn toàn không còn một chút xíu vi tế vô minh phiền

não, ấy thế mà, Ngài cũng vẫn còn bị kẻ thương, người ghét.

Những ai phỉ báng nhạo cười chê
Phải trái nào ai tránh khỏi hề!
Khổng Thánh kia còn bao kẻ biếm
Phật đà bị hại xiết bao ghê!
Khi thương trái ấu cho tròn trịa
Lúc ghét bồ hòn vẫn méo chê
Thế sự tình đời sao nói hết
Xét mình vui đạo chẳng buồn tê!
(Thích Phước Thái)

Nghĩ đến các Ngài còn bị tiếng dư luận khen chê của người đời, còn đối với chúng ta là những con người phàm tục, phiền não nhiễu nhương còn dẫy đầy, thế mà chúng ta muốn không có sự khen chê, thử hỏi như thế có được không? Hẳn chúng ta sẽ không bao giờ có được ý muốn hoàn toàn như thế.

Thế mới biết, khen hay chê là chuyện thường tình của thế nhân. Từ ngàn xưa mãi đến ngàn sau, bất luận thời nào và bất luận con người nào, không ai hoàn toàn được khen hay hoàn toàn bị chê. Do đó, Phật khuyên chúng ta khi bị chê không nên khởi tâm bực tức giận hờn. Chúng ta cần phải học cho được cái hạnh nhẫn nhục của trời đất. Có nhẫn nhục, thì mọi việc sẽ được an ổn. Ngược lại, khi chúng ta được khen, cũng không nên lấy đó làm hãnh diện, để cao thêm bản ngã. Càng được người khen, ta phải biết hạ mình và cẩn trọng xét lại việc ta làm. Không nên vì tiếng khen mà ta thay đổi tâm tánh, tự cao, tự đại, khinh người. Đó là một họa hại cho ta. Có đôi khi, ta không chết vì tiếng chê, mà ta lại chết vì tiếng khen. Người ta chết vì thuận cảnh nhiều hơn là chết vì nghịch cảnh. Trên bước đường tu học hành đạo, ta cần phải lưu ý đến những cái thuận duyên xảy ra cho ta.

Ta cần noi gương Phật Tổ, cứ an nhẫn tu hành. Ta không nên nặng lòng vì việc khen chê của thiên hạ. Nếu mình tu không ra gì, mà dẫu thiên hạ có khen, thử hỏi mình có xứng đáng với tiếng khen của họ không? Ngược lại, mình tu hành đàng hoàng, dẫu cho có bị thiên hạ chê

cười nói xấu đủ điều, mình cũng cảm thấy không có gì xấu hổ. Và coi những lời chê bai phê bình chỉ trích của họ, là những lời cảnh giác thức nhắc cho mình tránh những điều xấu ác. Nghĩ thế, lòng mình không có gì phải tức giận khó chịu. Không ai biết rõ mình bằng chính mình tự biết mình. Mình đang làm gì? nói gì? nghĩ gì? tự mình mình biết, tự mình mình hay. Không ai biết rõ mình bằng mình. Người ta có khen, thì mình cũng không tăng thêm kí lô thịt nào, mà người ta có chê, thì mình cũng không bị giảm mất một miếng thịt nào. Người xưa nói: “Ai khen ta mà khen phải, thì đó là thầy ta. Ai chê ta mà chê phải, thì đó là bạn ta”.

Vâng! chỉ có người bạn tốt hết lòng trung thực với mình, họ mới thật tình dám nói lỗi phê bình những khuyết điểm của mình. Cả hai hạng người khen chê trên, mình đều cám ơn họ. Vì nhờ họ mà mình mới thăng tiến trên bước đường hành xử tu niệm.

Ngoài ra, những kẻ vuốt ve nịnh bợ mình, hãy đề phòng coi chừng hạng người đó. Mình có làm sai, họ cũng nói mình phải. Mình có dở thậm tệ, họ cũng cho mình hay. Đó là hạng người chỉ biết ton hót tâng bốc nịnh bợ mình, vì họ đã có một chủ ý mưu đồ tư lợi riêng. Đó là hạng người mà ta cần phải tránh. Họ sẽ là người giết chết mình mà không cần đến vũ khí, một khi mình đã hết thời bị sa cơ thất thế.

Thường người ta thích nghe tiếng khen, chớ không ai chịu nghe tiếng chê. Vì lời nói thẳng bao giờ nghe cũng trái với cái lỗ tai. Nhưng ta nên nhớ rằng, ruồi chết vì mật ngọt, chim chết vì mồi ngon, người chết vì lời khen. Lời chê, tuy nó có bộc chất đắng thiệt, nhưng chính nó lại là làm cho mình thăng tiến hết bệnh. Nhưng ở đời, có mấy ai thích đắng đâu! Toàn là thích ngọt cả. Ấy thế mới chết!

Cứ ôn lại chuyện xưa, tích cũ, từ cổ chí kim, có ông vua nào chết vì tay trung thần can gián hay không? hay là phần nhiều họ chết vì những tay nịnh thần. Những ông quan nịnh thần, lúc nào cũng tỏ ra khéo biết nịnh bợ chiều chuộng để được lòng vua. Cứ một bề cong lưng uốn gối vâng vâng dạ dạ, thì thử hỏi có ông vua nào mà lại không thích ? Nhưng chúng ta đừng quên rằng, cái ngai vàng bị mất là chính do những ông quan lại nịnh thần này. Lịch sử xưa nay, đã chứng minh rất nhiều, nhưng rất tiếc, người ta vẫn chưa sáng mắt học thuộc lòng bài học này.

Đối với người tu hành, Phật dạy, chúng ta phải vượt lên trên hai thứ khen chê này. Vì hễ còn dính kẹt vào thứ nào, thì lòng ta cũng vẫn bất an, cũng vẫn đau khổ cả. Ta nên nhớ rằng :

Có tài phải chịu cái tai Nếu mình ngu dại có ai nói gì Ngày nào chẳng có thị phi Tai không nghe đến cũng thì như không Nhiều nước thì mới thành sông Nhiều người phỉ báng mới nên công tu hành. Luận về hạnh giải thoát, trên thế gian này không ai giải thoát bằng Phật. Vì Phật đã dứt sạch hết vô minh phiền não. Thế mà trên bước đường hành hóa, đức Phật đã gặp rất nhiều chướng nạn. Chướng nạn từ trong nội bộ Tăng đoàn cho đến các hàng ngoại đạo. Trong nội bộ, thì có Đề bà đạt đa đã âm mưu hại Phật rất nhiều phen. Thậm chí, ông ta còn dã tâm cấu kết với thái tử A xà thế để hại Phật. Nhưng tất cả, ông đều bị thất bại. Mọi âm mưu hãm hại của ông, đều phơi bày và đã được đức Phật hóa giải tất cả.

Ngoài Đề bà đạt đa ra, bên cạnh đó còn có nhóm lục quần Tỳ kheo cũng luôn gây phá rối bất an trong Tăng đoàn. Rồi đến hàng ngoại đạo, vì lòng vị kỷ, ganh tỵ hẹp hòi, nên họ luôn tìm đủ mọi phương cách để hại Phật và Tăng chúng. Nhưng tất cả, họ đều bị thất bại. Rốt lại, họ

tự chuốc lấy tai họa vào thân mà thôi. Quả đúng với câu : « hại người trở lại hại mình ». Kẻ ác hại người hiền, có khác nào như kẻ cầm đuốc đốt trời. Trời không đốt được mà chính họ lại bị nạn phỏng cháy tay. Hay như kẻ ngước mặt lên trời mà phun nước miếng, nước miếng không lên tới trời, mà trở lại rớt vào mặt mình. Kẻ ác tâm hại người tu hành hiền lương cũng lại như thế.

Người tu hành, muốn được yên thân tu học, Phật dạy chúng ta cần phải luyện tâm như tứ đại. Nghĩa là phải học cho được hạnh nhẫn nhục của đất, nước, gió, lửa.

Ngày xưa, đức Phật đã từng dạy cho ngài La hầu la học và thật hành về những đức nhẫn này. Và chính Ngài Xá lợi phất nghe Phật dạy và Ngài cũng đã tập hành sự như thế. Một hôm, có một thầy Tỳ kheo có tâm ganh tỵ ác ý muốn hại Tôn giả Xá lợi phất, bằng cách vu khống cho rằng, Ngài đã nhẫn tâm ác ý xô thầy ấy bị té rồi bỏ đi không một lời xin lỗi. Chuyện xảy ra đến tai đức phật và đức Phật họp chúng lại rồi Ngài nêu ra vấn đề này trước đại chúng. Nhân đó Ngài Xá lợi Phất mới trình bày về những điều mà Ngài đã thật hành bắt chước theo đức nhẫn nhục của đất, của nước, của lửa và của gió (không khí) cho Phật và mọi người nghe và chính bản thân Ngài đã thành công.

Thế nào là học hạnh nhẫn nhục của đất ? Vì đất, ngoài đức tánh dày dặn, rộng lớn, bao la ra, đất còn có khả năng thu nhận và chuyển hóa. Người thật tâm tu hành phải trải rộng lòng thương bao la như đất. Đất dung nạp tất cả. Dù bạn có đổ nước thơm hay bất cứ thứ ô uế nhơ bẩn hôi thúi gì, thì đất vẫn thản nhiên thu nhận và chuyển hóa. Đất không bao giờ tham đắm, giận hờn, hay tỏ ra nhờm gớm ghê tởm gì cả. Thế nên, chúng ta nên thực tập học và hành sự nhẫn nhục như đất.

Thế nào là học hạnh nhẫn nhục của nước ? Vì tánh của nước cũng bao la, lưu chuyển mềm mại chặt không đứt, bứt không được. Lực dụng của nước đem lại sự tươi mát làm lợi ích cho muôn loài. Công dụng của nước để cho người ta tiêu xài phục vụ cho đời sống như : tắm rửa, giặt giũ, nấu nướng v.v... Song có điều, khi chúng ta giặt rửa những chất thơm tho hoặc những thứ dơ bẩn trong nước, nước cũng không cảm thấy tham đắm, buồn nản hoặc chán chường. Nước vẫn luôn luôn lưu chuyển và cuốn trôi đi những thứ ô uế đó. Nước mang hai đặc tánh nổi bật mà chúng ta cần học hỏi, đó là : « hóa giải và gạn lọc ». Hằng ngày, chúng ta hãy cố gắng thực tập quán niệm cho thân tâm mình phải gạn lọc và hóa giải giống như nước. Đó là chúng ta hành sự như nước.

Thế nào là học hạnh nhẫn nhục của lửa ? Vì tánh của lửa cũng bao la cùng khắp tất cả. Tánh chất của lửa là nóng. Lửa có công năng đem lại nguồn sống cho muôn loài. Nếu không có lửa (năng lượng nhiệt độ), thì muôn loài sẽ không thể nào sinh tồn được. Tuy thế, nhưng lửa không bao giờ thấy mình có công lao mà khinh thị mọi loài. Lửa còn có công năng đốt cháy mọi thứ : đẹp, xấu, nhơ, sạch v.v... Nhưng không vì thế, mà lửa tỏ ra tham đắm, buồn giận, tủi nhục hay chán chường. Lửa có năng lực thiêu đốt gạn lọc và hóa giải mọi thứ phiền não nhiễm ô. Chúng ta hãy để tâm cố gắng thực tập thiến quán học cho được đức tánh khiêm cung nhẫn nhục của lửa. Đó là chúng ta khéo biết hành sự như lửa.

Thế nào là học hạnh nhẫn nhục của gió ? Vì tánh của gió (không khí) cũng bao la cùng khắp tất cả. Tánh chất của gió hay không khí là loại thể hơi tươi mát trong lành. Không khí có công năng đem lại nguồn sống cho muôn loài. Sự sống nếu thiếu không khí là chết. Vạn vật sinh thành tồn tại cũng nhờ hít thở không khí mà sống. Sự vận hành của không khí tạo thành gió. Gió có công năng thổi đi tất cả những mùi thơm tho hoặc hôi thúi. Tuy thế, nhưng gió không bao giờ cảm thấy tham đắm hoặc tủi nhục, buồn giận hay chán chường. Gió có năng

lực thổi đi tất cả những vọng chấp nội kết ưu phiền. Nói chung là thổi tan những niềm ưu bi tục lụy, những thứ phiền não cáu bợn gây ra làm cho chúng ta đau khổ. Gió có khả năng giải tỏa, gạn lọc và hóa giải mọi thứ. Nhưng không vì thế, mà gió lại cống cao ngã mạn tỏ thái độ khinh thị bất cứ ai. Chúng ta hãy cố gắng gia công thực tập cho kỳ được hạnh nhẫn nhục của gió. Đó là chúng ta khéo biết hành sự như gió.

Người tu hành khéo biết rèn luyện thân tâm học tập bốn đức tánh nhẫn nhục của bốn đại nói trên, thì chắc chắn đời tu của chúng ta sẽ có nhiều tiến bộ và lợi lạc rất lớn vậy.

231. Giữ thân đừng nóng giận, điều phục thân hành động, xa lìa thân làm ác, dùng thân tu hạnh lành. Let a man guard himself against irritability in bodily action; let him be controlled in deed. Abandoning bodily misconduct, let him practise good conduct in deed.

Kệ tụng

Giữ thân đừng nóng giận
Chế thân khéo điều phục
Xa lìa thân làm ác
Dùng thân làm hạnh lành.

232. Giữ lời đừng nóng giận, điều phục lời chơn chánh, xa lìa lời thô ác, dùng ý tu hạnh lành. Let a man guard himself against irritability in speech; let him be controlled in speech. Abandoning verbal misconduct, let him practise good conduct in speech Kệ tụng

Giữ lời đừng nóng giận
Chế lời khéo điều phục
Xa lìa lời thô ác
Dùng lời nói điều lành.

233. Giữ ý đừng nóng giận, điều phục ý tinh thuần, xa lìa ý hung ác, dùng ý tu hạnh lành. Let a man guard himself against irritability in thought; let him be controlled in mind. Abandoning mental misconduct, let him practise good conduct in thought.

Kệ tụng

Giữ ý đừng nóng giận
Chế ý, khéo điều phục
Xa lìa ý độc ác
Dùng ý nghĩ hạnh lành.

234. Người trí điều phục thân, cũng điều phục ngôn ngữ, điều phục luôn tâm ý, cả ba nghiệp thảy điều phục.

The wise are controlled in bodily action, controlled in speech and controlled in thought. They are truly well-controlled.

Kệ tụng
Kẻ trí điều phục thân

Điều phục luôn lời nói
Điều phục cả tâm tư
Ba nghiệp thảy tự điều.
Lược giảng
Phật dạy những pháp cú: 231, 232. 233, 234, tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến nhóm Lục quần Tỳ kheo.

“Ngày nọ, nhóm Lục quần Tỳ kheo mang guốc gỗ, hai tay cầm gậy khua lóc cóc, đi lên đi xuống rầm rầm trên một phiến đá. Phật nghe tiếng lốp bốp, mới hỏi Ngài A Nan: - Nầy A Nan! Tiếng gì thế? Tôn giả A Nan thưa: - Bạch Thế Tôn, Lục quần Tỳ kheo mang guốc đi tới đi lui nên gây ra tiếng ấy. Nghe thế, Phật dạy: - Một Tỳ kheo phải kiểm soát tư tưởng, lời nói, và hành động của mình”. Do đó, nên Phật nói những pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 43)

Qua bốn pháp cú trên, ta thấy, đức Phật đã nêu lên và nói rõ về những hành động ở nơi ba nghiệp: thân, miệng, ý. Về ba nghiệp này, trong các kinh điển, ta thấy Phật thường nhắc đi nhắc lại. Bởi vì nó rất quan trọng trong sự tu hành. Trong đời sống hằng ngày, nếu ta chịu khó, bình tâm xét kỹ, không có điều lành hay điều dữ nào, mà có thể vượt ra ngoài ba nghiệp. Khổ đau hay hạnh phúc cũng do ba nghiệp của chúng ta tạo tác mà ra.

Khi tư tưởng ta nghĩ đến điều lành, như có ý muốn giúp đỡ ai, thì bấy giờ ta cảm thấy lòng ta thật tươi mát dễ chịu. Mặc dù điều nghĩ lành đó, ta chưa thể hiện ra bằng hành động hay lời nói. Nhưng cái kết quả đem lại cho ta, là ta cảm thấy ấm áp an vui hạnh phúc rồi. Chẳng hạn, khi ta nhớ tới những người thân của ta, như cha, mẹ hay chồng, vợ, cháu, con v.v...ta thấy họ có những bức xúc, buồn giận, vướng phải một nội kết đau thương nào đó, mà tự họ chưa tháo gỡ ra được. Ta liền quán chiếu sâu vào và tìm cách giúp họ để tháo gỡ những gút mắc nội kết đó. Khi ta thật tâm quán chiếu tư duy như thế, ta thấy trong tâm ta như có một năng lượng hiểu, thương và cảm thông đang trào dâng lên trong tâm tưởng của ta đang hướng về họ. Đó là một năng lượng ấm áp trùm khắp của lòng từ bi phát khởi.

Từ đó, ta liền thực hiện bằng hành động hoặc lời nói theo dòng năng lượng hiểu thương đó. Đó là ta đang chế tác một năng lượng thiện nghiệp rất quý giá tốt đẹp ở nơi ba nghiệp của ta. Giống như một cây cam, tự nó có khả năng chế tác ra những lá cam, bông cam và trái cam. Một sự chế tác đem lại kết quả an vui hạnh phúc ngay trong hiện tại. Ngược lại, cũng ở nơi ba nghiệp mà nếu như chúng ta chế tác những điều ác, thì chúng ta sẽ gặt hái những quả báo ác. Quả báo đó không phải đợi đến về sau mới chín, mà nó có thể chín ngay trong đời sống hiện tại này. Giống như ta chế tác một cây ớt, thì nó cũng sẽ cho ta một kết quả là những trái ớt cay hiện tiền.

Một ý niệm xấu ác vừa dấy khởi, nếu chúng ta thiếu cảnh giác không nhận diện được nó, chẳng những không nhận diện rõ bộ mặt thật của nó, mà ta còn tiếp tay đồng lỏa với nó, thì trách gì ta không gặt hái quả khổ. Bởi vì ta nuôi dưỡng nó để rồi ta theo nó mà hiện tướng ở nơi thân như trộm cướp, hãm hiếp, giết người v.v... Còn ở nơi miệng,

thì ta thốt ra toàn những lời dao búa ác ngữ, nói dối, lường gạt, mạ lụy, vu khống, chụp mũ, chửi mắng v.v... Thế là ta sẽ chuốc lấy sự đau khổ vào thân tâm của ta rồi. Phật cho đó là ta không khéo bảo vệ phòng thân, phòng khẩu, và phòng ý. Ta sống hoàn toàn buông lung thô tháo ở nơi ba nghiệp, không một chút cẩn trọng phòng hộ giữ gìn. Do đó, nên ta phải chịu lãnh lấy quả báo khổ đau.

Ngược lại, Phật dạy, nếu là người trí, thì ta phải chế ngự khắc phục chuyển hóa ở nơi ba nghiệp không cho gây tạo nghiệp ác. Đó là người khéo biết hoán cải và luôn ứng dụng Giới, Định, Huệ để chuyển hóa ba nghiệp ác thành ba nghiệp lành. Nếu ba nghiệp được thanh tịnh, thì chẳng những hiện đời, ta hết khổ mà đời sau, ta cũng được mãi mãi an vui hạnh phúc.

XVIII. Phẩm Cấu Uế (Malavaggo)

235. Ngươi đã giống như ngọn lá khô, Diêm ma sứ giả (tử thần) ở sát bên mình. Ngươi đang đứng trước ngưỡng cửa chết, bước lữ hành ngươi thiếu hẳn lương thực. Like a withered leaf are you now; death’s messengers await you. You stand on the eve of your departure, yet you have made no provision for your journey!

Kệ tụng

Ngươi nay giống lá khô
Diêm sứ đang chờ ngươi
Ngươi đứng trước cửa chết
Đường trường thiếu tư lương.

236. Ngươi hãy tự lo tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, để bước lên thánh cảnh hàng chư Thiên. Make an island for yourself! Strive hard and become wise! Rid of impurities and cleansed of stain, you shall enter the celestial abode of the Noble Ones.

Kệ tụng

Hãy tự tạo hòn đảo
Tinh cần và sáng suốt
Trừ cấu uế, thanh tịnh
Ngươi đạt chứng thánh địa.

237. Đời sống ngươi sắp lụn tàn, người đang dịch bước đến gần Diêm vương, giữa đường không nơi ngơi nghỉ, bước lữ hành ngươi thiếu hẳn lương thực.

Your life has come to an end now; you are setting forth into the presence of Yama, the king of death. No resting place is there for you on the way, yet you have made no provision for your journey!

Kệ tụng

Đời ngươi sắp lụn tàn
Tiến gần đến Diêm vương
Giữa đường không nơi nghỉ

Đường trường thiếu tư lương.
238. Ngươi hãy tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, chớ trở lui đường sanh lão nguy nan. Make an island for yourself! Strive hard and become wise! Rid of impurities and cleansed of stain, you shall not come again to birth and decay.

Kệ tụng

Hãy tự làm hòn đảo
Tinh cần và sáng suốt
Trừ cấu uế, thanh tịnh
Chẳng trở lại sanh tử.
Chú thích Thánh cảnh chư Thiên: Chỉ cho 5 cõi trời Tịch cư (Panca Anddhvasabhumi): Vô phiền (A-viha), Vô nhiệt (Atappa), Thiện hiện (Suddassa), Thiện kiến (Suddssi), Sắc cứu cánh (Akanittha) là năm chỗ của hang A na hàm ở.

Lược giảng

Bốn pháp cú trên Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một tên đồ tể mổ bò.

Theo truyện tích, có một anh đồ tể ở Xá Vệ chuyên sống bằng nghề mổ bò trên năm mươi lăm năm. Anh ta giết hại không biết bao nhiêu con bò. Mỗi khi xẻ thịt, anh ta lấy phần thịt ngon để ăn, còn lại phần khác thì đem bán. Tuy nhà anh ở gần tinh xá nơi Phật trú ngụ, nhưng suốt thời gian đó, anh ta chưa hề biết cúng dường cho Phật và chúng Tăng bất cứ vật gì, dù chỉ là một muỗng cháo, cũng không có.

Có lần, sau khi bán hết thịt, ông ta chỉ chừa lại một miếng và bảo vợ nấu bữa ăn tối. Ông ta đi ra ao tắm. Bất chợt, có người khách đến năn nỉ nài mua. Bà vợ bảo: thịt đã bán hết, chỉ còn duy nhứt một miếng mà ông ấy bảo tôi nấu cho ổng. Nghe xong, ông khách không cần nghĩ gì thêm, liền lén xách miếng thịt đi. Thế là, bữa cơm tối hôm đó, anh đồ tể không có thịt ăn. Ông ta nổi giận không ăn, quát la vợ một hồi, rồi bỏ đi ra ngoài. Ông ta kéo lưỡi một con bò đang đứng và cắt đứt lưỡi của nó. Xong, ông trở vào nhà rồi dùng than nướng lưỡi đó ăn với cơm.

Thật lạ thay! Ông ta vừa để miếng thịt vào miệng, thì lưỡi ông ta bị đứt làm hai và rớt xuống dĩa cơm. Máu từ trong miệng của ông vọt tuôn ra và ông bò xung quanh nhà la rống lên như

bò sắp chết. Ông giãy chết và đọa vào địa ngục A tỳ. Đó là một quả báo hình phạt ghê gớm! Đứa con trai của ông thấy vậy, vì quá sợ hãi nên bỏ nhà ra đi qua làng khác sinh sống. Nó làm thuê cho ông chủ và học làm nghề thợ bạc.

Nhờ siêng năng làm giỏi, nên hắn được ông chủ gả con gái cho. Từ đó, họ sanh con đẻ cháu nối nghiệp nhà. Nhưng những đứa con trai (tức cháu của ông đồ tể) của ông, trở về Xá Vệ, bỏ nghề thợ bạc hành nghề khác và quy y theo Phật. Chúng trở thành những người Phật tử rất thuần thành. Trong khi đó, thì cha của chúng không tin kính Phật pháp. Chúng thấy thế, nghĩ cách dâng thức ăn cúng dường cho Phật và kính mong Phật

cầu nguyện cho cha ông ta hồi tâm chuyển ý tu hành.

Cảm lòng hiếu thảo, đức Phật khuyên ông cha: - “Này ông lão, ông đã già nua, thân thể ông như lá héo úa, ông không tạo việc lành để làm tư lương cho đời sau. Hãy tạo cho mình một chỗ an trụ. Hãy làm người khôn ngoan, đừng làm kẻ si mê”. Nhân đó, Phật dạy những pháp cú trên.

Sau khi nghe xong, ông cụ liền chứng Sơ quả. Tất cả hội chúng cũng đều được lợi ích rất lớn. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Phẩm này có tên là cấu uế. Cấu uế là nhơ bẩn, bởi do năm thứ triền cái (tham, sân, hôn trầm thùy miên, trạo hối, nghi) làm cho tâm ta bị nhơ nhớp cấu uế. Chúng ta cần phải cố gắng dứt trừ chúng. Muốn dứt trừ, chúng ta cần phải thật hành thiền định. Phải dùng năm thứ thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) để dứt trừ năm món triền cái. Chữ cái là che đậy. Do năm thứ này, nó che ngăn làm mờ tánh giác sáng suốt sẵn có của chúng ta.

Đời người nếu không biết tu làm tươi mát ở nơi thân tâm, thì Phật cho đó khác nào như chiếc lá héo khô. Lá từ héo rồi dần đến khô. Lá héo là vì thiếu nước từ bi trí tuệ tưới tẩm. Khô là già nua, gần với cái chết. Phật nói đó là Diêm sứ giả (tử thần) đang chờ đón. Khô ở đây, Phật muốn ám chỉ khô cả hai: “khô về thể xác lẫn tinh thần”. Về thể xác, chúng ta không biết cách làm cho thư dãn thân. Nên có những cơn đau nhức về thân. Những tế bào ngày càng teo lại, nên thân thể người già dễ khô héo sanh bệnh hoạn đau nhức. Thế nên, ta cần phải thực tập phương pháp thiền niệm thân. Niệm thân là ta khéo biết chăm sóc ở nơi thân. Chăm sóc bằng cách là đem tâm về có mặt ở nơi thân. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, nói chung là mọi động tác thi vi, ta đều có ý thức buông thư về thân. Nhờ đó, mà những cơ bắp toàn thân ta dễ co dãn và khỏe mạnh hơn.

Về tâm, ta phải học cách thức thiền định, để làm cho tâm ta tươi mát hơn. Tất cả pháp môn Phật dạy: Thiền, Tịnh, Luật, Mật v.v...đều nhằm mục đích chính yếu là trị tâm bệnh. Nghĩa là để cho tâm ta được an định. Có Định Huệ, thì đó là giải thoát. Những khổ đau trong tâm, nếu không dùng pháp dược của Phật trị liệu, thì người Phật tử chưa biết tu. Hình ảnh lá khô héo Phật dạy pháp cú trên, Phật còn báo động cho ta phải ý thức cảnh giác cao độ về lý vô thường.

Ta nên biết rằng, cái chết gần kề, cần nên tạo cho mình có nhiều tư lương để chuẩn bị chu đáo hơn cho cuộc hành trình tiếp nối. Tùy mỗi pháp môn tu mà người tu chuẩn bị cho mình có những món tư lương khác nhau. Như người tu Tịnh độ, thì ba món tư lương hay hành trang lên đường về cõi Phật là: “Tín, Hành, Nguyện”. Tùy hành giả chọn lựa, tư lương nào cũng tốt. Điều quan trọng là phải chọn tư lương đúng theo chánh pháp Phật dạy. Miễn sao hành giả tiến thẳng trên đường giác ngộ giải thoát là được.

Pháp cú 236, Phật đặc biệt nhấn mạnh cho chúng ta thấy tầm quan trọng của một hòn đảo an toàn. Hòn đảo này phải chính do bàn tay ta tự tạo lấy. Ta không nên có tâm ỷ lại van xin cầu khẩn bên ngoài. Phật bảo mỗi người phải gấp rút tạo cho mình một hòn

đảo. Đó là hòn đảo thiền định. Muốn có hòn đảo thiền định này, điều tiên quyết ắt có, là chúng ta phải gột sạch phiền não trần cấu. Gạn lọc phiền não có nhiều cách. Nhưng cách nào dù thấp hay cao, dù sâu hay cạn, mục đích chính cũng phải dứt trừ phiền não. Phiền não tuy nhiều, nhưng không ngoài hai loại: "Căn bản và chi mạt". Căn bản là những thứ có gốc rễ sâu dầy, khó trừ, khó đoạn. Chi mạt, hay còn gọi là tùy phiền não, là những thứ cành nhánh, nên dễ trừ hơn. Nhưng thứ nào nó cũng làm cho tâm mình bất an cả. Muốn tâm an, Phật khuyên chúng ta phải làm kẻ khôn ngoan, phải từ khước mọi tham ái trong thế gian, chuyên cần tinh tấn hằng sống có chánh niệm. Từ chánh niệm dần dần hành giả mới có được chánh định. Có chánh định, bấy giờ, hành giả mới thực sự bước lên hòn đảo thánh cảnh của hàng chư Thiên. Thánh cảnh của hàng chư Thiên nói ở đây là chỉ cho năm cõi trời: Tịnh Cư (Panca Anđhvassabhumi),Vô Phiền (Aviha), Vô Nhiệt (Atappa), Thiện Hiện (Suđani), Thiện Kiến (Suddassi), Sắc Cứu Cánh (Akanittha), đó là năm chỗ ở của hàng A na hàm.

Pháp cú 237, Phật nhắc lại cho chúng ta nhớ về kiếp sống của con người thật mỏng manh vô thường tạm bợ. Cứ mỗi phút giây trôi qua là ta xê dịch gần kề với cái chết. Thấy đó rồi mất đó. Sống ở phút này, không ai dám bảo đảm tồn tại ở phút sau. Vì thế, Phật nói: "Đời sống ngươi sắp lụn tàn, ngươi đang dịch bước đến gần Diêm vương". Lời dạy đó, cảnh tỉnh chúng ta phải ý thức rằng, mỗi người sanh ra đời ai ai cũng mang sẵn bản án tử hình. Chẳng qua tòa án Diêm vương đem ra xét xử tử hình có mau chậm khác nhau mà thôi.

Thử ngẫm lại, đời ta từ khi sanh ra cho đến khi nhắm mắt lìa đời, nhìn lại khoảng đường qua, có khác gì là giấc mộng nam kha. Tất cả chỉ là một thoáng qua. Nên Phật nói: "Giữa đường không nơi ngơi nghỉ". Đó là nói đời sống của một đời người trong khoảng thời gian hiện tại. Nếu luận xa hơn, thì trên con đường sanh tử luân hồi, trải qua nhiều kiếp, chúng ta chưa từng có nơi ngơi nghỉ. Cứ tiếp tục hành trình đi mãi. Mất thân này, thọ thân khác. Ta đi lang thang như một lữ khách phong trần trôi nổi bồng bềnh trong sáu đường. Thật đau đớn chua xót lắm thay! một cuộc hành trình mà Phật cho đó là thiếu hẳn lương thực. Vì thế, mà chúng ta phải cam chịu đói khát khổ đau trăm bề trong đường sanh tử, và không biết đến bao giờ mới thực sự được thoát ra!

Pháp cú 238, một lần nữa, Phật nhắc lại và nhấn mạnh cho chúng ta nhớ, là mỗi người nên tạo cho mình một hòn đảo an toàn. Muốn thế, Phật khuyên chúng ta phải gia công nỗ lực tinh cần tu tập. Phải làm kẻ khôn ngoan, không nên để những thứ phiền não khuấy động làm ta đau khổ. Phải luôn trau dồi trí huệ, gạn trừ gột sạch những cáu bợn phiền não. Phật khuyên chúng ta: "nên thẳng một đường đi tới, không nên trở lui đường sanh tử nguy nan".

Qua chuyện lược dẫn trên, ta thấy một hiện tượng nhân quả ác lai ác báo hiện tiền thật đáng ghê sợ. Tên đồ tể dùng dao cắt lưỡi một con bò còn sống rồi đem nướng trên bếp than hầm, vừa đưa miếng thịt vào liền đó lưỡi ông ta bị đứt làm hai và rớt xuống dĩa cơm. Máu tuôn vọt ra và giãy chết. Ông bị đọa vào ngục A tỳ, tức vô gián địa ngục. Vì sự sống của mình, mà hành động tàn ác, gây khổ đau lên sự sống của loài khác, thật đó là điều tàn nhẫn mà ta cần nên tránh. Chỉ vì không nhịn được miếng ăn cho ngon miệng

béo bổ, mà tên đồ tể này đã hành động một cách rất dã man. Cắt đứt lưỡi của một con bò đang còn sống. Ta nên nhớ rằng:

Ngỡ rằng ngon miệng béo thân Nào ngờ sa đọa chẳng cần lâu xa A tỳ địa ngục hiện ra

Lưỡi kia đã đứt phải sa ngục hình
Ai ơi! Thương xót sinh linh
Có cùng mạng sống hữu tình biết đau
Chẳng qua nghiệp thức khác nhau
Tham sanh úy tử loài nào khác đâu
Từ bi hằng quán cho sâu
Lột da xẻ thịt máu đào đỏ tươi
Một lòng thương vật thương người
Nhân nào quả nấy ta thời khắc ghi.

239. Hết sát na nầy đến sát na khác, người trí lo gột trừ dần những cấu uế nơi mình, như người thợ vàng cần mẫn gột trừ cặn bã khỏi chất vàng ròng. One by one, little by little, moment by moment, a wise man should remove his own impurities, as a smith removes the dross from silver.

Kệ tụng

Người trí theo tuần tự
Từng sát na trừ dần
Những cấu uế nơi mình
Như thợ vàng lọc quặng.

Lược giảng

Pháp cú này phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn.

Theo truyện tích, một hôm, có một Bà la môn thấy các vị Sa môn thường đứng ở chỗ có cỏ mọc cao rậm rạp để khoác y vào. Khi đắp y, chéo y quét qua cỏ, dính sương dẫm ướt. Thấy thế, ông liền dọn sạch cỏ nơi đó.

Lần sau, ông đến chỗ đó quan sát, thấy những lá y của các thầy Tỳ kheo khoác vào, chéo y quét trên đất dính bụi. Thấy thế, ông rải cát làm sạch bằng phẳng nơi đó.

Hôm sau, trời nóng bức, ông thấy các thầy Tỳ kheo, khi khoác y vào mồ hôi đổ giọt. Thấy thế, ông liền suy nghĩ, nên cất một cái trại nơi đây.

Khi khác, trời đổ mưa, ông thấy các thầy Tỳ kheo bị tạt ướt, ông nghĩ, nên cất cái nhà mới được. Sau khi xây cất nhà hoàn tất, ông tổ chức lễ khánh thành và thỉnh Phật cùng chư Tăng đến để cúng dường. Thọ trai xong, ông trình bày mọi việc mà ông đã làm cho Phật nghe. Nghe xong, Phật nói: - “Này Bà la môn, người trí làm việc lành cũng vậy, hết lúc này đến lúc khác, từng việc một, dứt bỏ những nghiệp xấu”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó Phật nói pháp cú này.

Việc làm lành hay tu niệm, chúng ta cần phải biết đầu tư phước đức tùy cảnh duyên qua mọi thời gian và nơi chốn. Việc lành tuy nhỏ, nhưng đối với người khéo biết tu tích lũy nghiệp lành, thì không việc lành nhỏ nhặt nào mà họ không làm. Một giọt nước tuy ít, nhưng nếu chúng ta tiếp tục nhỏ nhiều giọt vào ly, thế nào rồi cũng sẽ đầy ly. Ông Bà la môn này, thật khéo biết đầu tư phước đức. Thấy y của các vị Tỳ kheo bị dính dơ, liền âm thầm tìm cách làm cho khỏi bị dính dơ nữa. Một việc tuy nhỏ nhặt, nhưng đó phải là người có tâm hướng thiện

và bền tâm kiên nhẫn mới có thể làm được. Làm mà không cần ai biết đến. Làm mà không phô trương khoe danh, đó mới là điều rất quý giá thật đáng thán phục.

Đến khi hoàn tất công việc được yên ổn, ông mới tỏ bày cho Phật biết. Nghe qua, Phật cho đó là việc làm của người có trí. Người trí khi hành thiện, họ loại bỏ những điều xấu ác, mà không cần ai biết đến họ. Ngược lại, người thiếu trí huệ khi làm việc thiện, họ rất háo danh, phô trương, khoe khoang. Họ làm phải có tên tuổi, phải cho mọi người biết đến khen ngợi nể phục họ. Phật cho đó là hạng người hành thiện cầu danh. Dĩ nhiên, là phước đức sẽ không nhiều. Người như thế, Phật không tán dương khen ngợi lắm.

Pháp cú trên, Phật dạy khi tu hành, chúng ta cần phải vận dụng trí huệ để thanh lọc phiền não làm cho thân tâm của chúng ta được trong sạch tươi mát. Trí huệ là một năng lượng có khả năng tháo gỡ những gút mắc, khó khăn, bức xúc, nội kết trong tâm. Mỗi khi có phiền não dấy khởi như buồn, giận chẳng hạn, thì ta cần đến năng lượng của chánh niệm. Năng lượng này có khả năng chế tác ôm ấp xoa dịu những nỗi buồn giận của ta.

Giận hờn là một trong nhiều thứ phiền não dấy khởi từ tâm. Nó không phải là một đối tượng ngoài tâm ta. Mà nó là một phần nhỏ của tâm. Đó là hiện tướng phiền não, như sóng là hiện tướng của nước. Vậy thì, ta cần phải dùng năng lượng chánh niệm để soi sáng làm cho cơn giận tức của ta sẽ được lắng dịu lại. Như bà mẹ ôm vào lòng đứa con, khi đứa con đang tức giận la khóc. Hành động ôm ấp vỗ về xoa dịu của người mẹ, nó có một năng lượng truyền đạt thẳng vào thân tâm của đứa con và chính năng lượng đó làm cho đứa con cảm thấy ấm áp và cơn giận tức la lối sẽ hạ thấp dịu bớt dần. Đó là cách chuyển hóa phiền não của người tu.

Nói gột trừ, đó chỉ là một cách nói. Thật ra, thì phiền não tự nó không phải là đối tượng để chúng ta đàn áp tiêu diệt chúng. Nếu không khéo là chúng ta tạo thành bãi chiến trường ở trong tâm ta. Và như thế là chúng ta sẽ không bao giờ có an ổn.

Phật cho chúng ta một hình ảnh qua thí dụ của một người thợ bạc cần mẫn lọc trừ quặng bã khỏi chất vàng ròng. Vì có vàng ròng, nên mới có quặng bã. Vì có bản giác nên mới có ra bất giác. Bất giác là vô minh phiền não cấu uế, dụ như là quặng bã. Khi gạn lọc, đòi hỏi chúng ta cần phải có những yếu tố: “cần mẫn, dụng cụ và phương pháp”. Dụng cụ tốt, phương pháp hay, người siêng năng giỏi, đó là những yếu tố tối cần thiết cho công việc gạn lọc. Dụng cụ tốt có thể là một câu hiệu Phật, một câu thần chú, hay hơi thở v.v.... Phương pháp là tập trung tâm ý vào một đối tượng để thiền quán sâu

hơn. Hành giả hãy thắp sáng ngọn đuốc trí huệ lên chiếu thẳng vào vọng tưởng phiền não. Khi chánh niệm có mặt trong giây phút hiện tại, thì lập tức tâm ta sẽ được an định ngay. Mà có an định thì sẽ không rơi vào hai đầu của ngục tù quá khứ và vị lai. Như thế, thì hành giả sẽ đạt được Niết bàn an lạc.

240. Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệp do ngươi gây ra rồi trở lại dắt ngươi đi vào cõi ác. Just as rust arising from iron eats away the base from which it arises, even so, their own deeds lead transgressors to states of woe.

Kệ tụng

Như sét do sắt sinh Trở lại ăn thân sắt Ác nghiệp tự mình tạo

Dẫn mình đến cõi ác.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện của thầy Tissa.

Theo truyện tích, thầy Tissa là một thanh niên trẻ con nhà quyền quý đi xuất gia. Thầy được một thí chủ trong thành Xá Vệ cúng dường cho thầy một tấm vải thô dài tám thước. Sau khi mãn hạ, thầy về nhà đưa tấm vải cho người chị xem. Người chị thấy thế cho tấm vải thô xấu xí, liền dệt lại thành tấm vải mới đẹp hơn.

Vài hôm sau, thầy Tissa dẫn thêm một vài thầy Tỳ kheo về nhà để may y. Thầy bảo người chị đưa lại tấm vải hôm trước. Người chị đưa tấm vải mịn tốt dài chín mét. Thầy Tissa từ chối và đòi lại tấm vải cũ. Người chị kể lại việc dệt lại tấm vải. Nghe xong, thầy đem vải về tinh xá và tìm người may y. May xong, thầy rất thích và định ngày mai sẽ đắp vào mình. Nhưng không may, thầy bị bội thực và chết. Vì quá thích chiếc y mới đẹp, nên thầy tái sanh làm con rận ở trong chiếc y mới.

Sau khi hỏa táng, các thầy Tỳ kheo khác định chia chiếc y này cho tăng chúng. Con rận nổi giận la hoảng: - Các thầy tước đoạt tài sản của tôi. Vừa kêu la nó vừa bò quanh chiếc y. Đức Phật biết rõ duyên cớ, liền bảo tăng chúng dời việc chia y lại bảy ngày sau. Cuối ngày thứ bảy, con rận chết và nó được tái sanh lên cõi trời Đâu Suất.

Qua ngày thứ tám, Tăng chúng bàn tán việc chia y. Họ thắc mắc tại sao Phật phải dời lại đến ngày thứ tám mới chia? Phật giải thích: vì Tissa quá thương tiếc chiếc y sanh làm con rận, nếu các ông chia, thì con rận kia nổi giận và sẽ đọa địa ngục ngay. Do đó, nên ta phải dời lại. Bây giờ con rận đã chết và Tissa đã sanh lên cõi trời Đâu Suất, nên ta cho các ông chia phần. Phật dạy thêm cho các thầy Tỳ kheo: - “Tham ái thật là vấn đề lo lắng lớn của chúng sanh trên quả đất, rỉ sét phát sanh từ sắt, trở lại ăn mòn sắt, tham ái phát sanh từ chúng sanh và đưa chúng sanh xuống địa ngục”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Sự khổ đau của con người phát sanh từ nghiệp. Nghiệp có ra từ tâm thức. Nếu tâm tưởng điều lành, thì thúc đẩy thân và miệng làm và nói điều lành. Ngược lại, thì tạo điều ác. Khi tạo ác, bởi do nghiệp bất thiện, rồi chính nghiệp bất thiện đó lôi kéo con người vào cảnh khổ đau. Thế nên, Phật nói: “như sét do sắt sinh ra, rồi chính chất sét rỉ

trở lại ăn sắt". Như vậy, sắt bị tiêu hoại, không phải do cái gì khác, mà chính do từ nó sinh ra rồi trở lại hại nó. Vì sắt không khéo tự bảo vệ, nên sinh ra sét. Rồi chính sét gây tác hại lại cho sắt. Phật nêu một thí dụ thật hết sức cụ thể.

Chúng sanh bị trôi lăn trong Tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đâu có do ai tạo ra cho mình phải chiêu cảm vào quả báo khổ đau đó, mà chính do mình gây tạo ác nghiệp, nên chiêu cảm thọ báo. Như một người bị giam vào lao tù, thử hỏi ai là người gây ra cho họ? Chính họ gây ra tội phạm, như cướp của, giết người, buôn bán nha phiến v.v...nên họ bị thọ khổ trong cảnh nhà lao. Đó là do lòng si mê tham dục của họ sai sử, mà gây ra cảnh đau khổ như thế. Khác nào như sắt sanh ra sét, rồi chính sét trở lại làm tiêu hoại sắt.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, thầy Tissa chỉ vì khởi lòng tham luyến một chiếc y mới đẹp, mà khi chết phải tái sanh làm con rận nằm trong chiếc y. Mới chỉ có một chiếc y mới đẹp thôi, hơn nữa, lại là người xuất gia sống gần Phật, còn luyến ái như thế, thử hỏi đối với những vật quý giá thời nay lại cách xa Phật thì sao? Tuy thầy Tissa bị đọa lạc như thế, nhưng thầy cũng còn phước duyên là được Phật cứu thoát. Nếu không nhờ Phật kịp thời ngăn cản việc các thầy Tỳ kheo định chia y cho chúng Tăng, thì không biết thầy Tissa sẽ sa đọa đến như thế nào?! Dù đã tái sanh làm con rận, nhưng khi biết được các thầy Tỳ kheo định chia y, thì con rận liền nổi giận. Phật biết được liền ngăn lại và đợi sau bảy ngày, con rận chết sanh lên cõi trời Đâu Suất, thì Phật mới cho chia.

Phật có tuệ nhãn nên biết rõ sự việc, cứu thoát được thầy Tissa, còn đối với chúng ta ngày nay thì sao? Nếu như lúc nhắm mắt khởi tâm tham luyến hay sân hận một sự vật nào đó, thì thử hỏi ai là người biết được để cứu thoát ta đây? Nghĩ thế, thật đáng lo sợ cho cận tử nghiệp của ta quá! Nếu người tu không khéo thiền quán buông xả mọi duyên trần, đến khi sắp chết còn tham ái bất cứ vật gì cũng đều là tai hại cả. Và chính cận tử nghiệp này nó sẽ dắt dẫn chúng ta đi thọ sanh tùy theo cái ác nhân mà nó sanh khởi. Do đó, nên pháp cú trên Phật dạy: "Ác nghiệp do người ta gây ra rồi trở lại dắt người ta đi vào cõi ác".

241. Không tụng tập là vết nhơ của sự học kinh điển, không siêng năng là vết nhơ của nghiệp nhà, biếng nhác là vết nhơ của thân thể và nơi ăn chốn ở, phóng túng là vết nhơ của phép tự vệ. Non-repetition is the bane of scriptures; neglect is the bane of a home; slovenliness is the bane of personal appearance, and heedlessness is the bane of a guard.

Kệ tụng

Không tụng, làm nhớp kinh
Không siêng, làm bẩn nhà
Biếng nhác làm nhơ thân
Phóng dật làm tâm uế.
Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên hệ đến câu chuyện của thầy Udàyi.

Theo truyện tích, tại Xá Vệ có khoảng năm mươi triệu Phật tử thường đến tinh xá cúng dường thức ăn và rồi nghe pháp. Họ thường ca tụng hai Tôn giả Xá lợi phất và Mục kiền liên thuyết pháp rất hay. Nghe thế, thầy Ưu đà di ganh tỵ liền nói với họ: hai vị đó nói pháp làm sao hay hơn tôi.

Thế là hôm sau, họ liền thỉnh Ưu đà di thuyết giảng. Thầy nhận lời. Sau khi thăng tòa, thầy chỉ phe phẩy quạt mà không nói được lời nào. Thầy bảo với họ là thầy sẽ đọc bài chú, còn việc thuyết pháp sẽ thỉnh thầy khác. Cứ thế, trải qua bốn lần, thầy Ưu đà di chỉ hẹn với họ như vậy mà không đọc được bài chú nào.

Thính chúng quá tức giận, họ ném đất, đá, gậy gộc vào thầy và nhiếc rằng: thầy chỉ làm thinh không nói được gì, mà lại ganh tỵ với hai Tôn giả Xá lợi phất và Mục kiền liên. Thầy không phải là người tốt. Họ vừa mắng nhiếc vừa ném đất đá, thầy Ưu đà di bỏ chạy. Họ rượt theo và thầy té xuống một hầm phân. Nhân đó, các thiện tín bàn tán nhỏ to với nhau về việc thầy Ưu

đà di. Phật biết được sự thể xảy ra, liền bảo với các thầy Tỳ kheo: đây không phải là lần đầu tiên, Ưu đà di té xuống hầm phân mà trong quá khứ thầy ta cũng đã như thế.

Có lần, giữa con heo và con sư tử thách đấu nhau. Trước ngày đấu, heo nằm lăn trong đống phân khiến cả mình mẩy đều hôi hám. Nhờ đó mà heo thắng được sư tử, vì sư tử không dám đến gần. Phật nói: heo chính là thân đời quá khứ của Ưu đà di và sư tử là thân đời quá khứ của Xá lợi phất.

Kể chuyện quá khứ xong, Phật liền bảo các thầy Tỳ kheo: - “Này các Tỳ kheo, Ưu đà di chỉ học được một câu kinh, nhưng không bao giờ đọc tụng là một lỗi lớn”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó Phật nói pháp cú này.

Tại sao Phật dạy: “không tụng tập là vết nhơ của kinh điển”? Đọc tụng kinh điển có lỗi gì? Câu này, nếu không khéo chúng ta dễ hiểu lầm. Kinh điển thì không có vết nhơ. Vì kinh là lời Phật nói. Phật nói để cho chúng ta y cứ vào đó mà học hỏi ứng dụng tu hành. Có tu hành thì chúng ta mới được lợi ích thoát khổ. Cái lỗi mà Phật muốn nói ở đây là, chúng ta không tụng tập. Nghĩa là kinh điển thì có đó, nhưng vì chúng ta để tâm mãi say mê chạy theo các thứ dục lạc thế gian, mà không chịu khó đọc tụng lời Phật dạy. Nói rộng ra là chúng ta không chịu học hỏi tu tập.

Do không chịu đọc tụng tu tập, nên chúng ta không thông suốt được đường lối tu hành. Khi thật hành, thì chúng ta sẽ không thật hành đúng theo chánh pháp Phật dạy. Do đó, nên chúng ta dễ bị rơi vào con đường tà ngoại. Khi đã rơi vào con đường tà kiến, thì đó là vết nhơ, là tai hại. Vết nhơ Phật nói ở đây là do chúng ta không để tâm chịu khó học tập kinh điển cho thông suốt. Như trường hợp Ưu đà di, dù đã xuất gia, mà không chịu nghe pháp học hỏi, lại có tật tánh xấu là hay ganh tỵ đố kỵ đối với người giỏi hơn mình. Do đó, nên ông không nói được lời gì.

Kế tiếp Phật nói: “không siêng năng là vết nhơ của nghiệp nhà”. Tại sao thế? Hai chữ “nghiệp nhà” ở đây, chúng ta có thể hiểu qua hai phương diện: đời và đạo. Về đời, nếu người Phật tử không siêng năng học hỏi, tu tập, sống theo chánh pháp, xây dựng phát

triển kinh tế gia đình, thì thử hỏi nghiệp nhà làm sao đứng vững cho được? Muốn nghiệp nhà được phát triển thịnh vượng, có nền tảng hướng tiến vững chắc, thì mỗi thành viên trong gia đình phải cố gắng siêng năng trau dồi học hỏi phát triển vươn lên không ngừng về mọi mặt. Nhưng theo đạo Phật, thì hướng tiến phát triển đó, người Phật tử phải đặt định trên cơ sở đạo đức trí tuệ và từ bi. Có thế, thì mới đem lại lợi ích thiết thực cho gia đình trong chiều hướng tốt đẹp. Và như thế, thì mỗi cá nhân và gia đình mới thực sự có hiểu, thương và hạnh phúc an lạc. Bằng ngược lại, thì chỉ làm thiệt hại cho mình và gia đình mà thôi. Đó là vết nhơ mà Phật dạy người Phật tử cần phải tránh.

Về đạo, Phật muốn chỉ cho việc hoằng pháp lợi sanh của người xuất gia. Nên mới có câu nói: "hoằng pháp thị gia vụ". Muốn nghiệp nhà Phật pháp được hưng thạnh, không có vết nhơ, thì Phật dạy người xuất gia phải để tâm siêng năng cầu tiến tu học. Nếu không siêng năng tu học, hành trì, thì việc lợi mình còn không có nói chi đến việc lợi người. Đó là nói nghiệp nhà mang tính lợi tha rộng lớn. Còn nếu nói nghiệp nhà ở nơi tâm, tức tự lợi, thì người xuất gia phải lấy trí huệ làm sự nghiệp. Mà muốn có trí huệ, tất nhiên, là phải tinh cần tu học theo con đường: "Giới, Định, Huệ". Đó là con đường rộng lớn mà chúng ta cần phải để tâm nghiên cứu học hỏi tu tập.

Đối với thân thể cũng như nơi ăn chốn ở, Phật dạy chúng ta cần phải siêng năng chăm sóc sức khỏe và ăn ở hợp vệ sinh. Nếu chúng ta sống buông thả không có giới luật kềm thúc ở nơi thân tâm, cũng như làm sạch và xanh ở môi trường sống chung quanh, thì Phật cho đó là vết nhơ của con người sống phóng dật. Thế nên, chúng ta cần phải cẩn trọng bảo hộ giữ gìn thân, tâm, ăn ở đúng phép vệ sinh và phải ý thức bảo vệ môi trường cho sach sẻ. Có thế, thì bản thân ta cũng như người và cảnh vật chung quanh, tất cả đều được lợi ích vậy.

242. Tà hạnh là vết nhơ của người đàn bà, xan lẫn là vết nhơ của sự cúng dường. Đối với cõi nầy hay cõi khác, thì tội ác lại chính là vết nhơ. Unchastity is the taint in a woman; niggardliness is the taint in a giver. Taints, indeed, are all evil things, both in this world and the next.

Kệ tụng

Tà hạnh nhơ đàn bà
Xan tham nhớp kẻ thí
Tội ác là vết nhơ
Đời nầy và đời sau.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến câu chuyện một thanh niên quý tộc.

"Khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, có một thanh niên dòng quý tộc kết hôn với một thiếu nữ đồng giai cấp. Sau đó không lâu, người vợ ngoại tình. Xấu hổ vì chuyện này, người thanh niên không dám gặp ai. Đến phiên chàng vào hầu Phật, chàng đến đảnh lễ Thế

Tôn, lui ngồi một bên, Phật hỏi: - Này con, sao lâu nay con vắng mặt? Chàng kể lại chuyện cho đức Phật nghe. Ngài bảo: -“ Ngay trong thời quá khứ, Ta đã bảo con rằng: “Đàn bà thay đổi như dòng sông, và người trí chớ có hơi đâu mà giận họ”. Nhưng vì luân hồi tái sanh che mờ tâm trí con, con đã quên điều này”. Chàng thanh niên yêu cầu Phật kể lại chuyện trước (Jàtaka 65), Ngài nói kệ: Như dòng sông, con đường, quán rượu, Phòng hội, nhà kho. Đà bà trên thế gian đều như thế, không bao giờ biết được thời tiết của chúng. Ngài dạy tiếp: - “Như thế, dâm ô là uế trược của đàn bà, bỏn sẻn là uế trược của người bố thí, ác nghiệp là uế trược của chúng sanh ở đời này và đời sau, nhưng trong tất cả uế trược, vô minh là uế trược nhất”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 59)

Hạnh phúc là ước muốn duy nhất của con người. Không ai lại không muốn gia đình mình được êm ấm hạnh phúc. Muốn gia đình được êm ấm hạnh phúc, thì mỗi cá nhân trong gia đình phải khéo biết bảo vệ hạnh phúc. Sống trong gia đình, không sao tránh khỏi sự va chạm bất hòa. Người xưa nói: “chén úp trong sống thì làm sao tránh khỏi tiếng khua”. Khua ít hay nhiều là tùy ở nơi người khéo biết úp hay vụng về. Nếu khéo biết úp cẩn thận nhẹ tay, thì ít bị khua, hoặc có khua, thì cũng nhẹ thôi. Ngược lại, nếu ta vụng về, vụt chạt thô tháo úp mạnh tay, thì sẽ khua lớn tiếng và dễ bị bể.

Cái sống chén là dụ cho gia đình, mỗi cái chén ở trong sống chén là dụ cho mỗi thành viên trong gia đình. Mái ấm hạnh phúc gia đình chỉ có, là khi nào vợ chồng, con cái, phải hiểu và thật tâm thương yêu nhau. Mỗi người phải có ý thức bảo vệ cái sống chén. Vì cái sống chén nó có cái công năng là để bảo vệ những cái chén. Cũng thế, mỗi người cần phải ý thức bảo vệ mái ấm gia đình. Vì gia đình là mái ấm che chở bảo bộc mọi người. Thế nên, mỗi người phải khéo biết cư xử nhường nhịn nhau. Không nên dùng uy quyền hiếp đáp với nhau. Phải khéo biết tôn trọng ý kiến trao đổi trong mối quan hệ gia đình.

Nhứt là đối với chồng hoặc vợ không được có tư ý ngoại tình. Nếu một người ngoại tình, thì điều đó chứng tỏ là tình yêu thương đã bị rạn nứt sứt mẻ. Và chắc chắn mái ấm hạnh phúc gia đình sẽ không còn. Muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình êm ấm, thiết nghĩ, ta nên noi theo tấm gương thủy chung một lòng với vợ của Án Tử. Án Tử (Án Anh) là một tướng lãnh tài ba của vua Cảnh Công. “Vua Cảnh Công có cô con gái yêu, muốn gả cho Án Tử, thấy vợ Án Tử, nhà vua liền hỏi: -Phu nhân đấy phải không? - Án Tử thưa : Vâng, phải đấy. - Vua nói: ôi! người trông sao vừa già, vừa xấu! Quả nhân có đứa con gái trẻ và đẹp, muốn cho về hầu khanh nghĩ sao? - Án Tử đứng dậy thưa rằng: “nội tử tôi nay thật già và xấu; nhưng lấy tôi và cùng tôi ăn ở đã lâu, kể từ lúc còn trẻ và đẹp. Xưa nay đàn bà lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lúc đẹp lấy, cốt để nhờ cậy lúc xấu. Nội tử tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua tuy muốn ban ơn, chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội bạc với những điều nội tử tôi đã nhờ cậy tôi bấy lâu nay. Nói đoạn Án Tử lạy hai lạy, xin từ không lấy”. (Cổ Học Tinh Hoa, quyển nhì, tr 87)

Đó là mối tình thủy chung rất cao đẹp. Tuy là một bậc anh tài được vua yêu chuộng, muốn gả con gái cho, đây là cơ hội ngàn vàng để Án Tử leo lên nấc thanh danh vọng

quyền uy tột bực, thế mà ông ta lại khiêm hạ lựa lời khéo léo từ chối. Dù biết rằng, sự từ chối đó có thể có ảnh hưởng đến tánh mạng và địa vị của mình, nhưng ông ta cương quyết không phụ bạc người mình yêu. Thế mới biết, Án Tử là người vượt hơn thói đời thường tình: “giàu đổi bạn, sang đổi vợ”.

Pháp cú trên, Phật nói rõ về việc không khéo bảo vệ hạnh phúc của người đàn bà. Phật cho việc tà hạnh, đó là một vết nhơ xấu mà chúng ta cần phải tránh. Mỗi người sanh ra đời có mỗi biệt nghiệp khác nhau. Biệt nghiệp của mỗi người có nặng nhẹ khác nhau. Đó là do sự huân tập của nhiều đời hoặc hiện đời. Đối với phái nữ, biệt nghiệp của họ là tình cảm sâu nặng. Nếu khéo biết sử dụng tình cảm trong lãnh vực yêu thương chánh đáng, làm tròn bổn phận của một người mẹ, người vợ đối với chồng con, thì quả thật đó là điều đáng quý kính thán phục. Vì đó là chất keo gắn bó để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Bằng trái lại, thì hạnh phúc gia đình sẽ dễ bị tan vỡ.

Giới không tà dâm là giới thứ ba trong năm giới cấm mà đức Phật đã chế ra ngăn cấm người Phật tử tại gia. Nếu cả hai người vợ và chồng đều gìn giữ giới này, thì bảo đảm gia đình sẽ không đổ vỡ vì chuyện lang chạ ngoại tình. Bởi tình yêu, không ai muốn san sẻ chia bớt cho ai. Nhứt là phái nữ, rất ích kỷ và luôn muốn bảo vệ tình yêu. Thế nên, mình biết tôn trọng bảo vệ hạnh phúc tình yêu của mình, thì tại sao mình lại nhẫn tâm phá hại gia can người khác? Do đó, nên Phật ngăn cấm cả hai phái, khi đã lập gia đình, thì không được tư tình lang chạ làm việc tà hạnh với người khác phái.

Kế tiếp, Phật nói xan tham là vết nhơ của sự bố thí. Bố thí là biểu hiện tấm lòng rộng rãi, bao dung thương người và vật. Bố thí là chất liệu san sẻ tình thương, đem đến sự an vui cho con người. Thương và cứu giúp người, đó là hành động phát xuất từ tấm lòng cao quý từ bi. Đó là một nghĩa cử cao quý của việc thể hiện tình người. Nguyên lý đạo đức của con người là ở chỗ đó. Có bố thí là không có xan tham. Đó là hai phạm trù đối nghịch nhau. Xan tham là ích kỷ, là hèn hạ chỉ biết lợi mình, ai chết mặc ai. Phật nói đó là vết nhơ, người biết tu cần phải tẩy trừ. Tội ác là một vết nhơ rất xấu. Vết nhơ này, gây ra xáo trộn bất an cho bản thân, gia đình và xã hội.

Qua câu chuyện dẫn chứng trên, ta thấy tình yêu của cặp vợ chồng đồng quý tộc, bị tan vỡ vì người vợ ngoại tình. Giàu sang nhiều tiền của, chưa hẳn đủ sức để bảo vệ hạnh phúc. Khi biết được người vợ ngoại tình, chàng ta rất xấu hổ, chớ không phải theo kiểu “ông ăn chả bà ăn nem”. Ở vào địa vị của người sang trọng giàu có, nên chàng ta rất xấu hổ mặc cảm không dám gặp mặt ai. Chàng đem chuyện này trình bày với đức Phật. Đức Phật bảo: “Đàn bà thay đổi như dòng sông, và người trí chớ hơi đâu mà giận họ”. Sự thay đổi tánh tình hay giận dỗi hờn mát của phái nữ, Phật nói giống như thời tiết mưa nắng bất thường. Chính vì thế, mà đôi khi làm cho các đấng mày râu phải nhức đầu bể óc, vì sự thay đổi đột ngột như thời tiết này. Biết thế, thì chỉ còn có cách là Phật khuyên các ông “hơi đâu mà giận họ”. Người trí không ai lại tức giận thời tiết bao giờ! Biết đâu, đó là quý bà rèn luyện cho quý ông có thêm đức tánh kiên nhẫn chịu đựng.

Xưa kia, nhà hiền triết Aristotle, đã bao phen bị bà vợ đối xử tệ bạc, nhưng ông vẫn vui cười. Có lần, ông vừa từ trong nhà đi ra với một người bạn, ông bị bà vợ đứng trên lầu

cao tạt nước ướt ông hết. Người bạn bực tức tỏ ra khó chịu. Ông tươi cười bảo: “có gì đâu mà ông bạn phải buồn giận! Bà ta thương tôi nên mới tắm cho tôi đó thôi! Trời hết cơn gầm sét thì lại mưa. Đó là chuyện bình thường ở đời, không có gì mình phải quan tâm bực tức”.

Thật là một đức nhẫn khó nhẫn. Nhờ đó, nên ông mới trở thành một nhà hiền triết Hy Lạp lưu danh hậu thế. Thế thì, quý ông muốn làm người trí như Phật nói, thì thiết nghĩ, quý ông nên cám ơn quý bà. Ngược lại, quý bà cũng không nên thay đổi tánh tình như “dòng sông” hay như “thời tiết mưa nắng bất thường” để làm khổ cho quý ông.

Nói tóm lại, qua hai pháp cú trên, đức Phật nêu ra tám pháp cấu uế của tâm.
1. Không đọc tụng kinh sách là cấu uế của kinh điển.
2. Không thức dậy là cấu uế của nhà cửa.
3. Biếng nhác là cấu uế của dung sắc.
4. Phóng dật là cấu uế của phòng hộ.
5. Tà hạnh là cấu uế của đàn bà.
6. Xan tham là cấu uế của bố thí.
7. Pháp ác là cấu uế của đời này và đời sau.
8. Vô minh là cấu uế trọng đại nhất.
243. Trong các nhơ cấu đó, vô minh cấu là hơn cả. Các ngươi hãy trừ hết vô minh mới trở thành Tỳ kheo thanh tịnh. A worse taint than these is ignorance, the worst of all taints. Destroy this one taint and become taintless, O monks!

Kệ tụng

Trong hàng cấu uế ấy
Vô minh, nhơ tối thượng
Hãy trừ bỏ nhơ ấy
Thành Tỳ kheo, vô cấu.
Lược giảng

Vô minh là cội gốc của sanh tử luân hồi khổ đau. Nó là mắc xích đầu của 12 nhân duyên. Vì si mê nên con người có những nhận định tri giác sai lầm. Mọi khổ đau hệ lụy ràng buộc trong cuộc đời, tất cả đều từ si mê mà ra. Vô minh không còn, thì hành giả sẽ chấm dứt con đường sanh tử khổ đau. Do đó, nên Phật nói: “trừ hết vô minh mới trở thành hàng Tỳ kheo thanh tịnh”

Vô minh tuy là động cơ chính tạo thành ác nghiệp. Nhưng thực thể của nó vốn là không. Vì bản chất của nó là không, nên hành giả mới có thể chuyển hóa nó được. Trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh”. Nghĩa là thật tánh của vô minh là Phật tánh. Như chúng ta nói, thật tánh của nước đục chính là nước trong. Nếu nước không có sẵn tánh chất nước trong, thì làm sao chúng ta có thể lóng hết cặn cáu, để nó trở thành nước trong cho được. Dù bản chất của nước là trong, nhưng vì bị cặn cáu làm đục, nên cần phải lóng.

Lóng là tu, là công phu thiền định. Nhờ công phu thiền định mà vô minh sẽ lần lần diệt hết. Cặn cáu nước đục là dụ cho vô minh. Bản chất nước trong là dụ cho tánh giác sáng suốt sẵn có. Thế thì, vô minh và tánh giác đồng thời có từ vô thủy. Nhưng vô minh thì vô thủy mà hữu chung. Còn tánh giác, thì vô thủy mà vô chung. Một cái thì có hết, còn một cái thì hằng hữu miên viễn bất sanh bất diệt. Chính vì thế, nên Phật nói hết vô minh là tánh giác sáng suốt thanh tịnh hiện bày.

244. Sống không biết xấu hổ, lỗ mãng như quạ diều, sống chê bai kẻ khác, sống đại đởm khoa trương, sống ngạo mạn tà ác, sống như thế chẳng khó khăn gì. Easy is life for the shameless one who is as impudent as a crow, is backbiting and forward, arrogant and corrupt.

Kệ tụng

Sống không biết tàm quý
Sống lỗ mãng như quạ
Sống chê bai khoác lác
Sống ngạo mạn nhiễm ô
Dễ thay, đời sống ấy.

245. Sống biết hổ thẹn, sống thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn, trong sạch và dồi dào kiến thức ; sống như thế mới thực khó làm. Difficult is life for the modest one who always seeks purity, is detached and unassuming, clean in life, and discerning.

Kệ tụng

Sống biết lẽ tàm quý

Sống thường cầu thanh tịnh
Sống vô cấu, khiêm tốn
Sống trong sạch, sáng suốt
Khó thay, đời sống ấy.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Culla Sàri ở chung với Tôn giả Xá lợi phất.

“Một ngày nọ, thầy Tỳ kheo đó làm khán bệnh, thầy nhận được thức ăn bổ dưỡng. Trên đường đi thầy gặp một Tôn giả đang khất thực, bèn mời: - Tôn giả, tôi có ít thức ăn thượng vị được bệnh nhân cúng dường, không dễ gì có, xin mời Tôn giả ăn. Lần khác nếu tôi nhận được, tôi sẽ mang cho Tôn giả.

Tôn giả kia nghe nói, nhưng cứ đi không trả lời. Các Tỳ kheo đem câu chuyện đó bạch Phật. Phật dạy: - “Này các Tỳ kheo, người nào không biết xấu hổ, trơ trẻn, bất lịch sự thì sống thoải mái. Người nào thành thật và sợ từng lỗi nhỏ, thì sống dè dặt”. Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 61)

Sống phóng túng hành động cẩu thả theo ý muốn, không chút hổ thẹn, không biết tự trọng, lịch sự hay tự phụ, kiêu căng, khinh người, sống theo ác pháp như thế, thì Phật cho đó là sống rất dễ. Đó là nếp sống lỗ mãng như quạ diều.Vì nếp sống đó, không có gì kềm thúc ở nơi thân tâm. Muốn lộng hành tác oai tác quái như thế nào cũng được. Đó là nếp sống sa đọa trụy lạc đi vào con đường của hố sâu tội lỗi.

Ngược lại, người nào sống đời sống khiêm tốn, nhún nhường hạ mình, sống trong sạch, xa rời các thứ dục nhiễm, thực hành các thiện pháp, thường hay lấy giới luật câu thúc, không buông lung, sống có trí huệ chỉ đạo, người sống như thế mới thật là khó. Như vậy, khó hay dễ rốt lại ở nơi tâm ta. Nếu chúng ta sống có ý thức qua từng ý nghĩ, lời nói, hành động, cẩn thận từng lỗi nhỏ, thì chắc chắn chúng ta sẽ có một đời sống đảm bảo an vui hạnh phúc.

Nhận được thức ăn bổ dưỡng, thay vì mình tận hưởng cho khoái khẩu, nhưng thầy Tỳ kheo lại không ăn. Thầy đem thức ăn thượng vị đó cúng dường cho một thầy Tỳ kheo khác. Nhưng vị này làm thinh mà đi không trả lời trả vốn chi cả. Phật cho hành động đó là mất lịch sự, là không biết hổ thẹn. Nhận hay không nhận, ít ra mình cũng phải tỏ thái độ bằng cử chỉ hay lời nói nhã nhặn lịch sự cho người ta biết. Đó là người có chút tự trọng và lịch sự. Đằng này, chỉ lặng lẽ làm thinh đi, như thế, đó là thái độ bất kính thiếu lễ độ và khinh thường người có lòng tốt với mình. Đứng về phương diện xử thế, thì hành động này không ai có thể chấp nhận được. Đối với trong đạo, thì đây là hạng người thiếu lễ độ khiêm cung, chứng tỏ người đó không có chút oai nghi đạo đức.

246 – 247. Trong thế gian nầy, ai hay sát sinh hay nói dối, hay lấy cấp, hay phạm dâm, hay say đắm rượu chè ; ai có các hành vi đó, tức là đã tự đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời nầy. One who destroys life, utters lies, takes what is not given, goes to another man’s wife, and is addicted to intoxicating drinks – such a man digs up his own root even in this very world.

Kệ tụng
Ai sống hại sinh linh
Nói láo trong đời nầy
Lấy của người không cho
Qua lại với vợ người
Lại rượu chè say sưa
Người sống đời sống ấy
Tất chính ngay đời nầy
Tự đào bỏ thiện căn.

248. Các ngươi nên biết: “Hễ không lo chế ngự tức là ác”. Vậy chớ tham, chớ làm điều phi pháp, để khỏi sa vào thống khổ đời đời. Know this, O good man: evil things are difficult to control. Let not greed and wickedness drag you to protracted misery.

Kệ tụng

Vậy người hãy nên biết

Chế ác chẳng dễ gì
Chớ tham làm phi pháp
Ma trướng khổ lụy than.
Lược giảng

Ba pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm trăm tín đồ.

“Có năm trăm tín đồ, người này chỉ giữ giới bất sát, người khác chỉ giữ một giới khác… Ngày kia họ bàn tán, người nào cũng cho rằng giới của mình khó giữ, việc của mình khó nhất…và họ đến chỗ Phật kể lại câu chuyện. Phật dạy: - “Không có giới nào là quan trọng ít, giới nào là quan trọng nhiều, tất cả các giới đều khó giữ. Nhân đây, Phật nói ba pháp cú này”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 61)

Giới luật là nền tảng căn bản để xây dựng đạo đức con người. Giới luật Phật chế nhằm đưa con người đến chỗ tự do giải thoát. Giới luật không mang tính ràng buộc, mà trái lại, người giữ giới rất được tự do. Như người Phật tử giữ giới không sát sanh, nói rõ hơn là không giết người, thì chắc chắn người Phật tử đi đứng rất tự do thoải mái, không sợ ai báo thù hay lo sợ bị pháp luật bắt bớ giam cầm. Từ đó suy ra, gìn giữ bốn giới kia cũng đều như thế cả.

Người Phật tử không giữ giới, khác nào như ngựa không giây cương, mặc tình buông lung phóng túng, không có gì câu thúc. Nếu thế, thì quả đó là một tai hại vô cùng. Tai hại chẳng những cho bản thân, mà còn tác hại cho gia đình và xã hội nữa. Năm giới cấm Phật chế cho người phật tử tại gia gìn giữ, nó có công năng ngăn ngừa những điều xấu ác, sái quấy. Cho nên giới luật gọi là: “phòng phi chỉ ác”. Nghĩa là ngăn ngừa những điều phi pháp, bất thiện. Muốn cho bản thân, gia đình mình được an vui hạnh phúc, Phật dạy, người Phật tử tại gia cần phải nghiêm trì những giới luật đã thọ. Nếu không, thì đừng mong có sự an vui hạnh phúc.

Hiện nhơn loại đang sống trong một thời đại văn minh tân tiến, toàn cầu hóa, kỹ nghệ hóa, có biết bao nhiêu thứ tiện nghi vật chất máy móc rất tinh vi làm cho con người chóa mắt. Những

thứ này có tác dụng lớn là luôn kích động làm gợi lòng tham muốn đam mê của con người. Và từ đó, làm cho con người, nhứt là giới trẻ thanh thiếu niên nam nữ dễ sanh ra nhiều tệ nạn hư hỏng, mất gốc đạo đức. Phải công nhận đại đa số giới trẻ hiện nay đang trên đà tuột dốc rơi vào những hố sâu tội lỗi, hết phương chạy chữa. Đó là những vấn nạn: hút xách xì ke ma túy, rượu chè bài bạc, buôn bán nha phiến, băng đảng, dâm ô, cướp giựt, giết người, tự tử v.v… Những thảm trạng này đã và đang xảy ra hằng ngày trên thế giới.

Nhìn vào con số thống kê của nhiều quốc gia hiện nay, mà chúng ta thấy khiếp đảm kinh hồn chóng mặt. Các nhà lãnh đạo, các nhà tôn giáo, các nhà văn hóa, các nhà giáo dục đạo đức, các nhà xã hội, các nhà tâm lý trị liệu v.v… nếu không có những biện pháp chế tác chữa trị hữu hiệu thích đáng, thì tình trạng suy thoái đạo đức và những tệ nạn này càng ngày sẽ càng tồi tệ hơn và rồi không biết tương lai giới trẻ sẽ đi về đâu?!!!

Theo thiển nghĩ của chúng tôi, thì ngoài năm giới cấm của Phật chế ra, không còn biện pháp nào chế tác hay hơn nữa để chữa trị tình trạng suy đồi đạo đức của xã hội hiện nay. Cứ thử kiểm nghiệm lại bản thân và gia đình thì chúng ta sẽ thấy rõ. Nếu một người cứ mãi say mê nghiện ngập hút chích xì ke ma túy, rượu chè, bài bạc, thử hỏi bản thân và gia đình của người đó sẽ ra sao? Có được an vui hạnh phúc không? Hoặc người vợ hay chồng có ý ngoại tình, thương yêu người khác, như thế, thử hỏi gia đình người đó sẽ như thế nào? Mái ấm gia đình của họ có còn êm ấm hạnh phúc nữa không? hay tất cả đều tan nát đổ vỡ? Cứ thế mà suy ra hậu quả tai hại của các giới khác cũng như thế. Như vậy, giới luật Phật chế ra, là nhằm bảo vệ hạnh phúc cho mỗi cá nhân và gia đình, nói rộng ra là cho cả thế giới loài người.

Hai pháp cú 246 - 247, Phật đã nêu rõ: “Trong thế gian nầy, ai hay sát sanh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay rượu chè say sưa; ai có các hành vi đó tức đã đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này”.

Qua năm điều Phật nêu ra, chúng ta thấy, đó là một thực trạng của xã hội ngày nay. Vì mỗi cá nhân không gìn giữ, sống buông thả, nên xã hội luôn luôn đảo điên thác loạn, bất an. Đối với năm điều này, nếu chúng ta khinh thường, thì muôn đời chúng ta sẽ không bao giờ có được một cuộc sống an ổn thực sự. Muốn cho xã hội an bình, thì mỗi cá nhân phải cẩn trọng gìn giữ năm điều giới cấm nói trên. Bằng trái lại, thì con người sẽ không còn có phẩm cách đạo đức làm người. Nhân cách đạo đức làm người đã mất, thì con người làm sao có được nếp sống an bình hạnh phúc? Và xã hội loài người sẽ đi về đâu?

Pháp cú 248, Phật nói rõ: “Hễ không lo chế ngự tức là ác”. Chế ngự là chế ngự lòng tham dục. Nếu chúng ta không chế ngự được lòng tham dục, tất nhiên, lòng ta sẽ bất an. Từ đó, có thể tạo ra nhiều tội ác phi pháp, bởi do lòng tham dục mưu cầu lợi dưỡng mà ra. Thử hỏi lòng tham muốn đòi hỏi vật chất của chúng ta biết mấy cho vừa? Thế nên, Phật nói: “Chớ tham, chớ làm điều phi pháp, để khỏi sa vào thống khổ đời đời”. Muốn khỏi sa vào nỗi thống khổ đó, chỉ có cách duy nhứt là chúng ta phải ngăn bớt lòng dục vọng và luôn sống đời sống bằng những nhu cầu đơn giản, giảm thiểu, ít muốn, biết đủ. Đó là cách sống hay nhứt để có được đời sống thực sự tươi mát an vui hạnh phúc.

249. Vì có tâm tin vui nên người ta mới cúng dường, trái lại kẻ có tâm ganh ghét người khác được ăn, thì ngày hoặc đêm kẻ kia không thể định tâm được. People give according to their faith or regard. If one becomes discontented with the food and drink given by others, one does not attain meditative absorption, either by day or by night.

Kệ tụng

Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí
Ai có tâm ganh ghét
Người khác được ăn uống
Ban ngày hoặc ban đêm

Không thể nào tâm định.
250. Những kẻ nào đã đoạn được, nhổ được, diệt được tâm tưởng ấy, thì ngày hoặc đêm, kẻ kia đều được định tâm. But he in whom this (discontent) is fully destroyed, uprooted and extinct, he attains absorption, both by day and by night.

Kệ tụng

Ai cắt được, nhổ được
Diệt được tâm tư ấy
Ban ngày hoặc ban đêm
Tất chứng được định tâm.
Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến chú Sa di Tissa.

Theo truyện tích, Sa di Tissa có tật tánh xấu là hay bươi móc phê bình chỉ trích nói xấu những lỗi lầm của các nhà thí chủ dâng cúng các thứ phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Từ những phẩm vật tầm thường của dân chúng, cho đến những thứ vật phẩm thắng diệu của các nhà trưởng giả, hay vua chúa, tất cả, đều bị chú Sa di Tissa nêu ra từng thứ để chỉ trích phê bình. Chú ta nói xấu đủ điều. Nhưng đối với những bà con thân thuộc của chú, thì chú thường khen ngợi những phẩm vật mà họ cúng dường. Đồng thời, chú lại khoe khoang nói khoác về gia cảnh quý tộc của chú.

Nhưng kỳ thật, chú không phải thế. Chú ta xuất thân từ con của một người gác cổng, rồi theo những người thợ mộc lên Xá Vệ, xin Phật xuất gia.

Để hiểu rõ hơn về gia cảnh và thân thế của chú, nên các thầy Tỳ kheo đến tận làng chú ở để tìm hiểu sự thật. Hỏi ra, mới biết thân phận của chú chỉ là một người dân giả thấp hèn. Thế mà, sau khi xuất gia chú lại hết chỉ trích người này, đến phê bình nói xấu người khác. Do đó, các thầy Tỳ kheo đến bạch Phật và được Phật dạy: -"Đây không phải lần đầu tiên Tissa hay cằn nhằn và nói khoác, đời quá khứ chú cũng đã khoe khoang khoác lác như thế". Phật dạy tiếp: - "Này các Tỳ kheo, người nào hay than phiền về vật thực cúng dâng ít quá hay nhiều quá, ngon hay dở, hoặc không cúng dường ta mà cúng dường người khác, người ấy không bao giờ chứng quả". (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Thông thường, lòng ích kỷ ganh tỵ của con người, không muốn ai hơn mình. Thấy người ta có điểm gì vượt trội hơn mình, là mình liền sanh tâm tật đố ganh ghét. Ganh tỵ đố kỵ đủ mọi phương diện. Từ địa vị, uy quyền, nhan sắc, cho đến sự ăn mặc, giàu sang, học lực, hay việc làm v.v... không có thứ gì mà người ta muốn cho kẻ khác hơn mình. Hơn mình thì ganh, mà thua mình thì khi dễ. Đó là lòng ích kỷ nham hiểm ác độc của con người.

Chuyện dẫn trên cho ta thấy, chú Sa di Tissa, thấy mọi người cúng dường các thứ vật thực cho các thầy Tỳ kheo, thì chú sanh tâm đố kỵ, bất bình nói xấu. Chú không xét lại mình. Tại sao người ta không dâng cúng cho mình? Mình có đủ đức độ để thọ dụng không? Về giới đức mình có bằng các vị Tỳ kheo không? Vì thiếu sự suy xét nhìn lại

mình, nên chú mới có những ý niệm không tốt đối với các vị thí chủ. Chẳng những thế, mà chú còn vướng phải cái bệnh nói khoác hay khoe khoang với mọi người. Phật cho cả hai đều là tật tánh xấu. Người biết tự trọng, chân thật tu hành không nên có thái độ đố kỵ ganh tỵ nói xấu chỉ lỗi người.

Mau bỏ dứt đi tánh tỵ hiềm
Thấy người hay giỏi phải khen thêm
Hoặc ai xinh đẹp càng thương mến
Giàu có danh cao chớ tỵ hiềm
Kẻ đức hơn mình, mình kính nể
Người tài xin học, học hay thêm
Chớ nên hiềm tỵ hay ganh ghét
Là hạnh người tu phải gắng kềm
(Hòa Thượng Thích Giác Nhiên - Diệu Lý Pháp Đăng)

Người tu cần phải tập cho mình có cái tâm tùy hỷ. Tâm tùy hỷ là tâm hạnh tốt của Bồ tát, mà chúng ta cần phải gia công tu tập trau dồi, tài bồi. Thấy người làm việc thiện hay có những điều hay đẹp hơn mình, thì mình nên để tâm khen ngợi học hỏi làm theo. Tuyệt đối, không nên sanh tâm đố kỵ. Vì khi mình khởi tâm ganh ghét người ta, tức mình tự hại lấy mình trước rồi. Hại ở chỗ là lòng mình phiền não bất an. Phật dạy, người nào sanh tâm tùy hỷ với công việc thiện nguyện của người khác làm, thì người đó được công đức ngang nhau. Ngang nhau ở chỗ là cả hai đều bỏ được cái lòng ích kỷ. Cả hai đều có tấm lòng tốt thương người như nhau. Chớ không phải ngang nhau ở nơi vật chất bố thí, mà ngang nhau ở nơi tấm lòng rộng lượng buông xả của hai người. Người tùy hỷ là không có lòng tật đố ganh tỵ. Đó là bỏ được cái tâm vị kỷ xấu ác. Người bố thí của cải, thì cũng bỏ được cái tâm tham lam ích kỷ xấu ác. Phật nói, công đức ngang nhau là ở chỗ đó. Nghĩa là cả hai đều bỏ được cái tánh xấu ác vậy.

251. Không lửa nào dữ bằng lửa tham dục, không cố chấp nào bền bằng tâm sân hận, không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si, không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục. There is no fire like lust; there is no grip like hatred; there is no net like delusion; there is no river like craving.

Kệ tụng

Không lửa nào bằng tham
Không chấp nào bằng sân
Không lưới nào bằng si
Không sông nào bằng ái.
Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm người thiện tín.

Theo truyện tích, khi Phật giảng pháp cho năm thiện tín nghe, Ngài không phân biệt họ thuộc chủng tộc, giai cấp nào. Giáo pháp Ngài giảng dạy đều bình đẳng như nhau. Nhưng trong năm thính giả, chỉ có một người chú ý theo dõi nghe Phật giảng. Còn bốn

người kia, không một ai chú ý. Kẻ ngủ gục, người bươi đất, kẻ nhìn trời, người vin cành cây. Thấy thế, Tôn giả A Nan bạch Phật và muốn biết lý do vì sao?

Phật bảo: Người ngủ gục là do trải qua năm trăm kiếp làm rắn, luôn ngủ say nên đời này làm người hay ưa ngủ. Người dùng tay bươi đất đã trải qua năm trăm kiếp làm côn trùng chui trong đất, nên bây giờ tuy làm người nhưng tập khí bươi đất vẫn còn. Người nhìn lên trời, trải qua năm trăm kiếp làm chiêm tinh gia, cứ mãi nhìn ngó lên trời. Người vin lay cành cây đã năm trăm kiếp làm khỉ mãi chuyền cây. Tất cả đều quen theo tập khí cũ mà không ai chú ý nghe Phật giảng nói. Còn người chăm chú lắng nghe, là trải qua năm trăm kiếp làm Bà la môn tụng đọc kinh Vệ đà, nên hôm nay chăm chú lắng nghe như đang đọc Mật thư.

Phật nói tiếp: giáo pháp của Phật không phải ai cũng có thể nghe được. Nếu không có gieo trồng chủng duyên Phật pháp nhiều đời, thì không thể nào nghe và lãnh hội được.

Tôn giả A Nan lại hỏi Phật lý do vì sao mà họ không thể nghe pháp? Phật cho biết: "vì tham ái, sân hận và si mê. Trên thế gian không lửa nào bằng lửa tham ái. Không kìm kẹp nào bằng sân hận, không lưới nào băng si mê và không sông nào bằng sông ái dục". (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Tham lam ích kỷ, lợi mình hại người, đó là đặc tánh cố hữu của con người. Xã hội tốt đẹp hay xấu xa, thế giới có an bình hay hổn loạn, tất cả đều do lòng tham lam ích kỷ của con người mà ra. Bởi do lòng tham chấp của con người quá sâu nặng, nên ai cũng muốn chiếm hữu tất cả về mình. Như núi non, đất đai, biển cả, cồn đảo v.v... là do thiên nhiên tạo ra. Thế mà, ai cũng muốn chiếm đoạt về mình. Họ dựa vào thế lực sức mạnh của vũ khí, của binh hùng tướng mạnh, của kinh tế phồn thịnh, để rồi chiếm đoạt tranh giành. Nếu họ nuốt trọn được êm xuôi thì thôi, bằng có sự ngăn chận, thì lửa sân hận của họ sẽ bộc phát đốt cháy lan ra dữ dội.

Ngọn lửa tham sân lúc đầu, chưa bốc cháy cao, thì người ta còn tỏ ra thương nghị tranh luận tương đối hòa dịu với nhau. Nhưng, chúng ta nên nhớ rằng, kẻ có thế lực mạnh bao giờ họ cũng đòi hỏi ở thế thượng phong, kèo trên. Nếu đấu võ mồm dẫn xếp không xong, thì kế đến là họ phải giải quyết với nhau bằng võ lực. Họ có thể sử dụng mọi thứ vũ khí tối tân hạng nặng để đọ sức tranh tài cao thấp với nhau. Chừng đó, hậu quả sẽ ra sao? Câu hỏi nầy, trong quá khứ đã chứng minh rất rõ.

Cứ nhìn lại những nước đã từng bị chiến tranh thì chúng ta sẽ thấy rất rõ. Đó là một thảm họa đại thống khổ của kiếp nhơn sinh. Hiện nay, một vài quốc gia Trung Đông, chiến tranh vẫn còn ầm ĩ bốc cháy ngày đêm, không biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt! Nếu lòng người còn nuôi dưỡng những ngọn lửa "Tham, Sân, Si", thì than ôi! Nhơn loại sẽ không có ngày nào thực sự được sống an bình hạnh phúc!

Các nhà lãnh đạo của các quốc gia trên thế giới hiện nay, họ cũng đang điên đầu nát óc. Một mặt, thì họ lo chạy chữa phòng bị ngăn ngừa về mặt thiên tai họa hại đang đe dọa ngày đêm.

Họa hại nầy do đâu? hẳn cũng do con người gây ra. Hằng ngày họ cho thải ra không biết bao nhiêu chất khí dơ làm ô nhiễm môi sinh. Nếu người ta không có biện pháp ngăn chận thích đáng hữu hiệu, thì một ngày nào đó, chắc chắn nhơn loại sẽ vắng bóng trên hành tinh này. Đó là chuyện có thật chớ không phải hù dọa. Mặt khác, thì họ lại đi xâm chiếm gây hấn chiến tranh. Họ không muốn cho nhơn loại sống yên. Họ muốn làm khổ đau cho nhau.

Chúng ta đừng quên rằng, một khi trâu bò húc nhau, thì ruồi muỗi cũng phải chết. Dù kẻ thắng hay người bại, dân chúng vô tội cũng đều bị chung số phận chết chóc khổ đau. Xưa nay, có một cuộc chiến tranh nào mà không tàn phá, gây ra bao thảm trạng tàn sát, nhà tan cửa nát hay không? Thử hỏi mầm mống của chiến tranh nầy là do đâu? Ai cũng biết, là do ba động cơ chính gây ra, đó là: "Tham, Sân, Si". Từ tham vọng mới gây ra tranh chấp hơn thua. Có tranh chấp là có sân si. Từ đó, mới đưa đến gây ra cảnh chiến tranh đổ máu sát hại lẫn nhau. Nhơn loại muốn tránh khỏi tai họa này, chỉ có một con đường duy nhứt là diệt trừ cội gốc vô minh. Hết vô minh thì con người sẽ không còn gây khổ đau cho nhau nữa.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, Phật cho chúng ta biết về sự sai biệt căn cơ và tập khí của mỗi người. Khi nghe pháp, không phải người nào cũng lãnh hội hiểu biết như nhau. Có người thì họ rất chăm chú lắng nghe. Nên biết, hạng người nầy thiện căn của họ rất sâu dầy. Ngược lại, có người thì ngủ gục, có người thì dáo dác nhìn trời hiu quạnh, có người thì cầm viết vẻ chơi v.v... Họ không chú ý gì đến thời pháp thoại. Tâm họ tán loạn chạy nhảy lung tung còn hơn con khỉ. Phật nói, đó là do những tập khí cũ của họ trải qua nhiều đời. Mặc dù, tất cả đều có gieo nhân duyên ít nhiều với Phật pháp, nhưng khi tu học, nghe pháp, thì mỗi người nhận thức sâu cạn khác nhau. Đồng ngồi trong pháp hội như năm thiện tín nói trên, nhưng mỗi người lại hiện bày tập khí do nhiều đời huân tập khác nhau. Do đó, mà sự lợi ích nghe pháp và lãnh hội của mỗi người rất là sai biệt.

252. Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình thì khó. Lỗi người ta cố phanh tìm như tìm thóc lẫn trong gạo ; còn lỗi mình ta cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài. Easily seen is the fault of others, but one's own is difficult to see. Like chaff one winnows another's faults, but hides one's own, even as a crafty fowler hides behind sham branches.

Kệ tụng

Thấy lỗi người thì dễ
Thấy Lỗi mình mới khó
Lỗi người ta phanh tìm
Như tìm trấu trong gạo
Còn lỗi mình thì dấu
Như thợ săn dấu mình.
Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy khi Phật ở Jàtiyàvana gần thành Bạt đề (Bhaddiya) có liên quan đến trưởng giả Ram.

Theo truyện tích, có lần Phật du hành qua xứ Anguttaras, Ngài nhận thấy có thể độ cho những người trong gia đình của ông trưởng giả Ram đều chứng quả Dự lưu. Gia đình của ông gồm có năm người: Ông bà trưởng giả, con trai, con dâu và người giúp việc.

Về quá khứ, có một thời gian, ông nầy rất có phước báo và quyền lực. Vì gia đình ông toàn làm những việc phước báo, như cúng dường chư Phật và bố thí cho những người nghèo khổ. Nhờ duyên phúc gieo trồng phước báo nhiều đời, nên trong kiếp hiện tại, ông vẫn là người rất giàu có. Khi hay tin Phật đến thành, ông liền đi đến thăm Phật. Trên đường đi, ông gặp một nhóm ngoại đạo ngăn cản. Dù bị họ dùng nhiều lời lẽ thuyết phục, chống đối, nhưng ông vẫn cương quyết đến gặp Phật. Sau khi đảnh lễ và nghe Phật thuyết pháp xong, ông liền thuật lại lời chống đối, kích bác, phỉ báng chê bai của nhóm ngoại đạo này cho Phật nghe. Phật dạy: - "Này trưởng giả, những người ấy không thấy lỗi của mình dù là lỗi lớn, còn người khác không lỗi, họ cũng cố gắng kẻ vạch, như quạt thóc tìm trấu". (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Pháp cú này, Phật chỉ thẳng vào căn bệnh nặng nề trầm kha của chúng ta. Xưa nay, người ta ai cũng thích muốn vạch bày lỗi người, hơn là nhìn lại lỗi mình. Vì nói lỗi người thì rất là dễ, còn thấy lỗi mình thì rất là khó. Dù rằng lỗi mình đầy trời, nhưng người ta vẫn cố che giấu. Cho nên mới có câu nói: "ẩn ác dương thiện". Nghĩa là tốt khoe, xấu che. Người ta thích phô trương cái hay, cái tốt, cái đẹp của mình. Không bao giờ người ta phơi bày cái xấu, cái dở tệ của mình ra. Đây là tật tánh xấu cố hữu của con người.

Lỗi người dù có nhỏ nhiệm sâu kín đến đâu, họ cũng cố tìm vạch bày ra cho kỳ được. Phật nói, đó là: "phanh tìm như tìm thóc lẫn trong gạo" . Nếu như trường hợp không có thóc, thì họ cũng cố làm ra cho có thóc. Đó là họ thêu dệt vẽ vời lắm chuyện cho có lỗi để họ chỉ trích nói xấu, với lý do đơn giản là vì họ ganh ghét người đó. Họ có thể dựng đứng đặt điều câu chuyện để nói xấu phê bình. Đó là hạng người có ác ý vu khống chụp mũ. Họ không thích ai, thì họ cho người đó đội nón cối, hoặc cái mũ to. Vấn đề này, nói không biết bao giờ cùng.

Thế giới ngày nay, người ta hay phê bình chỉ trích nói lỗi với nhau rất thậm tệ. Tất cả cũng chỉ vì quyền lợi cá nhân của họ mà thôi. Dù ở giai tầng nào, quyền cao chức lớn, có học hay thất học, trình độ cao hay thấp, tất cả cũng đều có chung một căn bệnh là: "tốt khoe, xấu che" như nhau. Chẳng qua cái cường độ chỉ trích bêu xấu nhau, nó có thô tế, nặng nhẹ khác nhau đó thôi. Ngoại trừ những bậc tu hành chân chánh, đạo đức thâm hậu, họ mới dẹp được cái tật tánh xấu ác này. Ngoài ra, tất cả đều vướng mắc cái bệnh trầm trọng này cả.

Hễ còn nặng lòng chấp ngã là vẫn còn chỉ lỗi nói xấu nhau. Thậm chí, có khi hai chị em ruột lấy chung một chồng, bình thường, bề ngoài thì không nói gì, mặc dù trong lòng họ vẫn ngấm ngầm ấm ức ganh tức khó chịu, chờ đến khi có dịp xích mích giận hờn

nhau, thì họ không một chút do dự ngần ngại, cả hai đều nặng lời chửi bới, nói xấu nhau thậm tệ. Những chuyện riêng tư thâm cung bí sử ở trong nhà, họ đều lột trần vạch bày ra hết. Quả thật, họ thuộc hạng người vạch lưng cho người ta xem thẹo nhơ xấu của mình. Thật là xấu hổ ! Chỉ vì một phút si mê, giận tức, họ không kềm chế được cơn giận, nên vô tình họ lại làm trò cười cho khách bàng quan thiên hạ.

Qua chuyện lược dẫn trên là một chứng minh cụ thể về tật tánh xấu ác này. Vốn có ác cảm ganh tỵ với Phật, nên nhóm ngoại đạo họ dùng mọi lời lẽ công kích chỉ trích nói xấu Phật đủ điều để ngăn cản trưởng giả Ram, họ không muốn cho ông này đến gặp Phật. Bất luận người nào, hạt giống xấu ác này cũng đều sẵn có tiềm tàng trong kho A lại da thức. Khi hiện hành mạnh hay yếu còn tùy thuộc vào sức huân tu chuyển hóa sâu cạn của người đó. Nếu người nào chuyển hóa khá, thì hạt giống xấu ác này không có cơ hội bộc phát mạnh mẽ. Cho nên, chúng ta thấy người nào khéo tu tập chuyển hóa, thì người đó họ tránh được cái lỗi này. Và dĩ nhiên, tâm hồn họ rất là an lạc hạnh phúc.

253. Nếu thấy lỗi người thì tâm ta dễ sanh nóng giận mà phiền não tăng thêm, nếu bỏ đi thì phiền não cũng xa lánh. He who seeks another’s faults, who is ever censorious – his cankers grow. He is far from destruction of the cankers.

Kệ tụng

Ai thấy rõ lỗi người
Thường sanh lòng nóng giận
Lậu hoặc ắt tăng trưởng
Rất xa lậu hoặc diệt
Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả tên là người tìm lỗi Ujjhànasannì.

Theo tuyện tích, « Tôn giả này thường dòm dỏ lỗi của các Tỳ kheo, thầy nói: - Thầy này đắp thượng y thế này, thầy kia đắp hạ y như thế kia. Các Tỳ kheo đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Tôn giả ấy cứ như thế, như thế. Phật dạy: -“Này các Tỳ kheo, người nào làm tròn bổn phận của mình và khuyên người khác như thế, người đó không thấy lỗi ai. Người nào có ý nhìn lỗi người, tìm lỗi người, và đi rêu rao lỗi người, hạng người này không bao giờ đạt được chút xíu giác ngộ, chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ”. Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, tr 80)

Pháp cú trên, Phật nói, người nào hay tìm thấy lỗi người, thì tâm mình đã sanh phiền não trước. Mình phun máu vào người, thì miệng mình đã dính dơ trước rồi. Người nói xấu chỉ lỗi người cũng thế. Đức Lục Tổ Huệ Năng có dạy:

Bằng thật người tu đạo
Không thấy lỗi thế gian
Nếu thấy lỗi thế gian
Thì lỗi mình đã đến bên.

Người thật sự tu hành, họ chỉ nhìn thấy lỗi họ hơn là nhìn thấy lỗi người khác. Vì có nhìn lại, thì mình mới thấy lỗi mình để sửa. Đó là người khéo biết tu và sẽ có tiến bộ trên đường tu. Như thế, là tránh được nhiều lỗi thị phi. Nếu mình chỉ trích nói xấu chê bai người khác, tất nhiên, là sẽ gây ra lắm chuyện phiền phức cho mình và người. Chắc chắn là lòng mình sẽ có nhiều nỗi phiền muộn bất an. Khi thấy lỗi người thì lòng mình dễ sanh nóng giận, bực bội, khó chịu. Như thế thử hỏi có lợi ích gì? Người chơn tu là muốn được tâm an vui trong từng giây phút. Họ cẩn thận giữ gìn quán chiếu từng vọng niệm dấy khởi. Họ luôn luôn giữ gìn chánh niệm trong từng bước đi và từng hơi thở.

Khi có chánh niệm là họ không còn phiêu lưu trong thế giới ảo tưởng. Vì họ hoàn toàn có mặt trong giây phút hiện tại. Họ khéo quán niệm hơi thở thật kỹ để đem tâm về với thân, gọi là thân tâm nhất như. Đã như thế, thì thử hỏi họ còn thời giờ rảnh rỗi đâu để mà nói xấu, chê bai,

chỉ trích lỗi lầm người khác? Đó mới thật là người chơn chánh tu hành. Ngược lại, những ai chuyên dòm ngó lỗi người để mỉa mai châm biếm nói xấu, thì quả thật người đó chẳng có tu hành gì cả. Dù người đó đang khoác vào mình chiếc áo nhà tu. Dưới con mắt của người tu hành chơn chánh, họ xem người đó không dính dáng ăn nhập gì đến sự tu hành diệt trừ phiền não cả.

Nếu thấy lỗi để chỉ bày xây dựng, đó là điều rất tốt. Chúng ta cần biện biệt rõ điểm này. Không khéo dễ hiểu lầm. Người có trách nhiệm hướng dẫn đại chúng tu học, đương nhiên là họ có bổn phận theo dõi để chỉ lỗi sửa đổi. Vấn đề này khác xa với sự nói lỗi với tâm ác hại. Một bên, vì xây dựng tốt đẹp mà nói. Một bên, vì ác ý ganh tỵ phá hoại mà nói. Đó là hai thái độ khác xa nhau như trời vực. Xin lưu ý chớ có lầm nhận.

Chuyện dẫn chứng trên, cho ta một bài học về sự tu hành. Thầy Ujjhànasannì là người chuyên bươi vạch nói lỗi người, chứng tỏ thầy còn quá nặng lòng chấp trước. Thầy chưa nắm vững phương pháp tu hành. Sáu căn của thầy còn nhiễm trước ở nơi sáu trần khá nặng. Thầy không nhìn kỹ lại thầy để lo ngăn ngừa phòng hộ sáu căn. Thầy để cho con khỉ ý thức của thầy tự do chuyền nhảy. Thầy quên rằng, bản thân của thầy còn quá nhiều lỗi lầm. Thầy không lo cố gắng tẩy trừ và như thế, thì làm sao tương ưng với đạo giác ngộ? Chính vì thế, nên Phật mới dạy: “Người nào có ý nhìn lỗi người, tìm lỗi người, và đi rêu rao lỗi người, hạng người này không bao giờ đạt được chút xíu giác ngộ, chỉ có ô nhiễm tăng trưởng trong họ”. Ở đây, ta thấy, thầy Ujjhànasannì đã quên mất con đường “Niệm, Định, Tuệ”, của một người tu. Như thế, thì làm sao gọi là một người tu hành theo đạo xuất thế? Người tu mà không có thật hành ba môn học đó, thì quả thật chưa xứng danh là một người tu theo đạo Phật vậy.

254. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa môn. Chúng sanh thì thích điều hư vọng, mà Như Lai làm gì còn hư vọng. There is no track in the sky, and no recluse outside (the Buddha’s dispensation). Mankind delights in worldliness, but the Buddhas are free from worldliness.

Kệ tụng

Hư không, không dấu vết

Ngoại đạo, không Sa môn
Chúng sanh thích hư vọng
Như Lai, vọng diệt trừ.
255. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, ngoại đạo thì làm gì có Sa môn, năm uẩn thì không thường trú, mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ. There is no track in the sky, and no recluse outside (the Buddha's dispensation). There are no conditioned things that are eternal, and no instability in the Buddhas.

Chú thích Hư vọng : Nguyên văn là Papanca, gồm có nghĩa hư vọng và chướng ngại. Ở đây đặc biệt chỉ cho Ái (Tanha), Kiến (Ditthi), Mạn (Manno)

Lược giảng

« Câu chuyện xảy ra, liên quan đến du sĩ Tu bạt đà la (Subhadda). Khi đức Thế tôn sắp nhập diệt, trong rừng Sa la trong thành Câu thi. Chuyện kể rằng, khi trước con của Tu bạt đã cúng

dường chín lần những phẩm vật đầu mùa gặt cho đức Phật, còn Tu bạt thì không ưng và từ chối, cuối cùng mới chịu cúng. Vì thế ông không gặp Thế Tôn lúc Ngài vừa thành đạo và giảng đạo. Đến lúc cuối, Ngài gần nhập diệt, ông mới tự nghĩ: "Ta có ba điều nghi. Và đã hỏi các Trưởng lão để giải nghi. Lúc ấy Sa môn Cồ đàm còn trẻ nên ta không đến hỏi. Bây giờ thời gian Niết bàn sắp đến, nếu ta không hỏi, sau sẽ ân hận."

Ông đi đến chỗ Phật. Tôn giả A nan ngăn ông lại, nhưng Phật đã bảo: -A nan, chớ ngăn Tu bạt đà la, hãy để ông vào thưa hỏi. Tu bạt vào, ngồi ở chân giường và hỏi Phật: -Bạch Ngài, có con đường nào trên không trung? Có người nào được gọi Sa môn khi ở ngoài chánh đạo? Pháp hữu vi có trường tồn? Phật dạy ông những việc ấy không thể có, và nhân đó Ngài nói hai pháp cú này ». (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 81)

Hai pháp cú trên, Phật nêu ra ba vấn đề xác minh rất rõ. Thứ nhứt, Phật nói: "giữa hư không thì làm gì có dấu vết". Đây là Phật trả lời câu hỏi thứ nhứt mà ông Tu bạt đã nêu ra. Giữa bầu trời trong tạnh, một đàn chim bay qua, chúng không để lại một dấu vết gì cả. Bầu trời không có ý lưu lại hình ảnh của chúng. Và chúng cũng không có ý muốn lưu lại hình ảnh của chúng khi bay ngang qua bầu trời. Mà dẫu có muốn để lại cũng không được. Đây là một hình ảnh thật giải thoát.

Chim nhạn qua dòng nước
Chẳng lưu lại vết hình
Nước vô tâm in bóng
Nhạn vô ý lưu hình.
&
Biển ngàn in trăng bóng
Duy nhất một vầng trăng
Tùy vọng thấy sai khác
Nào trăng có đổi thay.

&
Trời xanh én lượn êm đềm
Ngàn sao lấp lánh vẫn yên bầu trời
Thuyền chèo bạt nước mù khơi
Trở về bến cũ thảnh thơi an nhàn.

Bầu trời là dụ cho người tu đã đạt được quả vị Niết bàn. Vì Niết bàn là vô sanh. Vô sanh là không còn một dấu vết phiền não. Phiền não có ra là do có vọng tưởng. Mà còn vọng tưởng là còn có sanh diệt. Hết vọng tưởng thì hết sanh diệt. Đến đây, là tịch diệt, là Niết bàn an lạc. Niết bàn ở đây là Phật ngầm chỉ cho Niết bàn của hàng A la hán. Vì A la hán đã dứt hết phiền não "Kiến, Tư" hoặc. Nên trong kinh thường nói các Ngài này là việc lợi mình đã xong. Đã xong việc lợi mình, nhưng còn việc lợi người, thì các Ngài rất ngao ngán, không dám hóa độ. Do đó, nên các Ngài bị Phật quở: "trầm không trệ tịch hay khôi thân diệt trí". Sự khác biệt giữ Thanh Văn và Bồ tát là ở chỗ bản nguyện độ sanh. Nhưng phải đến quả vị Phật thì việc tự lợi, lợi tha mới hoàn toàn viên mãn, nên gọi Phật là giác hạnh viên mãn.

Thứ hai, Phật nói: "trong ngoại đạo làm gì có Sa môn". Sa môn (Samano) chỉ cho những vị đã chứng ngộ bốn thánh quả: Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm và A la hán. Trong bốn thánh quả này, ngoại trừ quả vị A la hán ra, còn lại ba quả vị trước là các Ngài đang tu tập hướng tiến đến quả vị Niết bàn A la hán. Sở dĩ Phật nói bốn quả vị này khác với ngoại đạo là vì

những vị này nhân nghe Phật nói pháp Tứ đế, mà các Ngài y cứ vào đó nỗ lực tiến tu diệt trừ hết tập nhân phiền não, nên các Ngài đạt được quả vị Niết bàn.

Trong khi đó, ngoại đạo, họ không xoay lại để diệt trừ tập nhân phiền não, mà họ chỉ một bề hướng ngoại tìm cầu, nên họ không thể chấm dứt đường sanh tử khổ đau. Dù cho họ có đủ lực dụng thần thông, nhưng đó chỉ là thứ thần thông do họ công phu luyện tập mà có.

Nói tóm lại, họ là người tu chạy theo cái ngọn, hướng ngoại tìm cầu, mà không căn cứ vào cái gốc là quán sát nội tâm để gạn lọc dứt hết phiền não. Do đó, nên gọi họ là ngoại đạo. Nghĩa là ngoài tâm cầu đạo đều gọi chung là ngoại đạo. Sự khác biệt giữa ngoại đạo và Sa môn, (tức những người tu theo đạo giải thoát sanh tử khổ đau) là ở chỗ đó.

Thứ ba, Phật nói: "chúng sanh thì thích điều hư vọng, mà Như Lai làm gì còn hư vọng". Ta nên chú ý ở câu chót này (tạm gọi) giữa pháp cú 254 và 255 có hơi khác. Pháp cú 255, Phật nói: "Năm uẩn thì không thường trú, mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ".

Câu trên (254) Phật nói rõ, chúng sanh thì thích điều hư vọng, mà Như Lai làm gì còn hư vọng. Hư vọng là giả dối không thật. Là không phù hợp với chân lý. Phật nói, chúng ta là những người thích sống chạy theo giả dối. Dùng mọi thứ giả dối để khuynh loát lừa gạt lẫn nhau để sống. Người nào khôn khéo biết cách xử dụng nhiều thứ giả dối che mắt người đời, thì người ta gọi những người đó là tài giỏi. Còn người nào không khéo lừa bịp che mắt thiên hạ hay nói năng những lời chân thật phù hợp với chân lý, thì bị

người ta cho đó là quê mùa vụng về. Vì họ không có tài xảo thuật mánh khóe lừa bịp. Lời thật bao giờ cũng trái tai người nghe.

Cứ thế, mà người ta đua nhau tranh tài dùng mọi mánh khóe thủ thuật để nói dối. Càng nói dối gạt gẫm thiên hạ nhiều chừng nào, thì sẽ được mọi người tán dương và có lợi nhiều chừng đó. Thế thì, đời sống của chúng ta, nếu đem giáo Pháp Phật dạy ra mà quán chiếu thật kỹ, thì than ôi! tất cả chúng ta toàn là những người sống giả dối. Mọi vật đều giả dối. Nhưng vì lòng si mê chấp "ngã, pháp" quá nặng, nên đối với chúng ta cái gì cũng cho là thật hết. Không ai biết mình đang sống trong giả dối.

Cái thân tạm bợ không thật, hay xấu xí giống như ma trơi, nhưng phải nói là cái thân này sống lâu và đẹp đẻ. Còn nói thân này giả dối, không sạch giống như cầu xí, thì người ta cho kẻ đó nói khùng điên. Nhưng có phải thật sự là khùng điên hay không? Hay những kẻ bưng bít không dám nói thẳng, nhìn thẳng vào sự thật cuộc đời mới thật là khùng điên? Chắc ai cũng nói kẻ mà nói thật, nói thẳng, vì không khéo chiều được lòng thiên hạ, thì quả kẻ đó là khùng điên rồi. Vấn đề này, xin để mỗi người hãy bình tâm suy xét và mỗi người tự tìm cho mình một kết luận thích đáng.

Ngược lại, Phật nói Như Lai làm gì còn hư vọng. Như Lai là nghĩa bất sanh bất diệt, vượt ngoài đối đãi nhị nguyên, thế thì còn nói cái gì là vọng hay không vọng. Càng nói càng sai lầm. Xin đừng vẽ rắn thêm chưn, hay đầu lại thêm đầu. Những lời nói chỉ là hư vọng làm sao nói đến chỗ chân thật cho được. Đến chỗ tuyệt đối, thì ngôn ngữ hoàn toàn bất lực đầu hàng. Như Lai là Như Lai. Chỉ có thế thôi!

Pháp cú 255, Phật nói năm uẩn thì không thường trú, mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ. Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành , thức. Những thứ này cũng do nhân duyên giả hợp mà có, bản thân nó là giả dối không thật. Vì chúng chỉ là những hiện tượng trên bề mặt của ý thức. Chỉ là những lượn sóng nổi lô nhô trên mặt biển phẳng lặng. Sóng thì khi có, khi không,

nên nói chúng không thường trú. Chúng là những pháp hữu vi. Nhưng mặt biển thì không vắng mặt bao giờ.

Như lai làm gì có loạn động? Mặt biển là mặt biển. Mặt biển không động, không loạn. Loạn động là sóng chớ không phải mặt biển. Nhưng rời mặt biển thì không có sóng. Cũng thế, mọi hiện tượng tâm lý dấy khởi không rời bản tâm. Nhưng bảo toàn sóng chính là mặt biển là sai. Vì sóng và mặt biển tuy hai nhưng không phải hai. Vì ly khai mặt biển thì không có sóng. Vọng và chơn cũng thế. Lìa chúng sanh thì không có Như Lai. Lìa vọng thì không có chơn. Phiền não không rời bồ đề mà có. Nhưng chớ nhận lầm phiền não là bồ đề. Xin chớ nhận lầm nước đục là nước trong. Nhưng muốn có nước trong, cần phải lóng lặng hết cặn bã nhơ đục. Muốn có bồ đề, phải dứt hết phiền não. Đó là nghĩa Như Lai không phải là chúng sanh. Lìa vọng không chơn, lìa chơn không có vọng. Đây là pháp môn Bất Nhị. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng.

Như vậy cái gì có sanh có diệt đều là những hiện tượng giả dối, không thật. Còn cái gì không sanh không diệt, thì cái đó mới chân thật thường còn. Xin mọi người hãy lặng sâu để sống cho được cái chân thật thường còn này. Vì đó mới đích thực là con người

thật của chúng ta. Còn sống tranh đua hơn thua với con người giả dối này, thì than ôi ! chúng ta sẽ còn khổ đau tiếp nối dài dài và không biết ngày nào mới được thoát ra!

XIX Phẩm Pháp Trụ (Dhammatthavaggo)

256. Xử sự lỗ mãng, đâu phải hạnh của người phụng thờ Chánh pháp, vậy người trí cần biện biệt đâu chánh và đâu tà. Not by passing arbitrary judgements does a man become just; a wise man is he who investigates both right and wrong.

Kệ tụng

Ngươi đâu phải pháp trụ
Xử sự quá chuyên chế
Bậc trí cần phân biệt
Cả hai chánh và tà!

257. Không khi nào lỗ mãng, đúng phép và công bình mới là người dẫn đạo. Kẻ trí nhờ sống đúng chánh pháp nên gọi là người an trụ chánh pháp. He who does not judge others arbitrarily, but passes judgement impartially according to truth, that sagacious man is a guardian of law and is called just.

Kệ tụng

Không chuyên chế, đúng pháp
Công bằng, dắt dẫn người
Bậc trí sống đúng pháp
Thật xứng danh pháp trụ.

Chú thích

Pháp trụ : Pháp trụ (Dhammattha) có nghĩa là thực hành đúng pháp, an trụ phụng thờ đúng pháp, nên cũng dịch là « phụng pháp ». Lỗ mãng : Lỗ mãng (Sahara), bao hàm nghĩa cẩu thả, khinh xuất, độc đoán. Ở đây chỉ cho cái quan niệm bất chính xác, bởi chịu ảnh hưởng của tham, sân, si, bố úy mà sinh ra.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến các vị chánh án.

Theo truyện tích, “một ngày nọ, các Tỳ kheo đi khất thực tại cổng phía bắc thành Xá Vệ, và trở về tinh xá, ngang qua trung tâm thành phố. Khi ấy trời đổ mưa, các Tỳ kheo vào trú ẩn tại một pháp đình, các thầy thấy các quan chánh án nhận của hối lộ và tịch biên tài sản của dân chúng một cách bất hợp pháp. Các thầy nghĩ thầm: “Những ông quan này không công minh, chúng ta cứ tưởng họ là những chánh án liêm chính”.

Khi cơn mưa dứt, các thầy trở về tinh xá, đến chỗ Phật và bạch lên Phật câu chuyện vừa rồi, Phật dạy: - “Này các Tỳ kheo, người nào đầu hàng dục vọng thấp hèn, xét xử chuyên chế, không thể gọi là công bình. Chỉ những người đi sâu tìm tòi việc sai trái trong một vụ án, và xử lý việc sai trái đó đúng pháp, không chuyên chế, mới gọi là công bình”. Và nhân đó Phật nói hai pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú

tập III, Viên Chiếu, tr 85)

Phẩm nầy có tên là pháp trụ. Pháp trụ (Dahammattha) là hành xử đúng pháp, an trụ phụng thờ đúng pháp, nên cũng dịch là "phụng pháp". Lỗ mãng (Sahasa), bao hàm nghĩa cẩu thả, khinh xuất, độc đoán. Ở đây chỉ cho cái quan niệm bất chính xác, bởi chịu ảnh hưởng của tham, sân, si, bố úy mà sinh ra.

Là người tu hành mà có những hành động lỗ mãng sai trái, nói năng cẩu thả, thiếu khiêm tốn lễ độ, không dùng lời ái ngữ trong khi hành xử giao tiếp, thì đó chưa phải là người thật sự tu hành. Chứng tỏ người đó còn quá nhiều tập khí xấu ác thô tháo. Sống buông thả không có chút giới hạnh, như thế, thì làm sao xứng đáng là người tu? Người thật sự tu hành là phải thiết tha hành trì tịnh giới, hạnh giải tương ưng, và hằng sống trong chánh niệm, chánh quán, phải luôn luôn tịnh hóa thân tâm. Và nhứt là phải tài bồi trí huệ để biện biệt rõ chánh tà chân ngụy. Phật nói, người trí là phải sống đúng theo chánh pháp. Muốn sống đúng với chánh pháp, thì người tu cần phải tôn kính giữ gìn giới luật đã thọ. Nếu không, thì không thể nào có được đời sống an ổn, hạnh phúc cho mình và người.

Qua chuyện dẫn chứng trên, cho chúng ta thấy, ngay thời đại của Phật, đã có xảy ra những vụ xử án bất công rồi. Các ông quan chánh án thời xưa cũng đã biết tham nhũng ăn hối lộ của dân. Rõ ràng những ông quan tòa này thiếu tu và thiếu thực tập thiền quán, chánh niệm. Các ông ỷ vào luật pháp nằm trong tay của các ông trọn quyền xử dụng. Muốn cong, ngay xoay chiều thế nào cũng được. Xử phạt tội nhân tùy theo kim ngân nhiều ít. Kẻ nào khéo biết hối lộ đúc lót cho ăn nhiều, thì kẻ đó sẽ được phần thắng kiện. Còn người nào không tiền bạc, thì đành phải ngậm miệng nuốt bồ hòn.

Dù cho kẻ đó có lẽ phải đến đâu, các ông này xử kiện cũng trở thành phạm pháp sái quấy. Vì họ xử theo lối luật rừng, tùy theo sức mạnh của kim ngân. Thời xưa đã thế, thời nay thì sao? Người xưa, dù sao cũng còn có lương tâm đạo đức nhiều hơn thời nay, thế mà vẫn còn có xảy

ra những chuyện bất công như thế! Trách gì con người thời nay, lương tâm đạo đức họ coi nhẹ còn hơn bông gòn!

Thế mới biết lòng dục vọng che mờ lý trí. Rõ ra, dòng máu tham nhũng hối lộ này đã di truyền từ thời xa xưa. Khi loài người xuất hiện trên trái đất, là đã có máu tham ô này rồi. Nhưng có lẽ thời xưa, con người chưa văn minh, nên việc ăn hối lộ tham nhũng, chắc không được tinh vi kín đáo như thời nay.

Sau khi chứng kiến việc xử án bất công đó, các thầy Tỳ kheo về bạch trình với Phật. Phật bảo: "người nào đầu hàng dục vọng thấp hèn, xét xử chuyên chế, không thể gọi công bình. Chỉ có những người đi sâu tìm tòi việc sai trái trong một vụ án, và xử lý việc sai trái đó đúng pháp, không chuyên chế mới gọi là công bình". Lời dạy này, Phật đã cảnh cáo những kẻ đã lợi dụng kẻ hở của luật pháp để rồi bóp méo xử phạt không đúng theo luật pháp công minh. Đó là một tai hại rất lớn cho việc cai trị điều hành bộ máy chánh quyền của một quốc gia. Xin các ông quan tòa chánh án hãy đọc kỹ lời Phật dạy trên để xét xử, cầm cân nảy mực, đúng theo luật pháp công bằng và đó là thể hiện

đúng với chức năng cũng như lương tâm con người. Được thế, thì người dân, những kẻ thấp cổ bé miệng sẽ biết ơn mấy ông rất nhiều.

258. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là người có trí, nhưng an tịnh không cừu oán, không sợ hãi mới là người có trí. One is not wise because one speaks much. He who is peaceable, friendly and fearless is called wise.

Kệ tụng

Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh bậc trí
An ổn không oán sợ
Thật đáng gọi bậc trí
Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Lục quần Tỳ kheo.

« Chuyện kể rằng, nhóm Lục quần Tỳ kheo hay đi từ tinh xá này đến tinh xá khác, từ làng này sang làng khác, làm mất trật tự trong phòng ăn của chúng Tăng. Ngày đó, vài Tỳ kheo trẻ và Sa di, sau khi ăn sáng ở trong làng, đến tinh xá. Các Tỳ kheo ở đây hỏi: - Chư huynh đệ thích phòng ăn như thế nào? - Xin đừng hỏi chúng tôi. Mấy ông Lục quần Tỳ kheo tự tuyên bố là: “Chỉ có chúng ta thông minh, chỉ có chúng ta là trí tuệ. Chúng ta sẽ đánh mấy thầy này, đổ rác lên đầu họ và đuổi họ ra”. Và họ tóm lấy chúng tôi, đổ rác lên đầu, làm phòng ăn lộn xộn lên. Các Tỳ kheo đến bạch Phật. Phật dạy: - “Này các Tỳ kheo, ta không gọi người nào thông minh khi người ấy nói nhiều và chọc giận người khác. Ta chỉ gọi là người trí tuệ khi kẻ ấy kiên nhẫn, thoát khỏi sân giận và sợ hãi”. Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 86)

Người xưa thường nói: “đa ngôn thì loạn ngữ”. Lời nhiều thì loạn tâm. Không phải nói nhiều là hay. Thường người ta thích nói hơn thích nghe. Nhiều người ham nói nhiều để chứng tỏ

mình là người học rộng thông minh uyên bác. Họ thích khoe tài dỏm. Thùng thiết sở dĩ kêu to, là vì thùng rỗng. Thùng có chứa đầy nước thì không kêu. Thế nên, Phật nói: “Chẳng phải cậy nhiều lời cho là người có trí”. Người trí họ ăn nói rất khiêm tốn trầm tĩnh điềm đạm. Việc gì cần thiết đáng nói, họ mới nói. Khi họ nói cũng phải tùy thời và tùy đối tượng. Không phải họ ích kỷ tiếc lời. Nhưng vì họ muốn dưỡng tâm nuôi đức. Vì bậc trí giả chân tu, tuy họ nói rất ít, nhưng mỗi lời họ nói ra đều có giá trị lợi ích rất lớn. Càng giữ gìn lời nói, càng tránh được nhiều điều phiền phức cho mình và người. Do đó, nên Phật nói: “an tịnh không cừu oán, không sợ hãi mới là người trí”.

Đôi khi vì lỡ nặng lời một người nào đó, rồi gây ra việc giận hờn thù oán và từ đó tâm ta luôn luôn bất an. Ta nơm nớp lo sợ họ trả thù. Người trí, là người nói có chánh niệm. Khi mở lời họ biết rõ, họ đang nói gì. Họ có mặt từng giây phút trong lời nói. Nhờ đó, mà họ luôn luôn được an vui hạnh phúc. Ngược lại, kẻ mê muội, thì thường bị thất niệm. nên khi phát ngôn, họ thiếu sự cẩn trọng. Họ mắc phải chứng bệnh già hàm ham

nói. Gặp phải đối tượng chịu nghe, họ nói huyên thuyên, tràng giang đại hải, khô cổ họng nhưng vẫn không biết mệt. Nhiều khi, họ nói không đâu ra đâu mà họ vẫn thích nói. Đối với người tu, thì tối kỵ nói nhiều. Vì nói nhiều loạn tâm ý. Người đang thực tập chánh niệm, càng ít nói càng tốt. Mỗi lời nói của họ đều có giá trị. Nói ít, nên nói những gì cần nói. Đó là người khéo biết tịnh tâm. Vì thế, chư Tổ thường khuyên dạy:

Bớt nói nhiều chuyện tạp
Niệm nhiều câu Phật hiệu
Đánh chết hết vọng niệm
Pháp thân sẽ hiện bày

Qua câu chuyện dẫn chứng trên, cho ta thấy, nhóm Lục quần Tỳ kheo kiếm chuyện gây hấn trong chúng Tăng. Sự tu hành không thể đánh giá trên hình thức chiếc áo. Cần phải đánh giá trong hành động và lời nói. Một thái độ, cử chỉ, hay lời nói ra, người ta có thể biết được tập khí của người đó nặng nhẹ thế nào. Và sự tu hành của người đó ra sao. Không cần phải khoe khoang, đôi khi trở thành nói khoác mà mang tội. Người có chút ít kinh nghiệm đời sống nội tâm, họ nhìn thấy rất rõ.

Nhóm Lục quần Tỳ kheo này, dù họ xuất gia, nhưng tập khí phiền não tham, sân, si của họ còn khá nặng. Chính vì thế, nên họ quậy phá lung tung. Và họ đã gây ra làm xáo trộn trong Tăng đoàn. Ngẫm lại, thời nào cũng có những hạng người này. Thời Phật còn như thế, huống gì thời đại của chúng ta?! Thử hỏi làm sao tránh khỏi những tệ nạn này?

259. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là hộ trì chánh pháp, nhưng tuy ít học mà do thân thực thấy pháp, không buông lung, mới là người hộ trì chánh pháp. A man is not versed in Dhamma because he speaks much. He who, after hearing even a little Dhamma, realizes its truth directly and is not heedless of it, is truly versed in the Dhamma.

Kệ tụng

Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh pháp hộ
Những ai tuy nghe ít
Nhưng tâm hành chánh pháp
Không buông lung chánh pháp
Mới xứng danh pháp hộ.

Chú thích

Do thân (Kayena), nguyên chú thích là « do danh thân » (Namakayena). Trong văn Pali chia năm uẩn ra hai loại : Danh thân (Namakeyena) , tức danh uẩn là thọ, tưởng, hành, thức. Sắc thân (Rupakayena) tức là sắc uẩn. Như vậy, do thân thật thấy chánh pháp, là do tự nội tâm chứng ngộ Chánh pháp, đích thực, chứ không vịn lấy chỗ ngộ do người làm cho mình ngộ... Chữ thân là một chứa nhóm, đồng nghĩa với chữ uẩn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Nhất Cú, tức A la hán Ekuddàna.

Theo truyện tích, Tôn giả Nhất Cú sống đơn độc trong rừng và chỉ biết độc nhất một câu kệ:

Vị Sa môn tư tưởng thanh cao

Tinh tấn, tu tập trong im lặng.

Sa môn ấy tâm hằng an tịnh,

Luôn chánh niệm, không còn phiền não.

Bài kệ đó đã được chư thiên tán thán mỗi khi Tôn giả đọc lên vào ngày Bố tát. Một hôm, có hai thầy Tỳ kheo, cả hai đều lão thông kinh điển và dẫn theo một ngàn đồ chúng đến nơi Bố tát. Tôn giả Nhất Cú rất mừng, vì thấy các thầy đến đông đảo như thế. Nhân đó, Tôn giả cho biết chư thiên sẽ vỗ tay vang rền ca ngợi khi nghe pháp. Nhưng hôm ấy, không có một tiếng vỗ tay nào. Dù những vị này có thuyết giảng về giới luật rất rộng. Mọi người đang thắc mắc, thì Tôn giả Nhất Cú vừa đọc xong bài kệ, chư thiên đồng vỗ tay tán thán. Nhân việc này, các thầy Tỳ kheo trở về tinh xá trình lên đức phật. Phật dạy: - “Này các Tỳ kheo, ta không gọi người nào là thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đọc nhiều kinh. Nhưng người nào chỉ biết đọc một câu, hiểu thấu sự thật, người ấy thật là người thông suốt Tam tạng”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật nó pháp cú này.

Trong đạo Phật, người học rộng nói nhiều mà không thật hành chánh pháp, nói rõ ra, là thiếu tỉnh thức, thực nghiệm, tu hành, thì người đó chỉ là kẻ đứng bên lề Phật pháp. Chỉ là người đứng trên bờ sông phân tích nước dưới sông. Thật sự thì họ chưa lội xuống tắm mình trong dòng sông. Có thể họ phân tích giảng nói rất hay. Nhưng đối với sự giải thoát đau khổ, họ vẫn dặm chân tại chỗ. Có thể gọi họ là hàng học giả, chớ không phải là hành giả. Người tu theo đạo Phật phải là hành giả. Chúng ta đừng quên rằng, chữ “học” trong đạo Phật nó có nghĩa là thực tập, thật hành, chớ không phải chỉ lý thuyết suông. Đạo Nho cũng nói: “học nhi thời tập chi”. Nghĩa là học phải tu tập, luôn luôn đi đôi với thật hành. Học không hành, chỉ là bánh vẽ, là hý luận trò chơi mà thôi.

Pháp cú trên, Phật minh định rất rõ: “Chẳng phải cậy nhiều lời cho là hộ trì Chánh pháp, nhưng tuy học ít mà do thân thực thấy Chánh pháp không buông lung, mới là người hộ trì Chánh pháp”. Giáo pháp của Phật nói ra là để trị liệu, phải thực nghiệm thân chứng. Dù biết ít, nhưng cố công thật hành, thì sẽ lợi ích rất lớn. Còn hơn biết nhiều hiểu rộng, mà toàn chỉ khoác lác nói suông, rốt lại, chỉ là kẻ chứa sách, không có lợi ích chi cả. Đó là kẻ chỉ biết vào tai ra miệng. Cho nên, trong đạo Phật phải là:“tri hành hợp nhứt”. Học Phật là để biết cách tháo gỡ, chuyển hóa những thứ tâm hành bất thiện nội kết trong tâm. Học Phật như thế mới là thực tế lợi ích.

Chuyện lược dẫn trên, chứng minh cho ta thấy, thầy Nhất Cú, chỉ nhớ thuộc có một bài kệ bốn câu, mà mỗi khi tụng đọc, thì được chư thiên vỗ tay tán thán. Chứng tỏ, thầy đã thật hành đúng theo những gì bài kệ đã nói. Thầy đã thực sự thật hành, những gì thầy

biết. Dù chỉ là bốn câu kệ thôi. Ngược lại, hai thầy Tỳ kheo kia, tuy lão thông Tam tạng, nhưng khi tụng đọc, không nghe một tiếng vỗ tay khen ngợi nào của chư thiên. Điều đó, để nói lên rằng, học rộng nhớ nhiều, không thiết thiệt thật hành, thì chỉ là luống công nhọc sức vô ích mà thôi. Chỉ thấy được cái võ bề ngoài, chớ không thấy được cái ruột tinh túy của nó. Có thật hành đúng theo Chánh pháp, chẳng những bản thân mình được lợi lạc, mà còn đem lại sự lợi lạc đó để chia sẻ cho mọi người. Và mọi người cũng được lợi lạc như mình.

Đạo Phật là đạo giác ngộ là đạo thật hành thực nghiệm, thân chứng những gì đã học, chớ không phải là đạo chỉ biết nói lý thuyết suông. Thay gì ngồi đó diễn tả phân tích mùi vị sầu riêng, sao chúng ta không chịu trực tiếp ăn thử. Có ăn vào mới biết mùi vị thơm ngon của nó. Còn ngồi đó diễn tả hoài, thì biết đến bao giờ mới thực sự no bụng?

260. Trưởng lão chẳng phải vì bạc đầu, nếu chỉ vì tuổi tác cao mà xưng trưởng lão, thì đó chỉ là xưng suông. A monk is not an Elder because his head is gray. He is but ripe in age, and he is called one grown old in vain.

Kệ tụng

Không phải vì bạc đầu
Mà được gọi trưởng lão
Chỉ có tuổi tác cao
Danh chỉ xưng " lão ngu".
261. Đủ kiến giải chân thật, giữ trọn các pháp hành, không sát hại sanh linh, lo tiết chế điều phục, người có trí tuệ đó, trừ hết các cấu nhơ, mới xứng danh trưởng lão. One in whom there is truthfulness, virtue, inoffensiveness, restraint and self mastery, who is free from defilements and is wise – he is truly called an Elder.

Kệ tụng

Ai chân thật, đúng pháp
Bất hại, biết chế phục
Bậc trí không cấu uế
Mới xứng danh trưởng lão.
Chú thích

Tưởng lão (Thera), tiếng tôn xưng người đã giữ giới Tỳ kheo mười năm trở lên, nhưng vốn trọng về thực tu thực chứng, nếu không thì chỉ là cách gọi suông. Chân thật : chỉ cho lý Tứ diệu đế, đó là bốn chân lý chân thật. Pháp hành : Chỉ cho bốn quả thánh, bốn hướng (Tu đà hoàn hướng, Tư đà hàm hướng v.v... và Niết bàn. Tiết chế : Chỉ cho hết thảy giới luật, vì giới luật có công năng tiết chế điều phục mọi dục vọng buông lung ở nơi tâm ý.

Điều phục : Đặc biệt chỉ cho điều phục năm căn.

Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya.

Theo truyện tích, "một ngày nọ, Tôn giả Lakuntaka vào làm thị giả hầu Phật, và khi vị này đi ra, có ba mươi thầy tu ở rừng đến nhìn thấy. Các vị này vào gặp Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Đức Phật nhận thấy ba mươi thầy đều có khả năng chứng A la hán, bèn hỏi: - Các ông có thấy một Trưởng lão vừa đi ra không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! - Các ông không thấy ư? - Chúng con chỉ thấy một Sa di. - Này các Tỳ kheo, đó không phải là Sa di, đó là một Trưởng lão. - Người ấy còn quá trẻ, thưa Thế Tôn! - "Ta không gọi người nào là Trưởng lão chỉ vì họ già, vì họ ngồi ở ghế Trưởng lão, nhưng người nào thấu đạt chân lý, và đối xử tốt với người khác, người ấy là Trưởng lão". Nhân đó, Phật liền nói hai pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 90)

Trong đạo Phật, những danh xưng Hòa Thượng, Trưởng lão, Thượng Tọa, Đại Đức, chỉ là những danh từ được dùng để gọi những vị xuất gia thọ Tỳ kheo đã có hạ lạp cao, phải trên mười hạ trở lên, sau khi thọ cụ túc giới. Đại Đức tiếng Phạn là Thera, có nghĩa là người đã vững chắc an ổn. Trưởng lão ở đây là chỉ cho những bậc tu hành có tuổi đời và đạo đều cao, nhứt là phải có đầy đủ giới đức cao trọng, phải là người thực tu thực chứng, mới được gọi là Trưởng lão. Như nói Trưởng lão Xá lợi phất, Trưởng lão Mục kiền liên v.v...

Ngoài ra, nếu chỉ vì tuổi cao mà không có giới đức, thực tu, thực chứng, thì đó chỉ là tên gọi suông mà thôi. Thực chất, thì không xứng đáng. Vì vậy, người tu hành, không phải căn cứ vào tuổi tác cao, mà gọi là Trưởng lão. Phật đã minh định rất rõ, phải là bực tròn đủ giới hạnh, đủ kiến giải chân thật, (không phải kiến giải suông), giữ tròn các pháp hành, (tức phải đầy đủ giới đức), phải có đạo lực cao, dứt trừ các cấu uế phiền não, người ấy mới xứng danh là Đại Đức hay Trưởng lão. Nếu so với lời Phật dạy trên, thì ngày nay, phải nói là người ta đã lạm dụng danh xưng quá nhiều. Không cần biết giới lạp và sự tu hành của người đó ra sao, miễn thấy người đó mang hình thức đầu tròn áo vuông trọng tuổi, thì người ta gọi là Hòa Thượng, Thượng Tọa hay Trưởng lão.

Cần minh định rõ, những danh xưng trên, không nằm trong lãnh vực chức vụ, mà chỉ tôn xưng những bậc tu hành có giới đức hạ lạp cao. Đúng ra, danh xưng Hòa Thượng hay Thượng Tọa phải được hội đồng tăng già tấn phong trong một buổi lễ Đại giới đàn. Như thế mới hợp pháp, hợp lý. Có nhiều người cứ tự mình tấn phong cho mình và bắt mọi người phải xưng hô như thế. Vì háo danh mà họ đã bất chấp luật lệ Phật chế. Thật là đáng buồn lắm thay!

262. Những người hư ngụy, tật đố và xan tham, tuy có biện tài lưu loát, tướng mạo đoan trang cũng chẳng phải người lương thiện. Not by mere eloquence nor by beauty of form does a man become accomplished, if he is jealous, selfish and deceitful.

Kệ tụng

Không phải nói lưu loát
Không phải sắc mặt đẹp

Mà thành người lương thiện
Nếu con người ganh tỵ
Xan tham và dối trá.
263. Nhưng người trí nhờ diệt trừ tận gốc lòng sân hận, mới là người lương thiện. But he in whom these are wholly destroyed, uprooted and extinct, and who has cast out hatred – that wise man is truly accomplished.

Kệ tụng

Chỉ ai đã cắt tiệt
Nhổ tận gốc, đoạn trừ
Người trí tận diệt sân
Mới phải người lương thiện.
Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một số Tỳ kheo.

Theo truyện tích, "một hôm, có vài Trưởng lão thấy các Sa di và Tỳ kheo trẻ hầu hạ thầy, nhuộm y, giặt y... Các vị bàn tán: - Chúng ta là những người giảng dạy thông suốt, vậy mà không được săn sóc như thế. Bây giờ chúng ta đến chỗ Phật thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đều tinh thông giáo pháp, xin Ngài ra lệnh cho các Tỳ kheo tân học và Sa di rằng: "Dù được học giáo lý với ai, không được ôn luyện cho đến khi các ông được các Trưởng lão này giảng dạy". Như thế chúng ta sẽ được danh dự và lợi dưỡng.

Bàn thế, các Trưởng lão đến chỗ Phật và thưa như trên, Phật nghĩ: "Trong truyền thống tôn giáo ta, có quyền nói như vậy, nhưng mấy ông này chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ". Và Ngài bảo: -"Ta không nhận xét các ông đã hoàn toàn chỉ các ông nói lưu loát. Nhưng người nào mà mọi ô nhiễm và phẩm hạnh xấu đều bị trừ tuyệt bởi Thánh quả, người ấy mới thật hoàn toàn". Nhân đó, Phật liền nói hai Pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 91)

Hai tâm sở: tật đố và xan tham là hai món trong hai mươi món tùy phiền não. Hai món tâm sở này, ai cũng biết bản chất của chúng là bất thiện. Nghiệp dụng của chúng là hay ganh tỵ không muốn ai hơn mình. Vì ganh ghét người hơn mình, nên lúc nào chúng cũng tìm đủ mọi phương cách để hãm hại. Tâm sở xan tham bản chất của nó là keo kiết, bỏn xẻn, rít rắm. Ngoài mặt, thì nó giả bộ nghèo túng khổ sở, nhưng bên trong thì tích lũy tài sản không bố thí cho ai. Bởi thế ca dao có câu:

Của mình thì cứ bo bo Của người thì lại đem mo kéo về.

Vì tánh chất keo kiết bỏn xẻn, không muốn cho mẻ một đồng nào, nên gặp ai họ cũng than van rát ruột. Họ có tài giả bộ đóng kịch rất hay. Vì họ sợ người ta biết đến tài sản của họ. Có thể gây ra thiệt hại cho bản thân họ. Vì xan tham, nên cố che giấu bằng mọi cách. Dù họ có tiền của như thế, nhưng họ chưa bao giờ giúp đỡ cho ai. Trái tim của họ khô cứng đối với những người khốn khó, nghèo khổ. Chưa bao giờ họ biết mở rộng trái tim thương người. Đời họ chỉ biết có tiền và tiền. Do đó, mà lòng họ không bao giờ được an ổn thoải mái. Vì túi tham của họ không có đáy, nên họ không khi nào biết đủ. Có

một họ muốn có mười, cứ thế mà nhân lên mãi.

Họ bận rộn với công ăn việc làm của họ suốt ngày. Họ luôn say mê với công việc, sự nghiệp. Họ không có mặt với những người thân trong gia đình. Một buổi cơm thân mật đầm ấm trong gia đình, đôi khi cũng không có. Sự có mặt của họ chỉ là những con số tính toán lời lỗ, đôi khi, họ lại gắt gỏng cau có khó chịu. Họ không có mặt với người thân trong sự tươi mát. Họ không bao giờ biết hiến tặng cho người thân của họ bằng sự có mặt tươi mát đó. Tất cả cũng chỉ vì lòng xan tham mà ra. Do đó, mà bản thân và gia đình của họ không bao giờ có được hạnh phúc. Thế mới biết, giàu sang tiền của nhiều, chưa phải là nền tảng để có được hạnh phúc. Đã có biết bao nhà tỷ phú sống trong buồn khổ héo hắt cô đơn cả thể xác lẫn tinh thần. Đó là sự thực của cuộc đời.

Hai pháp cú trên Phật nói rõ, những ai còn có tâm hư ngụy giả dối, tật đố và xan tham, thì dù cho người đó có biện tài nói năng lưu loát đến đâu, hoặc hiện ra bề ngoài như người lương thiện, nhưng thực chất bên trong của họ cũng chỉ là tham lam dối trá mà thôi. Nếu người nào muốn được an vui hạnh phúc cho bản thân và gia đình, thì Phật khuyên nên sống chân thật với chính mình, bằng cách là trừ đi lòng xan tham, ganh ghét sân hận, để cho tâm hồn được thanh thoát nhẹ nhàng. Từ đó, đời sống mới thực sự có ý nghĩa. Bằng không, thì chỉ là người sống suông chết uổng mà thôi !

264. Người vọng ngữ và phá giới, dù cạo tóc cũng chưa phải là Sa môn; huống còn chất đầy tham dục, làm sao thành Sa môn? Not by shaven head does a man who is undisciplined and untruthful become a monk. How can he who is full of desire and greed be a monk?

Kệ tụng

Không tự chế, nói láo
Dầu cạo tóc trọc đầu
Đâu được gọi Sa môn
Ai còn đầy dục ái
Sao được gọi Sa môn?

265. Người nào dứt hết các điều ác, không luận lớn hay nhỏ, nhờ dứt hết các ác mà được gọi Sa môn. He who wholly subdues evil both small and great is called a monk, because he has overcome all evil.

Kệ tụng

Ai trừ tiệt điều ác

Không luận nhỏ hay lớn Vì điều phục ác pháp Được xứng danh Sa môn.

Lược Giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện của thầy Hatthaka. « Chuyện kể rằng, mỗi khi thầy Hatthaka bị thua cuộc trong khi tranh luận, bèn hẹn : - Hãy đến nơi ấy, nơi kia vào đúng giờ ấy, giờ kia, sẽ kết thúc cuộc bàn cãi. Và thầy đến trước nơi hẹn và nói : - Xem kìa ! mấy người ngoại đạo sợ ta đến nỗi không

dám đến gặp. Vậy là họ thua cuộc rồi. Thầy luôn luôn dùng cách ấy nói với đối phương mỗi khi thua cuộc. Đức Phật nghe nói Hatthaka làm như vậy, bèn gọi thầy đến hỏi : - Hatthaka có phải ông làm như thế, như thế ? - Thưa vâng. - Tại sao ông làm như thế ? Một người làm điều sai quấy không thể gọi là Sa môn, dù đầu họ cạo trọc. Người nào sửa được mọi lỗi lầm lớn nhỏ mới thật sự là Sa môn. Nhân đó, Phật liền nói hai pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 93)

Người xuất gia phải lấy giới luật làm thầy. Và phải sống đúng theo phẩm hạnh của người xuất gia. Không thể đánh giá người tu trên hình thức. Hình thức chỉ là bề ngoài, đôi khi dễ nhận diện sai lầm. Phật nói : « người vọng ngữ và phá giới, dù cạo tóc cũng chưa phải là Sa môn ». Phật dạy, người xuất gia cạo bỏ râu tóc, mục đích là để khác đi với người thế tục. Vì người đời họ rất quan tâm chú trọng đến hình thức. Đối với thân thể, họ luôn chăm sóc nhan sắc, lúc nào họ cũng muốn làm đẹp. Làm đẹp để gây sự chú ý ở nơi mọi người. Họ quá coi trọng và cung phụng sắc thân. Ngược lại, người xuất gia thì không nên trao tria làm đẹp ở nơi thân thể. Đầu tròn áo vuông, mặc đồ hoại sắc là cốt để ý thức đến sự tu hành, tịnh hóa thân tâm.

Người xuất gia, mỗi sáng sớm thức dậy, Phật dạy, mỗi người cần phải tự xoa đầu. Xoa đầu để tự thức tỉnh rằng, mình là người đã nguyện từ bỏ tất cả, không còn tham ái đắm nhiễm bất cứ thứ gì. Hơn thế nữa, phải hằng tự nhủ rằng, mình là kẻ đang đi ngược dòng đời. Phải có nếp sống đơn giản, tam thường bất túc. Nghĩa là người xuất gia đối với ba thứ ăn, mặc và ngủ nghỉ không nên đầy đủ. Mọi thứ tiện nghi vật chất cũng phải vừa chừng, không được cất chứa dư thừa mà sanh tâm đắm nhiễm, làm tổn đức hạnh của người tu. Xin đừng viện cớ thời đại mà buông lung tâm ý tổn mình, hại người. Nếu sống trái với giới luật, thì bản thân mình đã không được lợi lạc, nói chi đem lại sự lợi lạc đến cho mọi người.

Hatthaka tuy là Sa môn, nhưng thầy đã không sống đúng với một người Sa môn. Vì sợ mất thể diện, nên thầy đã phạm lỗi lầm là lường gạt người khác. Thầy là người thiếu đức tánh tự trọng. Thầy đã coi thường giới luật. Thầy đã hành xử theo tiếng gọi của dục vọng. Đời sống tâm linh của thầy còn quá nghèo nàn. Tâm ý của thầy còn buông thả, thất niệm. Người xuất gia sống không có chánh niệm, thì chưa phải là người xuất gia Sa môn. Phật là người hằng sống trong sự tỉnh thức. Có tỉnh thức là có an lạc. Nếu sống buông lung tâm ý, thì đó là nếp sống sa đọa và sẽ đắm chìm mãi trong biển khổ sanh tử, không biết đến bao giờ mới được thoát ly. Hạnh nguyện của người xuất gia rất cao thượng, chí nguyện cao tột

sáng ngời, phải hằng sống đúng theo giới luật Phật dạy. Có thế, thì mới đúng với ý nghĩa của người xuất gia thượng cầu Phật đạo và hạ hóa chúng sanh vậy.

266. Chỉ mang bát khất thực, đâu phải là Tỳ kheo? Chỉ làm nghi thức tôn giáo, cũng chẳng phải Tỳ kheo vậy.
He is not a monk just because he lives on others' alms. Not by adopting outward form does one become a true monk.
Kệ tụng

Chỉ mang bình khất thực
Đâu phải là Tỳ kheo !
Phải theo giới pháp bổn
Mới xứng danh Tỳ kheo
Khất thực không, không đủ.
267. Bỏ thiện và bỏ ác, chuyên tu hành thanh tịnh, lấy "Biết" mà ở đời, mới thật là Tỳ kheo. Whoever here (in the dispensation) lives the holy life, transcending both merit and demerit, and walks with understanding in this world – he is truly called a monk Kệ tụng

Ai bỏ cả thiện ác
Chuyên tu hành thanh tịnh
Lấy hiểu biết ở đời
Mới xứng danh Tỳ kheo
Chú thích

Bỏ thiện: thiện đây là chỉ cho cái thiện hữu lậu, là cái thiện làm với tâm bỉ thử ngã nhân. Biết: biết giới, biết định, biết tuệ.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan tới một Bà la môn. "Có một người Bà la môn từ bỏ gia đình, trở thành tu sĩ ngoại đạo. Khi ông đi khất thực, ông tự nghĩ: "Sa môn Cồ đàm gọi các đệ tử là "Tỳ kheo" khi họ đi khất thực. Ông ấy cũng phải gọi ta là Tỳ kheo". Ông ta đi đến chỗ Phật và nói: - Sa môn Cồ đàm, tôi cũng tự nuôi sống bằng cách xin ăn, hãy gọi tôi là Tỳ kheo. Phật trả lời: - Này Bà la môn, ta không gọi ai là Tỳ kheo chỉ vì người ấy xin ăn. Người làm tất cả mọi hình thức giống Tỳ kheo cũng không phải Tỳ kheo. Chỉ có người thấy biết như thật về các uẩn và hành trì tương ưng, người ấy thật sự là Tỳ kheo". Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 94)

Người tu chỉ một bề chú trọng nặng về hình thức, thì đó chưa đúng với ý nghĩa của một người thật sự tu hành. Chỉ vì ôm bát đi khất thực để nuôi sống mà gọi đó là Tỳ kheo, thật là chuyện ngớ ngẩn buồn cười. Nếu thế, thì những người tật nguyền đi xin ăn, cũng gọi họ là Tỳ kheo hết hay sao? Vị Bà la môn này, quả thật chưa hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ Tỳ kheo. Tỳ kheo nguyên tiếng Phạn là bhikkhu, người Trung Hoa phiên âm là Tỳ (Tỷ) kheo. Tỳ kheo có 3 nghĩa: Khất sĩ, bố ma và phá ác. Khất sĩ có hai nghĩa: 1. Trên là xin giáo pháp của Phật để

nuôi lớn pháp thân huệ mạng. 2. Dưới là xin thức ăn của Đàn na thí chủ để trưởng dưỡng xác thân tứ đại hư huyễn.

Bố ma là làm cho các loài quân ma khiếp sợ. Ma có nghĩa là những thứ làm chướng ngại ngăn trở trên bước đường tu hành tiến đến Phật quả. Người tu cần phải vượt qua phá tan những chướng ngại này để chóng đạt thành sở nguyện. Phá ác là diệt trừ mọi thứ phiền não xấu ác trong tâm của hành giả.

Như thế, Tỳ kheo phải là người sống đời phạm hạnh, tự do, không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, làm nhiễm ô thể tánh trong sạch. Sống đời sống đơn giản trong sự tỉnh thức. Được thế, mới xứng danh là Tỳ kheo. Phật đã minh định rất rõ: Tỳ kheo phải là người "thấy biết như thật" về các uẩn và phải thật sự hành trì tương ưng với những điều thấy biết đó.

268 – 269. Kẻ ngu muội vô trí, dù làm thinh cũng không thể gọi được là người tịch tịnh. Kẻ trí tuệ sáng suốt như bàn cân, biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn lành bỏ dữ, mới gọi là người tịch tịnh. Biết được cả nội giới và ngoại giới, nên gọi là người tịch tịnh. Not by observing silence does one become a sage, if he be foolish and ignorant. But that man is wise who, as if holding a balance – scale, accepts only the good. The sage, (thus) rejecting the evil, is truly a sage. Since he comprehends both (present and future) worlds, he is called a sage.

Kệ tụng

Im lặng nhưng ngu đần
Đâu được gọi ẩn sĩ?
Như người cầm cán cân
Kẻ trí chọn điều lành
Từ bỏ các ác pháp
Mới thật là ẩn sĩ
Ai thật hiểu hai đời
Mới xứng danh ẩn sĩ.
Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ngoại đạo.

"Các thầy ngoại đạo khi nhận được thức ăn cúng dường thường chúc lành cho chủ nhân: - Xin chúc các vị bình an, hạnh phúc, tăng them tuổi thọ. Các vị sẽ không đến những nơi gai góc, sình lầy như nơi nọ nơi kia.

Như thế, họ hồi hướng phước lành, cảm tạ xong rồi mới đi. Về phần Tăng chúng của Phật, ban đầu chưa hồi hướng, các thầy chỉ nhận vật thực rồi đi. Dân chúng phê bình như sau:

- Chúng ta được nghe lời cám ơn và chúc lành của ngoại đạo, còn các thầy Tỳ kheo thì hoàn toàn im lặng. Các Tỳ kheo bạch Phật điều ấy. Phật dạy: - Này các Tỳ kheo, khi ngồi ở phòng ăn hay nơi nào thọ thực, hãy cám ơn thức ăn mình nhận, và nói lời vui lòng chủ nhân khi họ ngồi gần đó.

Như thế, đức Phật ra lệnh cho các Tỳ kheo hồi hướng công đức cho thí chủ. Khi nghe các lời ấy, mọi người cố gắng thỉnh các thầy về nhà thọ thực, và cúng dường rất nhiều. Các ngoại đạo phê bình: - Chúng ta là thánh và giữ im lặng, còn đệ tử của Cồ đàm nói dông dài trên bàn ăn và các nơi thọ thực. Khi Phật nghe kể lại, Ngài dạy: - Ta không gọi người nào thánh chỉ vì họ im lặng. Có nhiều người không nói vì ngu dốt, vì thiếu niềm

tin, có khi vì keo kiệt không muốn người khác học hỏi những gì mình biết. Vì thế ta nói người ấy không phải là thánh chỉ vì họ im lặng. Chỉ người nào thoát khỏi dục nhiễm mới là thánh". Nhân đó, Phật liền dạy pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 96)

Pháp cú trên Phật đã xác minh cho chúng ta thấy rõ, không phải chỉ vì làm thinh mà gọi rằng người đó thông suốt hay tịch tịnh. Có người làm thinh giữ thái độ im lặng, chỉ vì họ không hiểu rõ vấn đề nào đó. Phật nói, họ chỉ vì ngu dốt mà làm thinh. Ngược lại, cũng có người làm thinh, vì vấn đề không thể lý luận biện giải. Đọc sách Thiền, ta thấy có nhiều vị Thiền sư, khi được thiền khách hỏi một vấn đề nào đó, vượt ngoài lý giải thường tình, tùy đối cơ mà các Ngài có những hành động thích hợp chuyển hóa: nói, nín, la, hét v.v... Mục đích là để cho người hỏi nhân đó mà trực nhận lại cái bản tâm sẵn có của mình. Đây gọi là tùy cơ phong ứng đáp. Nên việc làm thinh của các Ngài khác hơn người dung muội. Ta cần biện biệt rõ sự khác biệt của hai việc làm thinh này.

Như trường hợp Bồ Tát Văn Thù hỏi Ngài Duy Ma Cật: Thế nào là Pháp môn không hai? Ngài Duy Ma Cật lặng thinh không đáp. Ngài Văn Thù ca ngợi tán thán hết lời. Đến đó mới thật sự là "Pháp Môn Không Hai". Vì có ngôn ngữ là đã rơi vào nhị nguyên đối đãi rồi. Ngược lại, nếu chúng ta hỏi một người dốt về việc lái chiếc phi thuyền không gian như thế nào, thì chắc chắn là họ sẽ lặng thinh không đáp. Bởi do họ không hiểu mà lặng thinh. Do đó, chúng ta chớ lầm lẫn giữa hai trường hợp làm thinh này. Làm thinh Phật nói ở đây giống như một kẻ ngu dốt mà chúng ta hỏi họ về cách lái xử dụng phi thuyền vậy.

Pháp cú 269, Phật nói, người có trí tuệ sáng suốt, họ khéo biết phân biệt điều thiện lẽ ác, chọn lành bỏ dữ, Phật nói kẻ đó, mới xứng đáng là người tịch tịnh. Tịch tịnh ở đây đồng nghĩa với Định Huệ. Vì có định huệ nên mới biết rõ nội tâm và ngoại cảnh một cách đúng như thật của các pháp.

Qua câu chuyện dẫn chứng trên, Phật quở những ai làm thinh mà cho là Thánh. Đó chẳng qua chỉ vì họ ngu dốt, thiếu niềm tin, keo kiết xẻn pháp, nên không muốn truyền đạt lại những gì mình hiểu cho bất cứ ai. Quả đó là hạng người ích kỷ, chỉ nghĩ đến cái lợi cho riêng mình. Người như thế, sao gọi là Thánh? Phật nói rõ, chỉ người nào thoát khỏi dục nhiễm mới gọi người đó là Thánh vậy.

270. Còn sát hại chúng sanh, đâu được xưng là Thánh hiền, không sát hại chúng sanh mới gọi là Thánh hiền. He is not noble who injures living beings. He is called noble because he is harmless towards all living beings.

Kệ tụng

Còn sát hại sanh linh

Đâu được gọi hiền thánh Không hại mọi chúng sanh Mới xứng danh hiền thánh.

Chú thích

Thánh hiền: Chữ Ariya có nghĩa là hiền đức, cao thượng. Phật đối với người đánh cá tên Ariya mà nói ra Pháp cú này.

Lược giảng

Pháp cú nầy Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người đánh cá tên Cao Quí.

“Một hôm, đức Phật quan sát thấy người đánh cá này có khả năng chứng quả, nên sau khi khất thực gần cửa thành phía Bắc của Xá vệ, Ngài và chúng tăng trở về qua chỗ người này. Đúng lúc ấy, người đánh cá đang câu cá. Gặp Phật và chư Tăng, Cao Quí bèn ném cần câu và đứng yên. Đức Thế Tôn đứng cách đó không xa, quay lại hỏi tên ngài Xá lợi phất và các vị khác: - Ông tên gì? - Con là Xá lợi phất. - Con là Mục kiền liên.

Người đánh cá nghĩ thầm: “Đức Phật hỏi tên mọi người, chắc sẽ hỏi tên ta”. Phật biết ý quay sang hỏi: - Này cư sĩ, ông tên gì? - Bạch Thế Tôn, con tên Cao Quí. Phật bảo: - Này cư sĩ, người đoạt mạng sống người khác không thể gọi là Cao Quí. Cao Quí là không bao giờ làm hại ai”. Nhân đó, Phật liền nói Pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 98)

Có những người bề ngoài tuy thấy họ hung hăng dữ tợn, nhưng tận thâm tâm của họ vẫn là con người lương thiện hiền lành. Có thể vì một hoàn cảnh nào đó mà họ mới có những thái độ hành động gian ác. Nhưng hạt giống thánh thiện bao giờ cũng tiềm ẩn sâu kín mà người thường không thể thấy biết được. Khi gặp một cơ duyên nào đó, thì hạt giống này sẽ phát khởi rất mạnh. Chỉ có tuệ giác sâu sắc của những người đạt đạo mới có thể nhìn thấy nhận ra dễ dàng thôi.

Chuyện dẫn chứng trên, cho ta thấy rõ điều đó. Cao Quí tuy là một người đang hành nghề câu cá, nuôi sống bằng nghề nghiệp đoản mạng sống của loài khác, đó không thể gọi là người có tâm lương thiện. Nhưng với cái nhìn của Phật, thì Cao Quí không hẳn như thế. Cao Quí đã có sẵn hạt giống thánh thiện. Cao Quí chỉ cần nghe một lời nói của một bậc tu hành có đức độ cao, thì sẽ chuyển đổi tâm xấu ác thành tâm thánh thiện ngay.

Điều đó, nói lên trong mỗi người chúng ta đều sẵn có hai loại hạt giống lành và dữ. Dĩ nhiên, hạt giống dữ chiếm nhiều hơn. Nhưng không vì thế, mà người ta không thể không chuyển hóa nó được. Chỉ cần sống có tỉnh thức, có chánh niệm, tất nhiên, chúng ta sẽ chuyển hóa lần lần và sẽ tiêu diệt hết những hạt giống ác. Điều quan trọng là ta có cố gắng tinh cần để chuyển hóa loại trừ hết những hạt giống ác đó hay không? Sự tu hành chỉ hơn nhau là ở chỗ khéo biết chuyển hóa những phiền não đó thôi. Đó là điều hết sức thực tế mà ta cần nên chú ý.

271 – 272. Chẳng phải do giới luật, đầu đà, chẳng phải do nghe nhiều, học rộng, chẳng phải do chứng được tam muội, chẳng phải do ở riêng một mình, đã vội cho là “hưởng được cái vui xuất gia, phàm phu không bì kịp”. Các ngươi chớ vội tin điều ấy, khi mê lầm phiền não của các ngươi chưa trừ. Not by rules and observances, not even by much learning, nor by gain of absorption, nor by a life of seclusion, nor by thinking, “I

enjoy the bliss of renunciation, which is not experienced by the worldling" should you, O monks, rest content, until the utter destruction of cankers (Arahatship) is reached Kệ tụng

Chẳng phải giữ giới cấm
Cũng chẳng phải nghe nhiều
Hoặc chứng được thiền định
Sống cô độc một mình
Tự xem đã thọ hưởng
Hạnh phúc giải thoát lạc
Phàm phu chưa hưởng được
Tỳ kheo chớ bằng lòng.
Chú thích

Đầu đà: Trung Hoa dịch là Đẩu tẩu nghĩa là lối tu khổ hạnh. Hạnh tu kham khổ, tiết chế trong việc ăn, mặc, ở, để dứt sạch phiền não, gồm có 12 hạnh. Riêng cho một số người tu.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến vài thầy Tỳ kheo đức hạnh.

"Một vài vị Sa môn đầy đủ đức hạnh tự nghĩ rằng: - Chúng ta đầy đủ giới đức, chúng ta tu tập theo giáo lý thanh tịnh, chúng ta học rộng, chúng ta sống tịnh cư, chúng ta phát triển thần thông nhờ thiền định. Vì thế, chúng ta chứng A la hán không khó, chúng ta sẽ chứng A la hán bất cứ khi nào.

Cũng như thế, các vị chứng quả A na hàm cũng nghĩ: - Đối với chúng ta, chứng quả A la hán không khó. Một ngày kia các vị đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Này các Tỳ kheo, các ông đã xong việc chưa? Các thầy thưa: - Bạch Thế Tôn, chúng con đã đạt những bậc Thánh như thế đó, khi nào nuốn chúng con sẽ chứng quả A la hán. Vì nghĩ như vậy, nên chúng con giữ nguyên vị trí. Nghe nói thế, Phật dạy: - Này các Tỳ kheo, không thích đáng cho một Sa môn chỉ vì đã giữ tròn giới luật, hoặc chỉ chứng được Tam quả, và nghĩ rằng: "Chỉ còn chút ít phiền não trong đời hiện tại của ta". Trái lại, chừng nào lậu hoặc chưa hoàn toàn diệt trừ, người ấy chưa có quyền tự cho rằng mình đã thật sự chứng đắc". Nhân đó, đức Phật liền nói hai pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 99)

Phật nói hai pháp cú này, để minh định dứt khoát trong việc tu hành cầu giải thoát. Không phải lấy việc hành hạ xác thân hay học rộng hiểu nhiều, thậm chí dù có chứng được tam muội, hay tự sống biệt lập ẩn cư nuôi thân, mà vội cho đó là đúng nghĩa phẩm hạnh của người xuất gia. Dù những việc làm này, đối với người thường, thật khó sánh kịp, nhưng không vì thế, mà chúng ta lại vội tin cho đó là người đã thật sự đạt đạo. Nếu phiền não chưa thật sự dứt sạch, thì người đó vẫn chưa đạt được thánh quả. Thế nên, trên bước đường tu hành, ta cần phải thận trọng, không nên đánh giá một

cách hời hợt bề ngoài. Muốn đánh giá thử nghiệm người tu tới đâu, còn phiền não hay không, Phật Tổ dạy, ta nên lấy cây thước "Bát phong" ra đo. Đối với tám ngọn gió (lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc) này khi thổi đến, mà hành giả vẫn thản nhiên bất động, thì đó mới thật sự là thứ thiệt. Bằng ngược lại, thì chưa xứng danh là người đạt đạo. Dù cho người đó có lộng giả thành chơn đến đâu, cũng không thể che giấu qua mắt được người có già dặn kinh nghiệm trong sự tu hành. Muốn biết vàng thiệt cần phải thử lửa.

Thuở xưa, ở vào thời đại nhà Lương bên Trung Hoa, một hôm, vua Lương võ Đế và Hòa Thượng Chí Công đứng trên lầu cao quán sát ngắm cảnh. Nhà vua nhìn thấy những dãy núi đều có tuyết rơi phủ xuống, duy có một ngọn núi không có tuyết rơi. Bấy giờ, nhà vua lấy làm lạ mới hỏi Hòa Thượng Chí Công lý do tại sao? Hòa Thượng Chí Công cho biết, vì trong núi đó, có một vị Thiền sư đang tham thiền nhập định. Vì sức định của nhà sư này rất sâu và có hỏa quang tam muội, nên tuyết không thể rơi xuống được. Vua lấy làm lạ và khen ngợi hết lời.

Sau đó, nhà vua ra lệnh phải mời cho được vị thiền sư đó về triều. Vị thiền sư đó có tên là Suy Hải. Sau khi thiền sư Suy Hải về triều, nhà vua đối xử rất kính trọng. Thiền sư ở trong tịnh thất chuyên tu trải qua thời gian 3 năm, không ra ngoài. Nhà vua khen thầm cho đó là một bậc chân tu.

Hôm khác, nhà vua cùng với Hòa Thượng Chí Công trong khi luận đạo, nhà vua có nêu ra về đạo đức tu hành của thiền sư Suy Hải. Nhà vua tán thán khen ngợi hết lời, cho đó là một bậc chân tu đắc đạo. Nhưng với tuệ giác của Hòa Thượng Chí Công, thì biết rõ vị Thiền sư đó chưa phải là thứ thiệt. Tuy có sức thiền định khá sâu, nhưng lòng chấp ngã vẫn còn sâu nặng. Cho nên, Hòa Thượng Chí Công nói với vua Lương Võ Đế, nếu bệ hạ, muốn biết thiệt giả thế nào, thì nên thử nghiệm là biết liền. Đánh giá người tu, không nên chỉ một mặt nhìn hình thức bề ngoài mà có thể đoán định được. Nhà vua nghe và làm theo lời Hòa Thượng Chí Công.

Lần thử nghiệm thứ nhứt, nhà vua và Hòa Thượng Chí Công ngồi ăn chung một bàn. Đồ ăn rất ngon, toàn là những thứ cao lương mỹ vị. Nào là chén ngọc đủa ngà, dĩa vàng muỗng bạt. Trong khi đó, thì thiền sư Suy Hải, chén sành đủa tre và đồ ăn toàn là những thứ hết sức tầm thường. Như rau muống luộc, tương kho, cà nướng v.v... Mọi người ai nấy đều lặng lẽ ngồi ăn, không ai nói với ai một lời. Ăn xong, Suy Hải đến chào nhà vua và Hòa Thượng Chí Công rồi từ giả quay gót lặng lẽ trỡ về tư thất. Tuy không nói ra, nhưng trong lòng của ngài Suy Hải đã có vẻ bất bình, tức giận.

Lần thử nghiệm thứ hai, nhà vua thiết đãi yến tiệc linh đình. Văn võ bá quan trong triều đều có mặt dự đủ. Nhà vua cho mời các bậc thiền đức cao tăng trong nước về triều tham dự. Tất cả đều ngồi chỗ cao ráo sang trọng. Chỉ có Thiền sư Suy Hải, thì ngồi riêng ở một góc xó không có sang trọng gì. Đồ ăn thì rất là tầm thường.

Sau khi ăn xong, đến phần tặng quà, mọi người đều nhận lãnh toàn là những thứ lụa là gấm vóc đắt giá. Chỉ riêng Thiền sư Suy Hải, thì chỉ nhận được một thứ lụa rẻ tiền nhứt. Tặng quà xong, nhà vua tuyên bố: "sở dĩ hôm nay, trẫm tặng quà cho các khanh mà

không được đồng

đều, là vì trẫm thấy đạo hạnh của Thiền sư Suy Hải còn quá thấp kém, nên trẫm chỉ tặng cho ngài một thứ lụa thô sơ rẻ tiền nhứt". Nghe thế, Suy Hải không còn kềm chế được cơn giận tức, liền nổi giận đứng lên tuyên bố với mọi người là ngài không phải thứ hạng người háo danh ham lợi... Ông ta nói với giọng tức giận, lòng sân hận quá mức nên nét mặt tái xanh và rồi ngã té bất tỉnh tắt thở trước mặt mọi người...

Khi đó, tất cả mọi người đều hốt hoảng run sợ, nhứt là nhà vua rất ân hận vì đã hại chết một nhà sư. Nhưng chỉ có Hòa Thượng Chí Công biết rõ sự tình, nên chính Ngài đã cứu thoát Thiền sư Suy Hải khỏi đọa lạc làm thân chim non. Bằng cách là cho một số người đi về hướng Bắc, thấy trên cháng cây nào có ba nhánh de ra, trên đó có một tổ chim và chỉ có một con chim non mới sanh, thì phải bắt đem về cho Hòa Thượng Chí Công. Quả thật, đoàn người đã tìm thấy có con chim non mới sanh, và lạ thay trên lưng của nó có hai chữ Suy Hải. Mọi người rất ngạc nhiên và run sợ. Hòa Thượng Chí Công sau khi chú nguyện cho con chim non rồi, liền liệng xuống đất, chim chết, thần thức nhập vào xác của Thiền sư Suy Hải. Thế là Suy Hải sống lại.

Nếu không có sự cứu độ kịp thời của Hòa Thượng Chí Công, một bậc tu hành đạt đạo, thì thử hỏi hậu quả của thiền sư Suy Hải sẽ như thế nào? Tu hành có sức thiền định thâm sâu như thế, tuyết không thể rơi xuống được, thế mà chỉ vì không chịu nỗi hoàn cảnh thử thách trước mắt, nên lòng sân hận trào dâng lên, rồi phải chết một cách tức tối thê thảm như thế. Thế mới biết, tu hành mà còn chấp ngã nặng, thì thật khó được giải thoát.(Tóm lược cốt chuyện trong quyển Thiền Môn Cảnh Tỉnh Tu Hành).

Trở lại, câu chuyện dẫn chứng trên, đức Phật quở trách những Tỳ kheo này lậu hoặc phiền não chưa diệt trừ hết, thì làm sao có thể chứng được thánh quả A la hán? Ngẫm lại, thời nay, có người tu hành được chút ít kết quả lợi lạc, thì lại hô hào cho rằng mình chứng đắc thế này, thế nọ. Tu hành mà còn thấy có chứng, có đắc, thì đâu phải là người chân tu. Vì sao? Vì còn thấy có ngã tướng. Đã chấp ngã chấp pháp như thế, thì đó không phải là chủ trương của Phật giáo. Kinh Kim Cang Bát Nhã, Phật đã dạy rất rõ về vấn đề này.

XX. Phẩm Đạo

(Maggavagga)

273. Bát chánh đạo là đạo thù thắng hơn các đạo, Tứ đế là lý thù thắng hơn các lý, ly dục là pháp thù thắng hơn các pháp, cụ nhãn là bậc thù thắng hơn các bậc thánh hiền. Of all paths the Eightfold Path is the best; of all truths the Four Noble Truths are the best; of all things passionlessness is the best; of men the Seeing One (the Buddha) is the best.

Kệ tụng

Bát chánh đường thù thắng
Bốn đế, lý thù thắng
Ly dục, pháp thù thắng

Giác nhãn, người thù thắng

274. Chỉ có con đường này, chẳng còn con đường nào khác, có thể làm cho tri kiến các ngươi thanh tịnh. Các ngươi thuận làm theo thì bọn ma bị rối loạn.

This is the only path; there is none other for the purification of insight. Tread this path, and you will bewilder Mara.

Kệ tụng

Chỉ đường này độc nhất
Khiến tri kiến thanh tịnh
Nếu ngươi theo đường này
Ma quân sẽ mê loạn

275. Các ngươi thuận tu theo Chánh đạo trên đây, thì khổ não sẽ dứt hết, và biết rằng đạo ta nói có sức trừ diệt chông gai. Walking upon this path you will make an end of suffering. Having discovered how to pull out the thorn of lust, I make known the path.

Kệ tụng

Nếu ngươi theo đường này
Đau khổ được diệt trừ
Hiểu được, diệt gai chướng
Ta dạy ngươi con đường

276. Các ngươi hãy nỗ lực lên! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ. Sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức Thiền định của các ngươi mà được giải thoát. You yourselves must strive; the Buddhas only point the way. Those meditative ones who tread the path are released from the bonds of Mara.

Kệ tụng

Ngươi hãy tự nỗ lực
Như Lai chỉ thuyết dạy
Người thiền định, tu đạo
Thoát khỏi lưới ma quân

Chú thích

Cụ nhãn: chỉ cho đức Phật, vì đức Phật có đủ năm mắt: nhục nhãn (mamsa- cakkhu), thiên nhãn (dibhacakkhu), huệ nhãn (Panna cakkhu), Phật nhãn (Buddha-cakkhu), Nhất thế trí nhãn (Samanta-cakkhu)

Con đường này: chỉ cho Tứ Đế, Bát chánh đạo và Niết bàn. Trừ diệt chông gai: chỉ cho Tam độc: tham, sân, si.

Lược giảng:

Bốn pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm trăm vị Tỳ kheo.

Theo truyện tích, “một hôm, đức Phật sau khi du hành khắp nước, trở về Xá Vệ. Lúc ấy có năm trăm Tỳ kheo bàn tán về những con đường đã đi qua: “ Con đường của làng này bằng phẳng, con đường của làng này gồ ghề, con đường của làng này đầy sỏi đá, con đường của làng này không có sỏi…” Đức Phật nhận thấy các thầy đủ duyên để chứng quả A la hán, bèn đi đến pháp đường, hỏi: Các ông ngồi đây bàn tán việc gì? Khi các thầy thưa xong Ngài dạy: - Này các Tỳ kheo, những con đường đó chẳng đáng cho chúng ta quan tâm. Một người là Tỳ kheo phải đi theo con đường Thánh Đạo, chỉ có thế mới giải thoát mọi đau khổ”. Nhân đó, Phật nói bốn pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 103)

Thời Phật, việc vân du hoằng pháp, không phải có được phương tiện di chuyển sang trọng và tiện lợi như thời nay. Ngày nay, khi đi diễn giảng, hoằng pháp gần hay xa, thông thường, chư Tăng Ni hay đi bằng những phương tiện xe hơi hoặc máy bay. Đức Phật và các vị Thánh chúng thời xưa, chỉ toàn đi bộ đầu trần chân đất, từ nơi này đến nơi khác. Chính vì thế, nên mới có việc bàn tán về những con đường sỏi đá gồ ghề hay bằng phẳng của các vị Tỳ kheo.

Qua những việc bàn luận đó, thực tế, chẳng đem lại lợi lạc gì cho vấn đề tu tập. Chẳng những thế, mà đôi khi còn đưa đến việc tranh cãi hơn thua với nhau. Đã thế, thì chỉ gây thêm phiền não mà thôi! Do đó, mà đức Phật khuyến nhắc các thầy Tỳ kheo không nên bàn luận những việc phù phiếm vô ích đó. Vì đó là những con đường vật lý tương đối, do con người tạo nên. Con đường quan trọng hơn cả đó là con đường Bát Chánh. Chính con đường này, mới có thể đưa các thầy đến chỗ an vui giải thoát hoàn toàn. Chỉ có con đường Bát Chánh, mới thật sự đáng để cho các thầy quan tâm tu học. Bát chánh đạo thuộc về phần Đạo đế, một trong Tứ Diệu Đế. Đạo đế, thì nó đóng vai trò chủ yếu tối ư quan trọng.

Pháp cú 273, tại sao Phật nói “Bát chánh đạo là thù thắng hơn các đạo”? Đây là Phật so sánh cho chúng ta thấy rõ, chỉ có Bát chánh đạo là tám con đường cao thượng nhất, lý thú nhất, vì nó là một chân lý thù thắng. Nó có khả năng đưa hành giả đến chỗ hoàn toàn diệt khổ, trọn hưởng Niết bàn. Ngoài con đường này ra, không có con đường nào khác dẫn hành giả có thể đạt được cảnh giới Niết bàn. Vì đó là con đường, chính do đức Phật chứng nghiệm đạt thành. Thành phần của chúng gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và chánh huệ.

Nói “Tứ đế là lý thù thắng hơn các lý”, đây là Phật xác minh chỉ bày rõ, về yếu lý quan trọng của Tứ đế. Vì nó là chân lý cao quý, là tiến trình giác ngộ của sự thật hành qua từng giai đoạn. Nó có công năng đưa hành giả đến đầu nguồn của sự sống an lạc và giải thoát. Sự có mặt của khổ đau, và tìm rõ nguyên nhân sự có mặt gây nên khổ đau. Đây là xác minh sự có mặt nhân và quả trong lãnh vực thế gian pháp.

Kế đến, Phật nêu ra và trình bày rõ về sự có mặt nhân và quả xuất thế gian. Đó là sự có mặt của an lạc, của sự chấm dứt khổ đau, tức ly dục, đó là Diệt đế (quả) và đồng thời Phật chỉ bày rõ ngọn nguồn về sự có mặt của những con đường đưa đến để đạt được an lạc giải thoát, đó là Đạo đế (nhân). Với con mắt tuệ giác (cụ nhãn), Phật đã thấy rõ

như thế. Dù Phật có ra đời hay không, thì bốn chân lý này vẫn hiển nhiên có mặt trên thế gian này. Phật chỉ là người chứng nghiệm khám phá ra và dạy lại cho chúng sanh mà thôi.

Pháp cú 274, Phật lại minh định rõ cho chúng ta khỏi phải nghi ngờ. Rằng, "chỉ con đường này, chẳng còn con đường nào khác có thể làm cho tri kiến các ngươi thanh tịnh". Thanh tịnh là Niết bàn, là giải thoát, là Diệt đế. Con đường này, đó là con đường Bát chánh. Một con đường dẫn đến an lạc không còn nghi ngờ. Đó là con đường đưa chúng ta đến đầu nguồn của

hạnh phúc. Nếu chúng ta y cứ vào con đường Bát chánh này mà nỗ lực hành trì, thì lũ giặc vô minh phiền não sẽ không còn có cơ hội khuấy phá làm tâm ta rối loạn nữa. Chúng ta khổ đau, bởi do chúng ta chủ quan nhận định sai lầm. Đó là vì chúng ta thiếu chánh kiến. Chánh kiến là nhận định đúng theo lẽ thật của vạn pháp. Có thể nói, chánh kiến là đầu đường dẫn hành giả thẳng đến cuối đường Niết bàn. Chánh kiến thật là quan trọng cho một hành giả tu theo đạo Phật. Có chánh kiến, thì các pháp không thể lường gạt được ta.

Pháp cú 275, Phật tán thán những ai đã thật hành đúng theo Bát chánh đạo, thì mọi khổ não sẽ dứt hết. Và mọi chông gai, ý chỉ cho những thứ cội rễ phiền não tham, sân, si, sẽ không còn. Chừng đó, hành giả mới thật sự hoàn toàn giải thoát.

Pháp cú 276, một lần nữa, Phật lại nhấn mạnh về yếu tính quan trọng của con đường diệt khổ. Phật kêu gọi mọi người hãy tự mình nỗ lực hành trì đúng theo những gì mà Phật đã chỉ dạy. Đạo Phật chú trọng nhắm thẳng vào phần thực nghiệm hơn là lý thuyết suông. Phật chỉ cho mọi người thấy rõ con đường giác ngộ giải thoát, còn việc thật hành hay không là còn tùy ở nơi mỗi người.

Công thức làm bánh không thể làm cho chúng ta no bụng được. Công thức chỉ có nhiệm vụ hướng dẫn chúng ta phải làm bánh đúng cách. Nếu làm sai, đó là lỗi của người làm bánh, chớ không phải lỗi ở nơi người lập ra công thức. Cũng thế, Phật chỉ là người tạo ra công thức chỉ dẫn con đường đưa đến diệt khổ. Nếu chúng ta y cứ vào lời chỉ dạy của Phật mà nỗ lực thật hành, thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được kết quả là chấm dứt khổ đau. Theo luật nhân quả, ai ăn nấy no, ai học nấy biết chữ. Không ai ăn thế hay học thế cho ai. Khổ vui do mỗi người tự quyết định lấy. Phật chỉ giúp cho chúng ta một cánh tay. Còn lại một cánh tay, đó là phần vụ của mỗi người chúng ta.

Bát chánh đạo là con đường thiền quán rất quan trọng. Người tu Phật mà không ứng dụng theo con đường thiền quán này, thì đó là một khuyết điểm thiếu sót rất lớn. Vì có thiền quán, chúng ta mới nhìn sâu vào bộ mặt thật của các pháp. Trí huệ là chủ động dẫn đầu trong sự thiền quán này. Có trí huệ hằng chiếu soi, thì mọi thứ vọng tưởng vô minh sẽ không còn. Nói cách khác, hành giả luôn sống có tỉnh thức, chánh niệm, thì mọi thứ dục vọng sẽ không còn có cơ hội bộc phát. Nhờ đó, mà hành giả sẽ được an lạc hạnh phúc.

277. "Các hành đều vô thường"; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh. "All conditioned things are impermanent" – when one

sees this with wisdom, one turns away from suffering. This is the path to purification.

Kệ tụng

“Các hành là vô thường”
Nhờ trí quán xét vậy
Dẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh
278. “Các hành đều là khổ”; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh. “All conditioned things are unsatisfactory” – when one sees this with wisdom, one turns away from suffering. This is the path to purification.

Kệ tụng

“Các hành là thống khổ”
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh
Chú thích:

Các hành: chữ hành nguyên nghĩa đen của nó là đi, là di chuyển, biến động. Tức chỉ chung cho mọi hiện tượng sinh lý hay tâm lý đều biến dịch luôn luôn thay đổi, không thường còn, khác nào như một dòng nước chảy trôi. Vô thường: chỉ chung cho mọi sự vật trên thế gian này không thường còn với thời gian. Tất cả đều bị chi phối bởi thời gian, không có gì tồn tại.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm trăm thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích, “có năm trăm vị Tỳ kheo nhận đề tài thiền định từ đức Phật, và cố gắng nỗ lực tối đa ở trong rừng, nhưng không chứng quả A la hán. Các vị trở lại xin Phật đề tài khác thích hợp hơn. Nhận thấy rằng các Tỳ kheo này, vào thời Phật Ca Diếp, đã chuyên chú thiền quán trong hai ngàn năm về đề tài Vô Thường. Vậy Vô Thường là đề mục mà ta sẽ giảng. Nghĩ thế, Phật bèn dạy: - Này các Tỳ kheo, trong cõi này và cõi khác, tất cả pháp hữu vi do không thật nên điều bị chi phối bởi vô thường”. Nhân đó, Phật dạy hai pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 106)

Nói: “chư hành vô thường”, là Phật chỉ chung cho mọi hiện tượng thuộc các pháp hữu vi vô thường. Dù vật lý, sinh lý hay tâm lý, tất cả đều là vô thường. Không có một hiện tượng nào đứng yên một chỗ. Vạn vật đều luôn luôn đổi thay. Có thể nói, vô thường là đề tài muôn thuở. Dù có Phật ra đời hay không có Phật ra đời, thì vạn vật ở thế gian này, không một vật nào thoát khỏi định luật vô thường.

Khi quán sát về lý vô thường, tất nhiên là ta phải dùng trí huệ để quán sát. Nên Pháp cú trên (277) Phật nói, đem trí huệ xét soi, thì mới nhàm lìa thống khổ. Vô thường, nếu xét kỹ ta thấy nó có hai phương diện: lợi và hại.

1. Đứng về mặt lợi của vô thường.

Nhờ có vô thường đổi thay nên vạn vật mới có tiến bộ. Nếu vật nào đứng nguyên vị thế của vật ấy, thì thử hỏi cuộc sống này còn gì có ý nghĩa? Chẳng những thế, mà muôn loài không thể nào sinh tồn được. Như chúng ta ăn thức ăn vào, giả như không có vô thường tiêu hóa, vật nào còn nguyên vẹn vật đó, thì thử hỏi làm sao chúng ta có thể sống được? Và như thế, chắc chắn nhơn loại sẽ vắng bóng trên hành tinh này.

Ta thử nghĩ, nếu một đứa bé sanh ra, rồi cứ đứng yên vị thế mà khóc la, không lớn lên, thì thử hỏi nhơn loại sẽ ra sao? Và như thế thì chắc là tuyệt chủng mất. Vạn vật đều định hình như

thế, thì đâu còn là sự sống. Vì tất cả không có đổi thay. Như thế, thì làm sao có tiến bộ? Xã hội này, sẽ không còn là xã hội loài người nữa. Vì nhờ có vô thường, muôn vật đổi thay, sự sống mới hanh thông trôi chảy tiến hóa. Và như thế thì sự sống mới thực sự có ý nghĩa.

Từ cá nhân, gia đình, cho đến xã hội, nói chung là muôn loài mới có sinh động hứng thú để sống. Mọi hiện tượng vật lý, sinh lý, tâm lý, đều đổi thay, nên cuộc sống mới vươn lên có ý nghĩa. Đó là, chúng ta xét một cách khái quát về sự lợi ích của vô thường. Như vậy, vô thường không phải đưa người ta vào hố sâu bi quan, mà trái lại làm cho người ta trở nên lạc quan vui sống hơn. Vì nhờ vô thường mà tất cả đều đổi mới và luôn đổi mới từng giây phút. Nhờ đó, mà người ta lại yêu đời hơn. Bởi cuộc sống luôn trôi chảy, chuyển hóa, đổi mới nên nhơn loại mới có nhiều hy vọng vươn lên để làm đẹp cho mình và cuộc đời.

2. Đứng về mặt hại của vô thường.

Vô thường là một họa hại lớn của thế gian. Vì mọi vật trên đời, không vật nào tồn tại theo thời gian. Mọi vật đều bị luật vô thường chi phối đào thải, cướp mất tất cả. Từ cảnh vật chung quanh, cho đến thân tâm ta, tất cả đều luôn đổi thay biến dịch và hủy diệt. Dù người ta có cố gắng hết sức, vận dụng mọi kỹ thuật máy móc tối tân, để quyết tâm tạo dựng bao nhiêu thứ rắn chắc bền bỉ hầu thi đua đối phó với thời gian, nhưng tất cả việc làm đó, chỉ là hoài công vô ích mà thôi. Bởi vì, dù cho nguyên liệu hay vật liệu có rắn chắc bền bỉ đến đâu, nhưng dưới sức bào mòn đẻo gọt của búa thời gian, thì không có một vật thể nào có thể tồn tại lâu dài được. Rắn chắc như núi đá mà cũng còn phải tiêu mòn, đừng nói chi đến những vật khác.

Vật đổi sao dời, biển xanh hóa thành ruộng dâu, đó là một luật định từ xưa nay không vật nào thoát khỏi. Vì vô thường là một định luật tự nhiên. Không ai có tài nào chống chọi lại với thời gian. Dù khoa học có tiến bộ đến đâu, cũng không thể nào đọ sức với vô thường được. Từ cảnh vật cho đến con người không vật nào và cũng không có ai thoát khỏi vô thường. Nhìn theo chiều thời gian vô tận, thì đời người thật là ngắn ngủi. Ngắn ngủi như một giấc chiêm bao, thấy đó rồi mất đó.

Quán sát tường tận về vô thường sanh diệt ở nơi bản thân ta, ta thấy nó thay đổi từng tế bào. Nó biến dịch thay đổi từng sát na. Theo thời gian, con người sanh ra rồi lớn lên.

Mới ngày nào xuân sanh, không mấy chốc nhìn lại đã bạc đầu. Sanh, già, bệnh, chết, đó là bốn quy trình mà bất cứ ai cũng phải trải qua. Vì đó là quy luật của đời người hệ thuộc vào lý vô thường sanh diệt. Vì vô thường nên mới có biến hoại, diệt vong.

Nhờ quán sát như thế, ta mới thức tỉnh mà cố gắng gia công nỗ lực tu hành. Vì thấy cuộc đời của ta sao quá mỏng manh thật thua sợi chỉ mành. Thời gian năm tháng ngày giờ, luôn luôn đẻo gọt bào mòn thân xác ta. Do ý thức được lý vô thường, cái chết xảy ra cho ta bất cứ lúc nào, thậm chí tiền bạc của cải tài vật mà ta đã tạo ra, rốt lại cũng không còn gì! Bản thân ta, ta còn không giữ được, nói gì đến vợ con ta hay tài sản của ta. Nhờ hiểu và quán sát tường tế như thế, thì ta sẽ không còn mê say đắm nhiễm theo ngũ dục lạc thế gian nữa. Đồng thời, mọi tranh chấp hơn thua với cuộc đời, ta cũng không còn đam mê tranh giành cấu xé nhau nữa. Bởi đời người quá ngắn ngủi, giống như con phù du sáng sanh chiều chết. Quán sát thế rồi, ta mới khởi tâm nhàm lìa mọi vật dục ở thế gian. Từ đó, ta mới quyết tâm cố gắng tu hành để mong cầu thoát ly sanh tử khổ hải vậy.

279. “Các pháp đều vô ngã”; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh.

“All things are not-self” – when one sees this with wisdom, one turns away from suffering. This is the path to purification.

Kệ tụng

“Các hành là vô ngã”
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh
Lược giảng

Cũng theo câu chuyện kể trên, đức Phật lại dạy tiếp cho các thầy Tỳ kheo về lý thuyết vô ngã. Đọc qua pháp cú trên, ta nên chú ý đến ý nghĩa của những cụm từ: “các pháp đều vô ngã, đem trí tuệ soi xét, nhàm lìa thống khổ, và đó là đạo hạnh thanh tịnh”.

Tại sao Phật nói các pháp đều vô ngã? Vô ngã là không có cái ta chân thật. Vạn pháp sinh thành là do duyên khởi. Vì “cái này có nên cái kia có, vì cái này không nên cái kia không, vì cái này diệt nên cái kia diệt, vì cái này sanh nên cái kia sanh”. Các pháp tụ hợp nương nhau mà thành. Trong đó, tuyệt đối không có cái chủ thể cố định. Vì vậy, khi phân tích sâu vào phần giáo lý duyên sinh, ta thấy rõ vô ngã tính của các pháp. Theo giáo lý Nguyên Thủy, tức các Kinh A Hàm, thì Phật nói, cái xác thân mà chúng ta đang mang đây, nó kết hợp bởi hai phần: vật chất và tinh thần. Về phần vật chất là do bốn yếu tố: đất, nước, gió, lửa cấu thành. Nói theo khoa học ngày nay, là do các tế bào cấu tạo hình thành. Còn phần tinh thần cũng do bốn thứ: thọ, tưởng, hành, thức, tạo thành trạng thái tâm lý. Như vậy, phân tích cho cùng thì cái thân tâm của ta đây chỉ là do ngũ uẩn giả hợp, thực thể của nó là không, tức không có cái gì làm chủ tể, đó là vô ngã.

Xét sâu xa hơn, thì cái thân này ngay từ khi mới hình thành, đã là do tinh cha huyết mẹ và thần thức gá vào tạo thành cái thai bào. Như thế, ngay từ buổi đầu đã là do duyên hợp rồi. Khi đủ ngày tháng sanh ra, thì đứa hài nhi phải nương nhờ tứ đại bên ngoài để nuôi sống. Nếu như đứa bé không có uống sữa, không hít thở không khí trời đất ban cho, không có sự chăm sóc kỹ lưỡng của cha mẹ v.v... thì thử hỏi nó có thể sống còn được không? Khi đứa bé lớn lên, nó phải tiếp tục vay mượn tứ đại bên ngoài nhiều hơn để nuôi lớn thân thể. Về tinh thần, thì cũng phải vay mượn học hỏi ở nhà trường mới có được kiến thức.

Tóm lại, cuộc sống của chúng ta từ lúc mới sanh ra cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, tất cả đều phải nhờ vay mượn mà tồn tại. Đã vay mượn, thì có cái gì là thật mình đâu! Theo nguyên lý vô ngã, cái gì do duyên sinh, thì cái đó không thật có. Cái không thật có, thì không phải vô ngã là gì? Như vậy, xét cái thân này, ngay từ buổi đầu đã là vô ngã rồi. Với cái nhìn sắc bén của tuệ giác, thì không phải đợi đến cái thân xác này tan rã, chúng ta mới thấy là không thật có, mà phải thấy ngay khi thân thể này còn đang sinh hoạt tồn tại, tự nó đã là vô ngã không thật rồi. Không thật có cái thật ngã, chớ không phải là không có cái giả ngã.

Đó là xét về thân tâm ta là như thế. Còn xét ra bên ngoài như cái nhà ta đang ở, không phải cái nhà tự nhiên mà có. Cái nhà chỉ là tên rỗng giả danh không thật. Muốn có cái nhà ở, tất nhiên, phải hội đủ các điều kiện hợp lại tạo thành. Như ta là người đứng ra chủ động xây cất, tất nhiên, là phải nhờ đến những thứ khác nữa như: thợ, nhân công, và các thứ vật liệu v.v...

Nhờ hội đủ các điều kiện như thế, thì căn nhà mới hình thành. Nếu như chỉ có đơn độc một mình ta, thì thử hỏi làm sao xây dựng được căn nhà? Ta chỉ là cái chánh nhân để tạo thành, còn những thứ khác đều là trợ duyên. Thế thì, do đủ duyên hợp lại tạo thành, hết duyên thì nó tan rã. Chỉ có thế thôi. Do đó, nên nói cái nhà là không có thật tánh. Nói cách khác, từ các thứ không phải là cái nhà, (như người và các thứ vật liệu) đủ điều kiện hợp lại tạo thành cái nhà, nên thực thể của cái nhà là không. Nên nói, cái nhà là vô ngã. Từ đó suy ra, mọi thứ hiện tượng trên đời này, nhỏ như hạt bụi, lớn như quả địa cầu thãy đều là như thế cả.

Chúng ta nên nhớ rằng, nói các pháp vô ngã là đứng về mặt không gian mà nói. Như trên đã nói, lý thuyết vô ngã được xây dựng trên nền tảng của lý thuyết duyên sinh. Rời lý thuyết duyên sinh, thì không có lý thuyết vô ngã. Mà duyên sinh là do sự kết hợp nhiều vật thể tương quan hình thành theo chiều không gian. Còn nói vô thường là đặt định trên chiều thời gian.

Muốn hiểu được lý duyên sinh vô ngã, tất nhiên chúng ta phải vận dụng trí huệ bát nhã để soi sáng phân tích cho tường tận. Thế nên, Phật dạy chúng ta phải đem trí huệ soi xét. Vì đây là vấn đề tối hệ trọng trong sự nhận thức. Có nhận định đúng đắn khế hợp chân lý như thế, thì sự tu hành của chúng ta mới mong có kết quả an lạc giải thoát. Bằng ngược lại, thì dễ rơi vào con đường tà kiến.

Có quán chiếu phân tích sâu vào như thế, nên kế tiếp Phật nói là chúng ta mới có thể nhàm lìa mọi thống khổ. Cái nỗi thống khổ lớn nhứt của con người là do mê lầm chấp ngã mà ra. Ai cũng chấp cái thân tâm này là thật có. Từ cái nhận định mê lầm đó, nên người ta mới tạo ra không biết bao nhiêu thứ nghiệp ác, để rồi phải chiêu cảm lãnh thọ bao nhiêu thứ khổ đau. Nhơn loại ngày nay, không có phút giây nào được sống an ổn hạnh phúc, tất cả đều do nặng lòng chấp ngã, chấp pháp mà ra.

Trong thì chấp ngã, ngoài thì chấp pháp. Thậm chí những vật do mình tạo ra, cũng chấp chặt cho là thật của mình. Trong kinh thường gọi là chấp ngã và ngã sở. Nhưng chúng ta đừng quên rằng, cái ta còn không thật có, nói gì đến tài sản của cải ngoài thân ta. Nhớ lại, pháp cú 62 ở Phẩm Ngu, Phật dạy: "Đây là con ta; đây là tài sản ta, kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không thiệt có, huống là con ta hay tài sản ta"? Phật dạy như thế, nhưng tiếc thay! lòng tham dục của con người thật quá lớn không ngằn mé, họ muốn ôm hết cả vũ trụ vào lòng cũng chưa vừa ý. Tham mà không được thì nổi sân. Từ đó, nên nhơn loại mới gây ra bao thảm cảnh chiến tranh, khủng bố tàn sát lẫn nhau. Tất cả đều do lòng si mê chấp ngã, chấp pháp mà ra.

Muốn bớt đi lòng tham lam chấp ngã và chấp pháp này, Phật dạy chúng ta phải dùng trí huệ quán chiếu thật sâu vào lý duyên sinh vô ngã. Vì mọi vật trên đời, không có thứ gì tồn tại. Bám chặt ôm ấp mọi vật vào mình, cuối cùng, không được thứ gì cả! Nắm bắt vào sự vật khác nào như nắm bắt một làn hương, hay như ôm ấp một giấc mộng. Chúng ta nên nhớ rằng, các pháp hữu vi chỉ là huyễn ảo, bọt bóng, sương khói, khác nào như hoa đốm giữa hư không. Thế thì, bám chấp vào nó chỉ là làm một việc mò trăng dưới nước chỉ hoài công vô ích mà thôi! Do hằng để tâm quán chiếu như thế, thì cường độ của lòng tham lam sân hận của chúng ta sẽ giảm đi rất nhiều.

Là Phật tử, thiết nghĩ, chúng ta nên dâng lời Phật dạy, hằng ngày tập tu theo hạnh thiểu dục tri túc. Càng ít muốn biết đủ, thì thân tâm của chúng ta mới được an thoát nhẹ nhàng. Khi tâm được an thoát, thì mới hợp với lẽ đạo thanh tịnh, và chúng ta mới thực sự có hạnh phúc, nên Phật nói: "đó là đạo hạnh thanh tịnh".

280. Khi đáng nỗ lực không nỗ lực, thiếu niên cường tráng đã biếng lười, ý chí tiêu trầm và nhu nhược; kẻ biếng nhác ấy làm gì có trí để ngộ đạo! The idler who does not exert himself when he should, who though young and strong is full of sloth, with a mind full of vain thoughts – such an indolent man does not find the path to wisdom.

Kệ tụng

Khi cần không nỗ lực
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chí tiêu trầm, nhu nhược
Sao có trí ngộ đạo?
Lược giảng

Pháp cú này, đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Padhànakammika Tissa.

Theo truyện tích kể lại, có năm trăm thanh niên thành Xá Vệ theo Phật xuất gia, nhận đề tài thiền quán từ đức Phật và đi vào rừng. Trong số đó, có một thầy tỏ ra giải đãi, không lo tu, còn những vị khác thì nỗ lực tinh tấn tu hành, kết quả đều chứng quả A la hán. Còn thầy Tissa, vì lười biếng nên không chứng được gì.

Sau đó, các thầy trở về tinh xá bạch Phật về thành quả đạt được. Trên đường về, các thầy đi khất thực ngang qua một ngôi làng cách Xá Vệ một dặm, khi đó có một tín đồ mời các thầy ngày mai đến nhà để thí chủ đó cúng dường vật thực. Các thầy nhận lời. Về đến tinh xá, các thầy được đức Thế Tôn ân cần hỏi han về thành quả đạt được. Tất cả đều vui mừng. Chỉ có thầy Tissa không vui, vì thầy chưa chứng thánh quả. Do đó, thầy thầm nghĩ và quyết định ngay ngày hôm nay, ta phải nỗ lực gia công thiền định để được chứng quả. Có thế, thì Đức Thế Tôn mới tiếp xúc nói chuyện với ta.

Trong khi đó, các thầy khác bạch Phật về việc đã nhận lời thọ trai ở nhà một thí chủ. Sáng mai, các thầy sẽ lên đường. Nhưng rất tiếc, tối đêm hôm đó, thầy Tissa suốt đêm không ngủ, đi tới đi lui, cuối cùng, vì quá buồn ngủ nên thầy bị té nhằm một ghế đá, gãy chân, thầy kêu lên đau đớn. Các thầy khác mãi lo chăm sóc cho thầy Tissa, nên trễ nãi không đi đến nhà thí chủ thọ trai được.

Sau khi Phật hỏi và biết rõ duyên cớ, Phật nói: - “Này các Tỳ kheo, người nào không trỗi dậy đúng giờ, ý chí yếu ớt và lười biếng, người ấy không bao giờ phát triển thiền định và chứng thánh quả”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật dạy pháp cú này.

Lười biếng là kẻ thù của tinh tấn. Đó là hai phạm trù đối nghịch nhau. Dù trong đạo hay ngoài đời hay bất cứ ở vào đẳng cấp giai tầng nào, nếu thiếu đi đức tính tinh tấn, thì không thể nào đạt được kết quả thành công trong sự nghiệp. Sự nghiệp ở thế gian, dù hạng người nào, ai ai cũng muốn có công danh, quyền cao, chức trọng, nhà cao cửa rộng, đời sống giàu sang, lắm bạc nhiều tiền. Muốn thế, không phải ăn không ngồi rồi mà được, tất nhiên, người ta phải tranh thủ với thời gian mà gia công nỗ lực học hỏi hoặc làm việc không ngừng. Dù làm việc bằng khối óc hay chân tay, ai ai cũng phải tranh thủ tiếc nuối chạy đua theo thời gian.

Xưa kia, Nguyễn Công Trứ (1778- 1858) ông vừa là một nhà thơ cũng vừa là một nhà quan. Trên bước đường công danh sự nghiệp của ông, ông trải qua gặp nhiều nỗi gian truân lận đận lao đao, nhưng ông đã quyết chí vượt qua mọi chướng ngại để trở thành con người “kinh bang tế thế” và là một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam của tiền bán thế kỷ thứ 19. Trong số những bài thơ của ông có một bài mà ông đã nêu cao chí khí hùng tráng của kẻ làm trai. Bài thơ với danh đề là: “Chí Nam Nhi”.

Thông minh nhất nam tử
Yếu vi thiên hạ kì
Trót sanh ra thời phải có chi chi
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu?

Đố kị sá chi con tạo
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.
Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung
Làm cho rõ tu mi nam tử
Trong vũ trụ đã đành phận sự
Phải có danh mà đối với núi sông
Đi không chẳng lẽ về không
(Trích trong tập Thơ Văn Việt Nam Chọn Lọc, Nhà Xuất Bản Đồng Nai tr 49)
Sự nghiệp công danh ở thế gian chỉ là hư ảo, phù phiếm giả tạm, mà người ta còn phải lao tâm khổ tứ, cật lực siêng năng làm việc như thế, hà tất gì sự nghiệp ở trong đạo. Một sự nghiệp siêu xuất thế gian. Sự nghiệp của người xuất gia là phải nỗ lực tu hành đạt thành Phật quả. Đã thế, thử hỏi tu hành lơ là giải đãi, thì làm sao chúng ta thành tựu được đạo quả?

Qua câu chuyện lược dẫn trên, chứng minh cho ta thấy, thầy Tỳ kheo Tissa đã coi thường sự nghiệp tu chứng, nên thầy không chịu gia công nỗ lực thiền quán để gạn lọc khử trừ phiền não, trong khi đó, các thầy khác, thì lại gia công nỗ lực quyết chí tinh cần thiền định nên kết quả đã chứng quả A la hán.

Pháp cú trên, Phật đã nhấn mạnh và thức nhắc cho tuổi trẻ, với lứa tuổi thanh xuân trẻ trung căn tràn đầy nhựa sống, tinh thần minh mẫn, dồi dào năng lực, thế mà không lo siêng năng tu hành, gia công quán chiếu thiền định, đợi đến lúc già thân thể bạc nhược yếu đuối, thì thử hỏi làm sao có đủ tinh thần minh mẫn và thân thể tráng kiện để tinh tấn tu hành? Người tu, quan trọng nhứt là ở nơi ý chí. Nếu người có ý chí xung thiên, thì không có một trở ngại lực nào mà có thể ngăn cản được bước tiến hành đạo của họ. Chỉ sợ ý chí bạt nhược tiêu trầm, thiếu nhuệ khí cương quyết, gặp chướng ngại một chút là giải đãi, chùn bước thối chí nản lòng. Người như thế, thì Phật nói, không làm gì thành tựu được đạo nghiệp.

Lười biếng là con đẻ của trụy lạc, sa đọa. Đã thế, thì làm gì nói đến chuyện tồi phục tứ ma và ra khỏi lao ngục tam giới. Muốn ra khỏi ngôi nhà phiền não và lao tù ba cõi, tất nhiên, người xuất gia phải hằng chuyên cần tinh tấn, nỗ lực công phu thiền định, tịnh hóa thân tâm. Ngày đêm phải thường xuyên thúc liễm thân tâm, trao dồi giới đức, phản quan tự kỷ, nhìn rõ lại ở nơi chính mình. Có nhìn kỷ lại mình, chúng ta mới có thể kiểm nhận được từng vọng niệm dấy khởi, để mà hàng phục chúng.

Ở một tầng thấp, thì Phật dạy, người tu nên nuôi dưỡng niệm lành, tiêu trừ niệm ác, cố gắng gìn giữ đừng cho niệm ác sanh khởi. Do có niệm lành, nên chúng ta mới thể hiện ra ở nơi ba nghiệp lành. Ở một tầng cao hơn, thì Phật dạy, không nên nuôi dưỡng niệm nào cả. Vì niệm

lành hay niệm dữ, cả hai đều làm cho tâm ta bất an. Chỉ khi nào bặt dứt hết mọi vọng niệm lành dữ, thì khi ấy tâm thể ta mới thực sự được trong sáng an lạc thanh tịnh. Như thế, là ta đã thành công trên bước đường tu hành rồi vậy.

281. Thận trọng lời nói, kềm chế ý nghĩ, thân không làm ác, ba nghiệp thanh tịnh, là được đạo Thánh nhơn. Let a man be watchful of speech, well controlled in mind, and not commit evil in bodily action. Let him purify these three courses of action, and win the path made known by the Great Sage.

Kệ tụng

Ý điều, lời thận trọng
Thân không làm điều ác
Ba nghiệp nầy thanh tịnh
Chứng đạo thánh nhân dạy
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến một con quỷ đầu heo.

Theo truyện tích, một hôm thầy Mục kiền liên và thầy Lakkhana xuống núi Kỳ xà quật. Đến một chỗ nọ, bỗng nhiên, thầy Mục kiền liên mỉm cười. Thấy thế, thầy Lakkhana liền hỏi duyên cớ, thầy Mục kiền liên không trả lời và bảo khi đến trước đức Thế Tôn thì thầy mới nói.

Sau khi khất thực, cả hai đồng trở về tinh xá Trúc Lâm và ra mắt đức Phật. Khi ấy, thầy Lakkhana mới hỏi thầy Mục kiền liên về lý do khi nãy tại sao đang đi thầy cười? Bấy giờ, thầy Mục kiền liên trình bày về việc chính mắt thầy trông thấy một con quỷ hình thù to lớn cao gần một dặm, dáng người như đầu heo, trong miệng mọc ra một cái đuôi đầy dòi bọ lúc nhúc. Thật tôi chưa từng thấy hình thù một con vật nào kỳ quái như thế.

Qua lời tự thuật của thầy Mục kiền liên, đức Phật cũng xác chứng như thế. Trước kia, Ngài cũng đã từng thấy con quỷ này, khi Ngài còn ngồi dưới cây Bồ đề. Nhưng từ đó đến nay, đức Phật chưa từng nói với ai về việc đó. Bởi đức Phật sợ nói ra người ta không tin. Bây giờ, có Ngài Mục kiền liên đã thấy, nên đức Phật mới nói.

Nhân đó, đức Phật kể tiếp về tiền kiếp của con quỷ này. Phật nói, vào thời đức Phật Ca Diếp, có hai huynh đệ sống chung hòa thuận trong một tu viện. Cả hai đều trọng tuổi, một người 60 và người kia 59 tuổi. Sư đệ kính thờ hầu hạ sư huynh như một chú tiểu hầu thầy.

Hôm nọ, có một thầy giảng sư từ phương xa đến chỗ họ ở. Sau khi nghe pháp, cả hai đều tỏ ra tôn kính khoản đãi vị giảng sư đó rất mực. Và cả hai đều bày tỏ thỉnh vị giảng sư đó ở lại tu viện để giảng thuyết cho họ nghe. Hôm sau họ đưa vị khách đó vào làng khất thực.

Ngày kia, thấy vắng bóng hai người huynh đệ, mọi người mới hỏi vị khách đó và ông ta cho họ biết là hai người đó, họ có mối bất hòa, nên không đi khất thực. Mọi người không tin. Thực tế, thì hai người đang âm thầm hờn giận ganh tỵ trách móc với nhau vì sự có mặt của vị

giảng sư đó. Sư huynh nghi ngờ sư đệ cho rằng, sư đệ nói xấu và còn bảo người khách đó đừng liên hệ với ông ta. Ngược lại, thì người sư đệ cũng âm thầm nghĩ thế.

Trải qua một thời gian rất lâu xa, tình cờ hai người gặp lại nhau trong một tu viện và lại ở chung một phòng. Nhân đó, hai người mới giải bày với nhau về việc huynh đệ bất hòa. Vở lẽ ra, hai người mới biết là mắc phải mưu kế ly gián của vị giảng sư kia. Mục đích là để cho hai huynh đệ giận hờn nhau rồi bỏ đi để ông ta chiếm cứ tu viện. Khi biết rõ sự tình, hai huynh đệ trở về tu viện cũ và vạch trần âm mưu của vị giảng sư đó. Hai huynh đệ lập tức trục xuất vị giảng sư đó ra khỏi tu viện. Sau khi chết, vị giảng sư đó rơi vào địa ngục A tỳ. Mãn kiếp địa ngục, bây giờ, ông ta phải mang thân hình con quỷ khổ sở như thế. Sau khi kể xong câu chuyện, đức Phật khuyến giáo:

- Này các Tỳ kheo, vị Sa môn phải từ hòa trong tư tưởng, ngôn ngữ và hành động. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật liền dạy pháp cú này.

Đọc qua pháp cú trên, ta thấy đức Phật đã nhấn mạnh khuyến giáo mọi người nên thận trọng gìn giữ ở nơi ba nghiệp. Những pháp cú ở tập một và tập hai (tạm phân chia) mà chúng ta đã có dịp đọc qua, chúng ta thấy đức Phật hay lặp đi lặp lại nhiều lần về vấn đề gìn giữ ở nơi ba nghiệp này. Tại sao Phật phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế? Bởi vì sự tu hành, dù xuất gia hay tại gia việc đầu tiên, là phải gìn giữ cẩn thận ở nơi ba nghiệp. Tội hay phước cũng từ đó mà ra. Trong ba nghiệp: thân, khẩu, ý, thì ai cũng biết, ý nghiệp là chủ động tạo tác. Hai nghiệp kia, đều do ý nghiệp sai sử mà nói năng hoặc hành động. Do đó, ý nghiệp công cũng lớn mà tội cũng nặng. Bởi tất cả khổ vui đều do nó dẫn đầu tạo tác.

Pháp cú trên, đầu tiên, Phật dạy chúng ta phải thận trọng ở nơi lời nói. Vì lời nói có tác dụng qua hai phương diện: lợi và hại. Về mặt lợi, thì Phật dạy chúng ta phải dùng ái ngữ khi phát ngôn. Ái ngữ là những lời nói êm dịu, ngọt ngào, hòa nhã, ai nghe cũng thích. Suốt cuộc đời hành hóa của đức Phật bao giờ và lúc nào, Ngài cũng dùng những lời ái ngữ và chân thật ngữ để khuyến giáo chúng sanh. Nhờ đó, mà chúng sanh được thấm nhuần lời dạy của Ngài nên họ được lợi lạc rất lớn.

Về mặt hại, thì Phật dạy chúng ta không nên dùng những lời quái ác ngữ. Đây là thứ ngôn ngữ gây ra tổn hại cho mình và người, nói rộng ra là cho cả quốc gia và xã hội rất lớn. Một lời nói có thể gây ra nước mất nhà tan. Một lời nói có thể gây ra sự bất hòa, cốt nhục tương tàn, người thân ly tán. Một lời nói làm cho gia đình mất hạnh phúc, gây ra đổ vỡ tan nát. Chỉ vì một lời ác ngữ mà tình thân trở thành thù hận và có thể chém giết nhau. Về mặt hại của những lời nói quái ác ngữ, thật không biết nói sao cho hết. Chính vì thế, mà Phật khuyên chúng ta nên thận trọng ở nơi lời nói.

Cổ nhân cũng thường khuyên: “một câu nói ngay bằng làm chay cả tháng”. Hay “nọc người bằng mười nọc rắn”. Vì nọc rắn tuy rất độc hại, nhưng dù sao nó cũng chỉ giết chết có một mạng người thôi. Còn lời nói ác độc, có thể giết chết không biết bao nhiêu mạng người. Nhứt là những lời nói mang tính ly gián hại người. Tục ngữ có câu: “gươm hai lưỡi miệng trăm hình”. Gươm dù có sắc bén đến đâu, cũng chỉ có hai lưỡi thôi, còn cái lưỡi của con người thì nó uốn ra thiên hình vạn trạng. Nó uốn chiều nào cũng được hết. Phần nhiều là nó thích uốn cong theo chiều hại người, hại vật. Thật là ghê gớm cho cái lưỡi không xương, nhiều đường lắt léo. Bởi vậy, các bậc cổ đức thường nói: “cái

miệng nó đốt cháy hết mọi công đức". Thế nên, người khéo biết tu, họ luôn luôn cẩn thận gìn giữ ở nơi lời nói. Họ bắt chước học theo người xưa: "phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói". Nhờ thế, nên họ có nhiều phước đức ở nơi cái miệng.

Qua câu chuyện lược dẫn trên chứng minh cho ta thấy, một hậu quả tai hại rất lớn của lời nói ly gián, gây chia rẽ. Vị giảng sư kia, vì có ác ý tham vọng muốn chiếm cứ tu viện cho riêng mình, nên bất chấp thủ đoạn gian ác là dùng lời nói gây ra ly gián chia rẽ giữa hai huynh đệ. Người ta đối xử tử tế tốt với mình, mà mình lại nhẫn tâm gây ra sự xích mích làm cho tình thân của hai huynh đệ người ta, đang thân thương lại trở nên thù hận ganh ghét nhau. Như thế, thì thử hỏi đạo đức và nhân cách của người xuất gia ở chỗ nào? Rất may! cuối cùng, cả hai huynh đệ còn chút tỉnh giác phát hiện ra được cái âm mưu gây chia rẽ của vị thầy kia. Chừng đó, cả hai mới biết là mình đã mắc bẫy.

Ngẫm lại, thời nay, cũng có nhiều tay gian ác như vị giảng sư kia. Đã mang danh là một vị giảng sư, được mọi người kính trọng nể nang, nhưng thực chất thì không xứng đáng với danh nghĩa đang mang chút nào. Thế mới biết, chiếc áo không làm nên thầy tu. Nhìn đánh giá bề ngoài, coi chừng chúng ta dễ bị mắc mưu phỉnh phờ lường gạt. Cũng may cho hai huynh đệ kia, còn phát giác ra được là mình đã mắc bẫy, nên cuối cùng cả hai người hóa giải được hận thù ganh ghét và đã nối kết lại tình huynh đệ như xưa. Cả hai huynh đệ cùng nhau trở về tu viện cũ sống chung hòa thuận lại êm đẹp như ngày nào.

Đó là một bài học chua cay của tình huynh đệ. Đây là bài học mà hai huynh đệ phải trả một cái giá rất đắt. Bài học này, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên nằm lòng để tránh đi cái hậu quả gây ra sứt mẻ tình huynh đệ. Ngoài đời hay trong đạo, thời nào cũng có những hạng người gian ác giả đạo đức bề ngoài để dễ bề thọc gậy bánh xe, gây chia rẽ làm cho nội bộ xáo trộn bất an. Đây là hạng người thật ác độc nguy hiểm, mà chúng ta cần phải để ý đến họ. Muốn được yên thân, tuyệt đối, chúng ta không nên lân cận thân mật với hạng người nham hiểm ác độc này.

Tiếp theo Phật dạy, phải kiềm chế ý nghĩ. Điều này mới thật là khó. Kềm giữ ở nơi cái miệng đã là khó lắm rồi, huống chi phật dạy phải kiềm chế ở nơi ý nghĩ. Vì ý thức là thứ vô hình, nó luôn luôn biến đổi từng sát na. Tuy nó vô hình, nhưng nó có quyền uy rất lớn. Nó ra lệnh sai khiến cái miệng và cái thân phải làm theo sự điều khiển của nó. Nó nghĩ tốt, thì nó giục cái miệng nói ra điều lành, thân làm việc lành. Ngược lại, khi nó nghĩ điều bất thiện, thì nó khiến cho cái miệng và cái thân cũng làm điều bất thiện. Cho nên, người tu muốn được an vui hạnh phúc, Phật dạy chúng ta phải thường xuyên gìn giữ thật cẩn trọng ở nơi ý nghiệp. Xét về chú ý này, theo các nhà Duy Thức phân định giả lập, thì nó cũng có hai mặt: lợi và hại.

Về mặt lợi, thì nó suy tính những điều hay lẽ phải, làm lợi ích cho chúng sanh. Nghiệp dụng của nó về mặt lợi, thì nó có công năng chận đứng những điều suy nghĩ sái quấy, tổn mình hại người. Những công trình vĩ đại, những phát minh đủ các loại kỹ thuật máy móc, mọi ngành nghề, nói chung, là mọi thứ tiện lợi nhu cầu thiết yếu của đời sống, tất cả đều do sự suy tư của ý thức tạo nên. Nhờ đó, mà nhơn loại mới có được một

đời sống đầy đủ tiện nghi vật chất sung túc thoải mái.

Về mặt hại, thì nó mưu tính toàn là những chuyện hại người hại vật. Nó có nhiều thủ đoạn gian ác. Nó bất chấp dư luận khen chê. Nó toan tính miễn sao có lợi thì làm, ai chết mặc ai. Nó đồng lỏa với tội ác. Nó không có tình thương đồng loại. Thế giới loài người hiện nay, sống trong đảo điên thác loạn bất an, tất cả đều do nó gây ra. Nó là kẻ khuấy động chiến tranh gây ra lắm cảnh tang thương chết chóc. Nó không có một chút từ tâm. Nói tóm lại, đứng về mặt gây ra họa hại hay tội ác của ý thức, thì không có bút mực nào tả xiết. Ngược lại, đứng về mặt lợi tạo ra nhiều điều lợi lạc cho nhơn sinh, thì ý thức có công đóng góp rất lớn lao. Luận

về công và tội của ý thức, các nhà Duy Thức Học cho rằng: “Công vi thủ, tội vi khôi”. Nghĩa là luận về công trạng thì nó đứng đầu, còn nói về tội ác, thì nó cũng rất lớn.

Phật bảo chúng ta kềm chế ý nghiệp, tất nhiên phải gìn giữ thận trọng về mặt hại của nó. Đừng cho nó suy tính những điều chỉ biết lợi mình mà hại người, hại vật. Còn nó suy tính những điều lợi mình, lợi người, lợi vật, thì Phật khuyên chúng ta nên tích cực phát triển để làm lợi ích cho chúng sanh. Chớ không phải kềm chế không cho nó suy tính gì cả. Làm sao không cho nó suy tính cho được? Nên nhớ, ở đây Phật dạy chúng ta tu ở nơi ba nghiệp. Nghĩa là không làm các điều ác, nhưng nên làm các điều lành. Nhờ đó mà chúng ta mới có được an lạc hạnh phúc.

Kế tiếp, Phật dạy: “thân không làm ác”. Đây là gìn giữ ở nơi thân nghiệp. Về thân nghiệp, thì chúng ta phải gìn giữ không cho nó làm những điều bất chánh, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Người Phật tử giữ được ba điều này là làm cho thân được thanh tịnh. Người biết tu, không nên vì cung phụng dung dưỡng cho thân sung sướng quá mà gây ra lắm điều tội ác. Hễ gây nhân ác, thì phải trả quả báo ác. Do đó, người Phật tử dù xuất gia hay tại gia, Phật khuyên chúng ta nên thận trọng gìn giữ ở nơi thân nghiệp này.

Tóm lại, Phật dạy người Phật tử tu ở nơi ba nghiệp, mới nghe qua chúng ta cho là thường. Đôi khi chúng ta còn không để ý đến. Nghe thì thường đấy, nhưng thật hành đúng theo lời Phật dạy trên, thật không phải là chuyện dễ dàng. Nhiều khi chúng ta luận giải những điều triết lý sâu xa, nhưng nhìn lại ở nơi ba nghiệp của chúng ta thì chưa có sửa đổi được một chút nào. Đó là điều rất hổ thẹn. Thường chúng ta hay bị vướng mắc phải cái bệnh:

Đầu mồm nói suốt trăm phần diệu Dưới gót không ly một điểm trần.

Thật ra, nếu chúng ta gìn giữ ở nơi ba nghiệp một cách cẩn thận đừng để cho sai phạm, thì bảo đảm đời tu của chúng ta sẽ được lợi lạc hạnh phúc rất lớn và chúng ta sẽ giải thoát ngay trong hiện tại. Thề nên, kết luận của pháp cú trên, Phật nói: “ba nghiệp thanh tịnh là được đạo thánh nhơn”. Chỗ khác cũng nói: “ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương”. Như vậy, không cần tu đâu xa, chúng ta chỉ cần thiết thiệt hành trì ở nơi ba nghiệp, thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được đạo quả cao thượng vậy.

282. Tu Du già thì trí phát, bỏ Du già thì tuệ tiêu. Biết rõ hai lẽ nầy thế nào là đắc thất, rồi nỗ lực thực hành, sẽ tăng trưởng trí tuệ. Wisdom springs from meditation; without meditation wisdom wanes. Having known these two paths of progress and decline, let a man so conduct himself that his wisdom may increase.

Kệ tụng

Tu thiền trí huệ sanh
Bỏ thiền trí huệ diệt
Biết con đường hai ngã
Hướng đến lợi và hại
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí huệ trưởng tăng.
Chú thích Du già: (yoga) tức là định. Đây là thuật luyện khí của Ấn Độ, gần giống như thuật luyện khí của Đạo Tiên.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Pothila.

Theo truyện tích, Trưởng lão Pothila lão thông Tam tạng trong thời đại của bảy đức Phật, là bậc thầy giáo thọ dạy cho năm trăm thầy Tỳ kheo. Tuy là giáo thọ, nhưng lậu hoặc của thầy chưa dứt sạch. Do đó, Phật muốn khuyến khích cho ông mau chấm dứt lậu hoặc, bằng cách gọi ông là Pothila rỗng. Nghe thế, ông tự hỏi: tại sao Phật lại gọi mình như thế? Phật thừa biết mình là người thông thuộc Tam tạng và là vị giáo thọ dạy đồ chúng. Thế thì, tại sao Phật lại gọi mình rỗng? Có lẽ tại vì mình chưa phát triển chánh định, nên Ngài gọi mình như thế chăng. Nghĩ thế, ông quyết định vào rừng tu tập thiền định. Khi vào trong rừng, Ngài lần lượt đi qua từng vị Tỳ kheo để xin thụ huấn, nhưng tất cả đều từ chối, vì họ biết ông là người đương kim giáo thọ. Cuối cùng, ông phải đến hạ mình với một chú Sa di bảy tuổi để cầu học. Vị Sa di từ chối. Ông kiên nhẫn năn nĩ cho kỳ được. Cuối cùng, Chú Sa di bảo ông hãy nhảy xuống ao để cả y áo, không được cởi ra. Xong rồi bảo lên và đến bên chú.

Bấy giờ, chú Sa di mới nói cho ông nghe: giả sử có một con tắc kè chui vào hang, cái hang có sáu cửa, muốn bắt nó, tất nhiên phải đóng bít lại năm cửa, chỉ chừa một cửa là sẽ bắt được con tắc kè. Cũng thế, ngài nên đóng hết năm căn và tập trung vào ý căn, thì chắc chắn ngài sẽ đạt được như ý muốn.

Pothila thông minh hiểu ý, soi sáng được vấn đề, không chút ngần ngại, ông tập trung tư tưởng quán sát thân mình và bắt đầu thiền định. Đức Phật ở cách xa một trăm hai mươi dặm, biết rằng Tôn giả sẽ trở nên bậc đại trí huệ, chứng quả A la hán, Ngài liền hóa hiện trước Tôn giả và nói pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, Phật chú trọng đến vấn đề người tu hành cần phải phát huy làm cho tăng trưởng trí huệ. Theo giáo lý Nguyên Thủy, hành giả muốn có trí huệ, tất phải qua cửa ngỏ thiền định. Vì thế, các vị đệ tử xuất gia thời Phật rất chú trọng đến vấn đề thiền định. Vì có định mới phát sanh trí huệ.

Chuyện lược dẫn trên cho chúng ta thấy rằng, thầy Pothila là người suốt thông Tam tạng, lại là một vị giáo thọ giảng dạy cho năm trăm đồ chúng. Thế mà Phật vẫn cho thầy là người rỗng tuếch. Chữ rỗng mà Phật nói ở đây, tất nhiên, không phải rỗng về chữ nghĩa, mà rỗng, vì thầy Pothila chưa dứt hết lậu hoặc. Do đó, bằng mọi cách Phật khuyến khích cho thầy phải nỗ lực thật hành sâu vào thiền định mới phát sanh trí huệ. Học nhiều hiểu rộng, đứng về mặt học thuật nghiên cứu thì hay, nhưng đứng về mặt giải thoát khỏi vòng sanh tử khổ đau, thì nó vẫn còn dậm chân tại chỗ. Bởi thế, trong đạo Phật không chú trọng nhiều về mặt học thuật, mà rất chú trọng về mặt thật hành. Nói thế, để thấy rằng, học thuật chỉ là bổ túc cho sự tu, mà tu mới là điều quan trọng chính yếu.

Người xưa nói: "học mà không tu là đãi sách, tu mà không học là tu mù". Lời dạy thức nhắc này rất quan trọng cho những ai hiện đang tu học Phật. Câu nói đó, rõ ràng là có sự hài hòa bổ túc cho nhau rất là thiết yếu. Nếu chỉ biết thiên trọng về một bên, chỉ học không hay tu không, cả hai đều bất lợi. Vì chỉ có học không, thì có khác nào như thầy Pothila. Nghĩa là phiền não lậu hoặc vẫn còn nguyên vẹn. Đã thế, thì làm sao giải thoát? Và nếu chỉ biết một bề tu không

mà không học, thì có khác nào như kẻ mù mò mẫm đi trong đêm tối dày đặc. Học, dụ như người có đôi mắt sáng. Tu, dụ như người có cặp chân mạnh. Mắt sáng là để nhìn xa thấy rộng, tránh được những thứ chông gai, hầm hố nguy hiểm. Chân mạnh là để dũng bước hành trì đúng theo chân lý do nhãn quan trí huệ chỉ đạo.

Như vậy, đôi mắt sáng, dụ như trí huệ sáng suốt. Trí huệ thật tối ư quan trọng trong khi ứng dụng tu hành. Người tu thiếu trí huệ, thì làm sao biện biệt được lẽ chánh tà chân giả? Thế nên, chúng ta cần phải dung hòa cả hai, thì sự tu hành của chúng ta mới được kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, trong đạo Phật bao giờ cũng đặt nặng phần thật hành hơn là phần lý thuyết. Dù lý thuyết dở, nhưng thật hành hay, thì cũng mau tới đích mà mình đã nhắm tới. Dù học ít, nhưng chúng ta cố gắng gia công nỗ lực hành trì đúng theo những gì mà mình đã học hỏi, thì thiết nghĩ, cũng đem lại cho chúng ta rất nhiều lợi lạc.

Ngược lại, nếu chúng ta học giỏi, chỉ biết nói lý thuyết rỗng suông, mà không thật hành, thì có khác nào là kẻ chỉ biết quảng cáo rao hàng giỏi mà thôi. Tệ hơn nữa, chỉ là kẻ bày ra những trò xảo quyệt hý luận để cho mọi người mua vui giải trí. Thực chất, thì chẳng có lợi ích gì! Người xuất gia tu học, phải là người có chứng nghiệm chân lý. Nghĩa là phải có thật hành qua, trước khi ra giảng dạy. Bởi thế, những vị xuất gia tu hành, người ta thường gọi các ngài là hành giả, chớ không ai gọi các ngài là học giả. Thế nên, người tu theo đạo Phật, cần phải hội đủ hai yếu tố căn bản là: "tri hành hợp nhứt" vậy.

283. Hãy đốn rừng dục vọng, chớ đốn cây thọ lâm; từ rừng dục vọng sinh sợ, hãy thoát ngoài rừng dục. Cut down the forest (lust), but not the tree; from the forest springs fear. Having cut down the forest and the under-brush (desire), be passionless, O monks!

Kệ tụng

Đốn rừng không đốn cây
Từ rừng sinh sợ hãi
Đốn rừng và củi gỗ
Tỳ kheo hãy thoát ly
284. Sợi dây tình giữa trai gái chưa dứt, thì tâm còn bị buộc ràng như bò con chẳng rời vú mẹ. For so long as the underbrush of desire, even the most subtle, of a man towards a woman is not cut down, his mind is in bondage, like the sucking calf to its mother.

Kệ tụng

Khi nào chưa dứt sạch
Giây tình giữa gái trai
Tâm ý vẫn buộc ràng
Như bò con vú mẹ.
Hai pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một số các Tỳ kheo già.

Theo truyện tích, có một số đại phú gia quyền thế ở thành Xá Vệ, họ kết thân với nhau và làm nhiều việc từ thiện. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, họ đều xin Phật xuất gia, gia nhập vào Tăng đoàn, sống đời phạm hạnh. Vì trọng tuổi, không thể học thuộc kinh kệ, nên tất cả xin Phật cất thảo am ngoài tu viện và chung sống với nhau. Vì là những người già nua đã có gia đình mới đi xuất gia, nên họ chỉ về gia đình khất thực, chớ không có đi khất thực ở những nơi khác. Trong số các bà thí chủ, có một bà tên là Madhurapàcikà. Bà nữ thí chủ này rất tử tế thường hay dâng cúng vật thực cho các thầy.

Một hôm bà ngã bệnh rồi qua đời. Hay tin đó, các thầy Tỳ kheo già này khóc lóc bày tỏ rất là thương tiếc. Nghe tiếng khóc than bi lụy, các Tỳ kheo khác chạy đến, hỏi duyên do vì sao? Họ nói rằng, bà nữ thí chủ Madhurapàcikà đã chết, bà ấy rất tử tế tốt bụng, không dễ gì kiếm được một bà như thế. Nghe kể xong, các thầy Tỳ kheo bàn tán với nhau về chuyện đó ở pháp đường. Phật hỏi lý do vì sao? Các thầy thuật lại. Nhân đó, đức Phật dạy: - Đây không phải lần đầu họ làm như vậy. Đời quá khứ cũng đã xảy ra chuyện này. Phật kể tiếp chuyện quá khứ. Trong thời quá khứ, họ là một đàn quạ. Và bà nữ thí chủ là một con quạ cái, khi bay qua bờ biển nó bị sóng cuốn và nhận chìm, cả đàn kêu khóc, và tìm cách dùng mỏ tát nước biển để cứu bà quạ. Rốt cuộc cả đàn đều mệt mỏi vô ích. Kể xong, Phật lại dạy tiếp: - Này các Tỳ kheo! Khi nào còn rừng rậm tham, sân, si, các ông còn chịu đau khổ. Hãy đốn ngã rừng cây ấy các ông mới được giải thoát. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật nói hai pháp cú trên.

Đọc qua hai pháp cú trên, Phật nêu ra cho chúng ta thấy hai hình ảnh cụ thể: “rừng dục vọng và trâu con còn bú sữa”. Khi nói đến rừng, chúng ta liền nghĩ ngay đến nhiều cây cối um tùm đan nhau rậm rạp. Pháp cú 283, Phật mượn hình ảnh rừng cây, để nói lên lòng tham dục, sân hận và si mê của con người không thể đo lường được. Rừng có nhiều loại cây, lòng con người cũng có nhiều dục vọng phiền não. Sự so sánh này, tuy là gượng ép, bởi rừng dù rộng lớn nhiều cây, nhưng nó vẫn có hình tướng. Còn lòng tham dục của con người thì không có giới hạn ngằn mé. Nhưng ở đây, Phật muốn dùng

hình ảnh cụ thể hóa để làm thí dụ cho chúng ta dễ hiểu. Nương dụ để hiểu pháp, đó là thái độ khôn khéo của người học Phật.

Lòng dục vọng của con người, tuy vô hình, nhưng nó có một sức mạnh rất mãnh liệt. Đó là một năng lượng rất lớn, có thể gây ra nhiều tác hại, khi nó được thể hiện ra bằng hành động. Rừng cây dù có nhiều và rộng lớn đến đâu, người ta cũng có thể chặt đốn hết, nhưng còn lòng tham dục, nói rõ ra là Tam Độc (tham, sân, si) biết đến bao giờ người ta mới thực sự đốn sạch nó đây!

Đức Phật bảo chúng ta nên "đốn rừng dục vọng, chớ không nên đốn cây thọ lâm". Rõ ràng, là Phật chỉ cho chúng ta tu ở nơi cái gốc. Gốc không lo chặt đốn, đốn ngọn làm gì? Dục vọng là cái gốc rễ, gây ra cho chúng ta đau khổ, thì chúng ta hãy mau lo đoạn trừ. Cũng như muốn hết bệnh, thì chúng ta cần phải tiêu diệt vi trùng gây ra bệnh. Có thế, thì bệnh mới hết. Cũng thế, có đoạn trừ lòng dục vọng, thì chúng ta mới chấm dứt khổ đau.

Hiện trạng của xã hội loài người hiện nay, đang trên đà tiến sâu vào ngỏ cụt khổ đau vô lối thoát, bởi hiện tướng của ba thứ độc tố nói trên, càng ngày chúng càng hoành hành đột phá dữ dội. Nếu nhơn loại không chịu tìm phương cách hạn chế làm giảm bớt ngọn lửa tham dục này, thì tương lai không biết đời sống của nhơn loại sẽ ra sao và đi về đâu?! Đó là những nỗi băn khoăn ưu tư cho thân phận của kiếp làm người. Biết rõ nguyên nhân gây ra đau khổ cho chúng ta, tất nhiên, mỗi người cần phải có quyết tâm tiêu diệt cái nguyên nhân đó. Biết rõ căn nguyên gây ra bệnh trạng, thì chúng ta phải kíp mau chữa trị, chớ không phải biết bệnh để rồi ngồi đó khóc than vô ích. Chỉ có những kẻ si mê mới làm như thế mà thôi!

Pháp cú 284, Phật dạy rất rõ về những sợi giây tình ái buộc ràng giữa tình yêu nam nữ. Nếu không chặt đứt được sợi giây tình ái này, thì chẳng khác nào như con trâu con đeo theo bú sữa mẹ không lúc nào rời ra. Phật nêu ra hình ảnh cụ thể này, để nói lên lòng ái dục của con người rất sâu nặng trong tình yêu thương nam nữ, cũng như lòng tham đắm ái nhiễm ở nơi ngũ dục lục trần. Nói về tình dục ái của nam nữ, và sự trói buộc hệ lụy khổ đau của nó, thì tục ngữ dân gian Việt Nam có câu: "tu là cội phúc, tình là giây oan". Vẫn biết nó là thứ giây oan, trói buộc con người không những một đời mà còn trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, nhưng người ta vẫn không thoát khỏi. Nói theo nhà thơ Xuân Diệu thì: "yêu là chết trong lòng một ít", dù có chết đó, nhưng thử hỏi có mấy ai thoát khỏi lưới tình?

Ta nên biết rằng, ở đây, Phật muốn nhấn mạnh về khía cạnh giải thoát, vượt ngoài vòng cương tỏa trói buộc. Còn đứng về phương diện nghiệp lực truyền chủng nòi giống thì có khác. Tình yêu giữa nam nữ là một thứ tình yêu đã được xã hội loài người đặt định trong việc kết hợp tạo lập gia đình để sanh con đẻ cái trong mối giây liên hệ truyền chủng không cho đoạn tuyệt. Do đó, đã mang nghiệp người, tất nhiên, khó có mấy ai thoát khỏi, ngoại trừ những bậc tu hành chơn chánh, sống đơn độc, vì các ngài muốn thoát ly sanh tử khổ đau.

285. Tự mình dứt hết ái dục như lấy tay bẻ cành sen thu, siêng tu đạo tịch tịnh. Đó là Niết bàn mà đức Thiện Thệ đã truyền dạy. Cut off your affection in the manner a man plucks with his hand an autumn lotus. Cultivate only the path to peace, Nibbana, as made known by the Exalted One.

Kệ tụng

Tự cắt giây tình ái
Như tay bẻ sen thu
Hãy tu đạo tịch tịnh
Niết bàn Thiện Thệ dạy
Chú thích

Thiện Thệ: là khéo vượt qua biển sanh tử đến Niết bàn. Thiện Thệ là một trong mười hiệu Phật. Mười hiệu Phật gồn có: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo đệ tử của ngài Xá lợi phất.

Theo truyện tích, ngài Xá lợi Phất có một đệ tử xuất gia, là một chàng thanh niên tuấn tú con nhà thợ bạc. Vì biết vị đệ tử của mình có lòng tham dục rất mạnh, nên Tôn giả bảo thầy phải luôn thiền quán đề mục: “quán bất tịnh”. Vâng lời sư phụ dạy, thầy đi sâu vào rừng để tịnh tu. Trải qua hơn một tháng, nhưng vẫn không có tiến bộ. Thầy trở về trình cho sư phụ biết rõ duyên cớ. Sư phụ khuyên bảo cố gắng thực tập thêm. Nhưng trải qua hơn ba tháng thực tập thiền quán nữa, thầy cũng vẫn không thấy có tiến bộ chút nào. Dù thầy là người có trí tuệ rất nhạy bén, nhưng không hiểu tại sao lại thực tập không thành công?

Đương nhiên, vị sư phụ phải suy nghĩ tìm cách giúp đỡ cho người đệ tử của mình. Sau khi suy nghĩ, thầy trò mới đến bạch trình với đức phật. Phật quán biết cái căn cơ của thầy này không thích hợp về đề mục quán bất tịnh. Vì thầy đã trải qua nhiều đời làm nghề thợ bạc. Do đó, Phật dạy hãy thiền quán về hoa sen. Thầy bẻ một hoa sen ở dưới hồ rồi đem lên cấm sâu vào trong đống cát. Phật dạy thầy hãy tập trung tư tưởng thiền quán sâu vào đóa sen đó. Thiền quán giữa đóa sen dưới nước và đóa sen trên cát, khác nhau như thế nào? Dĩ nhiên đóa sen dưới nước tươi tắn và đóa sen trên cát thì khô héo tàn tạ dần.

Nhờ Phật dạy hợp cơ cảnh thiền quán đúng cách, nên thầy đã thấy rõ được lý vô thường, khổ, vô ngã, của vạn pháp. Sau khi biết thầy đã được kết quả, tâm trở nên thanh tịnh, sạch hết các lậu hoặc, Phật liền hiện thân đến trước mặt thầy và nói pháp cú trên. Nghe xong, thầy chứng quả A la hán. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, Phật dạy rất rõ: “tự mình dứt hết ái tình, như lấy tay bẻ cành sen thu; siêng tu đạo tịch tịnh”. Một người khi đã không còn một niệm luyến ái, thì ngay đó đã là giải thoát rồi. Bởi ái nhiễm là nhân tố gây cho chúng sanh chìm đắm trong biển đời sanh tử. Dứt hết ái nhiễm là tâm ta trở nên thanh tịnh. Mà thanh tịnh là hạnh phúc, là Niết bàn. Khác nào như chúng ta bẻ một cành sen thu. Vì sen là tiêu biểu cho đức tánh thanh tịnh, không nhiễm ô. Đến đây, hành giả thực sự an vui giải thoát như hoa sen vượt khỏi bùn nhơ khoe hương khoe sắc cùng với đất trời. Muốn được thế, hành giả phải gia công nỗ lực siêng tu đạo tịch tịnh. Tức phải thanh tịnh hóa ở nơi ba nghiệp. Có thế, thì mới thực sự nếm được mùi vị pháp hỷ sung mãn, hay đã thực sự đạt đến quả vị Niết bàn an lạc.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, ta thấy, ngài Xá lợi Phất đã dạy cho người đệ tử của mình không đúng pháp môn phù hợp căn cơ. Do đó, mà sự thật hành của thầy không đạt được kết quả. Vì tập khí của người đệ tử chuyên sống hành nghề thợ bạc, nên thầy thích những gì đẹp đẽ. Nay, gặp sư phụ lại dạy bảo phải quán bất tịnh, nên quán hoài mà không tiến bộ.

Sau khi bạch trình đức Phật, Phật biết rõ căn cơ, tập khí của vị thầy đó nên Ngài dạy thay đổi cách quán. Ngài bảo phải thiền quán về đóa hoa sen. Ứng dụng thật hành theo phép quán đối tượng này, thầy đã đạt được kết quả tốt đẹp.

Hoa sen vừa có màu sắc tươi đẹp, đồng thời cũng vừa nói lên đặc tính không nhiễm ô. Tuy thế, hoa sen vẫn là một sắc tướng, tất nhiên, nó phải bị vô thường sanh diệt. Thiền quán sâu vào đóa hoa sen, thầy đã thấy rõ sự giả hợp hình thành của nó là do duyên khởi. Thấy được lý duyên sinh, là thấy được đạo lý giải thoát. Vì tất cả muôn pháp do duyên hợp giả có, thực thể của nó là không. Do đó, mà thầy không còn tham đắm bám chấp vào sự vật, nên mọi lậu hoặc phiền não bặt dứt. Đến đây, thầy đã thực sự đạt đến cảnh giới Niết bàn.

Qua đó, cho ta thấy, chọn lựa một pháp môn thích hợp căn tánh và sở thích của mình để tu hành thật hết sức quan trọng. Ngay như ngài Xá lợi phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn, mà ngài còn không thể thấu suốt căn cơ, tập khí lâu đời của người đệ tử, nên dạy pháp tu không đúng cách, thích hợp. Do đó mà sự thật hành của vị đệ tử không có kết quả. Đối với thời nay, thử hỏi có mấy ai được như ngài Xá lợi phất? Do đó, nên sự dạy đệ tử thật hành cho đúng pháp hợp cơ, thật là khó khăn. Vì vậy, khi chọn pháp môn tu ta phải cẩn thận lựa chọn cho mình một pháp môn thích hợp. Nếu thấy pháp môn mình đang tu, mà thật hành lâu ngày không thấy có tiến bộ kết quả, thì ta nên biết rằng, đó là ta đã chọn lựa một pháp môn sai rồi. Thế nên, ta cần phải thay đổi điều chỉnh lại. Đó là quyền quyết định chọn lựa của chúng ta.

Ngoài sự chọn lựa pháp môn tu cho thích hợp căn cơ trình độ của chúng ta ra, đối với sự chọn lựa bậc thầy để nương tựa học hỏi tu hành cũng khá quan trọng. Nếu chúng ta chọn thầy hướng dẫn chỉ dạy ta đúng theo chánh pháp, thì sự tu hành của chúng ta mới có tiến bộ giác ngộ giải thoát. Ngược lại, nếu không may chúng ta lại nương tựa một vị thầy không thông hiểu Phật pháp lại thêm có hạt giống tà ngoại, thì sự tu hành

của chúng ta chẳng những không có lợi lạc mà còn có nguy cơ rơi vào con đường tà kiến. Kết quả là ta sẽ đi lạc hướng chánh pháp và cuối cùng phải lãnh lấy quả báo khổ đau. Thế nên, là Phật tử chúng ta nên sáng suốt hết sức thận trọng khi chọn thầy, chọn bạn, chọn pháp môn tu cho thích hợp đúng theo chánh pháp và nhứt là phải phù hợp với căn cơ của chúng ta. Có thế, thì sự tu học của chúng ta mới mong thành tựu đạt được kết quả tốt đẹp vậy.

286. “Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ, ta cũng ở đây”, đấy là tâm tưởng của hạng người ngu si, không tự giác những gì nguy hiểm. “Here shall I live during the rains, here in winter and summer” – thus thinks the fool. He does not realize the danger (that death might intervene).

Kệ tụng

“Mùa mưa ta ở đây
Đông hạ cũng ở đây”
Người ngu tâm tưởng vậy
Không tự giác hiểm nguy.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến đại phú thương Mahàdhana.

Theo truyện tích, Mahàdhana cùng đoàn xe năm trăm chiếc chất đầy vải nhuộm đỏ, từ thành Ba la nại đem đi bán. Khi về Xá Vệ, ông dừng lại bên bờ sông và nhủ thầm: “ngày mai ta sẽ qua sông”. Tối hôm đó, trong lúc ông đang ngủ, thì bỗng dưng có một trận bão dữ dội và mưa trút xuống kéo dài suốt thời gian bảy ngày. Vì thế, mà ông không bán được vải và ông quyết định ở lại đây suốt mùa mưa, mùa đông và mùa hè sang năm, để bán cho hết số vải.

Phật đi khất thực ngang qua, biết rõ dự tính của ông, Phật lặng lẽ mỉm cười. Thấy thế, Tôn giả A nan hỏi Phật lý do tại sao? Phật bảo, ông thương gia kia, chỉ sống được trong vòng bảy hôm nữa thôi, mà ông ta không hay biết, còn dự tính ở lại đây suốt ba mùa. Nhân đó Phật liền nói bài kệ:

Hãy hăng say làm việc
Làm những gì nên làm ngày hôm nay
Ai biết thần chết sẽ viếng ngày mai
Chẳng phải chúng ta vẫn hằng vật lộn
Mỗi ngày cùng thần chết?
Đây là lời hiền nhân ca ngợi:
Hạnh phúc thay, kẻ sống nhiệt tình
Ngày và đêm không mệt mỏi
Dù chỉ một đêm y được sống.
(Trích nguyên văn bài kệ trong Tích Tuyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 127)

Nghe qua bài kệ Phật nói, ngài A nan xin phép Phật để nói cho ông ấy biết. Phật cho phép. Ngài A nan nói rõ về cái chết cận kề đến với ông ta chỉ còn trong vòng bảy ngày nữa thôi. Nghe qua, Mahàdhana rất xúc động và quyết định thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường trong vòng bảy ngày. Sau khi nghe Phật dạy về quán tưởng đến cái chết, ông đã chứng quả Dự lưu. Bảy ngày sau, ông bị bệnh nhức đầu và chết, thần thức của ông được tái sanh lên cõi trời Đâu Suất. Đó là lý do Phật nói pháp cú trên. (hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, là một tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai quá say mê với sự nghiệp. Có người cả đời say mê đắm đuối sống chết vì sự nghiệp. Họ say mê đến đổi, không còn biết gì đến gia đình vợ con. Tiền tài, danh vọng, quyền lực, là những thứ mà người đời không ai lại không ham thích. Thế nhưng, họ quên rằng, tất cả đều là những thứ giả dối tạm bợ. Có đó rồi mất đó. Vì bản chất của chúng là vô thường sanh diệt. Không có vật nào tồn tại với thời gian. Gần nhứt là bản thân họ, mà họ còn không có thời giờ quan tâm chăm sóc, nói chi đến những thứ khác. Trong lúc say mê đắm đuối, họ lại quên rằng, thần chết sẽ đến gõ cửa gọi họ đi bất cứ lúc nào.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học rát bổng về cái chết của ông thương gia Mahàdhana. Tuy cái chết đến bên, nhưng ông vẫn còn lo toan tính bán buôn, vẫn còn luôn nghĩ đến tiền bạc. Ông vẫn còn dự tính phải ở lại đây dài lâu để bán cho hết số vải còn lại. Tâm trạng si mê của ông, cũng chính là tâm trạng si mê của tất cả chúng ta. Dù có biết chết đến nơi, người ta cũng vẫn còn nghĩ đến gia nghiệp của cải tiền bạc. Cho thấy lòng tham luyến của con người thật quá sâu nặng.

Biết rõ dự tính của ông, đức Phật mỉm cười. Không phải đức Phật chỉ mỉm cười cho ông thương gia Mahàdhana không thôi, mà đức Phật còn mỉm cười cho tất cả những thương gia khác. Nói rộng ra, là đức Phật mỉm cười cho tất cả chúng ta. Cười cho cái lòng tham dục không ngằn mé của ta. Mạng sống của con người ngắn ngủi như phù du, khác nào như chỉ mành treo chuông hay đèn treo trước gió, chỉ một chớp mắt là đã sang qua đời khác. Thế mà, thử hỏi có mấy ai nghĩ đến sự vô thường nhanh chóng của kiếp người? Còn một hơi thở tàn, người ta vẫn còn nghĩ đến tiền bạc, giàu sang, danh vọng… Thật không ai biết dừng lại.

Duyên phúc thay, cho ông thương gia Mahàdhna còn gặp được Phật và với lời cảnh tỉnh thức nhắc của ngài A nan, mà ông ta đã kịp thời hồi tâm chuyển ý. Ông đã phát tâm cúng dường Phật và thánh chúng để được phước báo sanh thiên. Đối với chúng ta thì sao? Lời Phật Tổ dạy đành rành còn đó, nhưng chúng ta có sớm thức tỉnh hồi tâm tu hành như ông thương gia này không? Hay là chúng ta vẫn còn mãi miết tranh đua hơn thua trong trường danh lợi? Khi sắp tắt thở, có người vẫn còn chưa biết hồi tâm chuyển ý. Thế mới biết, nghiệp lực của mỗi người, Phật nói có nặng nhẹ rất khác nhau. Chúng ta đừng quên rằng:

Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc
Lớp cùng thông như đốt buồng gan
Bệnh trần đòi đoạn tâm can

Lửa cơ đốt ruột dao hàn cắt da
Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng nám mùi dâu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.
(Cung Oán Ngâm Khúc Ôn Như Hầu)
Mong sao, mỗi người chúng ta đọc qua cốt chuyện lược dẫn trên, để kịp thời thức tỉnh chóng lo tu niệm. Mỗi người hãy chuẩn bị cho mình lúc ra đi cho được an thoát nhẹ nhàng. Dù không được sanh thiên như ông Mahàdhana, nhưng ít ra, chúng ta cũng được đầy đủ phước báo sanh trở lại làm người. Sự quyết định khổ hay vui là do toàn quyền quyết định ở nơi chính mỗi người chúng ta. Không ai có đủ quyền lực quyết định thay thế cho ta cả.

287. Người đắm yêu con cái và súc vật, thì tâm thường mê hoặc, bị tử thần bắt đi, như xóm làng đang say ngủ, bị cơn nước lũ cuốn trôi. As a great flood carries away a sleeping village, so death seizes and carries away the man with a clinging mind, doting on his children and cattle.

Kệ tụng

Tâm còn bị đắm say
Con cái và súc vật
Bị tử thần bắt đi
Như nước trôi làng ngủ
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện Kisà Gotami.

Theo truyện tích, bà Kisà Gotami vì thương đứa con mới chết, nên bà gào khóc kêu than lăn lộn giật mình trên đất, khi thấy đức Phật bà thưa hỏi và mong cầu Phật cứu sống con bà. Phật bảo bà đi vào làng kiếm hạt cải trắng, nhưng hạt cải đó phải ở trong gia đình mà từ trước tới giờ chưa có một người nào chết cả. Kiếm xong đem về đây, Phật sẽ làm phép cứu sống lại con bà. Thế là, bà bế xác đứa con trên tay đi hết làng này sang làng khác, từ sáng tới tối mà cũng không tìm ra hạt cải như lời Phật bảo. Cuối cùng, bà bạch trình với đức Phật là không có một gia đình nào có hạt cải mà không có người chết cả.

Bấy giờ đức Phật mới ôn tồn khuyên bà: - Này bà Kisà Gotami, trên thế gian này, “không phải chỉ có một mình bà là có con chết, mà có biết bao người đã bị mất con yêu quí như bà. Vì vô thường là luật chung cho mọi sinh vật. Thần chết như một dòng nước lũ dữ, cuốn phăng, giật đi và ném mọi loài vào biển hoại diệt, trong khi mọi loài vẫn còn ham sống chưa hài lòng thỏa thích với cuộc sống”.

Nghe xong lời Phật dạy, bà chứng quả Dự lưu, hội chúng cũng đều được lợi ích. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Vô thường là một định luật bất di bất dịch. Việc sống chết là lẽ thường nhiên. Dù biết thế, nhưng đứng trước tình cảnh người thân yêu thương mất, ít có mấy ai dằn được cơn xúc động rơi lệ.

Tâm trạng đau khổ vì mất đứa con yêu quí của bà Kisà Gotami, đó là tâm trạng chung của các bà mẹ bình thường. Nói bình thường là vì trên thế gian này cũng có những bà mẹ, lòng lang dạ sói bất bình thường, có thể nói thua loài thú vật, nhẫn tâm giết hại đứa con mình sanh ra. Hùm beo tuy chúng thuộc loài thú vật hung dữ, nhưng chúng chưa bao giờ ăn thịt hay sát hại con của chúng. Còn chúng ta mệnh danh là con người, thuộc loài thượng đẳng, có một trí

khôn hơn loài thú vật nhiều, nhưng lại có hành động thật dã man sát hại con mình. Như thế, thì có hơn gì loài thú vật kia đâu?

Như vậy, thử hỏi mình có còn xứng đáng làm người sống giữa trời đất này nữa không? Nhìn lên, thì thật là xấu hổ với trời, nhìn xuống, thì lại càng thêm hổ thẹn với đất. Còn nhìn ngang với đồng loại thì sao? Nếu người còn sót lại chút ít liêm sỉ hay một chút ít lương tâm con người, thì chắc không thể nào dám nhìn ngó ai. Vì con mình là nó mang tất cả dòng máu huyết núm ruột của mình, thế mà mình lại nhẫn tâm ra tay giết chết nó. Giết chết con mình thì có khác gì mình đã tự giết chết mình rồi! Thật là tội lỗi vô cùng!

Tình cờ, chúng tôi đã chứng kiến một vụ xử án của một bà mẹ người Khrme còn trẻ, khoảng 25 tuổi, đã tự tay giết chết đứa con ruột của mình mới sanh ra được hai mươi lăm ngày. Hỏi ra, chỉ vì giận lẫy người chồng mà nỡ ra tay giết hại đứa con yêu quí của mình. Kết quả, tòa tuyên án xử phạt về tội giết con 12 năm tù. Thật đây là một cảnh tượng thật quá hãi hùng đau lòng! Đây là một trong nhiều trường hợp mà bà mẹ đã ra tay giết con ruột của mình. Trên báo chí, hẳn chúng ta cũng đã từng thấy những tin tức nói về thảm cảnh này rất nhiều.

Ngoài những bà mẹ mang tính độc ác bất bình thường này ra, còn lại tất cả đều yêu thương đau khổ xót xa, khi con mình đã chết. Điển hình như trường hợp bà Kisa Gotami. Nhưng sự đau khổ của bà, đã được đức Phật xoa dịu an ủi đánh thức bà, bằng cách Ngài dùng phương tiện thật khéo léo để chuyển hóa nỗi khổ niềm đau của bà trở thành một hiện thực đối diện với thực tế. Do đó, mà bà hết khổ đau. Chẳng những thế, mà bà còn chứng được thánh quả Dự lưu, tức sơ quả Tu đà hoàn.

Thế mới biết, trong cái khổ đau cùng cực của con người, vẫn còn có cái "tánh không khổ đau", nếu chúng ta khéo biết làm sống dậy cái "tánh không khổ đau" này. Việc cảm hóa của đức Phật nói trên, đó là bài học để chúng ta ý thức mà tự chuyển hóa nỗi khổ niềm đau của chính mình, khi mình lâm vào hoàn cảnh đau thương ngút ngàn giống như bà Kisa Gotami. Chỉ có mình mới đủ sáng suốt tự tháo gỡ "nội kết" của chính mình. Ngoài ra, tất cả chỉ là trợ duyên giúp sức cho mình mà thôi.

288. Một khi tử thần đã đến, chẳng thân thuộc nào có thể thay thế, dù cha con thân thích cũng chẳng làm sao cứu hộ. For him who is assailed by death there is no protection by kinsmen. None there are to save him – no sons, nor father nor relatives.

Kệ tụng

Một khi tử thần đến
Không có con che chở
Không cha không bà con
Không thân thích che chở
289. Biết rõ lý lẽ trên người trí gắng trì giới, thấu hiểu đường Niết bàn, mau làm cho thanh tịnh. Realizing this fact, let the wise man, restrained by morality, hasten to clear the path leading to Nibbana.

Kệ tụng

Biết rõ lý lẽ trên
Kẻ trí siêng trì giới
Thấu triệt đường Niết bàn
Sớm chứng thanh tịnh đạo.
Lược giảng

Hai pháp cú trên, đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến bà Patàcàrà.

Theo truyện tích, bà ở Xá Vệ con của một gia đình rất giàu có. Bà là người có nhan sắc tuyệt đẹp. Nhưng hồng nhan thường hay bạc phận, khách má đào nhiều nỗi gian truân. Bà đã tư tình thông gian với một tên gia đồng, dù rằng bà đã được gia đình hứa gả cho một chàng trai môn đăng hộ đối. Gần đến ngày cưới, bà cùng với tên gia nhân bỏ trốn. Đến một nơi xa lạ, hai người lập nghiệp chung sống với nhau. Vì là con nhà giàu có, bà không quen làm lụng vất vả bằng chân tay. Nhưng trong tình cảnh này, tất nhiên, bà phải chịu chớ có biết than van cùng ai. Bụng làm dạ chịu chớ khá trách ai! Thế là, bà phải phụ lực với người chồng trong việc xây dựng mái ấm gia đình. Cuộc sống của hai người rất vất vả, nhưng đây cũng là quả báo của bà.

Trải qua thời gian sống chung, kết quả, bà đã mang thai. Trước khi sanh, bà lén chồng trở về nhà để sanh. Nhưng người chồng phát hiện được, nên bắt bà trở lại. Lần thứ hai cũng thế. Nhưng lần này, trên đường trở về nhà, bà chuyển bụng giữa đường. Người chồng vào rừng đốn cây làm chòi để che mưa nắng cho bà sanh nở. Nhưng không may, người chồng đã bị rắn độc cắn chết. Chờ hoài không thấy chồng về, cuối cùng, bà hạ sanh đứa con thứ hai. Sanh xong, bà lại bồng bế hai con về nhà cha mẹ. Khi qua sông, bà để đứa con lớn bên bờ, ẩm đứa mới sanh lội qua trước. Vừa ra giữa sông, thấy con diều hâu sà xuống quắp đứa bé bên bờ, hốt hoảng, bà quơ tay la lên đuổi nó, vô tình bà làm rớt đứa nhỏ xuống nước. Đứa nhỏ bị chết chìm và nước cuốn trôi đi. Đứa bên này bờ sông, thấy mẹ quơ vẫy tay tưởng kêu mình, nên nó bò rớt té xuống sông và rồi cũng bị chết chìm luôn. Thế là cả hai đứa con đều chết hết.

Còn lại mình bà, bà đã cố gắng hết sức mới lội qua được tới bờ. Trên đường về quê nhà, người ta cho tin bà biết là cả nhà của bà đều bị chết cháy hết vì hỏa hoạn. Tin như sét đánh, người bà phát điên lên, vì tất cả người thân yêu ruột thịt của bà đã chết hết. Thật là đau xót vô cùng!

Bà đi lang thang như người mất hồn, lần đến tinh xá nơi Phật và chúng Tăng đang trú ngụ. Phật biết, nghiệp quả của bà đã trả xong, nên Phật dùng lời an ủi khai thị mở mắt sáng cho bà. Phật dạy:

-"Này Patacara, người nào khi rời bỏ thế gian, không có con cái hay cha mẹ, họ hàng có thể bảo trợ, che chở hay cho an trú. Cho nên, dù những người ấy đang sống đó, cũng như không có. Người khôn ngoan nên có đạo đức thanh tịnh để dẹp sạch đường đến Niết bàn". Nhân đó, Phật dạy hai pháp cú trên. Nghe xong, bà chứng quả Dự lưu. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú 288, Phật cảnh tỉnh thức nhắc chúng ta nên nhớ, khi tử thần đã đến, thì không một ai có thể thay thế cái chết cho ta được, dù đó là người thân thương nhứt đời ta. Không ai có thể ăn thế hay ngủ thế cho ai. Việc làm dù nặng nhọc cực khổ đến đâu, người thân mình cũng có thể thay thế làm việc cho mình được. Còn nói đến cái chết, thì nghiệp quả ai nấy lãnh. Thế mới biết, ở đời, có những điều ta có thể thay thế, nhưng có những điều mà không ai có thể

thay thế cho ai. Như kẻ sát nhân bị tù tội, dù đó là người thân thương nhứt, như cha mẹ hay chồng vợ, con cái, cũng không ai thay thế cho ai được. Những cái thông thường tương đối xảy ra trong cuộc sống mà ta còn bó tay bất lực thay, nói chi đến cái chết, có ai chịu thế cho ai đâu!

Chiêm nghiệm lời cảnh giác của Phật như thế, chúng ta cần phải nghĩ đến và lo cho đời sống tinh thần của ta nhiều hơn. Bởi vì, có đôi khi vì nặng nợ gia đình, mà mình đã gây ra nhiều tội lỗi, như sát hại sinh vật, hay gây tạo những điều tội lỗi bất lương khác, làm cho mọi người thân thuộc của mình ăn sung mặc sướng, nhưng tất cả tội lỗi, rốt lại, chỉ có phần mình gánh chịu thọ khổ. Nhân nào quả nấy, đó là luật tắc không sai.

Thiết nghĩ, là Phật tử chúng ta nên cân nhắc thận trọng đến cái hậu quả, trước khi mình hành động. Xét thấy, những việc làm nào có lợi lạc cho người, mà tổn hại cho mình, điều đó, Phật dạy chúng ta không nên làm. Làm những điều gì có lợi cho mình, lợi cho người, lợi vật, không những hiện đời mà còn đời sau nữa, thì điều đó mới thật là điều thiện, Phật dạy chúng ta nên làm. Bằng ngược lại, thì quyết định ta không nên gây tạo.

Bởi vì khi mình sa đọa thọ khổ nơi địa ngục, thì không ai có thể vào đó thay thế cho mình được. Có thương nhớ lắm, thì họ chỉ thốt ra vài lời thương tiếc, thế thôi! Lời nói đó, chẳng có ai mà không nói được. Khi họ đã biết thương tiếc, thì mình là người lãnh lấy khổ đau, chịu đựng trăm ngàn thứ hình phạt cay đắng khổ sở vô cùng rồi! Chừng đó dẫu mình có ăn năn hối hận, thì việc đã rồi. Chi bằng tốt hơn hết là mình nên biết thương mình, tránh gây tạo nhân ác, thì khỏi phải chuốc lấy quả báo xấu ác. Đó mới thật là thượng sách và đó mới thực sự là mình tự biết thương mình.

Qua câu chuyện lược dẫn thương tâm trên, cho chúng ta thấy, bà Patacara tuy là con nhà giàu có lại xinh đẹp, nhưng vì nghiệp quả bất thiện của riêng bà, nên bà phải trả. Thế mới biết luật nhân quả rất công bằng. Được sinh vào nhà sang trọng, giàu có, thân hình đẹp đẽ, đó là do đời trước bà đã biết tu tạo phước đức. Tuy nhiên, sự đau khổ chết

chồng, mất con và mất hết tất cả người thân, đó là quả báo bất thiện của bà mà bà phải trả.

Chỉ có đức Phật mới biết rõ căn nguyên nghiệp quả của bà đã gây tạo lành dữ từ nhiều kiếp trong quá khứ. Vì biết rất rõ, nên Phật cảm hóa độ bà hết khổ và bà đã trở thành một Tỳ kheo ni tu hành chứng thánh quả. Phải chăng, đó cũng là khổ tận cam lai. Khi đã trả hết cái quả báo ác tích lũy nghiệp mà mình đã gây ra, thì mình sẽ hưởng được những gì mà mình đã gây tạo nhân lành.

Thế mới biết, trong đời sống thường nhựt của ta, có khi mình nghĩ ác, nói ác, làm ác, rồi cũng có lúc mình nghĩ lành, nói lành, làm lành. Tất cả đều có nhân và quả, như bóng theo hình, một mảy may không hề sai sót. Cho nên, khi quả nào thuần thục thì mình phải trả trước. Vì thế, trong suốt cuộc đời của ta, có lúc ta được diễm phúc hanh thông suôn sẻ, bản thân và gia đình ta được an vui hạnh phúc. Thì đó là lúc ta hưởng được cái quả báo phước đức mà do ta đã gây ra. Nhưng ngược lại, cũng có khi, bản thân và gia đình ta gặp phải những điều bất lợi, như bị tai nạn hao tiền tốn của v.v... Thì khi đó chính là lúc mà ta phải trả cái quả báo bất thiện mà do ta đã gây ra.

Như vậy, nhân ác hay nhân thiện, tất cả đều do chúng ta gây tạo từ trong nhiều đời hay hiện đời, khi lành khi dữ, nên khi trả quả cũng có lúc vầy lúc khác. Hiểu rõ như thế, khi quả lành đến thì ta an vui thụ hưởng, còn khi quả ác đến thì ta cũng phải an nhẫn vui vẻ mà trả cho

xong. Bởi vì tất cả nghiệp quả lành hay dữ cũng chính do ta tạo lấy, chớ không có ai gây tạo ra cho ta cả. Thế thì:

Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa. (Truyện Kiều)
Lành dữ cũng bởi do ta
Lành thời vui hưởng dữ thời trả xong.
Ai ơi! xin nhớ nằm lòng
Tránh gây nhân ác, thiện tòng nên gây
Tu nhân tích đức cho dầy
Hiện đời hạnh lạc mai này an vui.
XXI. Phẩm Tạp (Pakinnakavaggo)

290. Nếu bỏ vui nhỏ mà được vui lớn, kẻ trí sẽ làm như thế. If by renouncing a lesser happiness one may realize a greater happiness, let the wise man renounce the lesser, having regard for the greater.

Kệ tụng

Nhờ từ bỏ vui nhỏ
Hưởng được vui lớn hơn
Kẻ trí bỏ vui nhỏ
Khi nhìn đến vui lớn

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm có liên quan về những hành động quá khứ của Ngài.

Theo truyện tích, thuở xa xưa, thành phố Tỳ xá ly là một thành phố sung túc, giàu mạnh, có nhiều vị vua xuất hiện nối tiếp nhau cai trị. Về sau, nguồn lương thực bị khánh kiệt, dân chúng đói khát, và từ đó trong thành xảy ra ba thiên tai: nạn đói, ác thần và bệnh dịch.

Trước tình cảnh bi đát khổ nạn đó, dân chúng dâng kiến nghị lên nhà vua, và yêu cầu nhà vua tìm mọi biện pháp để giải quyết gấp rút những thiên tai đó. Về phần nhà vua, xét thấy, không phạm lỗi lầm. Nhiều người góp ý nên cúng tế thần linh để có thể làm giảm bớt đi nạn thiên tai này. Mỗi người nêu ra một ý kiến, nhưng chỉ có ý kiến là nên thỉnh Phật đến để làm lễ cầu nguyện, thì thiên tai mới giảm. Mọi người tán thành ý kiến này và họ cử người đến thành Vương xá để thỉnh cầu đức Phật.

Sau khi họ làm lễ thỉnh cầu, đức Phật nhận lời. Vì đức Phật biết trước là thiên tai sẽ giảm thiểu. Hay tin Phật đến thành Tỳ xá ly, vua Tần bà sa la ra lệnh cho dân chúng biết và chính ông chuẩn bị trang hoàng sắp xếp hết mọi việc. Trên đường từ thành Vương xá đến thành Tỳ xá ly, hương hoa cờ lọng trưng bày khắp hai bên đường. Đoàn người đưa tiển đức Phật thật là

trang nghiêm trọng thể. Mỗi nơi Phật tạm dừng chân, đều có thực phẩm cúng dường và tung hoa kính mừng chào đón. Trong khi đó, thì dân chúng thành Tỳ xá ly quyết định sẽ đón tiếp đức Phật long trọng gấp hai lần mà vua Tần bà sa la đưa tiển. Từ bờ sông Hằng, (nơi Phật và thánh chúng tạm dừng chân) đến thành Tỳ xá ly, dài khoảng ba dặm đường, dân chúng đón rước cờ xí hương hoa trưng bày trang hoàng, thật là tưng bừng náo nhiệt.

Phật dùng thuyền qua sông Hằng đến địa hạt thành Tỳ xá ly. Phật vừa bước chân lên bờ, một cơn bão lớn nổi lên, mưa trút đổ ào xuống, nước dâng lên cao, cuốn sạch các tử thi xuống sông. Nhờ đó, mà không còn cảnh tượng hôi thúi ô nhiễm. Sau ba ngày, Phật đến Tỳ xá ly.

Trời Đế Thích và chư thiên đều có mặt để ủng hộ đức Phật. Bấy giờ Phật nói kinh Kim Cang và bảo Tôn giả A nan lặp lại. Ngài A nan vừa tụng đọc vừa sái tịnh rải nước cam lồ khắp hết, làm cho chúng ma khiếp sợ tìm đường tẩu thoát. Những người mắc bệnh dịch lần hồi tỉnh lại. Thế là, nhờ thần lực của kinh Kim Cang mà dân chúng được lành bệnh.

Nhân đó, Phật lại nói kinh Kim Cang thêm một lần nữa, mọi thiên tai đều tiêu trừ. Các hoàng tử Licchavi hết lòng bái phục Phật và thánh chúng rồi họ tiển đưa Phật đến bờ sông Hằng. Thấy thế cả rồng trời đều hết lòng cung kính đức Phật. Long vương đưa Phật xuống long cung và nghe Phật giảng pháp suốt đêm.

Sau khi hồi hướng phước báo cho vua rồng, đức Phật rời long cung và cùng đoàn người trở về thành Vương xá. Mọi việc đều do vua Tần bà sa la sắp xếp đón rước đức Phật trở

về thật chu đáo.

Từ đó, uy tín của đức Phật vang dội, cả thiên long bát bộ đều quy kính hết mực. Các thầy Tỳ kheo thắc mắc hỏi Phật về lý do nào mà các vua quan, hoàng tử, dân chúng đều hết lòng cúng dường phẩm vật dâng lên đức Phật như thế? Phật nói, thời quá khứ Ta thuộc dòng Bà la môn, có tên là Samkha cha của Susima, Susima tu hành thành Phật Độc Giác và Ta đã hết lòng làm những việc thiện như là: "nhổ cỏ chung quanh tháp của vị Phật Độc Giác, trải cát quanh tháp, tung hoa lên tháp, tưới nước quanh tháp". Nhờ quá khứ Ta đã làm và cúng dường như thế, nên hôm nay Ta đã được phước báo: dọn sạch đường tám dặm Ta đi, đường dài Ta đi đã được rải cát, các loài hoa đã được dân chúng rải trên đường...

Sau khi kể xong, Phật nói: - "Này các Tỳ kheo, các phẩm vật và những sự tôn kính ấy không phải tự nhiên đến với ta do thần lực của Ta là Phật, không do thần lực của trời, rồng. Trái lại từ thần lực có từ những phẩm vật thô sơ Ta cúng dường từ thời quá khứ". (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, Phật liền dạy pháp cú trên.

Vui là một sở thích cố hữu của con người. Đối với người đời, bất luận ở vào hạng người nào, dù trẻ hay già, dù nam hay nữ, ai ai cũng ham thích vui chơi. Tuy nhiên, thưởng thức thú vui, cũng có nhiều đẳng cấp và cường độ khác nhau. Tùy theo trình độ và sở thích của mỗi người, mà họ chọn những thú vui chơi khác nhau. Có những thú vui lành mạnh, nhưng cũng có những thú vui sa đọa. Người đời, họ thích nhứt là những thú vui ngũ dục. Nhưng dù bất cứ thú vui nào, bản chất của chúng cũng chỉ là những thứ giả trá tạm bợ mà thôi.

Trong lúc hành lạc, người ta cảm thấy vui thích, nhưng sau đó thì cái khổ liền theo. Hiện trạng này, chúng ta thấy nhan nhãn xảy ra hàng ngày trong xã hội. Hút xách, rượu chè, bài bạc, đĩ điếm, dâm ô v.v...Đó là những thú vui sa đọa. Quả đó là thú vui chỉ mở đường cho đau khổ. Ở đời, không có một thú vui nào làm cho họ thỏa mãn. Có thỏa mãn chăng chỉ trong

chốc lác, rồi thì họ cũng vẫn thèm khát và tìm cách hưởng thụ tiếp nữa. Thật ngũ dục lạc có một sức hút hấp dẫn họ rất mãnh liệt. Khác nào như kẻ bị bệnh ngứa ngáy nằm hong nóng trên lò than lửa đỏ rực. Họ chỉ được đã ngứa trong giây lát, rồi thì cơn ngứa vẫn tiếp tục hoành hành.

Pháp cú trên, Phật dạy người trí nên bỏ cái vui nhỏ để được cái vui lớn. Cái vui lớn mà Phật muốn nói ở đây là cái vui chân thật, giải thoát, tức Niết bàn. Chỉ có cái vui đó, mới thực sự là chân hạnh phúc. Còn cái vui theo thế gian thường tình chỉ là cái vui trong đau khổ mà thôi.

Điển hình như đức Phật, Ngài đã từ bỏ tất cả những thú vui ở thế gian, kể cả ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan, rượu ấm, tình nồng v.v... Vì những thứ ấy đối với Ngài chỉ là những thứ hào nhoáng giả trá tạm bợ bên ngoài, thực chất, bên trong của nó thì tràn đầy đau khổ. Những thú vui mà Ngài có đó, đối với chúng ta, thì thật không phải là nhỏ. Thế mà, Ngài đã mạnh dạn cương quyết từ bỏ tất cả, để đổi lấy những thú vui lớn, mà ngày nay cả nhơn loại đều bái phục quy kính hướng về Ngài.

Đối với người Phật tử, Phật khuyến nhắc chúng ta nên chọn cho mình cái vui chân thật. Muốn được cái vui đó, tất nhiên, là chúng ta phải nỗ lực tu các hạnh lành: bố thí, trì trai, giữ giới, tụng kinh, niệm Phật, giúp đỡ những người hoạn nạn nghèo khổ v.v... Nói chung, là chúng ta cố gắng siêng năng làm mọi việc lành, và hãy lánh xa mọi điều dữ, dẹp bớt những thứ phiền não rối rắm trong lòng. Có thế, thì chúng ta mới có được những niềm vui tươi mát, an thoát nhẹ nhàng. Và đó mới thực sự là niềm vui chân thật vậy.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, tiền thân của đức Phật Ngài chỉ làm những hạnh lành nhỏ nhặt, như nhổ cỏ chung quanh tháp của vị Phật Độc Giác, trải cát chung quanh tháp, tung hoa cúng dường tháp v.v... Kết quả, Ngài đã hưởng được nhiều phước báo như đã nói ở trên. Điều đó, cho chúng ta một bài học rằng, chớ nên khinh thường những điều lành nhỏ mà không làm. Chính những điều lành nhỏ đó, nó sẽ đem lại cho chúng ta một niềm vui lớn sau này.

Thiên tai là một họa hại tàn phá khủng khiếp dữ dội mà thời nào cũng có. Đó là một thách thức khổ nạn lớn lao nhứt của nhơn loại hiện nay. Thiên tai ngoài những luật định thiên nhiên ra, phần lớn cũng do con người tiếp tay can dự vào. Những hiện tượng phế thải khí độc do con người gây nên làm ô nhiễm bầu khí quyển, và môi sinh ngày càng trở nên trầm trọng. Đó chính là nguyên nhân gây ra bao thảm cảnh khổ đau bệnh tật, chết chóc, mà hiện nay cả nhơn loại đều gánh chịu.

Vì tham vọng mưu sinh cao độ, nên con người bất chấp mọi hậu quả khổ đau. Họ hành động thiếu ý thức, nên từ đó, gây nên bao thảm trạng đau thương người giết người, tức đồng loại làm khổ đau cho đồng loại. Đây là một vấn đề tối quan trọng luôn đe dọa đến đời sống con người. Nếu như con người không chịu hoán cải, sớm tìm ra biện pháp thích nghi để kịp thời giải quyết cho việc bảo vệ môi sinh này, thì nhơn loại khó mong tránh khỏi nạn thiên tai ngày càng giáng xuống ác liệt hơn. Và một ngày nào đó chắc chắn nhơn loại sẽ vắng bóng trên hành tinh này.

Hôm thứ bảy ngày 3. 5. 2008, cơn bão Nargis ác liệt dữ dội vừa xảy ra tại Miến Điện. Cơn bão đã càn quét gây nên thiệt hại vật chất và nhân mạng tử vong rất lớn. Theo tin tức báo chí loan tải cũng như đài phát thanh cho biết, có hơn một trăm ngàn người tử nạn. Con số người chết thật quá khủng khiếp. Ngoài ra, còn có cả hơn triệu người đang lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, sống nheo nhóc đói khát không nơi trú ngụ và đương đầu với nguy cơ bệnh tật. Cả

thế giới đang dốc hết tâm lực để cứu trợ vật phẩm cho những nạn nhân may mắn hiện còn sống sót. Đây là một thảm họa thật nặng nề lớn lao mà người dân Miến đang khổ sở gánh chịu. Những nạn nhân này, họ đang gào thét kêu cầu mong đợi thế giới cứu tế. Họ đang tranh đấu với tử thần trong từng giây phút để dành lấy sự sống. Không có trận thiên tai nào mà không gây nhiều thiệt hại thảm họa đau thương cho con người. Ấy thế mà, người ta vẫn chưa chịu thức tỉnh để mỗi người tự ý thức bảo vệ môi sinh. Nếu không có biện pháp chống nổi với thiên tai họa hại, thì xin mỗi người chớ nên tiếp tay tạo thêm làm ô nhiễm môi trường. Bảo vệ môi trường sống chung quanh xanh tươi mát

mẻ, hợp vệ sinh sạch sẻ, đó cũng là cách hay nhứt để bảo vệ sự sống an lành cho nhau.

291. Gieo khổ cho người để cầu vui cho mình, thì sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không sao thoát khỏi nỗi oán ghét. Entangled by the bonds of hate, he who seeks his own happiness by inflicting pain on others, is never delivered from hatred.

Kệ tụng

Gieo khổ đau cho người
Mong cầu vui cho mình
Tất bị oán ràng buộc
Không sao thoát hận thù
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người đàn bà ăn trứng của một con gà.

Chuyện kể rằng, "trong một ngôi làng không xa thành Xá vệ, có một ngươi đánh cá. Một hôm trên đường đi đến thành Xá vệ, ông bắt gặp một vài cái trứng dọc theo bờ sông Aciravati, ông bèn nhặt lấy. Đến Xá vệ, ông vào nhà người quen, luộc mấy quả trứng, khi ngồi ăn ông cho cô con gái chủ nhà một trứng. Cô bé ăn xong, đòi ăn thêm, bà mẹ phải lấy trứng trong ổ con gà mái luộc cho cô. Cô bé ăn trứng gà, từ đó cô đâm thích món ăn này và thường tự lấy trứng ăn.

Con gà mẹ để ý rằng mỗi lần mình đẻ trứng đều bị cô bé mang đi ăn hết; nổi cơn bất bình oán hận cô, nó thề rằng: "khi tôi chết, tôi sẽ tái sanh làm chằn tinh, ăn thịt mấy đứa con cô này". Sau khi chết nó trở lại làm con mèo của nhà này, còn cô bé trở lại làm gà mái. Gà mái đẻ trứng đều bị mèo ăn hết, như vậy đến ba lần. Gà mái tức quá bèn trù: "ba lần ngươi ăn trứng của ta, còn muốn ăn thịt cả ta. Khi ta tái sanh, ta sẽ nhai xương ngươi và con ngươi".

Sau đó gà mái sanh làm heo rừng, con mèo thành con nai. Khi nai có con, beo đến ăn thịt cả mẹ lẫn con. Như thế trong năm trăm kiếp liên tục, họ ăn nuốt lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau. Cuối cùng một bên làm bà chằn, một bên làm phụ nữ trong thành Xá vệ. Câu chuyện tiếp diễn như cũ, cho đến khi gặp Phật, Ngài dạy pháp cú trên. Hai kẻ thù nghe xong, bà chằn xin quy y, thọ năm giới. Không còn hận thù, người đàn bà nọ cũng chứng sơ quả. Hội chúng đều được lợi ích". (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 147)

Sống ở đời, nếu con người cứ mãi tiếp tục gieo rắc khổ đau oán thù cho nhau, thì biết đến bao giờ nhơn loại mới thực sự chấm dứt khổ đau. Bản chất của con người vốn đã quá ích kỷ, cái gì cũng muốn chỉ có lợi cho mình, ai chết mặc ai. Người ta nhân danh chủ nghĩa, tôn giáo, để tìm đủ mọi phương cách chinh phục xâm chiếm cai trị kẻ khác. Vì quyền lợi cá nhân, rộng ra là quốc gia, người ta bất chấp dùng mọi thủ đoạn gian ác để xâm lăng chiếm hữu tài nguyên của các quốc gia khác. Từ đó, mới gây ra hận thù chiến tranh đau khổ triền miên cho nhau. Tất cả cũng đều do lòng ích kỷ hẹp hòi của con người mà ra. Từ bản ngã cá nhân, đến bản ngã đoàn thể, rộng hơn là quốc gia, tôn

giáo. Bản ngã càng lớn, thì khổ đau càng to. Cá nhân thiếu đạo đức, thì cá nhân đau khổ. Đoàn thể thiếu đạo đức, thì đoàn thể đó tan rã. Tôn giáo thiếu đạo đức, thì tôn giáo đó sẽ bị phá sản.

Mỗi cá nhân muốn có hạnh phúc an vui, thì mỗi người cần phải lấy đạo đức làm nền tảng. Nếu mỗi cá nhân ăn ở cư xử có phẩm chất đạo đức, biết nâng cao chất liệu tình người, thì mỗi gia đình sẽ được an vui hạnh phúc, và rộng ra là cả quốc gia xã hội đều được an lạc thái bình. Như vậy, cái gốc, vẫn là quy kết ở nơi mỗi người.

“Ngày nào mà con người còn mang nặng những cố chấp định kiến, những tham vọng cao độ chiếm hữu quyền lợi, còn thiết định giai cấp thống trị, còn nuôi dưỡng những hận thù, xung đột, tranh chấp, thì chắc chắn ngày đó những vấn nạn khổ đau của con người vẫn còn tồn tại, thật khó lòng hóa giải!”. (Trích một đoạn trong Thông Bạch Phật Đản 2632 của Hòa Thượng Thích Phước Huệ)

Pháp cú trên, đức Phật nêu cao giá trị phẩm chất đạo đức làm người. Giá trị đó phải được nâng cao trong tinh thần bình đẳng giữa người và người. Không nên vì quyền lợi hạnh phúc của mình, mà lại nhẫn tâm chà đạp phá hoại xâm chiếm quyền lợi hạnh phúc của kẻ khác. Hành động đó, khác nào như chế dầu vào lửa và chắc chắn lòng sân hận oán thù ngày càng chồng chất lên cao.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, chúng ta thấy mối thâm thù vay trả, trả vay trải qua nhiều kiếp, thật là khủng khiếp. Gà mái vì bực tức cô bé ăn trứng của mình đẻ ra, nên chuyển kiếp tái sanh làm mèo. Cô bé tái sanh trở lại làm gà mái. Mỗi lần gà mái đẻ trứng đều bị mèo ăn hết. Vì lòng sân hận buộc ràng, nên mối thù trả vay không dứt. Nhân quả thật là đáng sợ. Chuyện hận thù cứ thế mà tiếp diễn, cho đến khi gặp Phật, Phật mới tháo gỡ hóa giải hết được.

Bởi thế, người tu hành nên buông xả hết mọi thứ, đừng để gây nội kết trong lòng. Nhứt là nội kết “thù oán”, thì thật là một tai hại không những hiện đời mà còn trải qua nhiều đời đau khổ.

Nỗi oán thù vay trả giữa vua cha Bình sa vương và thái từ A xà thế là một minh chứng cho việc báo oán thật đáng ghê sợ. Theo truyện tích, thì tiền thân của A xà thế là một vị Tiên nhơn. Ông này có ước nguyện là sẽ tái sanh làm con Bình sa vương. Nhưng Bình sa vương vì quá nóng lòng mong muốn có con sớm, nên ra lệnh cho người hạ sát vị Tiên nhơn đó. Vị Tiên nhơn này, trước khi chết, thốt lời oán hận là sẽ trả thù. Sau khi chết, ông liền tái sanh đầu thai làm con cùa Bình sa vương.

Khi hạ sanh thái tử, vua cha nghe lời tiên đoán của thầy tướng số, là đứa con này khi lớn lên nó sẽ trả thù giết chết nhà vua, nên nhà vua rất lo sợ và ra lệnh khi hoàng hậu lâm bồn không cho ai nang đỡ thái tử. Mục đích là để cho thái tử rớt từ trên cao xuống mà chết. Nhưng thái tử không chết, chỉ gãy ngón tay út mà thôi. Do oan gia đó, mà sau này khi lớn lên, thái tử A xà thế nghe lời xúi giục của Đề bà đạt đa bắt vua cha tống giam vào trong lao ngục và đày đọa hành hạ cho đến chết. Đó là mối oán thù tương báo con giết cha.

Ngày nay, việc con giết cha, cha giết con, mẹ con, con mẹ, vợ chồng giết hại lẫn nhau, thường xảy ra hàng ngày khắp nơi trên thế giới. Tất cả đều do mối oan gia thù hận truyền kiếp sâu nặng mà phải đầu thai làm thân thuộc để gần gũi mà dễ bề trả thù sát hại lẫn nhau. Ôi! Nhân quả vay trả, trả vay thật đáng ghê sợ lắm thay!

Xin tất cả hãy chiêm nghiệm qua hai câu chuyện chứng minh trên mà mỗi người nên mở rộng cõi lòng bao dung tha thứ, đừng nuôi dưỡng ôm ấp oán thù trong tâm mà tự mình chuốc khổ cho mình. Oán thù nên mở ra không nên kết chặt lại. Vì hận thù làm sao trừ diệt được hận thù. Càng thù hận thì càng chồng chất lên cao. Cứ thế mà vay trả trả vay không biết đến bao giờ cùng. Nghe lời Phật dạy, chúng ta hãy lấy tình thương mà xóa bỏ hận thù. Có thế, thi đời sống của chúng ta mới được an vui hạnh phúc vậy.

292. Việc đáng làm không làm, việc không đáng làm lại làm, những người phóng túng ngạo mạn, thì lậu tập mãi tăng thêm. The cankers only increase for those who are arrogant and heedless, who leave undone what should be done and do what should not be done.

Kệ tụng

Việc đáng làm không làm
Không đáng làm lại làm
Người kiêu mạn phóng dật
Lậu hoặc ắt tăng trưởng
293. Thường quan sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm, thì lậu tập dần tiêu tan. The cankers cease for those mindful and clearly comprehending ones who always earnestly practise mindfulness of the body, who do not resort to what should not be done, and steadfastly pursue what should be done.

Kệ tụng

Người siêng năng cần mẫn
Thường quán niệm tự thân
Không làm việc không đáng
Gắng làm việc đáng làm
Người tu niệm giác tỉnh
Lậu hoặc tất tiêu trừ.
Lược giảng

Hai pháp cú trên, đức Phật dạy tại hang độngJàtiyà gần Bhaddiya, có liên quan đến các Tỳ kheo Bhaddiya.

Theo truyện tích, “một thời, đức Thế Tôn đang ở tại động Jàtiyà, gần thành Bhaddiya. Các Tỳ kheo ở đây có thói quen trang trí giày dép của các thầy, như trong Vệ đà diễn tả: “Các Tỳ kheo ở Bhaddiya có thói quen mang những đôi dép sặc sở đủ kiểu”. Họ tự làm hoặc đặt làm những đôi dép bằng vật liệu quý nhẹ, đắt tiền, đúng mốt, hợp thời trang….Như thế họ lơ là với học hỏi, giới luật, thiền định, trí tuệ. Các Tỳ kheokhác thấy

thế rất bực tức, bèn bạch với Phật. Phật quở trách mấy thầy ham chưng diện này:

- Các ông đến đây vì mục đích gì, mà bây giờ đeo đuổi chuyện vô ích như thế"? Nhân đó, Phật nói hai pháp cú trên.

Các thầy Tỳ kheo ưa đẹp này nghe xong, liền chứng A la hán, hội chúng cũng được lợi ích. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 148)

Hai pháp cú trên, Phật răn nhắc chúng ta nên cẩn trọng khi làm việc. Cái gì đáng làm, nên làm, việc gì không đáng làm, thì không nên làm. Người tu cần phải vận dụng trí huệ để tư duy quán chiếu tự thân và hành động. Điều quan trọng mà Phật dạy ở đây là: "người buông lung phóng dật, thì lậu hoặc dần dần tăng trưởng". Về buông lung ở nơi thân tâm, nhứt là ở nơi tâm ý, thì ở phẩm "Không Buông Lung", đức phật đã khuyến giáo chúng ta rất kỹ. (muốn hiểu rõ hơn, xin xem lại phẩm II, "Không Buông Lung" Pháp Cú tập một tr 38 cùng một soạn giả) .

Người tu hành mà sống buông lung phóng túng, không có giới luật kềm chế, thì đó là nếp sống sa đọa. Phật nói kẻ đó sống như thây ma. Nghĩa là sống mà như đã chết rồi. Không phải chết về thân xác mà chết về giới đức tinh thần. Đạo hạnh và nhân cách của người xuất gia không còn. Từ đó, mọi lậu hoặc phiền não phát sanh và tăng trưởng. Chí nguyện của người xuất gia là mong thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử khổ đau, để chóng mau thành tựu đạo quả. Muốn thế mà chúng ta luôn để cho tâm ý buông lung, thì thử hỏi làm sao thành tựu được sở nguyện?

Chuyện trích dẫn trên, Phật đã quở trách các thầy Tỳ kheo làm những chuyện vô ích. Phí phạm thời giờ thật là luống uổng. Lẽ ra, người xuất gia phải luôn để tâm chuyên cần tu học. Hằng sống trong chánh niệm, chánh quán. Có thế, mới tương hợp với đạo lý giác ngộ và giải thoát.

Ngược lại, các thầy làm những chuyện không đâu, suốt ngày cứ mãi lo trang trí giày dép cho đẹp, không quan tâm gì đến việc tu hành. Như thế, thì làm sao dứt hết lậu hoặc để được giác ngộ giải thoát? Đó là làm những chuyện không đáng làm.

Nhân đây, chúng ta hãy tự quán xét lại mình, có giống như các thầy Tỳ kheo mà bị Phật quở trách hay không? Nếu có, thì mỗi người chúng ta nên tự hối cải sửa lại những sai lầm mà lâu nay chúng ta đã bị vướng mắc. Được vậy, thì mới xứng danh là người xuất gia tu học đúng theo đạo lý giác ngộ giải thoát. Bằng không, thì chúng ta khó mong thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử khổ đau.

294. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Sát đế lợi, diệt vương quốc luôn cả quần thần, mà hướng về Bà la môn vô ưu. Having slain mother (craving), father (self-conceit), two warrior kings (eternalism and nihilism), and destroyed a country (sense organs and sense objects) together with its treasurer (attachment and lust), ungrieving goes the holy man.

Kệ tụng

Sau khi giết mẹ cha

Giết hại vua Sát lỵ
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, Phạm chí sống
295. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Bà la môn, diệt luôn hổ tướng "nghi" thứ năm, mà hướng về Bà la môn vô ưu. Having slain mother, father, two brahmin kings (two extreme views), and a tiger as the fifth (the five mental hindrances), ungrieving goes the holy man.

Kệ tụng

Sau khi giết mẹ cha
Hai vua Bà la môn
Giết hổ tướng thứ năm
Vô ưu Phạm chí sống
Chú thích Mẹ - Mata, tiêu biểu tâm ái dục (tanha), vì chính ái dục dẫn dắt chúng sanh đi tái sanh. Cha – Pita, tiêu biểu tánh ngã mạn, chấp cái ta, và tự phụ, kiêu căng Diệt hai giòng Sát đế lợi: dụ cho hai phái ngoại đạo thời Phật là Thường kiến và Đoạn kiến. Diệt Vương quốc: chỉ cho 12 xứ: lục căn và lục trần. Quần thần: chỉ sự dục lạc (nadirago) Bà la môn vô ưu: chỉ quả vị lậu tận A la hán.

Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giảLakuntaka Bhaddiya.

Theo truyện tích, "một thời, đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên, có một số Tỳ kheo đến viếng thăm Ngài. Sau khi đảnh lễ, các thầy kính cẩn lui ngồi một bên. Khi ấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi ngang đấy không xa. Đức Phật biết tâm của các Tỳ kheo đúng lúc, Ngài nhìn Tôn giả và nói với các Tỳ kheo: - Các ông hãy nhìn kìa! Đó là Tỳ kheo đã giết cha, giết mẹ, thoát khổ đau. - Đức Thế tôn nói gì thế? Các Tỳ kheo kêu lên, nhìn nhau, nghi ngờ và hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Ngài nói gì? Phật bèn nói Pháp hai pháp cú trên. Nghe xong, các thầy chứng A la hán". (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 150)

Chủ yếu của hai pháp cú trên là đức Phật dạy người tu hành muốn được giải thoát là phải diệt trừ vô minh và tham ái. Vì nó là động cơ thúc đẩy chúng sanh tạo nghiệp tái sanh trong vòng luân hồi sanh tử khổ đau. Đồng thời Phật lại dạy tiếp: "diệt hai giòng Bà la môn", có nghĩa là dứt trừ hai loại tà kiến: "Thường kiến và Đoạn kiến". Đây là hai chủ thuyết của hai phái ngoại đạo thời Phật. Phái Thường kiến họ chủ trương có một linh hồn bất tử. Ngược lại, phái Đoạn

kiến, thì chủ trương đoạn diệt, nghĩa là con người sau khi chết là mất hẳn không có linh hồn tái sanh đời sau.

Nói "diệt Vương quốc", có nghĩa là chỉ cho dứt trừ thập nhị xứ, tức sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và sáu trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp). Còn "quần thần" là chỉ cho ngũ dục lạc thế gian. "Hướng về Bà la môn vô ưu" là hướng về quả vị lậu tận A

la hán. “Diệt luôn hổ tướng nghi”, có nghĩa là đoạn trừ năm thứ triền cái. Năm triền cái là: “tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối và nghi”. Năm thứ này làm chướng ngại công phu thiền định của hành giả. Chúng cũng thuộc về loại phiền não nguy hiểm, có sức mạnh rất lớn làm cho hành giả rất trở ngại trên bước đường tu tập để đạt thánh quả. Nhứt là đối với phiền não “Nghi”. Đây là thứ tâm lý bất quyết, nghiệp tánh của nó là hay do dự nghi ngờ chân lý, nghiệp dụng của nó là làm cản trở cho việc tin tưởng đạt ngộ chân lý.

Chuyện trích dẫn trên, đọc qua, chúng ta thấy thật đơn giản, nhưng, không phải là việc dễ thật hành. Phật kêu các vị Tỳ kheo chỉ thầy Lakuntaka Bhaddiya đã giết cha và mẹ, thoát khổ đau. Nghe Phật nói thật là lạ lùng, làm cho các thầy Tỳ kheo đâm ra sửng sốt ngạc nhiên nghi ngờ. Tại sao thầy đó lại giết cha và mẹ? Ai cũng biết, đây là phạm tội ngũ nghịch rất nặng. Tội đọa địa ngục A tỳ. Nhưng sau khi nghe Phật dạy rõ hơn ở hai bài kệ, thì tâm trí các thầy bừng sáng, dứt hết nghi ngờ và ngay đó các thầy chứng thánh quả A la hán.

296. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Phật đà. Those disciples of Gotama ever awaken happily who day and night constantly practise the Recollection of the Qualities of the Buddha.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm
Thường niệm tưởng Phật Đà.

297. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Đạt ma. Those disciples of Gotama ever awaken happily who day and night constantly practise the Recollection of the Qualities of the Dhamma.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luân ngày hay đêm
Thường niệm tưởng chánh pháp.

298. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Tăng già.

Those disciples of Gotama ever awaken happily who day and night constantly practise the Recollection of the Qualities of the Sangha.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm

Thường niệm tưởng Tăng Già.
299. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng sắc thân. Those disciples of Gotama ever awaken happily who day and night constantly practise mindfulness of the body.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm
Thường niệm tưởng sắc thân
300. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường vui điều bất sát. Those disciples of Gotama ever awaken happily whose minds by day and night delight in the practice of non-violence.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm
Ý vui niềm bất hại
301. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường ưa tu Thiền quán. Those disciples of Gotama ever awaken happily whose minds by day and night delight in the practice of meditation.

Kệ tụng

Đệ tử đấng Cù Đàm
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm
Ý vui tu thiền quán
Chú thích Kiều Đáp Ma: (Gotama) chỉ cho đức Phật. Niệm tưởng sắc thân: Quán thân bất tịnh gồm có 32 thứ: tóc, lông, móng, răng, da, thịt xương, gân v.v...

Lược giảng

Sáu pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến một cậu bé con người bán củi.

Theo truyện tích, tại thành Vương xá, có hai cậu bé một đứa con nhà Phật tử, một đứa con nhà ngoại đạo, chúng thường chơi banh chung với nhau. Vì thói quen, mỗi khi tung banh lên, thì đứa bé Phật tử, thường niệm "Nam mô Phật đà". Ngược lại, đứa bé ngoại đạo, thì hay niệm "Nam mô A la hán". Trong trò chơi, đứa bé Phật tử thường thắng cuộc. Đứa bé ngoại đạo thường thua nên tức mình quan sát thấy bạn trẻ này thường thắng ta là nhờ niệm câu Nam mô Phật đà. Vậy ta cũng sẽ làm như vậy. Và em bắt đầu tập thói quen tưởng niệm Phật đà.

Một ngày nọ, sau khi đốn củi ở rừng về, người cha và em dừng lại nơi bãi tha ma ngoài thành, để dùng cơm. Chiều lại, con bò kéo xe của ông theo đàn trâu bò khác vào thành. Người cha chạy bắt bò lại, nhưng khi trở ra trời tối cửa thành đóng lại. Đêm ấy, cậu bé đành phải ngủ một mình dưới chiếc xe.

Trong lúc cậu ta đang ngủ, bỗng có hai con quỷ xuất hiện. Một ác quỷ và một thiện quỷ. Quỷ dữ định ăn thịt cậu bé, quỷ hiền ngăn lại. Nhưng quỷ dữ không nghe liền nắm đôi chân cậu bé định xé đôi. Lúc ấy theo thói quen, cậu bé trong giấc ngủ chợt niệm: "Nam mô Phật". Quỷ dữ nghe thế kinh sợ thối lui. Quỷ hiền bảo, thế nào chúng ta cũng bị phạt.

Để chuộc lỗi lầm, quỷ hiền canh giữ cậu bé suốt đêm. Trong khi đó, con quỷ dữ lén vào trong cung vua, lấy thức ăn đựng đầy trong một cái dĩa bằng vàng đem ra. Thế là, hai con quỷ săn sóc cậu bé như cha mẹ. Trước khi rời khỏi, chúng nó dùng thần lực viết thư lên dĩa kể lại câu chuyện và căn dặn chỉ có nhà vua mới đọc được thôi.

Hôm sau, trong cung vua phát hiện mất cái dĩa vàng. Mọi người lục lạo tìm kiếm khắp nơi mà không thấy. Cuối cùng, họ thấy chiếc dĩa trên xe cậu bé và bắt cậu bé về cung hạch hỏi. Sau khi xem qua câu chuyện, nhà vua ngạc nhiên hỏi: thế này là sao? Cậu bé cũng không hiểu chuyện gì xảy ra đêm hôm qua. Cha của cậu bé hay tin đến nơi cũng không hiểu chuyện gì. Sau đó, nhà vua dẫn hai cha con lên gặp Phật. Nhà vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có phải niệm tưởng Phật là một sự che chở, hay tưởng niệm Pháp và những điều khác cũng được hộ trì?

Đức Phật trả lời:

- "Này đại vương, niệm tưởng Phật đà không phải chỉ là cách duy nhất có ý nghĩa được bảo hộ, nhưng người Phật tử chân chánh thực hành thâm sâu niệm tưởng trong sáu đề mục thì không cần bất cứ sự bảo hộ nào, câu thần chú nào, hay dược thảo nào cả". (Hết phần lược dẫn cốt chuyện). Nhân đó, đức Phật nói những pháp cú trên.

Phân tích pháp cú 296, ta thấy lời Phật dạy, có những cụm từ thật quan trọng. Phật bảo chúng ta "phải luôn tự tỉnh giác", lời dạy này là cốt lõi của sự tu hành. Tỉnh giác đồng nghĩa với

chánh niệm. Vấn đề chánh niệm, rải rác ở những pháp cú trước, chúng tôi cũng đã có giải thích sơ qua. Có thể nói, người tu theo đạo Phật mà thiếu chánh niệm hay tỉnh giác, thì không phải là người tu Phật.

Người tu có được an lạc hạnh phúc hay không, cũng đều do có chánh niệm, hay tỉnh giác mà ra. Nếu thất niệm là đau khổ. Vì thất niệm là mất mình. Có chánh niệm là có mặt mình cả thân lẫn tâm ngay trong giây phút hiện tại. Người có chánh niệm là biết rõ ràng những gì đang xảy ra. Vì nghĩa của chữ "Niệm" hay "Tỉnh giác" là "Biết" . Biết là tiếp xúc được thực tại một cách rõ ràng, mà không qua sự đắn đo phân biệt của ý thức. Có ý thức xen vào làm việc, thì sẽ có muôn ngàn khái niệm bị chia chẻ. Từ đó, mọi vật sẽ lăn cuộn tròn theo ý thức phân biệt và như thế là chúng ta đã đánh mất mình.

Vì thế, người tu muốn được giải thoát, thì phải luôn luôn tự tỉnh giác. Muốn có tỉnh giác, thì "không luận ngày đêm". Chúng ta phải thường xuyên quán chiếu nhìn kỹ lại mình. Còn hạn cuộc thời gian là sự tu hành của chúng ta vẫn còn bị hệ thuộc vào thời khóa ấn định. Người thật tu hành, thì không phải chỉ hạn cuộc vào thời khóa không thôi, mà còn cần phải nỗ lực gắng tu giác quán trong mọi thời gian và nơi chốn. Như thế, thì mới mong được giác ngộ và giải thoát.

kế tiếp Phật dạy "thường niệm tưởng Phật đà". Niệm có hai nghĩa: nhớ và biết. Phật đà là người tỉnh thức. Nhớ Phật cũng có hai nghĩa: sâu và cạn. Nghĩa sâu là hằng nhớ lại tánh giác của mình. Nghĩa cạn là nhớ đến Phật bên ngoài. Như người tu Tịnh độ là hằng nhớ tưởng Phật Di Đà. Đó là nhớ qua hình tượng của Ngài. Nhờ luôn luôn nhớ như thế, mà phiền não không có cơ hội dấy khởi. Mà không có phiền não thì tâm ta được lặng lẽ an vui. Đó là nghĩa cạn của chữ "nhớ tưởng". Còn nghĩa sâu của chữ "Biết", là chúng ta biết tất cả những gì đang xảy ra chung quanh mình, nhưng biết với một tâm thể sáng suốt thanh tịnh hiện tiền, đó cũng có nghĩa là niệm tưởng Phật đà, theo nghĩa sâu. Người nào thường niệm như thế, không muốn giải thoát cũng được giải thoát. Giải thoát ngay trong đời sống hiện tại chớ không phải đợi đến mai sau. Vì đó là chúng ta đã thực sự trở về sống lại tánh giác của chính mình.

Pháp cú 297, Phật dạy ý nghĩa cũng giống như pháp cú trên, tuy nhiên chỉ có khác là: "thường tưởng niệm Đạt ma". Đạt ma (Dharmma) là pháp. Chữ Pháp nghĩa của nó rất rộng. Nhưng chữ "Pháp" ở đây Phật muốn nói đến là chỉ cho pháp "Tứ Đế" hay Chánh pháp. Người Phật tử ngoài việc nhớ Phật còn phải hằng để tâm học hỏi Chánh pháp. Chánh pháp là những lời Phật dạy nhằm đưa chúng sanh đạt ngộ chân lý. Nghĩa là vượt thoát mọi khổ đau sanh tử, để thể nhập vào Niết bàn tự tại. Ngoài ra, về lý tánh, pháp cũng có nghĩa là Trí huệ, Từ bi, Bình đẳng, Nhẫn nhục vị tha v.v... chúng ta hằng nhớ tưởng quán chiếu sâu vào những pháp tánh này, và luôn phát huy hành động theo chúng, thì đời sống của chúng ta cũng sẽ được an vui giải thoát. Đó cũng có nghĩa là chúng ta đã khéo biết trở về nương tựa với pháp tánh của chính mình vậy.

Pháp Cú 298, Phật nhắc nhở chúng ta phải hằng nhớ đến Tăng già (Sangha). Tăng già có nghĩa là hòa hợp chúng, tức một đoàn thể tu học sống chung trong tinh thần thương kính hòa hợp, thật hành đúng theo ý nghĩa Lục hòa. Nghĩa là chúng ta phải thực sự sống "Hiểu" và "Thương" trong tình huynh đệ. Đó là nói về phần hình thức sự tướng bên ngoài. Còn nói về phần lý tánh bên trong, thì mỗi người chúng ta ai ai cũng đều sẳn có tánh thể thanh tịnh, hòa hợp, tức là ông Thầy gốc của mình. Nếu chúng ta khéo biết trở về nhận diện và hằng sống hòa hợp với đức tánh thanh tịnh này, thì đó mới thực sự là chúng ta tự quy Tăng.

Nói tóm lại, ba pháp cú trên (296, 297, 298) đức Phật nhằm thức nhắc người Phật tử nên tưởng niệm tin sâu vào Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Người Phật tử phải sống hài hòa dung hợp giữa "Sự" và "Lý" Tam bảo. Hằng sống được như thế, thì mới xứng đáng là người đệ tử Phật và mới thực sự có được nếp sống hướng thượng an lạc và giải thoát.

Pháp cú 299, Phật dạy chúng ta phải "thường niệm tưởng sắc thân". Lời dạy này, Phật nhằm thức nhắc chúng ta phải lưu tâm thường xuyên quán tưởng đến cái thân bất tịnh. Đây là một phép quán với mục đích là để dứt trừ lòng tham dục đắm trước ở nơi thân mình và người. Pháp quán này cũng có cạn và sâu khác nhau. Nhưng tựu trung, cũng không ngoài năm phần quán sát sau đây: • Quán chủng tử bất tịnh. • Quán trụ xứ bất tịnh. • Quán tự tướng bất tịnh. • Quán tự thể bất tịnh. • Quán chung cánh bất tịnh.

Nhờ trải qua tuần tự quán sát như thế, thì hành giả mới nhàm chán ở nơi tự thân và từ đó mọi thứ nhu cầu tham dục cho thân, nhứt là tham đắm sắc dục sẽ giảm bớt rất nhiều. Tuy nhiên, Phật dạy quán bất tịnh để thấy được cái thanh tịnh của nó, chớ không phải quán bất tịnh để rồi chúng ta đâm ra nhàm chán, đến độ muốn quyên sinh tự tử. Tâm niệm đó là trái với ý nghĩa Phật dạy. Nên nhớ, mục đích chính của pháp quán này, là để đối trị lại những ai có lòng tham mê sắc dục quá nặng. Nhờ đó mà thân tâm của họ được nhẹ nhàng và sẽ có một đời sống an vui hạnh phúc vậy.

Pháp cú 300, Phật dạy người Phật tử "thường vui điều bất sát". Lời dạy này, Phật chú trọng đến vấn đề giới luật. Trong năm giới cấm của người Phật tử tại gia, thì giới cấm không sát sanh đứng đầu. Chủ yếu là Phật cấm người Phật tử không được giết hại sanh mạng người. Rồi từ đó hạ thấp dần xuống, giữ được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu.

Tại sao Phật nói thường vui với điều bất sát? Điều này rất dễ hiểu, khi chúng ta không giết hại sinh vật, tất nhiên, là chúng ta sẽ tránh được những quả báo oán thù vay trả, trả vay hiện đời này và đời sau. Hiện đời, chúng ta đi đâu cũng không lo sợ ai rình rập hại mình. Như thế, là chúng ta mới thực sự có được niềm vui tự do thoải mái. Thứ nữa, là thân ta lại ít bệnh đau, sống lâu, đó cũng là một niềm vui lớn, nhờ chúng ta khéo biết gìn giữ giới bất sát sanh này.

Pháp cú 301, Phật dạy người Phật tử "thường ưa tu thiền quán". Bởi thiền quán thật hết sứ quan trọng đối với người tu theo đạo Phật. Vấn đề này, chúng tôi cũng đã có nói qua nhiều lần ở những pháp cú trước. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được nói ngắn gọn tóm tắt mà thôi. Có thể nói, thiền quán là cánh cửa đi vào ngôi nhà giác ngộ giải thoát. Người tu hành, mà thiếu thiền quán, có khác nào người nấu ăn thiếu muối. Vì vậy, trong đạo Phật rất chú trọng đến thiền quán. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, cũng phải cần đến thiền định. Không có thiền định thì làm sao phát huệ? Thiền định và trí huệ là hai phạm trù bất khả phân ly. Nhờ có thiền định mà tâm ta mới được sáng suốt thanh tịnh. Và như thế, tất nhiên, người Phật tử sẽ được an lạc và giải thoát mọi khổ đau trong hiện tại và mai sau.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học đáng ghi nhớ là thói quen niệm Phật. Cậu bé ngoại đạo, trong lúc chơi banh, vì tự ái thua hoài, nên cậu ta nghĩ rằng, mình bị thua là do vì cậu bé Phật tử thường niệm Phật nên được Phật ủng hộ. Do nghĩ thế, nên cậu ta bắt chước niệm theo. Nhờ thói quen đó, nên trong giấc mơ cậu ta cũng phát ra thành tiếng niệm Phật. Nhờ vậy, mà cậu ta tránh khỏi nạn quỷ dữ định ăn thịt mình. Điều đó, cho thấy, người

có thói quen niệm Phật, tất nhiên, sẽ tránh được nhiều họa hại. Không những thế, mà còn có nhiều lợi ích thiết thực trong đời sống.

302. Xuất gia dứt hết ái dục là khó, tại gia theo đường sinh hoạt là khó, không phải bạn mà chung ở là khổ, qua lại trong vòng luân hồi là khổ. Vậy các ngươi đừng qua lại trong vòng sanh tử luân hồi ấy. Difficult is life as a monk; difficult is it to delight therein. Also difficult and sorrowful is household life. Suffering comes from association with unequals; suffering comes from wandering in samsara. Therefore, be not an aimless wanderer, be not a pursuer of suffering.

Kệ tụng

Vui hạnh xuất gia khó
Tại gia sinh hoạt khó
Sống bạn không đồng khổ
Trôi lăn luân hồi khổ
Vậy chớ sống luân hồi
Chớ chạy theo đau khổ.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Đại Lâm (Mahàvàna) gần thành Tỳ xá ly, có liên quan đến một ông hoàng dòng Bạt Kỳ (Vajjian) đã xuất gia thành Sa môn.

Theo truyện tích, sau khi xuất gia làm Sa môn, thầy Tỳ kheo vương giả này sống ẩn cư trong rừng gần thành Tỳ xá ly. Có một đêm, thầy nghe tiếng trống tiếng nhạc vọng lại từ thành phố, bất giác, thầy buồn than rên rỉ:

Ta cô đơn trong rừng
Như khúc cây bị bỏ
Trong đêm như đêm nay
Có ai bằng ta khổ.
Vì là một hoàng tử dòng Bạt Kỳ xuất gia, nên những tập khí thích vui chơi nghe âm nhạc nhộn nhịp ở ngoài đời, nhứt là trong cung đình, thử hỏi làm sao những tập khí đó không trổi lên sống dậy, khi nghe lại tất cả những âm thanh quen thuộc? Trong khi có rất nhiều hoàng tử và các quan đại thần trang sức lộng lẫy, họ lũ lượt kéo nhau từng đoàn đi dự hội, trong một đêm trăng sáng huyền ảo tuyệt đẹp. Thật là một quang cảnh tưng bừng náo nhiệt, làm cho thầy Sa môn này đang đi kinh hành ở ngoài hành lang, thật là ngậm ngùi chạnh lòng nghĩ đến tủi cho thân phận cô đơn của mình! Trong khi mọi người vui chơi thỏa thích, thì mình lại sống đơn độc giữa rừng khuya thanh vắng, bốn bề tĩnh mịch. Than ôi! Còn nỗi buồn bất hạnh nào hơn!

Lâm thần thấy vậy, cảm thông cho thầy, vì muốn khuyến khích thầy, nên Lâm thần nói kệ:

Ngài cô đơn trong rừng
Như khúc cây bị bỏ.

Nhiều người ước được thế
Như kẻ đọa địa ngục
Ganh người ở thiên đàng.
Sau khi nghe Lâm thần nói kệ, hôm sau thầy đến đảnh lễ Phật định trình bày, Phật hiểu ý và muốn cho thầy biết đầy đủ về khổ đau của đời sống thế gian. Ngài liền nói bốn thứ khó, khổ trong pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Pháp cú trên, Phật nêu ra bốn điều khó, khổ, đối với người xuất gia cũng như Phật tử tại gia:

Thứ nhứt, Phật nói: "xuất gia dứt hết ái dục là khó". Mục đích của người xuất gia là muốn thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử khổ đau. Bởi gốc của sanh tử là ái dục. Đốn cội gốc ái dục, thì không còn cây sanh tử. Nhưng muốn đốn tuyệt bứng đi gốc rễ ái dục này, thật không phải là chuyện dễ làm. Vì gốc rễ của nó quá sâu dày. Muốn đốn tuyệt gốc, thì phải cần đến cây búa bén trí huệ. Và phải có một ý chí, tinh tấn phi phàm. Do đó, người xuất gia phải trang bị cho mình một ý chí sắt đá, một tinh thần dũng cảm gan dạ, với sức thiền định và một trí năng vượt bực, có thế, thì mới mong đốn được cội gốc ái dục. Bằng không, thì khó thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử khổ đau.

Thứ hai, Phật nói: "tại gia theo đường sinh hoạt là khó". Đường sinh hoạt Phật nói ở đây là sinh hoạt đúng theo Chánh pháp. Đối với người Phật tử tại gia, sống thật hành đúng theo Chánh pháp, thật không phải là chuyện dễ làm. Bởi vì người Phật tử tại gia có quá nhiều việc phải làm, phải giải quyết bao nhiêu công việc theo nhu cầu thiết yếu của đời sống. Do đó, tất nhiên, là họ vấp phải rất nhiều nỗi bức xúc, hệ lụy khổ đau. Tuy nhiên, cũng có một số ít, họ quyết chí vươn lên và xây dựng một đời sống, không những phù hợp với Chánh pháp, mà còn đem lại nhiều điều lợi lạc cho mọi người, mọi loài. Nhưng số người này, phải nói, chỉ đếm được trên đầu ngón tay mà thôi. Còn lại, tất cả đều rất khó thật hành. Bởi thế, Phật mới nói là khó. Thế nhưng, điều gì khó làm, mà mình làm được, thì điều đó mới thực sự là có giá trị vô song.

Thứ ba, Phật nói: "không phải bạn mà chung ở là khổ". Điều này là một chứng nghiệm rõ nét trong thực tế. Chữ bạn mà Phật nói ở đây, phải là người bạn thân, chớ không phải bạn thường. Chỉ có bạn thân, mới hiểu và cảm thông nhau. Ngược lại, thì rất khó sống chung, vì cả hai không hiểu tánh tình nhau. Vả lại, nếu không phải là bạn, tất nhiên là người xa lạ. Đã xa lạ thì làm sao có thể sống chung nhau. Phật nói "khổ" ở đây, là do hai người khác biệt tánh tình, khác nào như nước với lửa. Đã thế, thì không thể nào hiểu và cảm thông nhau được. Nên sống chung thì chỉ chuốc thêm bực mình khổ lụy mà thôi.

Thứ tư, Phật nói: "qua lại trong vòng luân hồi là khổ". Điều khổ này, khỏi phải luận bàn nhiều, vì không ai là không biết. Chẳng những biết thôi, mà chúng sanh còn phải chịu đựng không biết bao nhiêu điều cay đắng khổ sở. Nỗi thống khổ của kiếp người điêu linh trôi nổi này, thật không có bút mực nào nói hết. Nội trong kiếp sống hiện đời này, đã quá khổ đau rồi, nói chi đến nhiều kiếp về trước. Nói đến sự khổ đau của con người, trong kinh thường nêu ra có ba khổ và tám khổ. Đó là nói một cách tóm yếu, còn nói

rộng ra thì những nỗi thống khổ của chúng sanh thật không có ngằn mé. Nói ba khổ gồm có: khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Tám khổ gồm có: sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội và ngũ ấm xí thạnh khổ. Đó là Phật nói những nỗi thống khổ lớn của con người. Đã mang nghiệp người, thì không một ai thoát khỏi những điều hệ lụy khổ đau đó.

Sau khi nêu ra bốn điều khó, khổ đó, Phật kết luận: "Vậy các ngươi đừng qua lại trong vòng thống khổ ấy". Lời kết luận này, như là một thông điệp mà đức Phật nhằm nhắn gởi, cảnh giác khuyên bảo mọi người nên ý thức khổ đau mà tránh gây tạo nghiệp ác, để khỏi phải chuốc lấy những khổ đau sống chết qua lại trong vòng lục đạo luân hồi. Mỗi người sanh ra,

vốn đã mang kiếp sống nhiều khổ đau hệ lụy lắm rồi! Vậy xin mọi người đừng tiếp tục gây thêm khổ đau cho nhau nữa. Nếu như không có từ tâm thương yêu giúp đỡ cho nhau, thì xin mọi người hãy nghĩ đến chút tình đồng loại, mà trên hết là tình người, đừng gây thêm thù hận để rồi đấu đá chém giết tàn hại lẫn nhau.

Loài người, tuy có khác nhau màu da chủng tộc, nhưng nhìn kỹ lại, thì ai ai cũng có chung một dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn. Có khác chăng là khác ở mỗi gốc độ nhìn, do vọng thức biến kế của mỗi người mà ra. Vì mỗi người tâm tưởng khác nhau, nên mới có nhiều quan niệm sống khác nhau. Đó là nói khác nhau trên mặt hiện tượng của vọng thức, nhưng bản thể vẫn là một. Nhìn trên mặt hiện tượng thì có muôn ngàn lượn sóng lớn nhỏ khác nhau, nhưng tất cả có chung một bản thể là nước. Không ai có quyền tách sóng ra khỏi nước, hay ngược lại cũng thế. Như vậy, thử hỏi làm sao nước coi sóng là kẻ thù nghịch hay sóng coi nước là người xa lạ đối nghịch cho được? Chỉ có những ai tâm trí không bình thường mới không nhận ra điều đó.

Hiểu thế, thì mọi người xem nhau như tình huynh đệ, nên yêu thương giúp đỡ cho nhau không hết, có đâu lại thù hận, đấu đá, sát hại, gây ra làm khổ đau cho nhau! Vì sóng đau khổ cũng chính là nước đau khổ. Làm sao chia cắt tách rời giữa nước và sóng thành hai phạm trù dị biệt cho được. Nghĩ thế, thì mọi người chung sống và cùng nhau tiếp tay xây dựng một thế giới hòa bình an lạc. Được vậy, thì còn gì quí giá cho bằng và như thế, thì đời sống của kiếp nhơn sinh ngắn ngủi này mới thực sự là có đầy đủ ý nghĩa cao đẹp.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy một tập khí khá sâu nặng, thật khó trừ khó đoạn. Dù đã từ bỏ đời sống vương giả, xuất gia làm Sa môn, nhưng những tập khí dục vọng trụy lạc thích vui chơi âm nhạc, vẫn còn tiềm ẩn sâu kín trong tâm thức của vị Sa môn. Từ đó, thầy lại đâm ra chán nản bất mãn cho nếp sống tu hành đơn độc kham khổ. Ý chí xuất gia giải thoát ban đầu của thầy, dường như không còn đủ nghị lực để chiết phục. Thầy đã than thân trách phận, cho đến lâm thần nghe được cảm thông khuyến khích thầy nên gìn giữ ý nguyện siêu thoát cao đẹp mà mọi người không ai có thể muốn có được.

Khi thầy ra mắt đảnh lễ Phật, Phật thấu hiểu tâm trạng của thầy và để khuyến tấn khích lệ cho thầy tiến tu trên đường đạo để đạt giải thoát, Phật liền nêu bày cảnh giác

về những điều khó, khổ ở thế gian. Mục đích là để cho thầy giác ngộ tinh tấn tu hành để chóng thành đạo quả vậy.

303. Chánh tín và giới hạnh, được danh dự và thánh tài; người nào được như thế, đến đâu cũng tôn vinh. He who is full of faith and virtue, and possesses good repute and wealth – he is respected everywhere, in whatever land he travels.

Kệ tụng

Tín tâm, sống giới hạnh
Đủ danh xưng thánh tài
Chỗ nào người ấy đến
Luôn luôn được kỉnh tôn.
Chú thích
Thánh tài: nói đủ là thất thánh tài, tứ gia tài của bậc thánh giả. Thất thánh tài gồm có: tín, giới, tàm, quý, văn, xả, huệ.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến cư sĩ Tâm (Citta).

Theo truyện tích, “Citta là một nam cư sĩ giàu tâm đạo, chàng luôn được quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Tôn giả A nan thấy thế bề hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! chỉ khi nào Citta đến viếng Phật mới được trọng vọng như thế? Hay cũng được quý trọng khi đến thăm các người khác?

Phật dạy: - Này A nan! Ông ấy luôn được quý trọng như vậy, dù cho đến viếng Ta hay viếng ai. Vì cư sĩ ấy đầy niềm tin, tâm đạo và đức hạnh. Người như thế, dù đi đến nơi nào cũng được tôn kính”. Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 159)

Chánh tín là niềm tin chơn chánh, một niềm tin được điều động chỉ đạo bởi lý trí. Niềm tin rất quan trọng đối với người tu. Nhất là đối người tu theo pháp môn Tịnh độ, thì niềm tin đứng đầu trong ba món tư lương: “Tín, Hành, Nguyện”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Niềm tin là mẹ đẻ của các thứ công đức”. Tu hành thiếu niềm tin, thì chẳng khác nào như cây thiếu rễ cái. Tất nhiên là thân cây phải khô cằn. Nhờ có niềm tin mạnh mẽ, vững chắc ở nơi Tam bảo, nhân quả, thì hành giả mới có thể tu tiến thoát khổ. Nên nhớ niềm tin phải được đặt định trên nền tảng trí giác, nếu không, thì niềm tin đó sẽ trở thành mê tín, mù quáng.

Khi tin sâu vào pháp lành, nên hành giả mới giữ giới. Bởi công năng của giới luật là ngăn chận các việc ác. Không những ngăn chận không thôi, mà hành giả còn phải gia công tích cực hành thiện, đó là thực hiện làm các hạnh lành. Giới và hạnh là hai phạm trù hỗ tương nhau. Nhưng giới là căn bản. Có thể nói, muôn hạnh lành nhờ giữ giới mà phát sanh. Hạnh là đức độ cảm hóa tha nhân.

Người tu thiếu hạnh, thì không thể khắc phục cảm hóa chính mình, nói chi đến hóa độ kẻ khác. Muốn có giới hạnh, thì người tu cần phải để tâm nghiên cứu học hỏi, nghĩa là

học rộng nghe nhiều. Đó là văn huệ. Có nghe nhiều rồi nỗ lực huân tu thật hành những gì đã học. Từ đó, hành giả mới có được tấm lòng bao dung rộng mở hỷ xả. Biết tha thứ mọi lỗi lầm cho tha nhân. Đó là thể hiện ân đức.

Buông bỏ tất cả những tâm niệm chấp trước ở nơi tự ngã, tha nhân, rộng ra là muôn pháp, có thế, thì mới được giải thoát. Đó là hành giả thật hành hạnh "Tứ vô lượng tâm" của Bồ tát. Trong Tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả mà hạnh xả là quan trọng hơn hết. Nếu không xả là có vướng mắc, chấp trước. Do xả bỏ mọi thứ nên trí huệ mới phát sanh và mới mau thành tựu đạo quả Bồ đề.

Còn tàm và quý của "Thất thánh tài" nói trên, cũng như là hai người bạn để giúp sức cho hành giả thành tựu ở 5 pháp trên: Tín, Giới, Văn, Xả và Huệ. Người nào trang bị đầy đủ "bảy thứ báu" này, thì người đó đi đến đâu cũng được người ta kính trọng tôn sùng.

Chuyện trích dẫn trên, cho ta thấy, Citta là một cư sĩ có đầy đủ tín tâm tin kính ở nơi Tam bảo. Một người có đạo đức thực sự, thì dù cho đi bất cứ nơi đâu hay ở đâu, họ cũng được mọi người quý kính. Ngược lại, nếu như người đó bản chất đạo đức của họ không có, thì dù cho họ có giả bộ làm ra vẻ đạo đức, hay thậm chí họ ở gần một bậc thầy nào đó có đạo đức cao, thì chưa chắc người đó đã được người ta kính trọng, thán phục. Bởi vì, đạo đức phải được toát ra từ cái tâm thể chân thật. Ở đời, cái gì chân thật thì cái đó bất hư. Còn cái gì giả dối, thì

không thể tồn tại. Đó là chân lý muôn đời. Cư sĩ Citta, là người có tâm đạo và đức hạnh, nên Phật nói dù đi đến nơi nào cũng được người ta tôn kính. Thiết nghĩ, đó cũng là bài học sáng giá để chúng ta học hỏi noi gương cư sĩ Citta vậy.

304. Làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như Tuyết sơn; làm ác thì mù mịt như bắn cung ban đêm. The good shine even from afar, like the Himalaya mountain. But the wicked are unseen, like arrows shot in the night.

Kệ tụng

Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết
Người ác dầu ở gần
Như tên bắn đêm đen
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Cullà Subhaddà, con gái ông Cấp Cô Độc.

Theo truyện tích, Giữa ông Cấp Cô Độc và Úc Già là đôi bạn thân nhau lúc còn nhỏ. Vì chơi thân nhau, nên họ hứa hẹn, sau này sẽ kết tình thông gia với nhau. Lớn lên cả hai ông đều trở thành trưởng giả giàu có.

Một hôm. Úc già ghé thăm, cô gái theo lời dặn của cha tiếp đãi khách rất trịnh trọng chu đáo. Buổi tiếp kiến hôm đó, Úc Già tỏ ra rất hài lòng về người con gái ngoan hiền,

nết hạnh và xin được cưới cho con trai mình. Việc này, ông Cấp Cô Độc có trình hỏi ý kiến đức Phật, Phật biết rõ nhân duyên của Úc Già sẽ chứng Thánh quả, nên Phật khuyên nhận lời. Thế là, cả hai bên đồng ý định ngày hôn lễ.

Vì là trưởng giả giàu có nhứt xứ, nên ông Cấp Cô Độc cho con gái mình rất nhiều của hồi môn và khuyên dạy nhiều điều cặn kẽ. Đồng thời, ông cũng gởi gắm con mình cho nhà chồng. Ngày cử hành hôn lễ, bên nhà gái có thiết lễ trai phạn cúng dường Phật và chúng Tăng. Sau đó, là buổi lễ tiển đưa cô dâu lên xe hoa về nhà chồng thật là huy hoàng lộng lẫy. Dân chúng cả thành phố đều hoan hô chúc mừng hết lời ca ngợi vẻ đẹp và công hạnh của cô dâu.

Úc Già là đồ đệ của phái ngoại đạo lỏa thể. Hôm đó, có mặt của các vị đạo sĩ này. Úc già bảo cô dâu ra mắt chào hỏi các đạo sĩ, nhưng cô dâu cự tuyệt, và cho rằng, những vị đó khiếm nhã, thiếu đạo đức, không đáng kính, nên Úc già nổi giận, đuổi nàng ra khỏi nhà. Nhưng cô ta sau khi trình bày mọi việc, các vị bảo hộ bênh vực cô ta không có lỗi. Biết rõ cô là một Phật tử thuần thành trung kiên với đức Phật, bà mẹ chồng mới hỏi cô về đức độ của đức Phật. Nhân đó, cô nói một bài kệ rất dài để ca tụng Phật và chúng Tăng.

Sau khi nghe qua những lời tán thán Phật và chúng Tăng, bà mẹ chồng tỏ ý muốn gặp đức Phật. Cô dâu nhận lời và lên lầu cao đốt hương hướng về Phật với tâm nguyện chí thành tha thiết đảnh lễ cầu thỉnh đức Phật quang lâm đến tư gia. Cùng lúc đó, ông Cấp Cô Độc cũng đến thỉnh Phật, nhưng Phật từ chối, vì đã nhận lời con gái của ông. Ông rất ngạc nhiên hỏi Phật làm sao con gái ông thỉnh được, vì ở xa một trăm hai mươi dặm. Phật nói:

- “Đúng thế, nhưng người lành dù ở xa, vẫn hiện rõ như ở gần”. Nhân đó, Phật nói pháp cú trên.

Khi ấy trời Đế Thích biết rõ mọi việc, nên hóa hiện năm trăm ngôi tháp để đưa Phật và chúng Tăng đến thành của Úc Già.

Khi Phật và chúng Tăng đến, với phong thái oai nghiêm siêu phàm, Úc Già và vợ tỏ ra hết sức kính trọng tung hoa đốt hương cúng dường long trọng. Úc Già thỉnh Phật ở lại bảy hôm, nhân đó Phật thuyết pháp cho Úc Già nghe cùng tám mươi bốn ngàn người đều đắc pháp nhãn. Từ đó, dân chúng trong thành Úc Già trở nên thuần thành giàu tâm đạo. Tất cả đều nhờ ân đức nàng dâu Subhaddà mà ra. (hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Các bậc hiền thánh từ ngàn xưa, được thành tựu đạo quả, tất cả đều nhờ tu các hạnh lành mà được. Đức Phật mặc dù đã thành Phật, nhưng đối với mọi việc lành dù nhỏ hay lớn, Ngài cũng đều không bỏ qua. Có khi Ngài xỏ kim cho một bà già. Có lúc Ngài thoa sức thuốc cho một con vật đã bị thương tích. Thậm chí Ngài còn đích thân tắm rửa, chăm sóc thuốc men cho một thầy Tỳ kheo bị bệnh kiết lỵ không đi nổi. Có thể nói suốt đời Ngài, từ khi còn là một đông cung thái tử, cho đến khi xuất gia tu hành thành Phật, Ngài không từ nan bất cứ việc lành nào. Dù điều lành đó có khó khăn đến đâu, Ngài cũng vẫn kiên nhẫn bền chí để làm. Làm mà không dính mắc vào việc mình làm.

Làm với một tấm lòng chân thật hỷ xả an vui.

Cổ nhân nói: "nên tham làm điều thiện, chớ thích làm điều ác. Thấy điều thiện như người khát nước, nghe điều ác như người tai điếc. Làm thiện là rất vui, đạo lý là rất lớn".

Ông Mã Viện đới Hán nói: "Cả đời làm thiện, thiện như chẳng đủ. Một ngày làm ác, ác thấy đầy ra". Vua Chiêu Liệt nhà Hán dặn vua Hậu Chủ rằng: "Dù cho những việc ác nhỏ cũng chớ làm; dù cho những việc thiện nhỏ cũng chớ nên bỏ qua mà không làm".

Phật nói: "làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như núi tuyết". Điển hình như chư Phật, chư Tổ và các bậc hiền nhân quân tử, dù đã trải qua mấy ngàn năm, nhưng tiếng tăm của các Ngài vẫn còn vang dội mãi trong lòng người muôn thuở. Gương sáng của các Ngài tỏ rạng còn hơn núi tuyết. Phật nói: "làm ác thì tối tăm như bắn cung ban đêm". Trên đời, có biết bao kẻ làm ác, giết hại biết bao nhiêu sanh mạng, họ coi sinh mạng con người như đồ cỏ rác. Điển hình cho những hạng người này, ở Trung Hoa thì có Tần Thủy Hoàng, ở Đức, thì có Hitler, Việt Nam, thì có hôn quân Lê Long Đỉnh v.v... Tên tuổi của những tên bạo ác này vẫn còn ghi đặm nét lưu danh trong sách sử.

Tên tuổi của họ cũng vang dội, nhưng vang dội để mọi người khinh miệt, mạt xát, nguyền rủa. Kẻ làm ác vì họ có quá nhiều tham vọng, muốn chiếm hữu tất cả về mình. Họ là kẻ hoàn toàn nô lệ cho bản ngã, mất hết lương tâm và lương tri của một con người. Họ hoàn toàn hiện nguyên hình của thú tánh. Phật nói đó là hạng người tối tăm như bắn cung ban đêm. Đã tối tăm, thì làm sao bắn trúng đích? Thế nên những kẻ làm ác, suốt đời họ bị giam hãm trong ngục tù vô minh, không biết ngày nào, họ mới tiếp nhận được ánh sáng trí huệ, để thoát khỏi vòng hệ lụy khổ đau triền miên.

Chuyện lược dẫn trên, chứng minh cho kẻ làm lành tất sẽ được phước báo. Vợ chồng trưởng giả Úc Già, nhờ cô con dâu chuyển hóa mà cả hai đều hướng về con đường chánh đạo. Điều đáng khen cho cô dâu Subhaddà là nàng vẫn giữ lập trường kiên định, không tùng phục phái ngoại đạo lỏa thể. Một lòng vẫn hướng về Phật. Mặc dù bị ông già chồng gây áp lực làm dữ, nhưng không vì thế mà cô ta khuất phục nghe theo. Không có một thế lực uy quyền nào có thể

làm lay chuyển lập trường với tất cả tấm lòng trung thành của cô đối với đức Phật. Cô đã đặt hết niềm tin hướng về đức Phật để thỉnh cầu. Đức Phật đã đáp lại lòng tín thành của cô ta. Chính điều đó đã làm cho ông trưởng giả Cấp Cô Độc rất đổi ngạc nhiên. Ta nên lưu ý lời dạy của Phật: "Người lành dù ở xa, vẫn hiện rõ như ở gần". Không có mùi hương nào bay xa bằng mùi hương đạo đức. Không có tiếng lành nào vang xa, bằng tiếng lành của con người "Toàn Thiện". Chỉ có con người Toàn Thiện, mới xứng đáng để mọi người quy kính hướng về mà thôi.

305. Ngồi một mình, nằm một mình, đi một mình không mệt mỏi, một mình tự điều luyện, vui trong chốn rừng sâu. He who sits alone, sleeps alone and walks alone, who is strenuous and subdues himself alone, will find delight in the solitude of the forest.

Kệ tụng

Người ngồi nằm một mình
Độc hành không buồn chán
Tự điều phục một mình
Vui sống trong rừng vắng.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Độc Cư.

Theo truyện tích, "Tôn giả Độc Cư nổi tiếng trong bốn bộ chúng rằng Ngài là người đi một mình, đứng một mình và ngồi một mình. Các Tỳ kheo đến bạch Phật về Tôn giả: - Bạch Thế Tôn, Trưởng lão ấy làm như thế, như thế. Đức Phật khen ngợi: - Lành thay! Lành thay! Tỳ kheo ấy có thể sống độc cư Và khen ngợi đời sống viễn ly, đơn độc". Ngài liền dạy pháp cú trên. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 166)

Thời Phật, phần nhiều các thầy Tỳ kheo thường sống độc cư trong núi rừng để dễ bề thiền quán. Cảnh trí núi rừng vắng vẻ ít có người lui tới. Vì các ngài rất sợ cảnh náo động ồn ào. Cảnh yên, thì hành giả dễ nhìn lại chính mình để gạn lọc phiền não nhiều hơn. Bởi tâm tánh của chúng ta thường phan duyên theo trần cảnh, không lúc nào dừng. Ít khi nào chúng ta phản tỉnh, phản quán. Cảnh và tâm có sự liên quan mật thiết bất khả phân ly. Cảnh động, thì tâm ta bất an. Đó là một lẽ thật, không thể chối cãi.

Khi nào có sống đơn độc một mình, thì mình mới có cơ hội nhìn rõ lại mình hơn. Người tu sống trong thâm sơn cùng cốc, đương nhiên, họ sẽ gặp nhiều chướng ngại khó khăn. Nhứt là những nhu cầu vật chất thiết yếu như: ăn, mặc, ở. Tuy nhiên, đối với những ai có quyết tâm cầu giải thoát, với một ý chí sắt đá gan dạ, thì họ cũng có thể vượt qua những khó khăn này một cách dễ dàng. Từ đó, họ mới có đầy đủ chất liệu đạo đức, với một đạo lực thâm hậu, để khắc phục, cảm hóa mình và người đều được lợi ích an lạc giải thoát.

Đó là nói nếp sống độc cư theo nghĩa thông thường. Nếu luận sâu hơn, thì nếp sống độc cư của một vị khất sĩ cũng không hẳn là phải sống xa lánh hết mọi người. Mà nghĩa độc cư là hành giả phải khéo biết thường xuyên sống an trú trong chánh niệm. Người ấy ý thức được những gì thật sự xảy ra trong giây phút hiện tại. Họ không dính kẹt vào hai đầu quá khứ và

tương lai. Sự sống chỉ có mặt trong giây phút hiện tại. Dù rằng, họ đang sinh hoạt chung đụng với mọi người, nói rõ ra là họ đang sống chung trong tăng chúng, nhưng họ vẫn gìn giữ được chánh niệm trong mọi hoạt động thường nhựt. Người sống được như thế cũng thuộc hạng người mà Phật cho đó là hạng người đang sống một mình.

Luận về những nhu cầu của người xuất gia, dù ở bất cứ thời đại nào, Phật Tổ cũng thường khuyên dạy: "đời sống của người xuất gia, thì phải tam thường (ăn, mặc, ngủ nghỉ) bất túc". Cái gì cũng phải thiếu thiếu, không nên dư thừa. Người xuất gia thời nay, phải thành thật mà nói, chúng ta có quá nhiều thứ tiện nghi vật chất. Nhứt là những thứ máy móc. Mà vật chất càng sang trọng, thì tâm niệm tu hành cầu giải thoát

của chúng ta ban đầu, tất phải càng lui sụt. Nếu không khéo hạn chế kềm thúc, thì sự hưởng thụ của chúng ta sẽ không khác gì người đời. Nghĩa là tâm đắm nhiễm ái trước của chúng ta, sẽ hiện rõ nguyên hình khi chúng ta chưa tu. Đó là một hiện tượng có thật, không thể chối cãi. Hiện tượng này, đã và đang xảy ra một cách nguy kịch trầm trọng. Đối với những bậc chơn tu, nhìn thấy hiện tượng này, các ngài thật quá đau lòng! Đau lòng cho thể đạo nhơn tâm, cho phẩm hạnh đạo đức cao quí của người xuất gia ngày càng suy vi tuột dốc đến mức độ thê thảm!

Đối chiếu với nếp sống tu hành cầu đạo của người xưa, phải nói, nếp sống tu hành thời nay của chúng ta cách quá xa các ngài. Quá xa về mọi phương diện. Về mặt đạo đức nhân cách, chúng ta cũng chưa làm tròn, nói chi đến thứ đạo đức siêu thoát. Thế là, ta rơi vào hố sâu mâu thuẩn nội tại. Một đàng thì cũng muốn giải thoát, nhưng một đàng, thì cũng không dám dứt khoát từ bỏ những thứ tiện nghi vật chất theo dục lạc của thế gian thường tình. Dù viện dẫn biện minh dưới hình thức nào, thì ta cũng không thể nào che mắt được người đời. Mà rõ nét hơn hết là ta không thể che giấu được chính lòng ta.

Trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác, có một bài ca nói về nếp sống độc cư này:

Thường độc hành, thường độc bộ
Đạt giả đồng du Niết bàn lộ
Điệu cổ thần thanh phong tự cao
Mạo tụy cốt cang nhân bất cố
Dịch Nghĩa:

Tôi chấp nhận cô đơn trên đường đạo
Vui một mình vui theo nhịp bước chân đi
Tôi những mong có pháp lữ chung lòng
Cùng tiến bước vào Niết bàn thường lạc
Không như ý tôi nguyền làm người cổ lỗ
Sống theo mình, sống với gió mát trăng thanh
Dù xương trơ, thân đét, thịt teo gầy
Không ân hận, tôi vui với lập trường kiên định ấy.
(Hòa Thượng Thích Từ Thông dịch)
Đó là một ý chí quyết liệt, một lập trường kiên định của một con người hùng tráng dám sống chết một mình trên bước đường hành đạo. Vui đâu chúc đấy, nghe đâu theo đó, bạ gì tin nấy, hạng người như thế, thử hỏi họ sẽ đi đến đâu và làm được gì? Bởi họ không giữ vững lập trường. Tu hành theo kiểu của họ, là “ai đi tôi đi theo”, “ai tu tôi tu theo”, thậm chí ai đó làm bậy họ cũng làm bậy theo. Hạng người như thế, đối với Ngài Huyền Giác, một con người

chứng đạo, thì họ thật là đáng tội nghiệp thương xót biết bao! Trên thế gian này, hạng người “ba phải” như thế, thật không phải là ít.

Thà chấp nhận cô đơn trên đường đạo, chớ quyết định không thể có một người bạn mà họ với ta khác nhau trên ý hướng lập trường giải thoát. Dù vậy, ta cũng rất mong có những pháp lữ chung lòng để cùng nhau tiến bước tu học. Nếu không được vậy, thì đường ai nấy đi. Dù con đường đó có gặp khó khăn đến đâu, có làm cho thân ta xương trơ, thịt đét teo gầy, nhưng ta vẫn kiên quyết giữ vững lập trường bền lòng tiến bước một đường quyết không ân hận.

Bài Chứng Đạo Ca trên, Ngài Huyền Giác đã tự nhủ chính mình và cũng muốn gởi đến những ai có cùng một ý hướng, một lập trường kiên quyết sống chết vì đạo như tác giả. Vì muốn giải thoát mọi khổ đau của kiếp người, nên Ngài chấp nhận sống cô đơn, hơn thế nữa là chấp nhận làm người cổ lỗ. Sống một mình sống với gió mát trăng thanh. Nhưng xét trên thực tế, có phải là ta cô đơn không? Không. Làm sao ta cô đơn cho được, vì bên cạnh ta còn có biết bao cảnh tượng chung quanh luôn thức nhắc an ủi ta: trăng trong, gió mát, chim hót, hoa cười, suối chảy, thông reo v.v... tất cả đều là những bạn bè thân thiết của ta. Tất nhiên, là những bạn bè đó sẽ không bao giờ gây cho ta lắm điều phiền toái hệ lụy. Chẳng những thế, mà còn làm cho ta tiến sâu và tiến nhanh trên đường tu hành giác ngộ giải thoát. Chỉ có thiên nhiên mới đích thực là nguồn vui sống của đời ta.

Thiên nhiên cảnh trí rất nên thơ
Nắng ấm trời trong chẳng bụi mờ
Gió mát chim kêu lòng thanh thoát
Nước hồ yên tịnh trí buông tơ
Việc đời gác lại bên đồi núi
Phật đạo tâm gìn lắng đục nhơ
Tây cảnh sen vàng tâm nguyện ước
Di Đà chuyên niệm đạt ước mơ.
(Thích Phước Thái)
XXII- Phẩm Địa Ngục (Nirayavaggo)

306. Thường nói lời vọng ngữ, có làm mà nói không; người tạo hai nghiệp ấy, chết cũng đọa địa ngục.

Kệ tụng

Nói láo đọa địa ngục
Có làm nói không làm
Cả hai chết đồng đẳng
Làm người, nghiệp hạ liệt
Lược giảng

Phẩm này có tên là phẩm địa ngục. Địa ngục nguyên tiếng Phạn là Naraka, Niraya. Dịch sang tiếng Hán Việt gồm có: “Địa ngục, Bất lạc, Khả yểm, khổ cụ, khổ khí, vô hữu”. Nói chung, đây là nơi thọ khổ của chúng sanh đã gây tạo ác nghiệp như tội ngũ nghịch, thập ác v.v... Tùy theo chúng sanh gây tạo các ác nghiệp nặng nhẹ mà địa ngục có

nhiều tên gọi khác nhau. Tuy nhiên, có điều ta nên nhớ là địa ngục có là có đối với những ai đã tạo tội, còn không có là đối

với những ai không tạo tội. Như hiện tại chúng ta thấy trên thế giới, quốc gia nào cũng có những nhà tù. Như vậy, nhà tù có ra là để bắt nhốt tra tấn hình phạt đối với những kẻ phạm pháp.

Ngược lại, nếu chúng ta không gây tạo tội như: cướp của, giết người hay làm những việc phi pháp, thì mặc dù nhà tù có đó, nhưng đối với chúng ta thì có cũng như không. Cho nên, nếu chúng ta một bề phủ nhận là không có địa ngục hay khẳng định là có địa ngục, thì e rằng nói như thế cũng không đúng hẳn. Vì có người cả đời từ khi sanh ra cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, họ chưa bao giờ biết tới nhà lao là gì. Thế thì, bảo địa ngục có với họ sao được. Dù địa ngục có nhan nhãn trên thế gian này.

Đối với người tạo tội, bị pháp luật tống giam vào nhà lao, bảo rằng không có địa ngục đối với họ có được không? Như vậy, rõ ràng địa ngục có ra là do tâm ta tạo lấy. Đó là nói cảnh địa ngục bên ngoài. Nếu xét sâu hơn ở nội tâm ta, thì khi nào trong tâm ta bất an, buồn khổ, lo âu, sợ hãi v.v... thì ngay lúc đó là ta đã rơi vào địa ngục rồi. Vì địa ngục là nơi tối tăm đau khổ.

Do đó, muốn không rơi vào địa ngục hiện đời và đời sau, thì ngay khi còn sống, ta nên nghe theo lời Phật Tổ khuyên dạy mà cố gắng hành thiện, tu nhân tích đức, gìn giữ giới cấm đã lãnh thọ, ăn chay, niệm Phật hằng ngày. Được thế, thì đời ta chẳng những được hạnh phúc an vui trong hiện tại, mà mai sau chắc chắn chúng ta cũng sẽ hưởng được quả báo an vui.

Pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một nữ du sĩ ngoại đạo tên Tôn đà lỵ.

Theo truyện tích, thời gian Phật và Tăng chúng ở Kỳ Viên, dân chúng mỗi lúc mỗi kéo đến cúng dường phẩm vật rất đông. Do đó, các phái ngoại đạo họ càng ganh tỵ hơn. Họ cho rằng, kể từ khi đức Phật xuất hiện, thì mọi danh dự, lợi lộc của họ, không còn được mọi người ủng hộ dâng cúng như trước kia. Bấy giờ, họ sanh tâm tìm cách hãm hại Phật. Trong số các hàng tín đồ đệ tử của họ, có một người con gái nhan sắc tuyệt đẹp, tên là Tôn đà lỵ.

Sau khi nghe các thầy ngoại đạo bàn tán tìm cách hại Phật, nàng ta liền khởi ý và trình bày mưu kế của nàng. Mỗi ngày nàng trang điểm cực kỳ mỹ lệ, rồi giả bộ đến tinh xá Kỳ Viên nghe Phật thuyết pháp. Nàng ta đưa ra diệu kế: "hằng đêm, tôi thường ở lại trong tinh xá. Được một thời gian, các thầy hãy thuê người giết tôi và chôn xác tôi ở trong khu vườn của tinh xá. Ba hôm sau, các thầy cho người giả bộ đi tìm xác tôi và đến chỗ chôn cất moi xác tôi lên, rồi để xác tôi trên một chiếc xe ngựa đi khắp thành phố để bêu xấu Sa môn Cồ đàm và các đệ tử của ông ta. Thế là, uy tín danh dự của ông ta sẽ bị tổn thương nặng nề và chắc chắn ông ta sẽ không còn ai kính phục nữa".

Sau khi nghe nàng ta trình bày diệu kế, các thầy ngoại đạo nghe rất hợp tình hợp lý, liền thực thi theo diệu kế đó. Quả thật, khi moi xác nàng ta từ trong đống rác ra, mọi

người ai nấy đều tỏ ra bi lụy buồn tủi khóc than. Xong rồi, họ đem xác của nàng ta đi khắp thành thị, dùng tất cả những lời lẽ nặng nề mạt xát vu khống cho đức Phật và Tăng chúng.

Chuyện xảy ra đến tai đức Phật, đức Phật bảo các thầy Tỳ kheo cứ hãy sinh hoạt bình thường và cũng đừng tỏ ra khó chịu bực tức chi cả. Vì có một số các thầy chưa chứng quả A la hán, tất nhiên, là còn phiền não nên tỏ ra rất khó chịu bực bội qua những lời vu khống mạ lụy đó. Phật nói, chuyện không quá bảy ngày, rồi thì đâu sẽ vào đó. Nghĩa là mọi việc sẽ được phơi bày ra ánh sáng sự thật.

Thật vậy, chuyện đó đến tai nhà vua, tất nhiên, nhà vua không tin Phật và Tăng chúng có hành động như thế. Cho nên nhà vua cho các thám tử theo dõi tông tích âm mưu của các phái ngoại đạo. Các thám tử đã phát hiện ra một đám du đãng đang say sưa và tranh cãi với nhau về việc giết chết Tôn đà lỵ. Thế là, họ bị tóm cổ trọn ổ. Tất cả đều bị hành phạt đúng theo luật pháp về cái tội vu oan và giết người này. Sau đó, thanh danh và uy tín của Phật ngày càng tăng lên gấp bội và được mọi người hết lòng quy kính tu học. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, Phật đã răn dạy và nhấn mạnh về cái tội nói dối, chuyện không nói có, chuyện có nói không. Tội nói dối là một trong bốn trọng tội của giới Tỳ kheo và cũng là tội nặng của giới Bồ tát. Phạm giới này, theo luật Phật dạy, thì không thể sám hối. Tất nhiên, phải đọa địa ngục. Trong ba nghiệp: thân, ngữ, ý, xét kỹ thì nghiệp ác nào của ba nghiệp gây ra cũng đều nặng cả. Hành động hoặc lời nói nào có ác ý cũng đều gây ra cho mình và người đau khổ. Nói rộng ra là cả muôn loài đều đau khổ.

Trong thập ác: “thân ba, miệng bốn, ý ba”, thì ta thấy cái miệng chiếm hết bốn: “vọng ngôn, ỹ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu”. Nói rõ ra, thân và miệng gồm có bảy phần, còn lại ba phần thuộc về ý nghiệp. Thân và miệng thuộc công cụ hay tay sai đắc lực của chú “Ý”. Sự tạo tác hành động hiện tướng gây ra khổ đau cho người và vật, cụ thể là do thân và miệng. Còn chú “Ý” thì chủ động ra lệnh sai sử giống như bộ tổng tham mưu. Cho nên chú ý này có ba viên tướng làm tay chân bộ hạ tay sai đắc lực, trong việc nhận lệnh và ra lệnh trực tiếp cho thân và miệng phải nghiêm chỉnh tuyệt đối tuân hành. Ba viên tướng cộng tác đắc lực đó là: “Tham, Sân, Si”.

Đối với người không biết tu hành, họ hoàn toàn sống nô lệ cho dục vọng sai khiến, gây ra lắm điều họa hại cho mình và người. Họ không bao giờ biết kềm chế dục vọng. Từ đó, thân và khẩu nghiệp của họ tạo ra rất nhiều tội lỗi. Đó là nói những người không biết tu hành là gì. Còn đối với những người biết tu hành chút ít thì sao? Đối với hạng người này, tuy họ cũng sợ tội lỗi, biết tụng kinh, ăn chay, niệm Phật, đi chùa, tu tạo phước đức, nhưng họ mắc phải cái chứng bệnh khẩu nghiệp rất nặng.

Ghét ai, họ đặt điều dựng chuyện phê bình nói xấu đủ thứ, chuyện không nói có, chuyện có nói không. Họ có tài thêu dệt chuyện ít xích ra cho nhiều. Họ tìm đủ mọi cách để nói xấu. Họ đánh hơi những ai không thích người mà họ ghét, bấy giờ, họ bèn nhập cuộc để kéo thêm những người đó vào phe cánh của họ. Mục đích là để có thêm đồng minh đông người hùa nhau thù ghét kẻ mà họ muốn hại cho chết.

Bề ngoài, trước mặt mọi người, thì họ tỏ ra cho mọi người biết là họ tu hành rất đàng hoàng nghiêm chỉnh đúng đắn. Nhưng ở sau lưng, thì họ lại trề môi nguếch mắt chê bai nói xấu thậm tệ người mà họ đang thù ghét. Tu hành mà có tâm địa ác độc như thế, thì thử hỏi tu hành cái gì? Chỉ là kẻ giả đạo đức bề ngoài để che mắt thiên hạ mà thôi. Tu như thế thì thật là giả dối, gạt người. Đây là hạng người mà cửa địa ngục đang mở rộng để chờ đón họ. Thật là đáng thương xót tội nghiệp lắm thay!

Phật nói, đó là bệnh nặng của chúng sanh. Bệnh này, như là một thứ bệnh dịch thật nặng nề không phương thuốc nào cứu chữa. Đó là bệnh chung của nhơn loại không riêng một ai. Tuy nhiên, bệnh này, đối với phái nam thì tương đối ít hơn. Nặng nhứt, phải nói đó là phái nữ. Phái nữ nói về làm phước, bố thí, đi chùa, tu học...thì họ tỏ ra tinh tấn hơn phái nam nhiều lắm. Nhưng xét về cái tật tánh của cái khẩu nghiệp này, đối với họ thì thật là khó bỏ. Nhưng xin quý vị đừng quên rằng, hễ đã gây nhân bất thiện, thì làm sao tránh khỏi cái quả báo khổ đau đây! Chẳng qua cái quả báo nó sẽ đến với mình có mau chậm mà thôi.

Nghe theo lời Phật dạy trên, mỗi người chúng ta nên cẩn thận gìn giữ ở nơi lời nói. Đừng bao giờ nói xấu phê bình, châm chích, chỉ trích hại ai. Càng nói xấu hoặc vu khống mạ lỵ người ta, trước tiên mình đã chuốc lấy khổ đau cho chính mình rồi. Lòng mình luôn luôn bất an và quả báo chắc chắn là mình sẽ thọ khổ. Bao nhiêu công đức tu hành, bị cái miệng của mình nó thiêu đốt hết. Vậy người biết tu, Phật Tổ khuyên chúng ta nên dùng lời ái ngữ, chánh ngữ khi hành xử giao tiếp với mọi người. Nhứt là khi đối xử trực tiếp với những người thân trong gia đình. Mỗi người nếu khéo biết dùng lời hòa ái, nhã nhặn, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau, thì gia đình đó thật là êm ấm hạnh phúc đẹp đẽ biết bao!

Thường trong gia đình hay xảy ra tình trạng cãi vả lớn tiếng tranh chấp hơn thua với nhau, lý do, là vì mỗi người coi thường không có lòng nhân nhượng tương kính nhau. Bởi do sống chung đụng hằng ngày, mỗi người đều để lộ phơi bày tánh xấu của mình ra, nên không ai còn có lòng quý kính tôn trọng ai nữa. Từ đó, mới xảy ra sự tranh cãi miệt thị khinh thường nhau. Và rồi đưa đến tình trạng sứt mẻ tình cảm thân yêu, trở thành oán ghét câm giận hờn trách nhau.

Nếu mỗi người khéo biết hành xử áp dụng theo lời Phật dạy, nên dùng lời ái ngữ khi phát ra lời nói, và mỗi lời nói phải có chánh niệm hết sức thành thật trong khi xử sự với nhau. Khi người này nói, thì người kia phải thật sự trân kính có mặt để hết lòng lắng nghe, được thế, thì làm gì có chuyện tranh cãi lớn tiếng ăn thua đủ với nhau. Chúng ta nên nhớ rằng, nhường nhịn là đức tánh rất cao đẹp và nó là chất keo tạo nên sự hòa ái thương yêu gắn bó nhau hơn, trong thâm tình thân thuộc đầm ấm trong gia đình. Ngoài nhường trong nhịn, khéo biết tôn trọng lẫn nhau, thì còn gì tốt đẹp cho bằng.

Là Phật tử, chúng ta cương quyết không nói những điều sai sự thật. Cần nói những lời đem lại niềm an vui lợi lạc cho mọi người. Chúng ta quyết định không nói những điều có thể tạo nên sự mâu thuẫn, ly gián, bất hòa trong gia đình và đoàn thể. Hơn ai hết,

chúng ta phải ý thức rằng, những lời ác ngữ nó sẽ gây ra làm tổn hại trực tiếp cho mình, gia đình và xã hội của chúng ta rất nhiều. Xin mọi người hãy vì sự lợi lạc cho bản thân, gia đình và tha nhân, mà lưu ý quan tâm cho vấn đề này.

Chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy rõ nhân và quả hiện tiền. Vì lòng ganh tỵ muốn hãm hại đức Phật của phái ngoại đạo, nên họ tìm đủ mọi cách để hạ uy tín thanh danh đức Phật. Họ dùng mưu chước rất độc ác, đến đổi phải hy sinh tánh mạng, để phao vu bêu xấu Đức Phật và Tăng đoàn. Nhưng kết quả, chẳng những không hại được đức Phật mà trái lại họ tự chuốc họa vào thân. Thế mới biết, hại người trở lại hại mình. Thiết nghĩ, qua câu chuyện trên, đủ làm tấm gương soi sáng cho những ai có manh tâm ác ý hại người lương thiện, thì nên thận trọng xét lại tâm địa của mình.

307. Không ngăn trừ ác hạnh thì dù mặc áo Ca sa, người ác cũng sẽ vì nghiệp ác, chết phải đọa địa ngục.

Kệ tụng

Nhiều người khoác cà sa
Ác hạnh không nhiếp phục
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi địa ngục.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến những chúng sanh bị quả báo xấu do ác nghiệp.

“Một ngày nọ, khi xuống núi với Trưởng lão Lakkhana, Tôn giả Mục Liên nhìn thấy những con quỷ hình thù chỉ có bộ xương khô, Ngài bèn mỉm cười. Khi được hỏi, Tôn giả chỉ bảo: - Này huynh, cho hỏi điều ấy ở đây. Khi nào đến trước đức Thế Tôn chúng ta sẽ thảo luận.

Và khi về đến tinh xá, trước đức Phật, Trưởng lão Lakkhana hỏi lại chuyện ấy. Tôn giả Mục Kiền Liên trả lời rằng Ngài thấy những con quỷ xương khô. Ngài còn kể tiếp: - Khi tôi xuống núi, tôi còn thấy một Sa môn bay qua toàn thân bốc cháy. Và còn thêm vài lần, Tôn giả thấy những con quỷ hình dáng Sa môn với y bát, dây lưng, tất cả đều bốc cháy. Nhân đó, đức Phật dạy các Tỳ kheo rằng: “Những tu sĩ ấy, thời Phật Ca Diếp đã xuất gia nhưng không làm tròn bổn phận của mình”. Ngài nhấn mạnh đến quả báo ác nghiệp cho các Tỳ kheo đang hiện diện được rõ và nói Pháp cú trên”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 173)

Người xuất gia đắp y vàng mà tư tưởng bất chánh còn đắm nhiễm trần tục, chưa dứt trừ ác hạnh, không chế ngự điều phục được tâm ý, để tâm ý của mình buông lung phan duyên theo trần cảnh, tạo nhiều nghiệp bất thiện, như thế, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi cảnh sa đọa khổ đau! Ca sa là chiếc áo giải thoát, làm ruộng phước của nhơn thiên cúng dường. Người mặc vào chiếc áo này, đã nói lên tâm nguyện là từ bỏ tất cả, không còn triền phược dính mắc với bất cứ thứ gì. Với một ý chí cao thượng sáng ngời, hạnh nguyện vị tha cao cả, độ mình, độ người, thoát khỏi duyên trần hệ lụy khổ đau.

Do đó, hạnh nguyện của người xuất gia là phải đoạn dục khử ái, thấu suốt nguồn tâm, đạt Phật thâm lý, trong tâm không thấy có sở đắc sở chứng, bên ngoài, không thấy có dục cảnh mong cầu. Được thế, thì mới xứng đáng mặc áo ca sa. Bằng ngược lại, thì khó thoát khỏi khổ cảnh ở nơi địa ngục.

Chúng ta hãy chiêm nghiệm thật kỹ qua hình ảnh khổ đau cùng cực của những con quỷ mà chính Ngài Mục Kiền Liên đã mục kích kể lại. Phật nói, người xuất gia mà không làm tròn bổn phận của mình, nên phải chịu quả báo thảm thương như thế. Thế mới biết, giải thoát hay địa ngục, tất cả đều tùy tâm ta tạo lấy mà thôi.

308. Phá giới chẳng tu hành, thì thà nuốt hoàn sắt nóng hừng hực lửa đốt thân còn hơn thọ lãnh của tín thí.

Kệ tụng

Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như lửa hừng
Hơn ác giới buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Đại Lâm (Mahàvana) gần thành Tỳ xá ly, có liên quan đến các Tỳ kheo Vaggumudàtiriya.

“Các Tỳ kheo Vaggumudàtiriya thường khen ngợi lẫn nhau rằng người này chứng quả, người kia chứng quả khi có mặt cư sĩ, để họ dâng cúng thức ăn ngon. Đức Phật biết chuyện, bèn hỏi các thầy: - Này các ông! Có phải thật là chỉ vì cái bao tử mà các ông ca tụng lẫn nhau trước mặt cư sĩ để họ dâng cúng thức ăn ngon?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bèn quở trách các thầy, và nói Pháp cú trên”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 175)

Thật là xấu hổ, chỉ vì lợi dưỡng mà quên đi bổn phận phẩm hạnh nhơn cách của mình. Một người xuất gia tu hành không chơn chánh, thì không xứng đáng thọ dụng của cúng dường.

“Xưa kia, có ông trưởng giả tên Tịnh đức sanh được hai người con trai, người cả tên La Hầu La Điểm, người thứ tên La Hầu La Đa. Ông hằng ngày chỉ săn sóc vườn tược. Hôm nọ, một cây trong vườn nảy thứ nấm lạ, ông nhổ về ăn thử, thực ngon lành. Song chỉ ông và người con thứ hằng ngày đều nhổ được nấm ăn, ngoài ra không ai nhổ được. Ông bảo con thứ: Nấm cây này chỉ ta và ngươi được ăn, ắt là việc phi thường. Ước gì có ai thông hiểu giải thích cho việc này. La Hầu La Đa nói kệ:

Thử mộc sanh kỳ nhĩ
Ngã thực bất khô khao
Trí giả giải thử nhơn
Ngã hồi hướng Phật đạo.
Dịch:

Cây này sanh nấm lạ
Con ăn rất ngon lành
Người trí giải nhơn này,
Con xin theo Phật đạo.
Chợt gặp Bồ tát Đề Bà đến nhà, cha con ông Tịnh Đức vui mừng đem việc này ra hỏi. Ngài dạy:

Khi xưa, lúc ông hai mươi tuổi thường mời một vị Tỳ kheo về nhà cúng dường. Vị Tỳ kheo ấy tuy có chút ít giới hạnh mà con mắt pháp chưa sáng, tâm không thấu lý, luống nhận sự cúng dường của ông. Song vị Tỳ kheo ấy có chút ít tu hành nên khỏi sa vào đường ác, vẫn phải làm cây sanh nấm này để trả nợ cho ông. Xưa khi vị Tỳ kheo ấy đến nhà ông, trong nhà chỉ có ông và người con thứ này thành kính cúng dường, còn bao nhiêu người đều không vui. Vì thế, nên nấm hiện nay chỉ hai cha con ông được hưởng. Ngài lại bảo: - Ông nay được bao nhiêu tuổi? Trưởng giả thưa: - Tôi được 79 tuổi.

Ngài nói kệ:

Nhập đạo bất thông lý

Phục thân hoàn tín thí Nhữ niên bát thập nhất, Thử mộc diệc vô nhĩ

Dịch:

Vào đạo không thông lý
Hoàn thân đền tín thí
Trưởng giả tuổi tám mốt
Cây này không sanh nấm”
(Trích một đoạn nguyên văn trong quyển Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn Hoa từ trang 81-83 do
Hòa Thượng Thích Thanh Từ biên soạn)
Phật bảo: “thà nuốt hòn sắt nóng, hừng hực lửa đốt thân, còn hơn thọ lãnh của tín thí mà phá giới chẳng tu hành”. Vì nuốt hòn sắt nóng, chỉ chết một đời này, còn nếu thọ dụng của cúng dường mà tu hành không ra chi, và không làm gì lợi ích cho ai, thì phải chịu thọ khổ trả nợ không biết bao nhiêu kiếp. Trường hợp như câu chuyện của hai cha con ông trưởng giả đã dẫn chứng trên. Qua đó, cho ta thấy sự tu hành chỉ vì lợi dưỡng, mà không quyết chí nỗ lực công phu diệt trừ phiền não để được giải thoát, thì than ôi! thật khó tránh khỏi chuốc lấy hậu quả lắm tang thương khổ đau cùng cực. Nên soi gương xưa để tự cảnh tỉnh mình.

309. Buông lung theo tà dục, sẽ chịu bốn việc bất an: mắc tội, ngủ không yên, bị chê, đọa địa ngục.

Kệ tụng

Bốn nạn chờ đợi người
Phóng dật theo vợ người
Mắc họa ngủ không yên

Bị chê là thứ ba
Đọa địa ngục, thứ bốn.
310. Vô phước, đọa ác thú, bị khủng bố, ít vui, quốc vương kết trọng tội: đó là kết quả của tà dâm. Vậy chớ nên phạm đến.

Kệ tụng

Mắc họa, đọa ác thú
Bị hoảng sợ, ít vui
Quốc vương phạt trọng hình
Vậy chớ theo vợ người.
Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Khema, con trai trưởng giả, cháu Cấp Cô Độc.

“Khema là chàng trai tuấn tú khôi ngô. Các bà các cô khi gặp mặt chàng đều yêu mến mê mệt. Khema thì lại đeo đuổi vợ người. Một đêm nọ, người của nhà vua bắt chàng ta, giải đến

trước mặt vua. Nhà vua cảm thấy ái ngại thay cho danh tiếng của Trưởng giả nên không nói gì, thả chàng ra. Khema vẫn cứ chứng nào tật nấy.

Lần thứ hai, lần thứ ba, chàng vẫn bị bắt và nhà vua cũng trả tự do cho. Chuyện đến tai Trưởng giả, ông đem con đến gặp đức Thế Tôn, trình bày câu chuyện và bạch: - Xin đức Thế Tôn giảng dạy cho nó. Đức Phật khơi dậy lương tri của Khema và chỉ cho chàng thấy lỗi lầm khi theo đuổi vợ người bằng hai Pháp cú nói trên”.

Đồng thời, Đức Phật lại kể tiếp chuyện quá khứ qua lời nguyền của Khema. (Lời của soạn giả)

Phật nói, “thời đức Phật Ca Diếp, Khema là một tay đô vật quán quân, ngày kia chàng treo hai cây cờ giải thưởng của mình bên ngôi tháp vàng của đức Phật, và nguyện: “Xin cho tất cả mọi phụ nữ, trừ các nữ nhân thân quyến và bà con ruột thịt của tôi, khi nhìn thấy tôi đều say mê”. Vì thế, dù tái sanh ở đâu, chàng cũng được các bà yêu mến”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 176)

Pháp cú 309, Phật nêu ra bốn cảnh khổ bất an: “Mắc tội, ngủ không yên, bị chê, đọa địa ngục”. Đây là hậu quả của một con người sống buông lung theo tà dục. Ái dục là cội gốc của khổ đau. Muốn tránh mọi khổ đau để xây dựng hạnh phúc cho chính bản thân mình, thì trước hết, chúng ta cần phải đoạn trừ ái dục. Người nào còn ôm ấp lòng ái dục nặng, thì người đó chắc chắn sẽ không bao giờ sống có hạnh phúc. Kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật dạy: “Người ôm lòng ái dục, cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn chát tay”. Thật vậy, người có tâm xấu xa đắm mê sắc dục, sớm muộn gì cũng phải lãnh lấy quả báo khổ đau.

Thực trạng này, ta thấy đã và đang xảy ra nhan nhãn hằng ngày trong xã hội. Có lắm người đã có gia đình mà vì tâm bất chánh, ham mê sắc dục, không kềm chế được dục

tính, nên lang chạ ngoại tình, làm cho gia đình phải tan nát đổ vỡ. Thảm kịch này đã xảy ra rất nhiều. Một ông chồng bắt được quả tang vợ mình đang ngoại tình âu yếm ngủ chung với một người đàn ông. Nhưng oái oăm thay! người đàn ông đó lại là người bạn chí thân của ông ta. Song, vì quá ghen tuông không còn kềm chế được lửa lòng sân hận đang bốc cháy trào dâng lên đến cực độ, nên ông ta đã ra tay hạ sát người tình địch của mình bằng một nhát dao câm hận ngang qua cổ.

Thế là máu đổ đầu rơi, lìa đời của một kẻ đã quá si tình phản bạn. Một tình cảnh xảy ra trong nháy mắt giữa đêm khuya thanh vắng, đã giết chết một mạng người. Khi chứng kiến hiện trường, mọi người đều thương tiếc cho một con người quá háo sắc. Họ vừa thương tiếc cho cái chết thật quá thảm thương, nhưng họ cũng vừa nguyền rủa cho kẻ đáng đời ham mê của lạ. Đó là hậu quả phải trả một cái giá rất đắt bằng cả sinh mạng. Chỉ vì mê say sắc dục mà quên cả mạng sống của mình. Một người thì bỏ mạng tại chỗ, còn một người thì bị công an còng tay lủi thủi ôm hận vào tù, vì phạm phải cái tội cố sát. Cổ nhân có lời khuyên bảo: "kẻ nào thích đi đêm sẽ có ngày gặp ma hay thích chơi dao ắt có ngày phải bị đứt tay!"

Có người vì muốn thỏa mãn dục tính nên vào lầu xanh mua vui trong giây lát, kết quả, họ phải mang bệnh tật ôm hận khổ sở suốt cả cuộc đời. Họ đã tự làm khổ mình và khổ cả gia đình. Có nhiều người bệnh nặng hết phương cứu chữa nên phải sớm đi chầu Diêm Chúa. Ôi! Còn nỗi đau đớn nào hơn! Vì bụng đã làm thì dạ phải chịu chớ biết trách ai đây!

Nói chung, những ai sống buông lung theo tình dục, hành động phi pháp, nhằm thỏa mãn cho sự đòi hỏi của xác thịt, tất nhiên, kẻ đó phải mắc tội báo rất nặng và dĩ nhiên, tâm trí của họ luôn luôn bất an ngủ không yên giấc, bị người đời khinh chê và cuối cùng phải đọa vào địa ngục thọ khổ. Không những sau khi chết mới bị đọa vào địa ngục, mà ngay khi còn sống, họ cũng đã rơi vào địa ngục rồi. Vì địa ngục là nơi tối tăm hành phạt khổ sở.

Khi đã phạm phải lỗi lầm về những hành động bất chánh tà hạnh, dâm ô, hãm hiếp... thì thử hỏi làm sao người đó sống có hạnh phúc cho được? Dù thân xác của họ còn đó, nhưng tâm hồn của họ thì đã tan nát chết từ lâu rồi! Thế thì, có kéo dài thêm cuộc sống cũng chỉ kéo lê cuộc đời đi trong bóng tối tội lỗi mà thôi! Ngoại trừ, người đó biết hồi tâm cải hối nguyện ăn năn chừa bỏ những lỗi lầm xưa.

Pháp cú 310, Phật cho chúng ta thấy những khổ báo: "Vô phước, đọa ác thú, bị khủng bố, ít vui, quốc vương kết trọng tội". tất cả đều do kết quả của hành động tà dâm mà ra. Dâm loàn trái phép, tất nhiên đó không phải là hành động của con người có lương tâm đạo đức. Con người còn có chút nhơn tính, tình người, thì không ai lại nhẫn tâm gây ra làm đau khổ cho kẻ khác. Vì nô lệ cho dục tính phá hại trinh tiết hay làm mất hạnh phúc gia cang của người khác, thì Phật nói đó là đọa vào ác thú. Nghĩa là, tuy đội lốt con người, mà hành động lại còn thua thú tính. Là con người không ai lại không muốn bảo vệ hạnh phúc cho mình và gia đình mình. Muốn thế, thì chúng ta cần phải tôn trọng nhân phẩm, gia cang của mình và người.

Có biết bao trẻ em đã là nạn nhân trực tiếp của những kẻ xấu ác nhẫn tâm cưỡng bức hiếp dâm các em làm cho các em phải bị đau khổ quá nhiều. Cuộc đời trong trắng của các em kể từ đó luôn bị ám ảnh một hình ảnh tổn thương trầm trọng. Đây là một hình ảnh cưỡng bức khủng bố, mà suốt cả cuộc đời nó hằng in sâu vào tâm thức của các em thật không bao giờ quên được. Những kẻ tán tận lương tâm, mang đầy thú tính này, kết quả, họ sẽ bị đưa ra tòa xét xử. Và rồi sẽ bị pháp luật trừng trị thích đáng, nặng nề. Đó là Phật nói: "Quốc vương kết trọng tội". Do vì vô minh vọng động che mờ lý trí, nên người ta mới có những hành động đê hèn xấu xa như thế.

Nói tóm lại, làm người, không ai tránh khỏi lỗi lầm. Khi biết đó là sai trái, thì chúng ta kíp mau ăn năn hối cải. Sám hối, cải ác tùng thiện, đó là cửa ngỏ mở ra để chúng ta mạnh dạn vươn lên quyết tâm bước vào ngôi nhà thánh thiện và nguyện xin làm mới lại cuộc đời. Có thế, thì mới mong thoát khỏi cảnh ngục tù đau khổ hiện tại và mai sau.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, cho thấy, Khema luôn đeo đuổi vợ người, thậm chí bị người ta bắt đôi ba lần, dẫn giải lên vua, được vua ân xá tha cho, nhưng chàng ta tánh nào tật nấy, cuối cùng, hai cha con cùng nhau đến hội kiến đức phật. Đức Phật chỉ bày cho Khema biết đó là những điều lỗi lầm sái quấy, làm mất hạnh phúc gia đình người khác. Đồng thời, nhân đó, đức Phật kể chuyện tiền kiếp của Khema, với một lời nguyền xưa mà hôm nay phải chịu quả báo như thế.

311. Cũng như vụng nắm cỏ cô sa (kusa = cỏ thơm) thì bị đứt tay, làm Sa môn mà theo tà hạnh thì bị đọa địa ngục.

Kệ tụng

Như cỏ sa vụng nắm Tất bị họa đứt tay Hạnh Sa môn tà vạy

Tất bị đọa địa ngục

312. Những người giải đãi, nhiễm ô và hoài nghi việc tu phạm hạnh, sẽ không làm sao chứng thành quả lớn.

Kệ tụng

Sống phóng đãng buông lung
Theo giới cấm ô nhiễm
Sống phạm hạnh đáng nghi
Sao chứng được quả lớn.

313. Việc đáng làm phải làm cho hết sức, phóng đãng và rong chơichỉ tăng thêm trần dục mà thôi.

Kệ tụng

Cần phải làm, nên làm
Làm cùng tận khả năng
Xuất gia, sống phóng đãng
Chỉ tăng loạn bụi đời

Lược giảng

Ba pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo tự phụ.

“Chuyện kể rằng, có một vị Tỳ kheo lỡ tay làm đứt một cọng cỏ. Lương tâm thấy áy náy bèn tìm đến một huynh đệ, thuật lại câu chuyện và hỏi: - Thưa huynh, Tỳ kheo làm đứt cỏ, có sao không? Thầy kia trả lời: - Đừng quan trọng khi cho rằng làm đứt cỏ cây sẽ bị hậu quả. Chỉ cần xưng tội ra là được khỏi tội thôi. Nói xong, thầy nhổ luôn một bụi cỏ, vứt đi. Các Tỳ kheo đến bạch Phật. Phật quở trách thầy Tỳ kheo tự phụ nặng nề, và nói ba Pháp cú trên”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 178)

Pháp cú 311, Phật dùng nắm cỏ cô sa, tức loại cỏ thơm, để so sánh với người xuất gia đeo đuổi theo tà hạnh mà phải bị đọa vào địa ngục. Cỏ thơm là biểu trưng cho những thứ vật chất dục lạc ở đời. Người tu hành, khi chưa chế ngự được lòng tham dục, tất nhiên, vẫn còn nhiều khát vọng ham muốn.

Mặc dù đã xuất gia, nhưng sự vận dụng công phu tu hành của chúng ta vẫn còn quá non kém, tâm thức của chúng ta chưa được thuần thục, nên con khỉ ý thức vẫn còn nhiều phóng dật, nó luôn thích đam mê dong ruổi theo trần cảnh để hưởng thụ. Vì vụng dại nên ham thích cỏ thơm ngũ dục, thấy cỏ thơm thì lòng muốn chiếm hữu cho kỳ được, nhưng chúng ta quên rằng trong cỏ thơm, nó có ngầm chứa chất độc trong đó. Khi nắm vào thì chắc chắn không tránh khỏi nạn đứt tay.

Trên đời này, thử hỏi có đóa hoa hồng nào mà lại không có gai? Dù biết có gai, nhưng người ta vẫn hái, vẫn bẻ và vẫn đùa vui với hoa hồng. Có khi bị gai đâm trầy da chảy máu, nhưng

người ta vẫn chưa chịu thức tỉnh. Phật nói đó là tâm trạng của những kẻ quá si mê. Đã thế, thì không sao tránh khỏi sa đọa chuốc lấy khổ đau.

Tà hạnh là những việc làm bất chánh, không phù hợp với chân lý. Sống theo tà hạnh đó là con đường dẫn đến khổ đau. Người xuất gia là phải hằng sống đúng theo chánh hạnh. Chánh hạnh là con đường dẫn đến Niết bàn an lạc.

Pháp cú 312, Phật nêu ra ba vấn đề quan yếu làm chướng ngại trên bước đường tu tập tiến đến giải thoát của chúng ta. Ba điều quan yếu chướng ngại này, là người thật tu hành, chúng ta cần phải khắc chế chiết phục vượt qua.

Thứ nhứt là giải đãi. Giải đãi là lười biếng là sống bê tha trục vật. Người tu hành mà mang chứng bệnh lười biếng này, thì thật khó mà tiến đạo nghiêm thân. Muốn giải thoát khổ đau, mà tối ngày chỉ biết rong chơi, tán hươu tán vượn, bàn luận những chuyện phù phiếm ở thế gian, như thế, thì thử hỏi làm sao chúng ta giải thoát khổ đau cho được? Lười biếng là kẻ thù bất cộng đái thiên của tinh tấn. Do lười biếng nên chúng ta dễ buông lung phóng dật. Sống không có giây cương giới luật kềm thúc. Đó là nếp sống trụy lạc sa đọa, mà Phật nói sẽ rơi vào địa ngục như tên bắn.

Thứ hai là ô nhiễm. Do vì sống buông lung thả trôi theo dòng đời, nên từ đó sanh ra bao nhiêu thứ nhiễm ô. Cả đời cam tâm làm nô lệ cho dục vọng vô minh sai sử, tạo nhiều nghiệp ác. Ngoài thì đắm nhiễm lục trần, trong tâm thì bị những thứ phiền não cấu uế khuấy động che mờ tánh giác. Đó là cái tệ nạn của người tu thiếu sự thực tập thiền quán, chánh niệm.

Thứ ba là hoài nghi. Hoài nghi là một chướng đạo rất lớn trên bước đường tu hành. Người hay ôm lòng hoài nghi, thì không làm được việc gì có lợi ích cho mình và người cả. Cho nên Phật nói hoài nghi việc tu phạm hạnh, sẽ không làm sao chứng thánh quả lớn.

Pháp cú 313, Phật khuyến tấn chúng ta khi đã tu hành thì phải cố gắng gia công tinh cần làm cho hết sức mình. Người tu hành thời xưa, các ngài tiếc từng tấc bóng, dồn hết nỗ lực vào việc công phu tu tập thiền quán. Khi chưa sáng đạo, thì các ngài phải luôn quyết tâm tu hành cho sáng đạo. Khi đã sáng đạo rồi, thì các ngài cũng không dám lơ là chểnh mãng khinh thường. Các ngài hằng quán chiếu, tỉnh thức trong từng phút giây, sống nhậm vận tùy duyên hài hòa cùng vạn vật vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Các ngài luôn bảo nhậm: “đối cảnh vô tâm, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò”. Nếu chưa được “Sáng Đạo” như các ngài, thì chúng ta nên cẩn thận đừng vội bắt chước: “đói đến thì ăn, mệt ngủ khò”, mà phải bị sa đọa thọ khổ suốt đời.

Người xưa, vì mục đích giải quyết sanh tử, nên các ngài quyết chí tu học cho mau tỏ ngộ và chóng thoát khỏi con đường sanh tử khổ đau. Gương Phật Tổ và các bậc cổ đức tu hành như thế. Đó là những tấm gương sáng chói để chúng ta bắt chước học hỏi noi theo. Phải thành thật mà nói, sự tu hành của chúng ta ngày nay, so với các Ngài thì ôi thôi! thật là ngàn trùng xa cách.

Tổ Quy Sơn than rằng: “Nẳng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh, thời quang yểm một tuế ngoạt sa đà…” Nghĩa là Ngài nói, nhiều kiếp rồi chúng ta mãi mê chạy theo trần tục, chưa từng có phút giây phản tỉnh. Nếu chúng ta biết phản tỉnh, thì chắc chắn không phải nổi trôi lang thang trong sáu nẻo luân hồi từ vô lượng kiếp. Thời giờ thì nó trôi qua vùn vụt, mà chúng ta thì không một chút luyến tiếc. Chúng ta không biết lợi dụng thời gian để gia công nỗ lực tu hành.

Chuyện trích dẫn trên, Phật quở trách thầy Tỳ kheo thật nặng nề vì tánh tự phụ. Việc nhổ cỏ vứt đi, đó là hành động thiếu lòng từ bi. Dù rằng, đó là vật vô tình, nhưng nó vẫn có mạng sống. Vô cớ làm tổn hại mạng sống của nó, đối với người xuất gia, thì Phật cho đó là một hành động không có từ tâm. Đối với loài vô tình mà Phật còn bảo trọng như thế, nói chi đến loài hữu tình, Phật còn quý trọng đến mức độ nào. Sự quở trách của Phật đối với hành động của vị Tỳ kheo đó, không phải chỉ vì vứt đi cọng cỏ, mà chủ ý của Phật là muốn dạy cho thầy ta một bài học về tình thương và dẹp đi tánh kiêu căng tự phụ. Người xuất gia không nên có tánh kiêu căng tự phụ này.

314. Không tạo ác nghiệp là hơn, vì làm ác nhất định thọ khổ; làm các thiện nghiệp là hơn, vì làm lành nhất định thọ vui.

Kệ tụng

Ác hạnh không nên làm
Làm xong, chịu khổ lụy
Thiện hạnh, ắt nên làm
Làm xong, không ăn năn
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một bà vợ ghen.

Theo truyện tích, "một ông chồng dan díu với một nữ tỳ giúp việc nhà. Vợ ông biết được, bèn trói người nữ tỳ, cắt tai, cắt mũi, nhốt vào phòng kín đóng cửa lại. Để che giấu tội ác, bà rủ chồng đi nghe pháp. Hai vợ chồng đến tinh xá, ngồi vào hội chúng. Khi ấy có vài người bà con bên vợ đến nhà thăm. Họ mở cửa, chứng kiến cảnh tàn nhẫn trong nhà, bèn mở trói cho cô tớ gái. Cô này đến tinh xá, tố cáo mọi việc với Phật và tăng chúng. Nghe xong Phật dạy: - Không nên làm việc ác dù nhỏ, nghĩ rằng chẳng ai biết. Với việc lành, dù không người biết vẫn nên làm. Hành động ác dù che giấu vẫn ân hận về sau. Còn hành động tốt sẽ khiến ta an vui". Nhân đó, Phật nói pháp cú trên.

"Cuối bài pháp, hai vợ chồng chứng quả Dự lưu. Họ trả tự do cho cô tớ gái và hướng dẫn cô theo chánh pháp". (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 179)

Sách Nho có câu: "Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phúc; vi bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa". Nghĩa là: Người làm điều thiện, thì trời sẽ ban lại phúc cho; kẻ làm điều bất thiện, thì trời sẽ bắt nhận lấy tai họa. Chữ trời nói ở đây, không phải là có một vị trời (như vị thần nhân cách) có quyền hành tác oai tác quái, ban phúc giáng họa cho thế nhân. Mà chữ trời theo Nho Giáo, là luật tắc thiên nhiên, giống như lý thuyết nhân quả của đạo Phật. Người nào làm điều lành, giàu lòng nhân ái từ tâm, hay thương xót cứu giúp tha nhân, thì chắc chắn người đó sẽ được phước báo rất lớn. Ngược lại, kẻ nào làm điều ác hại người hại vật, gây cho mọi loài đau khổ vì mình, thì chắc chắn kẻ đó phải lãnh lấy quả báo rất là đau khổ. Đó là theo luật nhân quả tất yếu phải như vậy. Tuy nhiên, khi thọ báo tốt hoặc xấu, mau hay chậm, điều đó còn phải tùy thuộc vào thời gian. Song có điều nhân đã gây thì quả phải trả.

Sách Nho cũng nói: "Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, thời thần vị đáo" ... Hoặc câu: "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi diễn tẩu dã nan tàng. Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhân do cánh vấn thùy? Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì". Nghĩa là: người làm điều lành, ắt sẽ được báo lành, người làm điều ác, tất phải có báo ác.

Làm lành hay làm ác, cuối cùng cũng phải trả. Không thể nào cao bay xa chạy mà có thể tránh khỏi được cái nhân lành hay cái nhân ác đã gây, khó mà che giấu được lắm. Việc làm gian dối hay ngay thật, thì tự mình mình biết rất rõ, không cần phải hỏi ai. Vì đó là luật nhân quả rất công bằng.

Pháp cú trên, cũng như nhiều pháp cú khác, đức Phật luôn khuyến nhắc mọi người nên cố tránh đừng bao giờ gây tạo nghiệp ác. Vì hễ đã gây tạo nghiệp ác, thì khó tránh

khỏi quả báo ác. Điều này, không cần phải chứng minh, vì nó đã xảy ra biết bao nhiêu chuyện thương tâm hằng ngày, bởi do một phút sai lầm mà người ta gây ra lắm điều họa hại. Cuối cùng, thì họ phải lãnh lấy quả báo chịu nhiều hình phạt khổ sở.

Trái với hình ảnh khổ đau nói trên, người siêng năng làm lành thương người cứu vật, tất nhiên, họ sẽ hưởng được nhiều phước báo ân huệ an vui. Lòng họ bao giờ cũng trải rộng tình thương đem lại sự lợi lạc đến cho mọi người. Người vui là mình vui. Đó là hạnh phúc tuyệt vời làm thăng hoa tươi đẹp trong đời sống của bạn. Phật nói người làm thiện nghiệp nhất định là thọ vui. Điều này là một chứng thực.

Ngày nào mà bạn làm được nhiều điều phúc thiện, như hiến tặng cho người nào đó bằng một nụ cười thoải mái vui tươi, hoặc giúp đỡ cho ai một vài việc thiện nhỏ nhặt nào đó, hay ôm bế vuốt ve vỗ về một con vật vào lòng mà bạn thường yêu thương trìu mến nó, thì ngày đó hẳn bạn cảm thấy tâm hồn của bạn thật tươi mát hạnh phúc vô cùng. Ngược lại, nếu bạn nhẫn tâm làm khổ ai đó, họ cảm thấy chạm tự ái bức xúc khó chịu, thế là lòng bạn cảm thấy bất an, mang nặng ưu tư buồn thảm thật ray rứt khó chịu. Thế là, bạn đang rơi vào cảnh giới tối tăm của địa ngục rồi đó. Như vậy, muốn cho đời bạn có nhiều niềm vui hạnh phúc, theo lời Phật dạy trên, bạn cố gắng làm lành thật nhiều để cho đời sống của bạn có thêm nhiều ý nghĩa. Đó là niềm vui lớn mà chính bạn đã khéo biết tự ban thưởng cho bạn.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, cho chúng ta một bài học về việc bảo vệ hạnh phúc gia đình. Sự ghen tuông đến một mức độ mà vợ hay chồng không còn kềm chế được lòng sân hận nữa, thì sẽ gây ra một hậu quả khủng khiếp mà không ai có thể lường trước được. Chỉ vì ghen tức với một cô tớ gái, mà người vợ đã ra tay hành hạ tàn nhẫn người tớ gái một cách thật dã man.

Hiện trạng này đã và đang xảy ra hằng ngày như cơm bữa. Thật là ghê ghớm cho lòng dạ độc ác của con người. Bình thường, thì họ coi đó như là một sự tàn nhẫn ác độc. Nhưng khi họ lâm vào hoàn cảnh cực kỳ ghen tuông đó, thì có lẽ họ sẽ hành xử một cách ác độc tàn nhẫn hơn. Làm sao biết được lòng dạ con người. Biển dù có sâu đến đâu, người ta cũng có thể dò được, vì biển còn có đáy, còn lòng dạ của con người có đáy đâu mà dò. Ca dao Việt Nam có câu:

Dò sông dò bể dễ dò
Nào ai lấy thước mà đo lòng người.
Lòng người thăm thẳm mù khơi
Không bờ, không bến biết đâu mà dò.

Vì thế, muốn cho gia đình được đảm bảo an vui hạnh phúc, thì Phật khuyên răn người Phật tử nên gìn giữ giới cấm không được tà dâm. Tà dâm là giới cấm thứ ba trong năm giới của người Phật tử tại gia. Giới này có công năng ngăn ngừa hành vi bất chánh của chồng hoặc vợ có tư ý ngoại tình. Một khi chồng hoặc vợ đã ngoại tình, thì chắc chắn gia đình sẽ bị tan nát đổ vỡ. Biết bao thảm kịch đã xảy ra vì hành động bất chánh lang chạ tà dâm này. Gìn giữ giới này là nền tảng chính yếu để xây dựng êm ấm hạnh phúc gia đình.

Trăm năm lòng gắng dạ ghi,
Dầu ai đem bạc đổi chì cũng không.
Trăm năm quyết chí một chồng,
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.
Dầu cho đá nát vàng phai,
Trăm năm duyên nợ chẳng phai chút nào. (Ca dao)
Người Phật tử nên chiêm nghiệm lời Phật dạy trên, mà quyết tâm gìn giữ giới này thật cẩn thận để mang lại sự tốt đẹp cho mình và người vậy.

315. Như thành quách được phòng hộ thế nào, thì tự thân các ngươi cũng phải nên phòng hộ như thế. Một giây lát cũng chớ buông lung. Hễ một giây lát buông lung là một giây lát sa đọa địa ngục.

Kệ tụng

Như thành ở biên thùy
Trong ngoài đều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình
Sát na chớ buông lung
Giây phút qua, sầu muộn
Khi rơi vào địa ngục.
Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một số Tỳ kheo.

“Một số các Tỳ kheo đến an cư ở một thị trấn biên giới. Tháng đầu trôi qua hết sức an ổn. Nhưng tháng thứ hai, bọn trộm cướp tấn công thị trấn và bắt một số người làm con tin. Từ lúc ấy, mọi người phải bận rộn phòng thủ, chống lại trộm cướp, và không còn thì giờ chăm sóc đến thức ăn vật dụng cho các thầy. Các thầy trải qua những tháng thật bất an.

An cư xong, các thầy trở về tinh xá Kỳ Viên, đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên. Đức Phật hỏi thăm thân mật: - Các ông có được an ổn không? - Bạch Thế Tôn, tháng đầu thật an ổn. Nhưng những tháng sau trộm cướp hoành hành, dân chúng chẳng còn thì giờ đâu lo lắng cho chúng con. Thời gian đó thật khốn đốn. Phật dạy: - Không sao. Các ông đừng phiền muộn. Không dễ gì lúc nào cũng tìm được nơi an cư hoàn toàn như ý. Nhưng hãy như dân cư phòng thủ thị trấn của họ, mỗi thầy Tỳ kheo phải canh phòng mình”. Nhân đó Phật nói Pháp cú trên. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 180)

Người tu hành muốn cho thân tâm được an ổn, Phật dạy ta phải chế ngự phòng hộ ở nơi sáu căn cho thật kỹ càng. Giống như người lính gác giữ thành, không một phút giây xao lãng. Nếu người giữ thành mà không canh phòng nghiêm nhặt, tất nhiên, thành trì sẽ mất về tay quân giặc. Chừng đó, thành trì đã mất mà bản thân người giữ thành cũng không còn.

Nhân câu chuyện do các thầy Tỳ kheo kể lại về việc dân chúng trong thành lo đề phòng chống lại bọn trộm cướp, mà các thầy phải bị khốn đốn vì không đủ thực phẩm để dùng, nên Phật mới dạy cho các thầy phương cách phòng hộ ở nơi thân tâm.

Các thầy kể lại tình cảnh thiếu thốn thực phẩm thật là cay đắng chua xót! Tuy rằng, vật thực ăn uống đối với người xuất gia thì không nên đặt nặng quan trọng. Nhưng nó cũng là một nhu cầu thiết yếu để giúp cho người xuất gia được yên ổn tu hành. Người ta nói: "có thực mới vực được đạo". Điều đó, không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, nếu chúng ta quá đặt nặng vấn đề ăn uống, thì sẽ mất đi phẩm hạnh đạo đức cao cả của người tu. Do đó, một người xuất gia, theo lời Phật Tổ dạy, thì phải "Tam thường bất túc". Cái gì cũng phải thiếu thiếu, không nên quá dư thừa. Vì càng hưởng thụ nhiều chừng nào, thì lại càng mất đi đạo hạnh giải thoát của người xuất gia chừng nấy.

Người xuất gia phải là người luôn sống trong tỉnh thức. Đức Phật là người hằng sống trong tỉnh thức. Có tỉnh thức là có an lạc giải thoát. Người tỉnh thức phải là người sáng suốt luôn phòng ngự ở nơi ba nghiệp. Người tu phải giữ thân, khẩu, ý, cho nghiêm mật như kẻ giữ thành trì. Nhứt là phải gìn giữ ở nơi ý nghiệp. Đó là chúng ta khéo biết tu ở nơi cái gốc vậy.

316. Không đáng hổ lại hổ, việc đáng hổ lại không,cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Kệ tụng

Không đáng hổ, lại hổ
Việc đáng hổ, lại không
Do chấp nhận tà kiến
Chúng sanh đi ác thú
317. Không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Kệ tụng

Không đáng sợ, lại sợ
Việc đáng sợ, lại không
Do chấp nhận tà kiến
Chúng sanh đi ác thú.
Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến các đạo sĩ phái Kỳ na, lỏa hình ngoại đạo Ni kiền tử.

"Một hôm các thầy Tỳ kheo nhìn thấy các đạo sĩ phái Ni kiền tử, đã bàn tán với nhau: - Này chư huynh, các Ni kiền tử này dễ nhìn hơn các đạo sĩ phái Acelaka (Lộ già na). Mấy ông kia hoàn toàn trần trụi, còn các Ni kiền tử này ít ra cũng có một tí vải che thân, nhìn đỡ xấu hổ. Các Ni kiền tử nghe chuyện đã nói: - Không phải vì xấu hổ mà chúng tôi che thân. Chỉ vì bụi đất cũng là những hữu tình chúng sanh có sự sống, vì sợ

chúng rơi vào thức ăn mà chúng tôi mang một mảnh vải.

Các thầy Tỳ kheo, một số đồng ý với lý do trên, số khác không đồng ý, cứ bàn tán mãi. Sau cùng, tất cả đi đến chỗ Phật, thưa ra câu chuyện, Phật dạy: - Này các Tỳ kheo, người nào hổ thẹn khi không đáng hổ thẹn, và không cảm thấy hổ thẹn khi cần phải hổ thẹn, sẽ chịu khổ về sau". Nhân đó, Phật nói hai pháp cú trên. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 182)

Hổ thẹn là đức tánh tốt của con người. Làm người thiếu đức tánh này, thì có khác gì loài cầm thú. Khi làm một điều gì bất chánh, hoặc lỡ lời thiếu ái ngữ, làm xúc phạm đến danh dự, tổn thương lòng tự ái của người, thì chúng ta cảm thấy rất hổ thẹn. Có người mạnh dạn trực tiếp xin lỗi; có người thì âm thầm tự thấy xấu hổ. Cả hai đều thầm nguyện với lòng không nên có những hành động hoặc lời nói bất cẩn như thế này nữa. Đứng trên phương diện đạo đức làm người, người ta sẽ đánh giá hai hạng người này, đều có lòng tự trọng và có nhơn cách xứng đáng như nhau. Đó là hạng người mà họ khéo biết giữ gìn phẩm hạnh.

Giá trị con người, không phải ở chỗ có địa vị cao, hay học lực khá, hoặc ở chỗ giàu nghèo, sang hèn, mà giá trị con người gốc là ở nơi hành xử có đạo đức. Vì đạo đức là nếp sống cao đẹp của con người. Người ở địa vị cao, hay giàu có sang trọng, mà ăn nói sổ sàng, hành động thô tháo, không có một chút cung cách đạo đức làm người, thì người đó hẳn không được ai kính trọng nể phục. Có chăng, chỉ có những kẻ dựa hơi bề ngoài để dễ bề kiếm chác chút ít quyền lợi. Hạng người này, vì sự sống, nên họ thiếu cung cách nhân phẩm, không có chất liệu đạo đức của một con người, nên người ta xếp họ vào loại người chỉ biết cong lưng uốn gối ton hót nịnh bợ. Đây là hạng người được đánh giá thấp nhứt của xã hội loài người. Nếu không muốn nói, quả thật họ là hạng người thật đáng khinh bỉ.

Pháp cú 316, Phật nói rõ có những điều không đáng hổ thẹn, mà người ta lại hổ thẹn. Ngược lại, có những điều đáng hổ thẹn, thì người ta lại cố tình che giấu. Người lầm lỗi mà không biết hổ thẹn ăn năn sửa đổi, thì Phật cho đó là hạng người tà kiến. Tà kiến là họ cố chấp thiên lệch một bên, không phù hợp với lẽ thật. Đời là vô thường, mà họ cho là thường còn, đó là tà kiến. Họ làm sai trái, người khác chỉ lỗi để họ sửa đổi, nhưng họ vẫn cố chấp, bảo thủ cho là đúng, đó là tà kiến. Phật nói hạng người ôm lòng tà kiến, thì khó tránh khỏi sa đọa vào địa ngục. Bởi do tà kiến, nhận định thiên lệch chấp nê một chiều, rồi từ đó, họ tạo nghiệp bất thiện, nên phải thọ khổ. Ngược lại, người có chánh kiến, nhận định đúng theo chân lý, họ tạo nghiệp lành, nên họ được hạnh phúc an vui.

Pháp cú 317, Phật nói: "không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không". Thế nào là việc không đáng sợ lại sợ? Sợ là một trong những nỗi lo âu lớn nhứt của con người. Khi mở mắt chào đời, thì con người đã có sự sợ hãi rồi. Lớn lên người ta lại thêm lo sợ đủ thứ. Sợ nghèo, sợ bệnh, sợ khổ v.v...nhưng điều sợ cuối cùng là người ta sợ chết. Vẫn biết chết không ai tránh khỏi, nhưng nói đến chết là người ta lo sợ. Nếu như lo sợ mà tránh khỏi, thì cũng nên lo sợ. Bệnh và chết có ai tránh khỏi đâu. Thế thì tại sao chúng ta phải lo sợ? Đó là Phật nói cái không đáng sợ lại sợ. Sợ hãi là con đẻ của tâm vọng tưởng điên

đảo bất an. Ở đời có trăm thứ ngổn ngang lo sợ. Học sinh chưa vào phòng thi là đã lo sợ hồi hợp bị đánh rớt rồi. Đó là vì họ thiếu tự tin.

Phật nói việc đáng sợ lại không là sao? Việc đáng sợ là đọa lạc vào con đường sanh tử khổ đau. Bởi do tạo nghiệp ác mà phải chịu nổi trôi lang thang mãi trong vòng sanh tử luân hồi. Đó là nổi khổ truyền kiếp của chúng sanh. Đó là điều mà ta cần phải quan tâm lo sợ. Muốn hết nổi ưu tư lo sợ này, Phật chỉ cho chúng ta con đường hành thiện. Có diệt trừ nguyên nhân gây ra đau khổ, thì chúng ta mới mong chấm dứt vòng luân hồi khổ đau bất tận. Nguyên nhân đó là gì? Là những thứ vô minh phiền não. Chính những thứ này, là nguyên động lực thúc đẩy

chúng ta tạo nhiều nghiệp bất thiện để rồi phải chiêu cảm thọ báo ác thú khổ đau. Thế nên, muốn không sợ chết, thì ta nên cố gắng làm nhiều việc lành: bố thí, cúng dường, ăn chay, niệm Phật, tham thiền, quán tưởng v.v... Nói chung, là chúng ta làm những điều gì có lợi cho mình cho người và vật trong hiện tại và mai sau. Đó là chúng ta khéo biết chuẩn bị cho ngày ra đi của mình có một hướng đi rõ rệt. Một hướng đi chỉ có hoa và trái hạnh phúc mà thôi.

318. Không lỗi tưởng là lỗi, có lỗi lại tưởng không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Kệ tụng

Không lỗi, lại thấy lỗi
Có lỗi, lại thấy không
Do chấp nhận tà kiến
Chúng sanh đi ác thú.

319. Lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết rằng không lỗi, giữ tâm chánh kiến ấy, đường lành thấy chẳng xa.

Kệ tụng

Có lỗi, biết có lỗi
Không lỗi, biết là không
Do chấp nhận chánh kiến
Chúng sanh đi cõi lành.

Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một số cư sĩ ngoại đạo. “Có một đám trẻ chơi chung với nhau, con nhà ngoại đạo và con các Phật tử. Khi các trẻ em ngoại đạo về nhà, cha mẹ chúng cấm không cho chào hỏi các Sa môn đệ tử Phật và không được vào tinh xá. Họ bắt chúng phải giữ lời thề. Và sang ngày khác, khi bọn trẻ chơi đùa gần tinh xá Kỳ Viên, chúng bị khát nước. Các trẻ con ngoại đạo phải nhờ một bạn Phật tử vào tinh xá xin nước uống. Em này vào tinh xá, gặp đức Thế Tôn, và kể lại câu chuyện cho Ngài nghe. Phật dạy: - Uống nước xong, các con ra kêu các bạn vào đây uống. Tất cả bọn vào gặp Phật. Ngài kể cho các em nghe một câu chuyện dễ hiểu, giảng

pháp, khiến các em có niềm tin vững mạnh rồi khiến các em quy y và giữ giới. Các trẻ em ngoại đạo về nhà, kể chuyện lại cho ba má. Họ giận dữ, khóc lóc rên rỉ: - Con chúng ta đã theo thầy tà. Khi ấy, một người láng giềng có trí tuệ ở gần đó, sang an ủi họ, giảng giải cho họ nghe. Chừng đó, họ nhận thấy Phật pháp lợi ích bèn quyết định: - Chúng ta chỉ cho các con đi theo sự hướng dẫn của Ngài Cồ Đàm. Với bà con dòng họ đông đảo, họ đưa nhau đến tinh xá lễ Phật, nghe pháp. Phật quan sát tâm tư của họ và nói hai pháp cú trên". (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 183)

Pháp cú 318, Phật nói có lỗi hoặc không lỗi, do tâm tưởng điên đảo khởi vọng chấp tà kiến, đó là hậu quả dẫn tới con đường khổ đau. Xã hội loài người sở dĩ khổ đau triền miên cũng

chính vì do nhận định bảo thủ lộn ngược đầu này. Trắng họ cho là đen, đen họ cho là trắng, phải họ cho là quấy, quấy họ cho là phải, giả họ cho là thật, thật họ cho là giả vân vân và vân vân. Bởi do nhìn lộn ngược (điên đảo) như thế, nên mới có những thiên kiến cố chấp. Ai cũng thấy mình đúng, người khác sai, từ đó gây nên bao cảnh chiến tranh thù hận chém giết lẫn nhau. Tình thương yêu đồng loại không còn, bởi do vọng tưởng tri giác sai lầm này. Từ cá nhân, gia đình, đoàn thể, xã hội đều tạo nên mâu thuẫn chống đối nhau, tất cả đều do vọng tưởng tà kiến mà ra.

Pháp cú 319, Phật dạy rằng: "lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết rằng không lỗi, giữ tâm chánh kiến ấy, đường lành thấy chẳng xa". Chỉ cần chúng ta thay đổi cách nhìn đúng theo lẽ thật, thì mọi khổ đau sẽ chấm dứt. Có lỗi biết có lỗi, không lỗi biết rõ là không lỗi, đó là chánh kiến thấy đúng sự thật. Khi đã thấy đúng sự thật ở nơi các pháp, thì mọi vọng chấp tri giác sai lầm sẽ không còn. Vọng chấp không còn, thì ngay đó là giải thoát, là chấm dứt khổ đau. Chỉ có đường chánh kiến mới dẫn hành giả đúng theo lộ trình tiến đến Phật quả mà thôi.

Chuyện dẫn chứng trên, cho ta thấy, trẻ em rất hồn nhiên ngây thơ thật là dễ thương. Chúng đùa giỡn vui vẻ với nhau rất thân tình. Chúng nào có để tâm phân biệt: "đây là Phật tử, kia là ngoại đạo đâu". Trước mặt chúng chỉ là những đứa bạn thân thiết vui chơi với nhau mà thôi. Ngoài ra, chúng không có tâm niệm phân chia kia, đây gì cả. Vậy ai là người phân cách tình bạn của chúng nó? Ai là người mang đầu óc bệnh hoạn kỳ thị phân chia ranh giới: đây là ngoại đạo, kia là Phật tử? Ai là người bắt chúng nó phải thề thốt không được chào hỏi các vị Sa môn và vào tinh xá?

Ai đó? Phải chăng tất cả đều do người lớn phân chia ngăn cách. Những con người bởi do huân tập những tri giác sai lầm, mang nặng những căn bệnh cận thị, cuồng tín, tà kiến, cố chấp, kỳ thị, nhìn sự vật theo lăng kính chủ quan của mình, nên mới thốt ra những lời cấm đoán đó. Làm cho tình thân trở nên thù hận. Chính con người gây ra làm mất đi giá trị cao đẹp tình người. Đôi lúc chúng ta mang danh là người lớn, nhưng nhìn lại, thực chất tâm hồn của chúng ta thật quá nhỏ bé thấp hèn! Vẫn còn mang nặng những bệnh trạng: ích kỷ, hẹp hòi, kỳ thị, ác ý, thù hận, ganh ghét, chia rẽ, khủng bố, tàn sát, và luôn luôn hiềm thù chống đối gây khổ đau cho nhau.

Chúng ta chưa thật sự mở rộng cõi lòng và chưa thật sự học được bài học tình người: "trong dòng máu cùng đỏ và trong nước mắt cùng mặn". Ngày nào nhơn loại còn mang nặng những thiên chấp dị biệt, còn nô lệ cho vọng kiến phân chia nhân, ngã, bỉ, thữ, còn ngập chìm trong vòng vọng chấp nhị nguyên đối đãi, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn tranh chấp thù hận gây nên tang tóc khổ đau cho nhau dài dài. Do vọng kiến, nên chúng ta nhìn sự vật méo mó, theo lăng kính "tỷ lượng" và "phi lượng". Chúng ta chưa thực sự sống với "hiện lượng". Chúng ta vẫn còn thích mang những cặp kính màu để nhìn sự vật. Quả chúng ta chỉ biết đùa vui theo sóng mà quên nguồn suối trong.

Nói rõ hơn, là chúng ta chỉ thấy hoa đốm lăng xăng mà quên mất bầu trời trong tạnh. Bầu trời trong lúc nào cũng hiện hữu với chúng ta. Nói cách khác, là chúng ta vốn sẳn có tánh giác sáng suốt thanh tịnh, nhưng khổ thay! vì vọng tưởng điên đảo, như người bị bệnh nhặm mắt, nên chúng ta vẫn còn bị mê lầm không nhận ra được tánh giác. Do đó, mà chúng ta mãi sống trong vòng vọng chấp mê lầm. Đó là đời sống phóng thể quên mất cội nguồn tâm linh. Đạo đức nhân bản ngày càng bị mất gốc, gây nên tình trạng khủng hoảng tinh thần trầm trọng. Và đó cũng chính là hệ quả của những cuộc tranh chấp, gây hấn trả thù sát phạt nhau: "giữa quốc gia này với quốc gia nọ, giữa dân tộc này, với dân tộc khác, giữa tôn giáo này với tôn giáo kia, giữa chủ nghĩa này với chủ nghĩa nọ v.v..." Thật chưa biết ngày nào nhơn loại mới thật

sự tháo gỡ những cặp kính màu vọng kiến, để thật sự nhìn nhau và thương yêu nhau trong tình đồng loại:

Bây giờ rõ mặt đôi ta Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.

Đó là hai câu thơ bất hủ trong Truyện Kiều mà cụ Tiên Điền Nguyễn Du nhằm nhắn gởi kêu gọi thức nhắc chúng ta.

Ca dao Việt Nam cũng có câu:

Bầu ơi! Thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Nhìn trên mặt hiện tượng, thì ta thấy có muôn vàn sai biệt, nhưng nhìn sâu vào mặt bản thể, thì nào có khác chi đâu. Vì vạn vật đồng nhứt thể kia mà! Có khác chăng chỉ là những giả tướng, giả danh, do con người vọng tưởng giả lập mà thôi. Đó là do thức biến: "Chấp thủ tướng và kế danh tự tướng". Hơn lúc nào hết, con người hiện đang sống ở thế kỹ thứ 21, "phải là thế kỹ của tình người, của văn minh tân tiến về mặt đạo đức, phát huy phẩm chất làm người cao thượng trong chiều hướng thánh thiện, làm đẹp con người và cuộc đời". Có thế, thì nhơn loại mới thực sự sống còn và không hổ thẹn với đất trời muôn thuở.

Điều đáng cho những người lớn cần lưu tâm học hỏi ở trẻ thơ, đó là đức tánh hồn nhiên và trong sáng. Dù bị ba má chúng cấm đoán nghiêm khắc, nhưng chúng vẫn tìm cách vào tinh xá và gặp được Phật nghe Phật thuyết giảng. Khi hay tin, ba má chúng tỏ ra phản kháng dữ dội, nhưng sau đó lại hồi tâm chuyển ý theo Phật, do một Phật tử tại gia dùng trí tuệ chuyển hóa họ. Thế mới biết, chỉ có trí tuệ mới đích thực là ngọn hải đăng soi sáng đưa người ta đến chỗ giác ngộ giải thoát hoàn toàn mà thôi.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.